

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thái Văn Thơ

**QUÁ TRÌNH ĐẤU TRANH GIỮ GÌN VÀ XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG
CÁCH MẠNG, TIẾN TỚI ĐỒNG KHỞI Ở NAM BỘ (1954 - 1960)**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh - 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THÁI VĂN THƠ

QUÁ TRÌNH ĐẤU TRANH GIỮ GÌN VÀ XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG
CÁCH MẠNG, TIẾN TỚI ĐỒNG KHỞI Ở NAM BỘ (1954 - 1960)

CHUYÊN NGÀNH: LỊCH SỬ VIỆT NAM

MÃ SỐ: 62 22 03 13

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ VIỆT NAM

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. HỒ SƠN ĐÀI

Thành phố Hồ Chí Minh - 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu độc lập. Các số liệu trong luận án là trung thực và những kết luận khoa học của luận án chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận án

Thái Văn Thơ

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu để hoàn thành luận án, ngoài sự nỗ lực, cố gắng của bản thân, tôi đã nhận được sự động viên và giúp đỡ quý báu từ nhiều đơn vị và cá nhân.

Tôi xin chân thành cảm ơn Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi học tập và thực hiện tốt luận án; quý thầy, cô giảng viên dạy lớp Nghiên cứu sinh Lịch sử Việt Nam khóa: 2015 - 2019 tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đã cung cấp cho tôi nhiều kiến thức trong toàn khóa học.

Tôi xin chân thành gửi lời cảm ơn đến các cơ sở lưu trữ tài liệu như Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam; Viện Lịch sử Đảng; các Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, III; phòng Khoa học Quân sự Quân khu 7; phòng Khoa học Quân sự Quân khu 9 và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy của một số tỉnh ở Nam Bộ đã tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp nhiều tư liệu cho luận án.

Đặc biệt, tôi xin chân thành cảm ơn PGS.TS. Hồ Sơn Đài, người thầy đã hướng dẫn, động viên tôi một cách tận tình trong quá trình thực hiện luận án.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn đến gia đình, người thân, bạn bè, tất cả các anh chị, em nghiên cứu sinh chuyên ngành Lịch sử Việt Nam khóa 2015 - 2019 và ở cơ quan công tác đã động viên, giúp đỡ tôi trong học tập cũng như trong quá trình hoàn thành luận án.

Trân trọng cảm ơn!

Thành phố Hồ Chí Minh năm 2020

Tác giả luận án

Thái Văn Thơ

DANH MỤC NHỮNG TỪ VIẾT TẮT

| | |
|---|------------------|
| Chính quyền Sài Gòn | CQSG |
| Đấu tranh chính trị | ĐTCT |
| Đấu tranh vũ trang | ĐTVT |
| Lực lượng cách mạng | LLCM |
| Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam | MTDTGPMNVN |
| Quân đội Sài Gòn | QĐSG |
| Việt Nam Dân chủ Cộng hòa | VNDCCH |
| Việt Nam Cộng hòa | VNCH |
| Xứ ủy Nam Bộ | XUNB |
| Nhà xuất bản | NXB |
| Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II Thành phố Hồ Chí Minh | TTLTQG II TP.HCM |

MỤC LỤC

| Trang phụ bìa | Trang |
|--|--------------|
| Lời cam đoan | i |
| Lời cảm ơn | ii |
| Danh mục những chữ viết tắt | iii |
| MỞ ĐẦU | 1 |
| 1. Lý do chọn đề tài | 1 |
| 2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu | 2 |
| 2.1. Mục đích nghiên cứu | 2 |
| 2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu | 2 |
| 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu | 3 |
| 3.1. Đối tượng nghiên cứu | 3 |
| 3.2. Phạm vi nghiên cứu | 3 |
| 4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu | 4 |
| 4.1. Cơ sở lý luận | 4 |
| 4.2. Phương pháp nghiên cứu | 4 |
| 5. Nguồn tài liệu | 4 |
| 6. Những đóng góp của luận án | 5 |
| 7. Bố cục của luận án | 6 |
| Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI | 7 |
| 1.1. Một số khái niệm sử dụng trong luận án | 7 |
| 1.1.1. Lực lượng cách mạng | 7 |
| 1.1.2. Đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng | 7 |
| 1.1.3. Đồng Khởi | 8 |
| 1.2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề | 9 |
| 1.2.1. Nhóm công trình khoa học chung về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam | 9 |
| 1.2.2. Nhóm công trình khoa học về cuộc kháng chiến chống Mỹ ở các địa phương Nam Bộ | 18 |
| 1.2.3. Nhóm công trình khoa học đề cập trực tiếp đến hoạt động | |

| | |
|---|------------|
| đấu tranh giữ gìn, xây dựng lực lượng cách mạng và Đồng Khởi tại Nam Bộ | 23 |
| 1.3. Nội dung kế thừa và những vấn đề đặt ra cho luận án | 28 |
| 1.3.1. Nhận xét chung về tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án..... | 28 |
| 1.3.2. Các nội dung luận án kế thừa..... | 29 |
| 1.3.3. Những vấn đề luận án cần giải quyết..... | 29 |
| Chương 2. NHÂN DÂN NAM BỘ ĐẤU TRANH GIỮ GÌN VÀ XÂY DỰNG | |
| LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG TRONG NHỮNG NĂM 1954 - 1959..... | 30 |
| 2.1. Âm mưu, hành động của Mỹ - Diệm và tình hình lực lượng cách mạng | |
| ở Nam Bộ sau Hiệp định Genève | 30 |
| 2.1.1. Bối cảnh lịch sử và âm mưu, hành động của Mỹ - Diệm | 30 |
| 2.1.2. Tình hình lực lượng cách mạng ở Nam Bộ | 37 |
| 2.2. Nhân dân Nam Bộ đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Genève 1954 và giữ gìn | |
| lực lượng cách mạng trong những năm 1954 - 1956..... | 45 |
| 2.2.1. Đấu tranh đòi chính quyền Sài Gòn thi hành Hiệp định Genève..... | 45 |
| 2.2.2. Đấu tranh chống chính quyền Sài Gòn khủng bố và giữ gìn lực lượng | |
| cách mạng | 52 |
| 2.3. Quân và dân Nam Bộ đấu tranh giữ gìn lực lượng cách mạng trong những | |
| năm 1957 - 1959..... | 61 |
| 2.3.1. Đấu tranh chống khủng bố, đàn áp, đẩy mạnh công tác binh vận và | |
| xây dựng thể trận lòng dân..... | 61 |
| 2.3.2. Tái lập các căn cứ địa và lực lượng vũ trang cách mạng..... | 73 |
| 2.3.3. Phối hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và binh vận | |
| để xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng | 86 |
| 2.4. Những hình thức và phương cách đấu tranh độc đáo, sáng tạo của quân và | |
| dân Nam Bộ trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng | |
| cách mạng những năm 1954 - 1959 | 95 |
| Tiểu kết chương 2 | 100 |
| Chương 3. PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG TIẾN TỚI | |
| ĐỒNG KHỞI Ở NAM BỘ (1959 - 1960) | 102 |
| 3.1. Bối cảnh lịch sử và chủ trương của Đảng Lao động Việt Nam..... | 102 |
| 3.1.1. Tình thế cách mạng ở Nam Bộ năm 1959 | 102 |

| | |
|---|------------|
| 3.1.2. Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng và chủ trương của Xứ ủy Nam Bộ.... | 109 |
| 3.2. Phát triển lực lượng cách mạng chuẩn bị Đồng Khởi | 111 |
| 3.2.1. Củng cố, xây dựng các tổ chức Đảng và đoàn thể cách mạng | 111 |
| 3.2.2. Phát triển lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, đẩy mạnh công tác binh vận..... | 114 |
| 3.3. Phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ..... | 128 |
| 3.3.1. Đồng Khởi ở Bến Tre và các tỉnh miền Trung, Tây Nam Bộ | 128 |
| 3.3.2. Chiến thắng Tua Hai và phong trào Đồng Khởi ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ | 135 |
| 3.3.3. Tác động và ảnh hưởng của phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ đến các địa phương miền Nam Việt Nam..... | 140 |
| 3.4. Những hình thức và phương cách đấu tranh độc đáo, sáng tạo trong phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ..... | 143 |
| Tiểu kết chương 3 | 148 |
| Chương 4. MỘT SỐ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ QUÁ TRÌNH ĐẤU TRANH GIỮ GÌN VÀ XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG, TIẾN TỚI ĐỒNG KHỞI Ở NAM BỘ (1954 - 1960) | 150 |
| 4.1. Đặc điểm | 150 |
| 4.1.1. Nam Bộ là nơi quân đội và chính quyền Sài Gòn đánh phá khốc liệt nhất, lực lượng cách mạng bị tổn thất nặng nề nhất | 150 |
| 4.1.2. Nam Bộ là nơi tiếp xúc sớm chủ trương đấu tranh giữ gìn, xây dựng lực lượng cách mạng và đấu tranh vũ trang của Đảng Lao động Việt Nam..... | 153 |
| 4.1.3. Thành phần tham gia đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng đa dạng, gồm có nông dân, công nhân, trí thức, học sinh, sinh viên và cả binh lính các đảng phái, giáo phái..... | 154 |
| 4.1.4. Hình thức đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng phong phú từ đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang, binh vận đến các cuộc đấu tranh của lực lượng báo chí công khai ở Sài Gòn..... | 156 |
| 4.1.5. Đỉnh cao của quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng là phong trào Đồng Khởi, góp phần tạo ra bước chuyển lớn trên chiến trường miền Nam Việt Nam | 159 |

| | |
|--|------------|
| 4.2. Vai trò | 164 |
| 4.2.1. Góp phần vạch trần bản chất, âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn, đồng thời hạn chế tổn thất lực lượng cách mạng khi chính quyền Sài Gòn không thi hành Hiệp định Genève 1954..... | 164 |
| 4.2.2. Tập hợp đông đảo các lực lượng gồm nông dân, công nhân, trí thức, binh lính các giáo phái... vào một mặt trận chung chống Mỹ - Diệm | 166 |
| 4.2.3. Tạo ra được một hệ thống căn cứ địa làm nơi đứng chân để bảo vệ, phát triển lực lượng và là hậu phương cách mạng tại chỗ cho chiến tranh cách mạng ở Nam Bộ..... | 168 |
| 4.2.4. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, tạo điều kiện để phát triển lực lượng vũ trang 3 thứ quân, góp phần đưa cách mạng miền Nam chuyển từ khởi nghĩa sang chiến tranh cách mạng | 170 |
| 4.2.5. Đồng Khởi ở Nam Bộ góp phần tạo nên cao trào đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và binh vận kết hợp trên toàn miền Nam Việt Nam | 171 |
| 4.3. Hạn chế của quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ (1954 - 1960) | 173 |
| 4.3.1. Sau Hiệp định Genève 1954, một số địa phương Nam Bộ chưa nhận thức đầy đủ, kịp thời bản chất, âm mưu thủ đoạn của Mỹ và chính quyền Sài Gòn | 173 |
| 4.3.2. Trong những năm 1954 - 1956, chú trọng đấu tranh chính trị mà thiếu chủ động xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa cách mạng..... | 173 |
| 4.3.3. Từ cuối năm 1956 trở về sau, Xứ ủy Nam Bộ chậm tham mưu, thiếu chủ động đề ra những nội dung đấu tranh cho phù hợp, còn bị động chờ đợi chủ trương của cấp trên..... | 175 |
| 4.3.4. Trong những năm 1957 - 1959, lúc chuyển lên kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang tự vệ chưa thực hiện đồng loạt trong toàn vùng | 178 |
| 4.3.5. Khi phát động Đồng Khởi chỉ tập trung chủ yếu ở địa bàn nông thôn mà chưa chú trọng địa bàn đô thị nhằm tạo ra sức mạnh cộng hưởng trên toàn Nam Bộ | 179 |
| 4.4. Một số bài học kinh nghiệm | 181 |
| 4.4.1. Luôn đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, nhận thức chính xác bản chất, âm mưu của kẻ thù và đề ra đường lối đấu tranh kịp thời, phù hợp với thực tiễn..... | 182 |

| | |
|--|-----|
| 4.4.2. Phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi lực lượng cách mạng, trong đó chú trọng vai trò của “đội quân tóc dài” | 184 |
| 4.4.3. Chủ động, linh hoạt, sáng tạo sử dụng kết hợp nhiều biện pháp đấu tranh để giữ gìn, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng..... | 185 |
| 4.4.4. Kết hợp xây dựng lực lượng vũ trang với xây dựng các căn cứ địa và xây dựng thế trận lòng dân..... | 186 |
| 4.4.5. Luôn giữ vững tinh thần tiến công cách mạng, không ngừng phát triển thế tiến công..... | 189 |
| Tiểu kết chương 4 | 190 |
| KẾT LUẬN | 192 |
| DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN | |
| ĐỀ TÀI LUẬN ÁN | 197 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 199 |
| PHỤ LỤC | 217 |

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam diễn ra trong hơn hai thập kỷ (1954 - 1975), trải qua nhiều giai đoạn và mỗi giai đoạn lại có những đặc điểm riêng. Đặc biệt trong giai đoạn đầu kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược và chính quyền Sài Gòn (CQSG) những năm 1954 - 1960 chứa đựng nhiều nội dung lịch sử phong phú, trong đó nổi bật lên quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng (LLCM), tiến tới Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ. Từ sau Hiệp định Genève 1954, với dã tâm xâm lược và muốn chia cắt vĩnh viễn Việt Nam, chính quyền Mỹ nhanh chóng xây dựng và hỗ trợ mọi mặt cho sự định hình của CQSG ở miền Nam Việt Nam. Sau khi thiết lập được “quốc gia” ở Nam Việt Nam, CQSG tiến hành đàn áp, khủng bố, đánh phá khốc liệt các phong trào đấu tranh và LLCM ở miền Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng, khiến cho LLCM ở Nam Bộ bị tổn thất nặng nề. Vì vậy, dẫn đến yêu cầu tất yếu là quân và dân Nam Bộ để tồn tại, phát triển phải đẩy mạnh quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM ở địa phương. Trong khoảng thời gian này, quân và dân Nam Bộ buộc phải đẩy mạnh quá trình đấu tranh để giữ gìn và xây dựng LLCM trước các hoạt động xâm lược ngày càng tăng cường của chính quyền Mỹ cũng như phải ứng phó với các hoạt động đàn áp, khủng bố khốc liệt đến từ CQSG.

Quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM ở Nam Bộ những năm 1954 - 1960 diễn ra quyết liệt, sôi nổi, rầm rộ với nhiều phương cách đấu tranh phong phú, sáng tạo của quân và dân Nam Bộ và cuối cùng dẫn đến cao trào Đồng Khởi những năm 1959 - 1960 trên toàn vùng. Đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Nam Bộ nhưng chưa có công trình nghiên cứu nào trình bày và phân tích sâu sắc về quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ những năm 1954 - 1960.

Mặt khác, nghiên cứu về quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ (1954 - 1960) còn có ý nghĩa khoa học và thực tiễn:

Về ý nghĩa khoa học, nghiên cứu quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ nhằm tái hiện một giai đoạn lịch sử đấu tranh cách mạng mạnh mẽ, cam go, quyết liệt với nhiều phương thức đấu tranh sáng tạo, độc đáo của quân và dân Nam Bộ chống đế quốc Mỹ xâm lược và CQSG những năm 1954 - 1960. Đồng thời, phân tích, chỉ rõ những đặc điểm, vai trò cũng như những hạn chế trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1960.

Về ý nghĩa thực tiễn, góp phần phục dựng một giai đoạn lịch sử đấu tranh cách mạng sôi động, hào hùng của quân và dân Nam Bộ để giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi (1954 - 1960) và phân tích một số bài học kinh nghiệm trong giai đoạn đấu tranh này có thể vận dụng sáng tạo vào quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay. Bên cạnh đó, thông qua việc nghiên cứu chuyên sâu về quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1960 bổ sung thêm một tư liệu khoa học thuộc chuyên ngành rất hữu ích cho công tác học tập, nghiên cứu về lịch sử đấu tranh cách mạng của quân và dân Nam Bộ những năm 1954 - 1960.

Vì những lí do đó chúng tôi chọn đề tài: *“Quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ (1954 - 1960)”* để làm đề tài luận án tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Phục dựng quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược và CQSG ở địa phương giai đoạn 1954 - 1960. Phân tích, chỉ rõ những đặc điểm, vai trò và hạn chế trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ (1954 - 1960). Đồng thời, phân tích những bài học kinh nghiệm trong quá trình đấu tranh này có thể vận dụng sáng tạo vào trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Trình bày quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ những năm 1954 - 1960.

- Phân tích và đánh giá những phương cách đấu tranh của quân và dân Nam Bộ trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi giai đoạn 1954 - 1960.

- Lý giải vì sao phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ nổ ra mạnh mẽ và giành được những thắng lợi vang dội so với những địa phương khác ở miền Nam và được xem là quê hương của phong trào Đồng Khởi trên toàn miền Nam Việt Nam.

- Phân tích những đặc điểm, vai trò, hạn chế cùng những bài học kinh nghiệm của quân và dân Nam Bộ trong thực tiễn đấu tranh cách mạng trên địa bàn những năm 1954 - 1960.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ (1954 - 1960); cụ thể là các vấn đề:

- Bối cảnh lịch sử, nguyên nhân dẫn đến quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1960.

- Những hoạt động và kết quả của quá trình đấu tranh giữ gìn, xây dựng và phát triển LLCM của quân và dân Nam Bộ những năm 1954 - 1960.

- Những ảnh hưởng và tác động của phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ những năm 1959 - 1960 đến toàn miền Nam Việt Nam.

- Những bài học kinh nghiệm của quân và dân Nam Bộ trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi trên địa bàn những năm 1954 - 1960.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về thời gian là quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ từ tháng 7 năm 1954 đến cuối năm 1960.

- Về không gian là địa bàn Nam Bộ trong địa giới hành chính lúc bấy giờ bao gồm các tỉnh Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Gia Định, Chợ Lớn, Tây Ninh, Tân An, Kiến Tường, Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre, Kiến Phong, Long Xuyên, Châu Đốc, Long Châu Hà, Bạc Liêu, Cà Mau, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Rạch Giá và nay là các tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Thành phố Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang thuộc Nam Bộ.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; những quan điểm, chủ trương và đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về chiến tranh cách mạng và chiến tranh nhân dân.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi sử dụng *phương pháp lịch sử và phương pháp logic* là chủ yếu:

- Phương pháp lịch sử: phục dựng cơ bản, sinh động quá trình đấu tranh để giữ gìn, xây dựng và phát triển LLCM, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1960 dựa trên những tư liệu lịch sử đã công bố.

- Phương pháp logic: tiến hành phân tích, đánh giá về những yêu cầu, nhiệm vụ cấp thiết của cách mạng ở Nam Bộ trước những đòi hỏi cấp bách lúc bấy giờ; phân tích những phương cách đấu tranh sáng tạo và độc đáo của quân và dân Nam Bộ; những kết quả trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi những năm 1954 - 1960. Đồng thời, còn rút ra những đặc điểm, vai trò,

hạn chế và những bài học kinh nghiệm đấu tranh của quân và dân Nam Bộ trong thực tiễn đấu tranh cách mạng giai đoạn 1954 - 1960.

- Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu khác như phương pháp phân tích, đánh giá tư liệu... nhằm thực hiện luận án có chiều sâu và khái quát được vấn đề nghiên cứu.

5. Nguồn tài liệu

Luận án sử dụng các nguồn tài liệu chính sau:

- *Nguồn tài liệu đã xuất bản*: bao gồm các văn kiện của Đảng, Nhà nước, tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam; hồi kí của những chính khách từng lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trong những năm đầu ở Nam Bộ; các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã xuất bản và các bài viết đăng trên báo, tạp chí... liên quan đến chiến tranh Việt Nam nói chung, về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ở các tỉnh Nam Bộ nói riêng. Những tài liệu đã xuất bản giúp chúng tôi nghiên cứu, bổ sung đầy đủ và sâu sắc hơn những vấn đề đặt ra trong luận án.

- *Nguồn tài liệu lưu trữ*: gồm các báo cáo, tổng kết, nghị quyết, công văn, chỉ thị... của các cấp ủy Đảng, chính quyền, tổ chức cách mạng đang được lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ các tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Bộ Chỉ huy Quân sự, Bảo tàng của các tỉnh ở Nam Bộ; Thư viện của các trường đại học, các viện ở khu vực Nam Bộ, phòng Thông tin tư liệu của Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam và Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng Khoa học Quân sự Quân khu 7, phòng Khoa học Quân sự Quân khu 9 và nguồn tài liệu của các cơ quan Mỹ và CQSG lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM bao gồm các báo cáo, tờ trình của tỉnh trưởng các tỉnh thuộc Nam phần; tờ trình, công điện, công văn của Phủ Thủ tướng, Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa (1954 - 1963), Phủ Tổng ủy Dinh điền, Tòa Đại biểu Chính phủ tại Nam phần... Những tài liệu lưu trữ này được chúng tôi tham khảo, đối chiếu và sử dụng để triển khai, thực hiện luận án khách quan và có chiều sâu.

6. Những đóng góp của luận án

- Luận án trình bày và phân tích bối cảnh lịch sử, nguyên nhân dẫn đến yêu cầu phải tiến hành quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1960. Phục dựng cơ bản, sinh động quá trình đấu tranh của quân và dân Nam Bộ để giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi những năm 1954 - 1960 trên địa bàn.

- Luận án phân tích, chỉ rõ những hoạt động đấu tranh phong phú, đa dạng, những phương cách đấu tranh sáng tạo và độc đáo được quân và dân Nam Bộ vận dụng trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi ở địa phương những năm 1954 - 1960.

- Luận án góp phần lý giải vì sao phong trào Đồng Khởi nổ ra mạnh mẽ ở Nam Bộ, giành được thắng lợi vang dội hơn so với những địa phương khác ở miền Nam và được xem là quê hương của phong trào Đồng Khởi trên toàn miền Nam Việt Nam.

- Luận án nêu bật và phân tích, chỉ rõ những đặc điểm, vai trò, hạn chế cùng những bài học kinh nghiệm trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1960.

- Luận án cung cấp, giới thiệu một số lượng lớn tài liệu dùng để tham khảo, nghiên cứu hoặc giảng dạy lịch sử địa phương Nam Bộ. Đồng thời cũng bổ sung thêm một tài liệu khoa học phục vụ cho công tác học tập và nghiên cứu lịch sử có liên quan đến quá trình đấu tranh cách mạng ở Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1960.

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung luận án gồm có 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài

Chương 2: Nhân dân Nam Bộ đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng trong những năm 1954 - 1959

Chương 3: Phát triển lực lượng cách mạng tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ (1959 - 1960)

Chương 4: Một số nhận xét, đánh giá về quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ (1954 - 1960)

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

1.1. Một số khái niệm sử dụng trong luận án

1.1.1. Lực lượng cách mạng

LLCM ở Nam Bộ trong giai đoạn đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1960) bao gồm các lực lượng chính trị của quần chúng với các lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng. Trong lực lượng chính trị có sự tồn tại và phát triển của các tổ chức đoàn thể quần chúng nhân dân như thanh niên, các nông hội, hội phụ lão, phụ nữ, nhi đồng, các lực lượng của tôn giáo, các đảng phái... và các cơ sở, tổ chức cách mạng bí mật ở Nam Bộ được “cài lại” hoạt động sau Hiệp định Genève 1954. Lực lượng vũ trang cách mạng bao gồm quân chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích tồn tại và phát triển dưới nhiều hình thức phong phú và được hình thành ban đầu từ những *Đội chống trộm cướp, Đội dân canh chống cướp, các lực lượng vũ trang giáo phái ly khai, các đội vũ trang tuyên truyền...* về sau được Xứ ủy Nam Bộ (XUNB) củng cố, xây dựng, phát triển lên với quy mô lớn, tinh nhuệ nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn đấu tranh cách mạng.

1.1.2. Đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng

Khái niệm “đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng” được trình bày trong luận án này là một quá trình đấu tranh mạnh mẽ của quân và dân Nam Bộ để bảo tồn các LLCM vốn có trước đó được cách mạng “cài lại” hoạt động ở Nam Bộ kể từ khi Hiệp định Genève 1954 được ký kết (gồm các tổ chức, cơ sở Đảng, các hội, đoàn thể quần chúng cách mạng và kể cả đội ngũ cán bộ, đảng viên...) cũng như quá trình tái xây dựng LLCM ở Nam Bộ để phù hợp với tình hình đấu tranh cách mạng mới. Quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM diễn ra trong khoảng thời gian từ sau Hiệp định Genève 1954 cho đến khi nổ ra phong trào Đồng Khởi những năm 1959 - 1960 trên phạm vi toàn Nam Bộ. Nội hàm khái niệm này không chỉ đề cập đến quá trình đấu tranh của quân và dân Nam Bộ để giữ gìn, củng cố các tổ chức, cơ sở Đảng mà còn bao gồm cả quá trình tiến

hành xây dựng và phát triển LLCM ở địa phương.

1.1.3. Đồng Khởi

Đồng Khởi là quá trình quân và dân miền Nam nói chung và ở Nam Bộ nói riêng những năm 1959 - 1960 “đồng loạt nổi dậy, đồng loạt khởi nghĩa” đấu tranh giành chính quyền, đánh thẳng vào hệ thống kìm kẹp thống trị của CQSG ở cơ sở với quy mô lớn, liên tục, rộng khắp và đạt được những thắng lợi lớn, giành quyền làm chủ ở địa phương, khiến cho quân đội và chính quyền Việt Nam Cộng hòa (VNCH) ở cơ sở khập khiễng, tê liệt. Khái niệm “Đồng Khởi” chỉ thực sự xuất hiện sau cuộc Đồng Khởi của quân và dân tỉnh Bến Tre đầu năm 1960 và từ đó về sau trở thành thuật ngữ chung được sử dụng chính thức trong các văn kiện, chỉ đạo của Trung ương Đảng.

Phong trào Đồng Khởi những năm 1959 - 1960 là một quá trình đấu tranh cách mạng diễn ra liên tục, có quy mô rộng lớn, với khí thế đấu tranh mạnh mẽ. Đó là các cuộc nổi dậy từng phần chống lại sự đàn áp và thống trị của CQSG ở các địa phương của miền Nam và mức độ giành thắng lợi cũng khác nhau. “Đó là những cuộc khởi nghĩa từng phần ở nông thôn miền Nam trong điều kiện chống chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ. Nó đã nổ ra trong lúc lực lượng quân sự của đối phương (CQSG) còn khá mạnh, lực lượng vũ trang của cách mạng còn rất nhỏ bé và chính quyền bên trên của VNCH chưa bị đụng chạm. Trong điều kiện đó, muốn giành thắng lợi và duy trì thắng lợi những cuộc “Đồng Khởi” phải diễn ra trên một phạm vi rộng lớn gồm nhiều tỉnh. Đương nhiên, điều này không có nghĩa là những cuộc “Đồng Khởi” ấy nhất loạt nổ ra và giành thắng lợi trong một thời gian ngắn trên toàn miền Nam mà trái lại diễn ra nhiều đợt. Những cuộc “Đồng Khởi” - những cuộc khởi nghĩa từng phần cuối năm 1959 đầu năm 1960 tuy diễn ra trên một địa bàn khá rộng cả ở miền núi, cả ở đồng bằng nhưng đó vẫn là các đợt khởi nghĩa cục bộ lớn đầu tiên chứ không phải là đợt khởi nghĩa từng phần duy nhất” (Cao Văn Lượng, Phạm Quang Toàn và Quỳnh Cư, 1981, tr.6).

1.2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

1.2.1. Nhóm công trình khoa học chung về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam

1.2.1.1. Các công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài

Quyển sách *Việt Cộng, tổ chức và chiến thuật của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam* của Douglas Eugene Pike được Massachusetts Institute of Technology xuất bản đầu tiên năm 1966. Công trình đề cập đến quá trình hình thành, phát triển của LLCM ở miền Nam, sự ra đời và hoạt động của quân Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Sách *Hai nước Việt Nam: một bản phân tích chính trị và quân sự* của tác giả Bernard B. Fall được Westview Press ấn hành năm 1984. Công trình này có nội dung khá phong phú, tác giả trình bày, phân tích, đánh giá về cuộc cách mạng ở miền Bắc Việt Nam; chiến dịch Điện Biên Phủ; quá trình khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH); quá trình xây dựng và phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục ở miền Bắc; sự nổi dậy ở miền Nam Việt Nam; mô tả về Ngô Đình Diệm; về quá trình thành lập và phát triển của VNCH; phân tích, đánh giá về những khoản viện trợ kinh tế thương mại của Mỹ cho CQSG; về sự thành lập và phát triển của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (MTDTGPMNVN)...

Quyển *Chính phủ Mỹ và chiến tranh Việt Nam, phần 1: 1945 - 1961* được in bởi Văn phòng Chính phủ Mỹ tại Washington năm 1984. Nội dung sách trình bày quá trình chính quyền Mỹ dính líu vào chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất; về “vai trò mới của Mỹ ở Việt Nam” sau khi người Pháp đại bại trong trận Điện Biên Phủ và rút quân đi; về quá trình Mỹ “thành lập khối SEATO” ở Đông Nam Á; quá trình “xây dựng quốc gia” mới; về tình trạng “Diệm đối đầu với các giáo phái và Washington đồng ý tìm kiếm một chính phủ mới” ở Nam Việt Nam; quá trình “Diệm củng cố quyền lực của mình”. Tác phẩm cũng đề cập đến sự viện trợ của Mỹ cho “nước Việt Nam mới” ở miền Nam Việt Nam; quá trình hợp tác giữa Mỹ và “nước Việt Nam mới” tiến hành chiến tranh phản cách mạng ở miền Nam; phân tích sự sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm cũng như quá trình bắt đầu sự kiện

vịnh Bắc Bộ năm 1964.

Tác giả Daniel Ellsberg trong cuốn *Những bí mật của chiến tranh Việt Nam* được NXB Chính trị quốc gia xuất bản năm 1985 đã “tiết lộ” những bí mật về quá trình xâm lược Việt Nam của chính quyền Mỹ. Những âm mưu, thủ đoạn xâm lược phi nghĩa của các đời tổng thống Mỹ được tác giả công trình giải mật, vén bức màn bí mật về chiến tranh Việt Nam mà giới chức Lầu Năm Góc, Nhà Trắng “che giấu” trong nhiều năm.

Quyển *Việt Nam - một thiên lịch sử* của tác giả Stanley Karnow trong bản ấn hành năm 1997 của NXB Penguin Books khái quát và phân tích cơ bản về cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Những nội dung chính mà tác phẩm đề cập đến như những “di sản của Quốc gia Việt Nam”; “cuộc chiến tranh của người Pháp” ở Việt Nam; “những quan điểm của Mỹ”; “sự kết thúc chế độ của Diệm”; “các cam kết sâu sắc của Mỹ”; “sự hỗn loạn và những quyết định” trong chiến tranh Việt Nam; quá trình “đi đến chiến tranh của Johnson”; “sự leo thang” chiến tranh của Mỹ; “những tranh luận, ngoại giao, ngờ vực”; sự kiện “Tết Mậu Thân” ở chiến trường Nam Việt Nam và “cuộc chiến tranh của Nixon”... được tác giả nhìn nhận và phân tích khá sâu sắc.

Cuốn hồi ký *Nhìn lại quá khứ, tấn thảm kịch và những bài học kinh nghiệm về Việt Nam* của Robert Strange McNamara, nguyên Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ được NXB Random House ấn hành 1995. Trong tác phẩm này, McNamara thuật lại những sai lầm mà chính tác giả cũng như giới lãnh đạo của Mỹ mắc phải trong chiến tranh Việt Nam. Cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ tổng kết những bài học kinh nghiệm đau xót mà chính quyền Mỹ cần phải rút ra và tránh trong tương lai nếu không muốn dẫm lên vết xe đổ ở Việt Nam.

Trong cuốn *Giải phẫu một cuộc chiến tranh* được NXB Quân đội Nhân dân ấn hành lần thứ ba năm 2003, tác giả Gabriel Kolko khái quát về nguồn gốc của chiến tranh, sự can thiệp của chính quyền Mỹ vào Việt Nam và báo trước một thất bại thảm hại của chính quyền Washington. Dựa trên những tư liệu mới và sự khai thác

trong những năm quan sát ở Washington, Paris và những chuyến thăm Việt Nam, tác giả trình bày chi tiết, sâu sắc các đối tượng trong cuộc chiến tranh, đồng thời phân tích triển vọng của chiến lược chiến tranh hạn chế của Mỹ và lập luận những sự can thiệp của chính quyền Mỹ trong tương lai sẽ nhận được những kết quả tai hại giống như ở chiến tranh Việt Nam.

Quyển sách *Cuộc chiến tranh dài ngày nhất của nước Mỹ và Việt Nam (1950 - 1975)* của George C. Herring được NXB Công an Nhân dân ấn hành năm 2004. Nội dung sách trình bày cơ bản về cuộc chiến tranh Việt Nam trải qua năm đời tổng thống Mỹ mà cuối cùng không một ai thành công, đồng thời quyển sách cũng đề cập đến những sai lầm của chính quyền Mỹ trong chiến lược ngăn chặn toàn cầu.

Năm 2010, NXB Đại học Kentucky xuất bản cuốn sách *Việt Nam đã được giải mật: CIA và chống nổi dậy* của tác giả Thomas L. Ahern Jr. *Việt Nam đã được giải mật* là một tài liệu trình bày khá chi tiết về những nỗ lực của CIA để giúp các nhà chức trách miền Nam giành được sự ủng hộ, trung thành của nông dân Việt Nam và đàn áp Việt Cộng (các lực lượng cách mạng); những cam kết của CIA từ năm 1954 đến giữa năm 1972; về cơ quan và các đối tác của CIA. Thomas L. Ahern Jr cũng có những nhận định một cách toàn diện về vai trò của CIA trong việc bình định vùng nông thôn miền Nam Việt Nam.

Trong quyển *Con đường của Hà Nội đến chiến tranh Việt Nam, 1954 - 1965* của tác giả Pierre Asselin do Đại học California Press ấn hành năm 2013 có những nội dung đề cập đến “sự lựa chọn hòa bình, 1954 - 1956”; “những thay đổi bước ngoặt trong những năm 1957 - 1959”; “những bước đi thận trọng trong năm 1960”; “chạy đua với thời gian 1961”; “lựa chọn chiến tranh năm 1963”; “tiến hành chiến tranh 1964” cùng cách nhìn nhận, đánh giá về những quyết định, lựa chọn của Hà Nội trong chiến tranh Việt Nam giai đoạn (1954 - 1965) theo quan điểm tiếp cận và nhìn nhận riêng của tác giả.

Năm 2016, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội ấn hành quyển *Liên minh*

sai lầm: Ngô Đình Diệm, Mỹ và số phận Nam Việt Nam của tác giả Edward Miller. Cuốn sách cung cấp cho người đọc một cách nhìn mới với một góc độ khác về “liên minh” giữa chính quyền Mỹ với Ngô Đình Diệm và kết quả của mối “liên minh” này. Tác giả phác họa rõ nét và đa chiều về hình ảnh Ngô Đình Diệm, đồng thời có những nhận định, lý giải riêng về mối quan hệ giữa Ngô Đình Diệm với chính quyền Mỹ. Tiếp cận từ nhiều nguồn tư liệu phong phú khác nhau, Edward Miller có những luận giải, đánh giá về các sự kiện, nhân vật lịch sử ở một góc độ tiếp cận riêng của tác giả như đánh giá về Chủ tịch Hồ Chí Minh; về Ngô Đình Diệm; về tiến trình hình thành một “liên minh” giữa Mỹ với Ngô Đình Diệm; về những cuộc cách mạng quốc gia, quá trình kiến thiết chế độ cộng hòa của Diệm; quá trình “chống nổi dậy” và cuối cùng là sự tan rã, sụp đổ của một “liên minh”; sự kết thúc của chính quyền Ngô Đình Diệm năm 1963 sau cuộc đảo chính do chính quyền Mỹ “bật đèn xanh” cho các tướng lĩnh Sài Gòn tiến hành.

Với những công trình, tài liệu của các nhà nghiên cứu, học giả nước ngoài đề cập ở trên góp phần giúp cho chúng tôi có thêm được một nguồn tư liệu để tham khảo, phân tích đối tượng nghiên cứu của luận án được sâu sắc, đa chiều trên nhiều khía cạnh và khách quan.

1.2.1.2. Các công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước

Năm 1962, Viện Sử học ấn hành quyển *Tám năm đấu tranh anh dũng và gian khổ của đồng bào miền Nam* của nhóm tác giả Cao Văn Lượng, Bùi Đình Thanh, Nguyễn Công Bình, Bùi Hữu Khánh, Hoàng Lượng. Nội dung quyển sách khái quát cơ bản về các vấn đề như “quá trình đế quốc Mỹ xâm lược miền Nam Việt Nam”; quá trình xây dựng và củng cố của “chính quyền Ngô Đình Diệm và sự suy vong tất yếu của nó”; về “tám năm đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Genève” của quân và dân miền Nam; về sự phát triển ngày càng mạnh mẽ, sâu rộng của Mặt trận chống Mỹ - Diệm ở miền Nam trong tám năm; những nhận định về tình hình miền Nam và chính quyền Mỹ - Diệm của các học giả, báo chí nước ngoài và thống kê một số cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam trong tám năm từ năm 1954 đến năm 1962.

Năm 1964, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội ấn hành tập 1 của bộ sách *Miền Nam giữ vững thành đồng* (gồm 5 tập) của tác giả Trần Văn Giàu. Đây là một công trình nghiên cứu lịch sử được biên soạn công phu, phản ánh chi tiết, sinh động về quá trình đấu tranh mạnh mẽ chống đế quốc Mỹ xâm lược của quân và dân miền Nam. Trong tập 1 đề cập đến những nội dung chính như chiến tranh Đông Dương kết thúc; Hội nghị Genève diễn ra thành công; quá trình 300 ngày tập kết chuyên quân; quá trình thiết lập chế độ độc tài Ngô Đình Diệm ở miền Nam; sự đấu tranh của nhân dân miền Nam chống sự khủng bố, đàn áp từ CQSG và đấu tranh đòi hiệp thương, tổng tuyển cử thống nhất đất nước; về giai đoạn “ổn định” tạm thời của CQSG và cuối cùng là sự hình thành, phát triển của cơn “bão táp cách mạng” ở miền Nam Việt Nam với cao trào Đồng Khởi nổ ra và giành thắng lợi vang dội của quân và dân miền Nam Việt Nam, trong đó có quân và dân Nam Bộ.

Năm 1964, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 64 đăng bài viết *Cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam với sự kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang* của tác giả Bùi Đình Thanh. Trong bài viết này, tác giả trình bày và phân tích quá trình quân Giải phóng miền Nam vận dụng và kết hợp chặt chẽ hình thức ĐTCT với ĐTVT và chính sự vận dụng, kết hợp hai hình thức đấu tranh đó đưa đến những thắng lợi quan trọng trên các chiến trường trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân miền Nam những năm đầu.

Bài viết *Ba mũi giáp công trong cuộc chiến tranh nhân dân chống Mỹ và tay sai ở miền Nam* của tác giả M.N. (Trần Văn Giàu) đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 86 năm 1966. Tác giả bài báo trình bày khái quát và phân tích sự hiệu quả của ba mũi giáp công trong quá trình đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và CQSG. Tác giả cho rằng “ba mũi giáp công” hình thức đấu tranh cách mạng trên ba mặt: ĐTCT, ĐTVT và công tác binh vận. Vai trò, vị trí, quá trình hình thành, phát triển và sự vận dụng thành thạo “ba mũi giáp công” trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân Việt Nam được tác giả phân tích cụ thể. Tác giả bài viết cho rằng: “Ba mũi giáp công” là một nghệ thuật tấn công của chiến tranh nhân dân chống “chiến tranh xâm lược” và đó là một sáng tạo độc đáo của

nhân dân miền Nam”.

Năm 1969, NXB Phụ nữ xuất bản hồi ký *Không còn đường nào khác* của tác giả Nguyễn Thị Định. Hồi kí là sự gợi nhớ và tự hào về một giai đoạn đấu tranh mạnh mẽ chống đế quốc Mỹ xâm lược và CQSG của quân và dân miền Nam, trong đó nổi bật lên quá trình đấu tranh của quân và dân tỉnh Bến Tre. Hồi ký *Không còn đường nào khác* phản ánh một phần sức mạnh của chiến tranh nhân dân, những nét độc đáo, sáng tạo trong phong trào Đồng Khởi, sự mưu trí cùng tinh thần chiến đấu mạnh mẽ của nhân dân và phụ nữ miền Nam.

Bài viết *Ngọn cờ đầu của phong trào Đồng Khởi toàn miền Nam* của tác giả Tô Minh Trung đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 118 xuất bản năm 1969. Trong bài viết, tác giả Tô Minh Trung trình bày tình cảnh Bến Tre trước ngày Đồng Khởi; quá trình chuẩn bị lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang để tiến tới Đồng Khởi; diễn biến chính của phong trào Đồng Khởi và kết quả, ý nghĩa của phong trào Đồng Khởi ở Bến Tre năm 1960. Tác giả kết luận rằng, cuộc Đồng Khởi ở ba huyện đầu tiên của tỉnh Bến Tre thực sự là “cuộc Đồng Khởi mở đầu phong trào Đồng Khởi toàn miền Nam Việt Nam” - là ngọn cờ đầu của phong trào Đồng Khởi ở miền Nam, “tạo nên một mẫu mực điển hình cho nhân dân miền Nam học tập và rút kinh nghiệm Đồng Khởi giành chính quyền về tay mình”.

Tác giả Quỳnh Cư trong bài viết *Tìm hiểu về “đội quân chính trị” của quân chúng trong cách mạng miền Nam (1954 - 1975)* đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 3 năm 1980 trình bày và phân tích về quá trình phát triển của lực lượng ĐTCT. Đồng thời tác giả bài viết còn nêu lên đặc điểm và vai trò của lực lượng chính trị trong sự phát triển của cách mạng miền Nam.

Nhóm tác giả Cao Văn Lượng, Phạm Quang Toàn, Quỳnh Cư trong *Tìm hiểu phong trào Đồng Khởi ở miền Nam Việt Nam*, xuất bản năm 1981 của NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội trình bày khá đầy đủ và sinh động về phong trào Đồng Khởi nổ ra khắp miền Nam chống chế độ Mỹ - Diệm trong những năm 1959 - 1960. Cụ thể, các tác giả trình bày, phân tích khái quát những vấn đề chính như quá trình

phát triển của phong trào Đồng Khởi với các chính sách của Mỹ - Diệm đối với nông dân miền Nam Việt Nam; phong trào cách mạng ở nông thôn miền Nam trong những năm 1954 - 1959; diễn biến của phong trào Đồng Khởi những năm 1959 - 1960 trên toàn miền Nam; phân tích khái quát những ngọn cờ Đồng Khởi tiêu biểu ở miền Nam như cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi, Đồng Khởi ở Bến Tre; ý nghĩa, tác động và một số bài học kinh nghiệm trong phong trào Đồng Khởi ở miền Nam Việt Nam những năm 1959 - 1960.

Năm 1985, Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội, số 29 đăng bài viết *Đấu tranh chính trị - Một hình thức đấu tranh cơ bản, một mũi tiến công sắc bén của cách mạng và chiến tranh cách mạng miền Nam* của tác giả Nguyễn Thị Định. Tác giả bài viết phân tích tầm quan trọng của ĐTCT, sử dụng ĐTCT làm mũi nhọn tiến công sắc bén của cách mạng vào CQSG ở miền Nam. Tác giả Nguyễn Thị Định - là “người trong cuộc” nên “phản ánh sinh động phong trào ĐTCT của nhân dân miền Nam dưới sự lãnh đạo kiên quyết và linh hoạt của Đảng, kể từ sau Hiệp định Genève 1954 cho đến thắng lợi hoàn toàn giải phóng miền Nam, qua các giai đoạn phát triển khác nhau của cách mạng”. Tác giả bài viết cũng khẳng định “ĐTCT không chỉ là cơ sở của ĐTVT, hỗ trợ cho ĐTVT mà là một hình thức đấu tranh cơ bản trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, là một mũi tiến công sắc bén, cùng với ĐTVT quyết định thắng lợi của cuộc cách mạng và chiến tranh cách mạng miền Nam”.

Năm 1991, quyển sách *Lịch sử cách mạng miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954 - 1960* của tác giả Cao Văn Lượng được NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội ấn hành. Nội dung sách khái quát cơ bản về nguyên nhân, diễn tiến và kết quả của cuộc đấu tranh cách mạng chống đế quốc Mỹ xâm lược và CQSG của quân và dân miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954 - 1960. Tác phẩm đề cập đến những âm mưu, hành động xâm lược miền Nam của chính quyền Mỹ, quá trình khai sinh ra chính quyền VNCH, các hành động khủng bố, đàn áp ác liệt của CQSG đến LLCM, nhân dân miền Nam cũng như đến các giáo phái, đảng phái đối lập, đồng thời còn trình bày về những diễn biến chính trong phong trào Đồng Khởi của quân và dân miền Nam

Việt Nam.

Cuốn sách *Chung một bóng cờ (Về Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam)* do NXB Chính trị quốc gia ấn hành năm 1993 là công trình tập hợp nhiều bài viết về quá trình hình thành, hoạt động và phát triển của MTDTGPMNVN. Tác phẩm được hình thành từ nhiều bài viết dưới hình thức mô tả hoặc những hồi tưởng của những “người trong cuộc” về những việc đã làm, những gian khổ đã trải qua; những tình huống phức tạp phải đối phó; những sự kiện được tham dự; những chiến công, những đóng góp cùng những mất mát của đồng đội và bản thân; những hân hoan và niềm vinh dự trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).

Quyển sách *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: Thắng lợi và bài học* do Ban Chỉ đạo Tổng kết Chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị biên soạn và được NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội ấn hành năm 1995. Tác phẩm tổng kết cơ bản về những thắng lợi cũng như những bài học kinh nghiệm đấu tranh của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975). Quyển sách là công trình tổng kết sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam.

Năm 1995, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội ấn hành quyển sách *Lịch sử Việt Nam 1954 - 1965*, do tác giả Cao Văn Lượng (chủ biên). Công trình trình bày có hệ thống và tương đối toàn diện về lịch sử Việt Nam trong giai đoạn 1954 - 1965, cụ thể là lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam trên cả hai miền Nam - Bắc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam. Cuốn sách thể hiện khá khách quan những thắng lợi lớn, những thành tựu đạt được cũng như phân tích những sai lầm, thiếu sót trong quá trình đấu tranh cách mạng, đồng thời phân tích những nguyên nhân và một số bài học kinh nghiệm đấu tranh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 - 1965 của nhân dân Việt Nam.

Quyển hồi ký *Tâm sự tướng lưu vong* của Hoàng Linh Đỗ Mậu được NXB Công an Nhân dân ấn hành năm 1998. Hồi ký khắc họa rõ nét, sinh động những

năm tháng hoạt động trong cuộc đời binh nghiệp của vị tướng từng phục vụ trong CQSG - Đỗ Mậu. Tác phẩm khái quát được quá trình hình thành, phát triển, những mâu thuẫn xuất hiện trong chính quyền họ Ngô và cuối cùng là sự sụp đổ của CQSG sau gần hai thập kỷ tồn tại ở Nam Việt Nam.

Năm 2005, NXB Quân đội Nhân dân xuất bản cuốn *Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm* của tác giả Trần Văn Trà. Quyển sách là “tập hợp có chọn lọc những tập hồi ký, chuyên luận của cố Thượng tướng Trần Văn Trà viết về những năm tháng chiến đấu anh dũng của quân và dân Việt Nam - trực tiếp là quân và dân Nam Bộ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược”; những điều tác giả chiêm nghiệm, rút ra từ hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam mà tác giả muốn cùng các thế hệ người Việt Nam hôm nay và ngày mai suy ngẫm.

Cuốn sách *Nhà Trắng với cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam* của tác giả Trần Trọng Trung được NXB Chính trị quốc gia ấn hành năm 2005. Tác phẩm khái quát tương đối đầy đủ quá trình dính líu, can thiệp và trực tiếp xâm lược Việt Nam của chính quyền Mỹ. Tác giả cũng phân tích khá cơ bản quá trình xây dựng QĐSG trở thành công cụ chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ. *Nhà Trắng với cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam* là một quyển sách trình bày, phân tích khá toàn diện bộ máy và những nỗ lực chiến tranh của chính quyền Mỹ cũng như CQSG trong chiến tranh Việt Nam (1954 - 1975).

Trong *Cuộc Đồng Khởi kỳ diệu ở miền Nam Việt Nam* của tác giả Lê Hồng Lĩnh được NXB Đà Nẵng ấn hành năm 2006 cũng trình bày cơ bản về cuộc Đồng Khởi của quân và dân miền Nam trong những năm 1959 - 1960. Quyển sách khái quát về những vấn đề như quá trình chuyển quân tập kết; sắp xếp bố trí lại lực lượng ở miền Nam; quá trình Pháp chuyển quân tập kết; Mỹ hất chân Pháp và áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam; các quốc sách của Mỹ - Diệm; quá trình chuyển hướng phương thức đấu tranh ở miền Nam; phong trào Đồng Khởi ở miền Đông Nam Bộ, Trung Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ cũng được đề cập, khái quát. Công trình nghiên cứu khá công phu, cơ bản về hoàn cảnh, nguyên nhân cũng như trình bày diễn biến của phong trào Đồng Khởi ở miền Nam.

Năm 2012, NXB Chính trị - Hành chính xuất bản sách *Miền Nam - 21 năm kháng chiến chống Mỹ*. Quyển sách không chỉ đề cập đến quá trình đấu tranh mạnh mẽ của quân và dân miền Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược mà còn có sự nhận xét, đánh giá của lãnh đạo các nước, các chính khách, nhà quân sự Mỹ, nhà văn, nhà báo, các học giả nước ngoài về chiến tranh Việt Nam (1954 - 1975).

Bộ sách *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)* gồm 9 tập, do Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam biên soạn được NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội xuất bản năm 2013. Công trình nghiên cứu này khái quát khá sinh động, sâu sắc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam. Trong hai tập 1 và 2, bộ sách đề cập đến nguyên nhân chiến tranh, diễn tiến quá trình đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống chế độ Mỹ - Diệm, đặc biệt là quá trình đấu tranh của quân và dân Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1960 được trình bày và phân tích khái quát các vấn đề như tình hình Nam Bộ sau Hiệp định Genève 1954; quá trình tập kết chuyển quân của bộ đội cách mạng; quá trình “sinh thành” chính quyền VNCH ở Sài Gòn; các hành động khủng bố, đàn áp khốc liệt của CQSG đến các đảng phái, giáo phái chống đối; quá trình đấu tranh giữ gìn LLCM ở miền Nam; phong trào Đồng Khởi ở miền Nam những năm 1959 - 1960...

1.2.2. Nhóm công trình khoa học về cuộc kháng chiến chống Mỹ ở các địa phương Nam Bộ

Năm 1974, bài viết *Vài nét về đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ trang ở Nam Bộ trước cuộc Đồng Khởi 1959 - 1960* của tác giả Việt Hồng đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 155. Tác giả trình bày cơ bản về các hoạt động ĐTVT và sự phát triển của lực lượng vũ trang ở Nam Bộ trước thời điểm Đồng Khởi. Nội dung bài viết nêu bật quá trình hình thành các hình thức ĐTVT và sự hình thành các lực lượng vũ trang chống CQSG; trình bày và phân tích quá trình “củng cố và phát triển của các lực lượng vũ trang ở Nam Bộ những năm 1957 - 1958”; thời kỳ phát triển vượt bậc của ĐTVT và lực lượng vũ trang trước thời điểm Đồng Khởi những năm 1959 - 1960.

Năm 1991, NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội xuất bản quyển *Cuộc đọ sức thần kỳ* của tác giả Lê Quốc Sản. Nội dung sách là tập hợp cơ bản những sự kiện lịch sử quan trọng, những diễn biến trên chiến trường Khu 8 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975). Trong đó, phong trào Đồng Khởi những năm 1959 - 1960 được tác giả phân tích, khái quát sinh động với sự đi sâu trình bày về các cuộc khởi nghĩa vũ trang ở các tỉnh miền Trung Nam Bộ trước khi có Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng; về phong trào Đồng Khởi thắng lợi đầu tiên ở Bến Tre và các tỉnh với những phương thức Đồng Khởi khác nhau phù hợp với tình hình, đặc điểm của mỗi địa phương. Đồng thời, tác giả cũng nêu ra những khó khăn, tồn thất với những sai lầm, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng trong những năm 1954 - 1959 ở Khu 8 - Trung Nam Bộ.

Trong quyển *Lịch sử Đồng Tháp Mười* do Võ Trần Nhã chủ biên được NXB Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành năm 1993 trình bày cơ bản về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ở các tỉnh vùng Đồng Tháp Mười. Tác phẩm có phần khái lược về quá trình đấu tranh của quân và dân ở Đồng Tháp Mười trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược (1954 - 1975).

Quyển sách *Quân khu 9 ba mươi năm kháng chiến (1945 - 1975)* do NXB Quân đội Nhân dân ấn hành năm 1996 là một công trình nghiên cứu lịch sử công phu, phản ánh được các mặt hoạt động chủ yếu của các lực lượng vũ trang và nhân dân trên địa bàn quân khu trong ba mươi năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), đặc biệt trong giai đoạn 1954 - 1960, quyển sách trình bày khái quát về quá trình quân và dân Khu 9 đấu tranh mạnh mẽ chống CQSG; về quá trình QĐSG được triển khai trở lại Khu 9 và thực hiện các hành động đàn áp, khủng bố khốc liệt đến LLCM và nhân dân; về quá trình đấu tranh của quân và dân Khu 9 với nhiều hình thức và phương cách đấu tranh phong phú, sáng tạo để giữ gìn và xây dựng LLCM và về phong trào Đồng Khởi của quân và dân miền Tây Nam Bộ.

Năm 1997, Ban chỉ đạo công trình lịch sử kháng chiến chống Mỹ Khu 8 -

Trung Nam Bộ xuất bản cuốn *Đồng bằng khu Trung Nam Bộ chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1965)*, tập 1. Tác phẩm khái quát về quá trình đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và CQSG của quân và dân miền Trung Nam Bộ. Quyển sách đề cập đến tình hình cách mạng ở miền Nam cũng như ở miền Trung Nam Bộ sau Hiệp định Genève; về quá trình tập kết chuyển quân ở Khu 8; về quá trình QĐSG được hình thành và triển khai cũng như khái quát về quá trình quân và dân miền Trung Nam Bộ tiến hành Đồng Khởi giành thắng lợi những năm 1959 - 1960 và từng bước đánh bại các chiến lược chiến tranh tăng cường của chính quyền Mỹ và CQSG sau đó.

Năm 1998, quyển sách *Quân khu 8 ba mươi năm kháng chiến (1945 - 1975)* được NXB Quân đội Nhân dân ấn hành. Tác phẩm khắc họa sinh động, sâu sắc những năm tháng đấu tranh oanh liệt của quân và dân Khu 8 trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Trong phần trình bày về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 - 1975, sách khái quát cơ bản về quá trình đấu tranh mạnh mẽ của quân và dân Khu 8 từng bước đánh bại các chiến lược chiến tranh xâm lược của chính quyền Mỹ tại địa phương. Đặc biệt trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước những năm 1954 - 1960, sách trình bày khá cụ thể về tình hình toàn Khu 8 sau Hiệp định Genève; về quá trình tuân thủ nghiêm chỉnh Hiệp định Genève của quân và dân miền Trung Nam Bộ; về sự tập kết chuyển quân của LLCM; quá trình triển khai của QĐSG ở Khu 8; những diễn tiến chính trong quá trình đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Genève và về phong trào Đồng Khởi những năm 1959 - 1960 của quân và dân Khu 8.

Năm 2000, Ban chỉ đạo và Ban biên tập truyền thông Tây Nam Bộ biên soạn cuốn sách *Tây Nam Bộ ba mươi năm kháng chiến (1945 - 1975)*. Đây là công trình tổng kết lịch sử đấu tranh cách mạng trong 30 năm của quân và dân Tây Nam Bộ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân miền Tây Nam Bộ (1954 - 1960), tác phẩm phân tích khái quát về những chuyển biến chính trị ở miền Nam

và vùng Tây Nam Bộ sau Hiệp định Genève 1954; về quá trình đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Genève; về quá trình chuyển hướng đấu tranh của cách mạng ở Tây Nam Bộ; quá trình đấu tranh giữ gìn LLCM những năm 1954 - 1960 và phong trào Đồng Khởi ở Tây Nam Bộ những năm 1959 - 1960.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang năm 2003 ấn hành sách *Tuyên huấn Khu 8 - Trung Nam Bộ (1959 - 1975)*, 2 tập. Tác phẩm khái quát cơ bản về công tác tuyên huấn của Khu 8 trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Công tác tuyên huấn là một trong những nhiệm vụ quan trọng và góp phần lớn vào thắng lợi chung của phong trào Đồng Khởi những năm 1959 - 1960 ở Khu 8 - Trung Nam Bộ.

Năm 2003, Hội đồng biên soạn lịch sử miền Đông Nam Bộ biên soạn sách *Lịch sử Đảng bộ miền Đông Nam Bộ lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975)* được NXB Chính trị quốc gia ấn hành. Nội dung sách khái quát về hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược của Đảng bộ và nhân dân miền Đông Nam Bộ. Trong giai đoạn 1954 - 1960, quyển sách đề cập về quá trình Đảng bộ miền Đông Nam Bộ lãnh đạo nhân dân ĐTCT tiến lên Đồng Khởi giành chính quyền làm chủ ở nông thôn, khái quát về quá trình củng cố, tổ chức và bố trí lực LLCM; quá trình lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, đòi thi hành Hiệp định Genève; về quá trình vượt qua những khó khăn trở ngại, thách thức trước sự khủng bố ác liệt của CQSG; về quá trình Đảng bộ miền Đông Nam Bộ lãnh đạo nhân dân ĐTCT, từng bước xây dựng lực lượng vũ trang, phá thế kìm kẹp từ CQSG những năm 1956 - 1959; về quá trình triển khai Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng và phong trào Đồng Khởi của quân và dân miền Đông Nam Bộ những năm 1959 - 1960 cũng được phân tích khái quát.

Năm 2005, Quân khu 7 biên soạn quyển *60 năm lực lượng vũ trang Quân khu 7 (1945 - 2005)*. Đây là một công trình nghiên cứu khái quát về quá trình hình thành, phát triển của lực lượng vũ trang Quân khu 7 trong 60 năm. Trong đó, tác phẩm cũng có phân tích khái quát về giai đoạn đấu tranh chống chính quyền Mỹ và CQSG của quân và dân Quân khu 7 những năm 1954 - 1960.

Trong quyển *Lịch sử phụ nữ Nam Bộ kháng chiến* được NXB Chính trị quốc gia ấn hành năm 2006 khái lược về những truyền thống vẻ vang, tinh thần yêu nước và quá trình đấu tranh kiên cường của phụ nữ Nam Bộ trong lịch sử. Trong giai đoạn kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược và CQSG của phụ nữ Nam Bộ được phân tích cơ bản. Tác phẩm còn đề cao và ca ngợi tinh thần chiến đấu mạnh mẽ của “đội quân tóc dài” - những người phụ nữ kiên cường của vùng đất Nam Bộ khi hiên ngang đứng lên đấu tranh đòi CQSG thi hành Hiệp định Genève, đòi dân sinh, dân chủ; đấu tranh củng cố, giữ gìn và xây dựng LLCM, đấu tranh bảo vệ, che chở cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ cách mạng trong những năm 1954 - 1960 và nổi bật là quá trình đấu tranh của lực lượng phụ nữ Nam Bộ trong phong trào Đồng Khởi những năm 1959 - 1960 trên địa bàn.

Năm 2008, các quyển *Lịch sử Tây Nam bộ kháng chiến*, tập 1, 2, được NXB Chính trị quốc gia ấn hành. Các quyển sách khái quát hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược của quân và dân Tây Nam Bộ; trong đó có phần khắc họa sinh động các cuộc đấu tranh mạnh mẽ của quân và dân miền Tây Nam Bộ chống lại sự đàn áp, khủng bố khốc liệt từ CQSG những năm 1954 - 1960.

Quyển sách *Cuộc kháng chiến (1945 - 1975) - nhìn từ Nam Bộ* của tác giả Hồ Sơn Đài được NXB Chính trị quốc gia ấn hành năm 2008. Đây là một công trình nghiên cứu khoa học công phu, trình bày khá đầy đủ quá trình đấu tranh của quân và dân Nam Bộ trong hai cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975) ở Nam Bộ.

Cuốn sách *Nam Bộ (1945 - 1975): Những góc nhìn từ lịch sử chiến tranh cách mạng Việt Nam* của tác giả Hà Minh Hồng, được xuất bản năm 2008 có những phân tích, luận giải sâu sắc về những khía cạnh khác nhau trong quá trình chiến đấu và giành chiến thắng của quân và dân Nam Bộ trong 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975).

Quyển *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến (1954 - 1975)*, tập 2 được NXB Chính trị

quốc gia ấn hành năm 2010 phân tích khái quát về lịch sử đấu tranh của quân và dân Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975). Trong giai đoạn 1954 - 1960, các hoạt động đấu tranh của quân và dân Nam Bộ đòi CQSG thi hành những nội dung của Hiệp định Genève 1954; đòi các quyền tự do, dân sinh dân chủ; các hoạt động ĐTCT hòa bình và ĐTVT nhằm giữ gìn, xây dựng LLCM; những chủ trương, chỉ thị đấu tranh của Trung ương Đảng, XUNB; diễn tiến của phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ... được đề cập và phân tích khái quát.

Năm 2010, Viện Lịch sử Công an xuất bản cuốn *Lịch sử an ninh Trung Nam Bộ - Khu 8 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*. Tác phẩm là một công trình nghiên cứu lịch sử về tình hình an ninh của miền Trung Nam Bộ trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trong giai đoạn 1954 - 1960, quyển sách trình bày khái quát về bối cảnh, tình hình cách mạng ở Khu 8 - Trung Nam Bộ sau Hiệp định Genève; về quá trình hình thành và đấu tranh của lực lượng an ninh miền Trung Nam Bộ chống CQSG.

Năm 2015, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội ấn hành cuốn sách *Lịch sử Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)* do tác giả Nguyễn Quý (chủ biên). Quyển sách khái quát về sự ra đời, hoạt động của XUNB và Trung ương Cục miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975). Trong giai đoạn 1954 - 1960, tác phẩm đề cập đến nhiều vấn đề như tình hình cách mạng ở Nam Bộ sau Hiệp định Genève; quá trình thực hiện tập kết chuyển quân giữa hai miền Nam - Bắc; quá trình CQSG được hình thành và phát triển ở Sài Gòn; các phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân Nam Bộ đòi CQSG thi hành Hiệp định Genève; quá trình khủng bố, đàn áp các lực lượng giáo phái, đảng phái chống đối của chính quyền họ Ngô; về cao trào Đồng Khởi ở Nam Bộ...

1.2.3. Nhóm công trình khoa học đề cập trực tiếp đến hoạt động đấu tranh giữ gìn, xây dựng lực lượng cách mạng và Đồng Khởi tại Nam Bộ

Cuốn sách *Đồng Khởi ở Bến Tre* của tác giả Quỳnh Cư được NXB Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành năm 1985 khái quát cơ bản về cuộc Đồng Khởi hào hùng của quân và dân Bến Tre. Quyển sách khắc họa sinh động quá trình đấu tranh của

nhân dân Bến Tre đòi CQSG thi hành Hiệp định Genève; về quá trình đấu tranh giữ gìn LLCM trước các hoạt động khủng bố, đàn áp khốc liệt từ CQSG của nhân dân địa phương; về những hoạt động đấu tranh phong phú, sáng tạo của Đảng bộ, Tỉnh ủy, quân và dân Bến Tre; những diễn tiến chính của phong trào Đồng Khởi; về kết quả, tác động và những bài học kinh nghiệm của phong trào Đồng Khởi Bến Tre được tác giả phân tích, trình bày khái quát.

Năm 1988, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tiền Giang ấn hành *Cuộc kháng chiến 30 năm của quân dân Tiền Giang*. Công trình khái quát cơ bản về quá trình đấu tranh của quân và dân tỉnh Tiền Giang trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975). Trong giai đoạn đầu kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1960), quân và dân Tiền Giang đấu tranh mạnh mẽ đòi CQSG thi hành Hiệp định Genève, đấu tranh giữ gìn LLCM trước chính sách khủng bố, đàn áp từ CQSG và cao trào Đồng Khởi trên địa bàn cũng được trình bày và phân tích khái quát trong tác phẩm.

Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đồng Tháp năm 1990 ấn hành sách *Ba mươi năm kháng chiến của quân dân Đồng Tháp (1945 - 1975)*. Tác phẩm khái quát về hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược của quân và dân tỉnh Đồng Tháp. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 - 1960, quyển sách phân tích khái quát về quá trình đấu tranh của quân và dân Đồng Tháp đòi CQSG thi hành Hiệp định Genève 1954, về các hoạt động đấu tranh phong phú, sáng tạo của nhân dân tỉnh Đồng Tháp để giữ gìn, củng cố và phát triển LLCM và đặc biệt là về phong trào Đồng Khởi của quân và dân tỉnh Đồng Tháp những năm 1959 - 1960 được phân tích cơ bản.

Năm 1993, Thường vụ Tỉnh ủy Long An xuất bản cuốn *Kiến Tường lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*. Tác phẩm phân tích khá đầy đủ về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Kiến Tường. Trong giai đoạn 1954 - 1960, quân và dân Kiến Tường đấu tranh giữ gìn, phát triển LLCM và Đồng Khởi trong toàn tỉnh năm 1960 được phân tích khái quát.

Năm 1993, Thường vụ Tỉnh ủy Long An chỉ đạo biên soạn *Long An lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*. Tác phẩm trình bày khái quát về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Long An. Trong giai đoạn 1954 - 1960, quân và dân Long An vùng lên đấu tranh mạnh mẽ chống sự đàn áp, khủng bố khốc liệt từ CQSG với nhiều phương cách đấu tranh độc đáo, sáng tạo và để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho miền Trung Nam Bộ học tập, vận dụng vào thực tiễn chiến trường, đồng thời những diễn tiến và kết quả của phong trào Đồng Khởi ở Long An cũng được khái quát trong tác phẩm.

Năm 1994, NXB Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành quyển *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1945 - 1975)* do Trần Hải Phụng, Lưu Phương Thanh (chủ biên). Cuốn sách trình bày có hệ thống và toàn diện về cuộc chiến tranh nhân dân chống xâm lược ở Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định; khắc họa những yếu tố truyền thống đưa đến thắng lợi trong sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược của quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định (TP. Hồ Chí Minh ngày nay) dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Các tác giả dành một chương để phân tích khái quát về quá trình chính quyền Mỹ với những âm mưu và hành động can thiệp vào miền Nam Việt Nam khi người Pháp rút đi sau Hiệp định Genève 1954; về quá trình chính quyền Mỹ giúp đỡ, xây dựng CQSG; các phong trào đấu tranh của quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định đòi thi hành Hiệp định Genève; quá trình đấu tranh từ chính trị tiến tới kết hợp với ĐTVT tự vệ để giữ gìn, bảo vệ LLCM và về phong trào Đồng Khởi năm 1960 thắng lợi ở Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định.

Quyển hồi kí *Trên thế trận đồng bằng* xuất bản năm 1998 của tác giả Lê Minh Đào khắc họa chân thực cuộc đấu tranh mạnh mẽ, sáng tạo của quân và dân Khu 8 - Trung Nam Bộ chống đế quốc Mỹ xâm lược. Hồi ký mô tả nổi bật quá trình đấu tranh cách mạng với những phương cách đấu tranh độc đáo, sáng tạo với những nét đặc trưng riêng của nhân dân đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 1954 - 1975.

Năm 1999, NXB Quân đội Nhân dân ấn hành quyển *Lực lượng vũ trang tỉnh Vĩnh Long 30 năm kháng chiến (1945 - 1975)*. Công trình trình bày về quá trình

hình thành, xây dựng, phát triển và chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh Vĩnh Long trong 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Quyển sách cũng có đề cập và phân tích khái quát về quá trình đấu tranh của quân và dân Vĩnh Long để giữ gìn và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng trong tỉnh những năm 1954 - 1960.

Năm 2000, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang ấn hành hồi ký *Cuối đời nhìn lại* của tác giả Nguyễn Minh Đường. Nguyễn Minh Đường là “người trong cuộc” nên cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược của quân và dân miền Trung Nam Bộ được tác giả phân tích khá đầy đủ và sinh động trong hồi ký. Trong hồi ký, tác giả nêu bật sự chỉ đạo đúng đắn với các hình thức và phương cách đấu tranh độc đáo, sáng tạo của quân và dân miền Trung Nam Bộ những năm 1954 - 1960 để giữ gìn, xây dựng và phát triển LLCM trước các hành động đàn áp, khủng bố khốc liệt từ CQSG; về phong trào Đồng Khởi cùng những bài học kinh nghiệm của quân và dân Khu 8 - Trung Nam Bộ trong thực tiễn đấu tranh cách mạng những năm 1959 - 1960.

Trong quyển *Lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh (1954 - 1975)* được Ban Khoa học Lịch sử Quân sự tỉnh Tây Ninh xuất bản năm 2001 trình bày khái quát về quá trình hình thành, phát triển của lực lượng vũ trang nhân dân Tây Ninh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trong giai đoạn 1954 - 1960, cuốn sách phân tích từ sự “nhen nhóm bước đầu” của lực lượng vũ trang cách mạng ở Tây Ninh cho đến quá trình ra đời, phát triển cùng những thắng lợi của lực lượng vũ trang nhân dân Tây Ninh trong Đồng Khởi năm 1960.

Tác giả Trịnh Thị Hồng Hạnh trong bài viết *Đấu tranh chính trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, đăng trên Tạp chí Lịch sử Đảng, số 6 năm 2010 phân tích, chỉ rõ vai trò của ĐTCT được coi là một trong “ba mũi giáp công”. Đồng thời bài viết cũng khái quát về một số phong trào ĐTCT tiêu biểu chống đế quốc Mỹ và CQSG như đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Genève, chống dồn dân lập ấp Chiến Lược, chống đàn áp Phật giáo, đòi cải thiện đời sống, chống tăng thuế, bắt lính.

Quyển sách *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Bình Dương (1945 - 2005)* của tác giả Hồ Sơn Đài (chủ biên) được NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 2010. Tác phẩm khái quát về quá trình hình thành, phát triển của lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Bình Dương trong 60 năm. Đặc biệt, trong giai đoạn 1954 - 1960, các tác giả dành một chương để phân tích khái quát về quá trình tái lập lực lượng vũ trang cách mạng của tỉnh, các hoạt động xây dựng hệ thống tổ chức quân sự địa phương và dân quân du kích vừa tác chiến vừa xây dựng căn cứ địa kháng chiến trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Năm 2010, NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội ấn hành quyển sách *Lịch sử lực lượng vũ trang Quân khu 7 (1945 - 2010)*. Quyển sách khái quát quá trình hình thành, phát triển và chiến đấu của lực lượng vũ trang Quân khu 7 trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975); đồng thời tác phẩm còn trình bày về quá trình xây dựng và phát triển của lực lượng vũ trang Quân khu 7 từ sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước đến năm 2010 với nhiều thành tựu.

Năm 2011, NXB Quân đội Nhân dân ấn hành quyển sách *Lịch sử căn cứ U Minh - 30 năm kháng chiến (1945 - 1975)* do tác giả Nguyễn Việt Thắng (chủ biên). Nội dung phản ánh những hoạt động xây dựng và bảo vệ căn cứ địa cách mạng U Minh của quân và dân miền Tây Nam Bộ kể từ sau ngày Nam Bộ kháng chiến 23/9/1945 cho đến ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước ngày 30/4/1975.

Năm 2012, quyển sách *Phong trào Đồng Khởi ở An Giang* của tác giả Lâm Quang Láng được NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội ấn hành. Đây là công trình nghiên cứu lịch sử khá đầy đủ về phong trào Đồng Khởi của quân và dân An Giang trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược và CQSG những năm 1954 - 1960 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Trong quyển *Lịch sử lực lượng vũ trang thành phố Hồ Chí Minh (1945 - 2015)* do NXB Quân đội Nhân dân xuất bản năm 2016 khái quát cơ bản về quá trình hình

thành, phát triển và trưởng thành của lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong 70 năm.

Luận án Tiến sĩ *Quá trình xây dựng và hoạt động của lực lượng vũ trang cách mạng ở miền Nam từ 1954 đến 1965* của tác giả Lê Đình Hùng (Học viện Khoa học Xã hội năm 2016) phân tích khái quát về quá trình xây dựng và hoạt động của lực lượng vũ trang cách mạng ở miền Nam giai đoạn 1954 - 1965. Luận án có phần trình bày sơ lược về quá trình xây dựng và hoạt động của lực lượng vũ trang cách mạng ở Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1960.

Ngoài các tác phẩm và công trình nghiên cứu quan trọng trên, các quyển Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Đồng Tháp, Bến Tre, Long An, Tiền Giang, An Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Kiên Giang cũng lần lượt được xuất bản. Đây là những công trình nghiên cứu về lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân ở các tỉnh thuộc Nam Bộ. Trong giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1960, các công trình này có phần trình bày khái quát về quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM cũng như phong trào Đồng Khởi diễn ra ở mỗi địa phương.

Như vậy, những công trình và các bài viết nghiên cứu được công bố có đề cập đến cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân Nam Bộ, nhất là giai đoạn 1954 - 1960 được trình bày, phân tích khái quát.

1.3. Nội dung kế thừa và những vấn đề đặt ra cho luận án

1.3.1. Nhận xét chung về tình hình nghiên cứu liên quan đến luận án

Những tư liệu, công trình nghiên cứu, khảo cứu được công bố dưới nhiều hình thức phong phú về chiến tranh cách mạng Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975 trong thời gian vừa qua, đặc biệt là trên địa bàn Nam Bộ góp phần phục dựng cơ bản bối cảnh lịch sử đấu tranh cách mạng của quân và dân Nam Bộ, những âm mưu, thủ

đoạn và hành động của chính quyền Mỹ và CQSG tiến hành ở miền Nam cũng như ở Nam Bộ sau Hiệp định Genève 1954 được phân tích cơ bản. Các tư liệu, các công trình nghiên cứu cũng có đề cập đến quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM ở Nam Bộ dưới dạng khái quát.

Những chủ trương, nhận định, chính sách, đường lối đấu tranh của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1954 - 1960 được Đảng Cộng sản Việt Nam công bố, tổng hợp khá đầy đủ thông qua các văn kiện của Đảng. Bên cạnh đó, các công văn, công điện mật, chỉ đạo chiến tranh cùng những chủ trương, đường lối đấu tranh chống Cộng sản của phía chính quyền VNCH cũng được công bố, góp phần quan trọng giúp cho chúng tôi tiến hành thực hiện luận án có chiều sâu và khái quát được đối tượng nghiên cứu. Trong quá trình thực hiện luận án, chúng tôi sử dụng những nguồn tư liệu trên tham khảo để đối sánh vấn đề nghiên cứu một cách khách quan.

Tóm lại, những tư liệu và các công trình nghiên cứu dưới nhiều dạng phong phú khác nhau từ sách, hồi ký, luận án cho đến các bài viết, tạp chí ở trong và ngoài nước được công bố trong thời gian qua đã cung cấp nhiều tư liệu quý, luận cứ khoa học, những đánh giá khách quan, giúp chúng tôi tiến hành thực hiện luận án có chiều sâu và có thể phục dựng cơ bản bức tranh sinh động về quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1960.

1.3.2. Các nội dung luận án kế thừa

Chúng tôi khi thực hiện luận án này có tham khảo và kế thừa những nguồn tư liệu phong phú, đa dạng; những kết luận khoa học liên quan đến đối tượng nghiên cứu của luận án. Đó là những vấn đề về chủ trương, đường lối đấu tranh của Đảng Lao động Việt Nam chỉ đạo trong hoạt động đấu tranh để giữ gìn và xây dựng LLCM ở Nam Bộ những năm 1954 - 1960 được chúng tôi tham khảo, kế thừa có chọn lọc nhằm thực hiện luận án có chiều sâu, đầy đủ và khách quan.

1.3.3. Những vấn đề luận án cần giải quyết

Phần lớn những công trình nghiên cứu được công bố trong và ngoài nước trong

thời gian qua ít nhiều đề cập và có liên quan đến quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM ở Nam Bộ (1954 - 1960). Trên cơ sở tiếp thu, kế thừa những công trình nghiên cứu đã công bố, luận án tiếp tục phân tích sâu và luận giải để làm rõ những vấn đề sau đây:

- Luận án trình bày và phân tích sâu về bối cảnh lịch sử, nguyên nhân dẫn đến yêu cầu, nhiệm vụ phải tiến hành quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1960.

- Phục dựng đầy đủ, chân thực quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ những năm 1954 - 1960 trên địa bàn.

- Phân tích những phương cách đấu tranh sáng tạo, độc đáo của quân và dân Nam Bộ trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi giai đoạn 1954 - 1960.

- Lý giải vì sao phong trào Đồng Khởi nổ ra mạnh mẽ ở Nam Bộ và giành được thắng vang dội hơn so với những địa phương khác ở miền Nam và được xem là quê hương của phong trào Đồng Khởi trên toàn miền Nam Việt Nam.

- Phân tích những tác động và ảnh hưởng của phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ đến các địa phương ở miền Nam Việt Nam.

- Phân tích những đặc điểm, vai trò, kết quả, hạn chế cùng những bài học kinh nghiệm trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1960.

Chương 2

NHÂN DÂN NAM BỘ ĐÁU TRANH GIỮ GÌN VÀ XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG TRONG NHỮNG NĂM 1954 - 1959

2.1. Âm mưu, hành động của Mỹ - Diệm và tình hình lực lượng cách mạng ở Nam Bộ sau Hiệp định Genève

2.1.1. Bối cảnh lịch sử và âm mưu, hành động của Mỹ - Diệm

2.1.1.1. Bối cảnh lịch sử

Từ giữa năm 1954 trở về sau, tình hình Nam Bộ có nhiều biến chuyển. Dưới sự hỗ trợ của chính quyền Mỹ, Ngô Đình Diệm được đưa về làm Thủ tướng của Quốc gia Việt Nam mà Quốc trưởng Bảo Đại phải miễn cưỡng chấp nhận. Sau khi ngồi vào chiếc ghế Thủ tướng ngày 7/7/1954, Ngô Đình Diệm từng bước biến Sài Gòn trở thành thủ phủ của chính quyền mới ở miền Nam Việt Nam. Thông qua những biện pháp của mình, Ngô Đình Diệm ra sức tranh giành quyền lực với các lực lượng thân Pháp còn hiện hữu ở Nam Bộ. Từ sau Hiệp định Genève, song song với quá trình tích cực chuẩn bị những công việc cần thiết cho sự kiến thiết nền chế độ mới của Ngô Đình Diệm ở Sài Gòn, chính quyền Mỹ cũng ép buộc thực dân Pháp phải sớm rút quân nhanh nhất có thể ra khỏi miền Nam Việt Nam. Được sự cố vấn đặc biệt từ các tướng lĩnh người Mỹ, Ngô Đình Diệm cùng người em trai là cố vấn Ngô Đình Nhu triển khai những sách lược cần thiết để loại trừ và tiêu diệt những thế lực chống đối họ ở Nam Bộ.

Không khó để nhận thấy, tình hình chính trị ở Nam Bộ kể từ sau Hiệp định Genève 1954 có những chuyển biến phức tạp và căng thẳng. Các thế lực đảng phái, giáo phái, những lực lượng thân Pháp đang ra sức chiếm giữ những vùng lãnh thổ nhất định và sự tranh giành ảnh hưởng chính trị tại đây diễn ra rất gay gắt. Edward G. Lansdale (nhân viên của cơ quan Tình báo Trung ương Hoa Kỳ - The Central Intelligence Agency (CIA), còn có biệt danh là “người tạo lập vua” - kingmaker, với thành tích nổi bật trong những hoạt động cố vấn, hỗ trợ các lực lượng đối lập, chống đối lật đổ chính phủ tại các quốc gia nhằm để thiết lập chính quyền thân

Mỹ, lệ thuộc và đi theo quỹ đạo do Mỹ vạch định) đã được giới chức ở Washington tiếp tục “chọn mặt gửi niềm tin”, hy vọng ông sẽ nối dài thành tựu của mình trong việc hỗ trợ Ngô Đình Diệm xây dựng thành công một “quốc gia” mới nữa tại Nam Việt Nam như ông đã từng thành công ở Philippines trước đó. Edward G. Lansdale cũng như nhiều nhân vật cấp cao đã được chính quyền Mỹ phái sang Nam Việt Nam nhằm để thực hiện những toan tính đó. Nhưng “bài toán lập quốc” tại Nam Việt Nam không dễ giải quyết như những nơi khác bởi sự phức tạp vốn có của nó, nhất là sự chống đối từ “những di sản” do thực dân Pháp để lại. Tình trạng cát cứ của các đảng phái, giáo phái ở Nam Bộ đã được Lansdale mô tả như sau: “Cao Đài và Hòa Hảo là những đại diện cho các lực lượng chính trị lớn mạnh nhất trong xã hội phân chia của Việt Nam sau Hiệp định Genève. Được tổ chức theo dòng của Giáo hội Công giáo với một “giáo chủ” là người đứng đầu, Cao Đài đã tuyên bố có hai triệu tín đồ, duy trì một đội quân 20.000 người và thực hiện quyền kiểm soát chính trị đối với phần lớn vùng đồng bằng sông Cửu Long. Lực lượng Hòa Hảo, với hơn một triệu tín đồ và một đội quân gồm 15.000 người, đã thống trị khu vực phía tây bắc Sài Gòn. Ngoài ra, lực lượng Bình Xuyên, một tổ chức giống như mafia do một tên cướp đứng đầu mang tên là Bảy Viễn, có một đội quân hơn 25.000 người, kiểm soát doanh thu từ cờ bạc và mại dâm ở Sài Gòn, và thực sự điều hành lực lượng cảnh sát thành phố” (Edward G. Lansdale, 1972, tr.171). Và “khi Ngô Đình Diệm lên nắm quyền, Cao Đài, Hòa Hảo và Bình Xuyên kiểm soát các phần đáng kể của miền Nam (chủ yếu ở Nam Bộ), cả về dân số và lãnh thổ. Đến mùa hè năm 1954, ba tổ chức tôn giáo - chính trị đã cùng nhau kiểm soát khoảng một phần ba lãnh thổ và dân số phía dưới vĩ tuyến mười bảy” (Jessica M. Chapman, 2013, tr.74).

Như vậy, sự tồn tại, cát cứ và những hoạt động tranh giành quyền lực giữa các đảng phái, giáo phái trong các địa phương Nam Bộ đã góp phần tạo ra những chuyển động chính trị phức tạp. Nếu ở miền Đông Nam Bộ, một bộ phận phái Cao Đài đang ra sức tranh giành quyền lực và ảnh hưởng với chính quyền họ Ngô thì ở miền Tây Nam Bộ, các lực lượng của Hòa Hảo cũng đang ra sức phô diễn thế lực không kém. Chưa kể lúc này ở Sài Gòn, lực lượng Bình Xuyên của Bảy Viễn

(Lê Văn Viễn) và các lực lượng thân Pháp còn lại cũng chứng tỏ sức mạnh ảnh hưởng và quyền lực của mình. Một bầu không khí chính trị ngột ngạt đang bao trùm trên toàn Nam Bộ theo cách mà không ai có thể tưởng tượng được kể từ khi Hiệp định Genève được ký kết.

Tuy nhiên, sự ngột ngạt về chính trị, những tranh giành quyền lực, ảnh hưởng, vùng kiểm soát và sự cát cứ trong nhiều địa phương của các lực lượng giáo phái, đảng phái ở Nam Bộ chưa phải là tất cả. Chính sự tăng cường các lực lượng “cổ vấn đặc biệt” của Mỹ và những nỗ lực lớn nhất có thể từ chính quyền Washington cho việc sớm hình thành, phát triển và đứng vững của chế độ VNCH tại Nam Bộ khiến cho tình hình chính trị nơi đây thêm phức tạp. Sau năm 1954, Nam Bộ thực sự trở thành một “chảo lửa chính trị” lớn trong khu vực và những tác nhân quan trọng, góp phần quyết định tạo ra “chảo lửa” ấy không xuất phát từ “bên trong” mà nó đến từ “bên ngoài” thông qua sự hiện diện và can thiệp ngày một gia tăng của chính quyền Mỹ cùng với lực lượng tay sai của mình là Ngô Đình Diệm với những âm mưu, hành động nhằm chia cắt Việt Nam vĩnh viễn và đó cũng là căn nguyên chính gây nên sự bất ổn định nhất tại vùng đất Nam Bộ lúc bấy giờ.

2.1.1.2. Âm mưu và hành động của Mỹ - Diệm

Sau khi thực dân Pháp thất bại, buộc phải ký Hiệp định Genève 1954 và lần lượt rút quân về nước theo thỏa thuận đã ký thì Mỹ nhanh chóng nhảy vào thay chân Pháp và âm mưu muốn biến Nam Việt Nam thành một “tiền đồn chống cộng”, một thuộc địa kiểu mới nhằm ngăn chặn “làn sóng đỏ” tràn xuống khu vực Đông Nam Á. Ngay từ những năm đầu thập niên 50 của thế kỉ XX, nhận thấy sự thất thế được biểu hiện ngày càng rõ rệt của quân đội Pháp trên chiến trường Đông Dương khiến cho các nhà hoạch định chính sách của Mỹ lo ngại và họ luôn bị “ám ảnh” bởi học thuyết domino mà người đứng đầu Nhà Trắng đã nêu ra từ những năm cuối của thập niên 40. Trong một bị vong lục của Hội đồng An ninh Quốc gia Mỹ đầu năm 1952 nhận định: “Việc một nước Đông Nam Á bị cộng sản xâm lược sẽ đem lại hậu quả nguy kịch về phương diện tâm lý, chính trị và kinh tế. Thiếu một sự phản đối có hiệu quả và kịp thời việc mất chỉ một nước trong vùng này chắc chắn có thể trong thời gian tương đối ngắn đưa các nước khác còn lại trong nhóm đến

đầu hàng hoặc đi theo chủ nghĩa cộng sản. Việc phần còn lại của Đông Nam Á với Ấn Độ và một thời hạn xa hơn, cả Trung Đông (có lẽ trừ Pakistan và Thổ Nhĩ Kỳ) dần dần và chắc chắn đi theo chủ nghĩa cộng sản sẽ đem lại nguy cơ cho sự ổn định và an ninh ở châu Âu” (The Pentagon Papers, 1971, tr.27-28). Và giới chức ở Lầu Năm Góc lo sợ rằng: “Cộng sản sẽ kiểm soát toàn bộ Đông Nam Á sẽ làm cho vị trí của Mỹ ở các mắt xích gồm các đảo ngoài khơi Thái Bình Dương trở lên mong manh và sẽ phá hoại nghiêm trọng lợi ích an ninh cơ bản của Mỹ ở Viễn Đông” (Đỗ Thiện và Đinh Kim Khánh, 1984, tr.237) nếu Pháp rút đi. Vì thế, chính quyền Washington “quyết định chọn Việt Nam làm nơi thí nghiệm chiến lược toàn cầu phản cách mạng của họ nhằm đè bẹp cách mạng Việt Nam, ngăn chặn và đẩy lùi chủ nghĩa cộng sản ở Đông Dương và Đông Nam Á. Qua đó răn đe các nước xã hội chủ nghĩa, đàn áp phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới” (Bộ Tư lệnh Quân khu 9, 1998, tr.278).

Để hiện thực hóa kế hoạch đầy tham vọng đó, chính quyền Mỹ không ngại thể hiện rõ dã tâm xâm lược của mình trước khi Hiệp định Genève được ký kết. Ngày 24/6/1954, Ngoại trưởng Mỹ John Foster Dulles hội đàm với các nhà lãnh đạo trong Quốc hội Mỹ và nhận định rằng: “Điều cơ bản là phải lập ra một phòng tuyến mà cộng sản không thể vượt qua, rồi sau đó giữ vững vùng này và chiến đấu lật đổ (các chính thể cộng sản) trong khu vực này với tất cả sức mạnh mà chúng ta (Mỹ) có thông qua viện trợ kinh tế và xây dựng một lực lượng quân sự hùng mạnh. Mỹ phải đi đầu trong việc hình thành một tập đoàn phòng thủ khu vực đủ mạnh để duy trì tự do tại Đông Nam Á” (George C. Henring, 1986, tr.41). Cái “tự do” mà Ngoại trưởng Mỹ Foster Dulles tuyên bố đó là nước Mỹ phải thiết lập cho bằng được một “quốc gia vệ tinh” ở miền Nam Việt Nam mà thủ phủ đặt ở Sài Gòn, nhằm biến nơi đây thành một thuộc địa kiểu mới của họ và điều đó rõ ràng nằm trong âm mưu xâm lược Việt Nam của chính quyền Washington. Bởi vì lúc bấy giờ, “chính quyền Eisenhower đã suy luận chính xác rằng việc để mất hầu hết các thuộc địa ở Đông Dương, Pháp sẽ nhanh chóng từ bỏ miền Nam Việt Nam. Một điều rõ ràng có thể thấy là tổ chức Việt Minh của Hồ Chí Minh sẽ giành chiến thắng trong bất kỳ cuộc bầu cử toàn quốc nào. Cay cú vì để miền Bắc Việt Nam rơi vào sự bành trướng

của Cộng sản, Eisenhower và Dulles quyết định tạo ra một “nhà nước mới” ở khu vực tập hợp phía Nam như một lực lượng chống lại bất kỳ sự bành trướng nào của Cộng sản trong khu vực” (James E. Westheider, 2007, tr.7).

Hiệp định Genève 1954 ký chưa kịp ráo mực, chính quyền Mỹ lộ rõ lập trường của mình thông qua những tuyên bố sẽ không tuân thủ những điều khoản của hiệp định. Trong cuộc họp báo ngày 21/7/1954 tại Washington, Tổng thống Mỹ Eisenhower tuyên bố: “Mỹ không phải là một bên tham chiến trong chiến tranh (Đông Dương)... Do đó chúng tôi không phải là một bên có những quyết định ở Hội nghị Genève hay bị những quyết định ấy ràng buộc” (D.D.Eisenhower, 1965, tr.448). Ngay sau lời tuyên bố hùng hồn, quyết liệt đó của người đứng đầu Nhà Trắng, đến ngày 8/9/1954, chính quyền Mỹ cho thành lập Tổ chức Liên minh Phòng thủ Đông Nam Á (SEATO) để thực hiện âm mưu chia cắt Việt Nam vĩnh viễn, biến Nam Việt Nam trở thành thành viên và đặt dưới sự bảo hộ của tổ chức này. Các giới chức Mỹ cũng nhận định rằng: “Miền Nam Việt Nam cần có một chính phủ mạnh, một chính phủ có thể tiêu trừ các phần tử rối loạn, bằng một tổ chức cảnh sát mạnh với một đội sen đầm hiệu lực” (Trần Văn Giàu, 1964, tr.33).

Tháng 8 năm 1954, Hội đồng An ninh Quốc gia Mỹ đưa ra ba chính sách lớn ở Nam Việt Nam. “*Về kinh tế*, đẩy Pháp ra khỏi các đồn bẫy chỉ huy, thống nhất chương trình cải cách ruộng đất và định cư dân di cư, cộng tác với Pháp nhưng “khuyến khích” cho chuyển giao chức năng kiểm soát về tài chính, hành chính, kinh tế cho người Việt Nam. Giao viện trợ trực tiếp cho người Việt Nam không thông qua Pháp. *Về quân sự*, chỉ cộng tác với Pháp ở mức cần thiết để xây dựng lại lực lượng quân sự bản xứ có thể bảo đảm an ninh nội bộ. *Về chính trị*, Pháp phải trao quyền độc lập hoàn toàn cho Nam Việt Nam (kể cả quyền rút khỏi Liên hiệp Pháp) và phải ủng hộ một chính phủ bản xứ mạnh. Diệm phải mở rộng cơ sở Chính phủ, bầu ra Quốc hội, thảo Hiến pháp và phé truất Bảo Đại một cách hợp pháp, cần có sự ủng hộ của Pháp trong các chính sách này...” (Nhật ký Lầu Năm Góc, tập 1, tr.38). Đến ngày 6/12/1954, Ngoại trưởng Mỹ F.Dulles tuyên bố là: “Nước Mỹ nhằm về chính trị, bảo toàn và củng cố chính phủ Ngô Đình Diệm, về quân sự, xây dựng một quân đội Việt Nam được tập luyện và được trang bị hơn”

(Trần Văn Giàu, 1964, tr.33-34).

Rõ ràng, trên thực tế kể từ cuối năm 1954, chính quyền Mỹ đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ và giúp đỡ cho quá trình định hình vững chắc của CQSG ở Nam Bộ. Sau những lời tuyên bố mạnh mẽ và đầy quyết tâm của giới chức Mỹ ở Lầu Năm Góc và Nhà Trắng là hàng triệu đô la, hàng trăm ngàn tấn vũ khí phương tiện chiến tranh hiện đại cùng những “cố vấn đặc biệt” của chính quyền Mỹ được đưa đến Nam Việt Nam để giúp Ngô Đình Diệm “xây dựng quốc gia” mới. “Từ giữa năm tài chính 1955 đến năm 1961, Hoa Kỳ đã chuyển hơn 1,5 tỷ đô la kinh tế và 500 triệu đô la viện trợ quân sự cho Việt Nam Cộng hòa” (John Prados, 2009, tr.58).

Ngày 08/11/1954, tổng thống Mỹ Eisenhower phái Collins sang Sài Gòn, ngày 17/11/1954, Collins trở thành đại sứ của Mỹ tại đây. Trước khi đến Sài Gòn, Collins mang theo một bản kế hoạch với 6 điểm chính: “(1) - Bảo trợ chính quyền Diệm. Viện trợ trực tiếp cho Chính phủ Sài Gòn; (2) - Xây dựng quân đội Sài Gòn gồm 15 vạn quân do Mỹ huấn luyện, trang bị; (3) - Bầu cử Quốc hội, hợp pháp hóa chính quyền Sài Gòn; (4) - Định cư cho số Công giáo miền Bắc di cư và vạch kế hoạch cải cách điền địa; (5) - Thay đổi chế độ thuế khóa, dành ưu tiên cho hàng Mỹ vào miền Nam; (6) - Đào tạo cán bộ hành chính” (Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, 2015, tr.60).

Nhìn vào kế hoạch này của chính quyền Mỹ có thể thấy, đây là âm mưu và hành động xâm lược được ẩn giấu một cách tinh vi dưới một hình thức mới. Chính quyền Washington thực chất đang tiến hành một hình thức xâm lược thực dân kiểu mới ở miền Nam Việt Nam. Và “đặc điểm của chủ nghĩa thực dân mới là ở chỗ nó được thực hiện không phải bằng hệ thống cai trị trực tiếp của bọn đế quốc mà thông qua một chính quyền tay sai đại biểu quyền lợi cho giai cấp địa chủ phong kiến và tư sản mại bản khoác áo “dân tộc dân chủ” giả hiệu” (Lê Duẩn, 1970, tr.18). Âm mưu đã rõ và hành động sau đó của chính quyền Mỹ là cử hàng trăm “cố vấn” sang Nam Việt Nam để chỉ huy và chỉ đạo tổ chức quá trình huấn luyện, chiến đấu cho QĐSG.

Từ những tháng cuối năm 1954 cho đến cuối năm 1955, dưới sự hỗ trợ tích cực từ chính quyền Mỹ, Ngô Đình Diệm nhanh chóng kiểm soát và giành quyền

lãnh đạo ở Nam Bộ. Từ Thủ tướng của Quốc gia Việt Nam thông qua cuộc “trung cầu dân ý” giả tạo, Ngô Đình Diệm từng bước loại trừ Quốc trưởng Bảo Đại và nghiễm nhiên trở thành Tổng thống của chính thể VNCH từ ngày 26/10/1955. Song song với tiêu diệt các lực lượng tướng lĩnh thân Pháp còn lại ở Nam Bộ, Ngô Đình Diệm còn tận diệt các giáo phái và tổ chức chống đối. Lực lượng Bình Xuyên của Lê Văn Viễn bị tiêu trừ cuối năm 1955 sau trận chiến Sài Gòn đầy khói lửa và thương vong. Các giáo phái Cao Đài ở đất thánh Tây Ninh nhanh chóng bị Ngô Đình Diệm mua chuộc và lực lượng chống đối cũng bị chính quyền đánh tan rã. Lực lượng Phật giáo Hòa Hảo ở miền Tây Nam Bộ cũng bị chính quyền họ Ngô mua chuộc, dụ dỗ và tiêu trừ những thành phần bất tuân, chống đối họ.

Có thể thấy, từ sau Hiệp định Genève tình hình chính trị ở Nam Bộ có những chuyển biến nhanh và phức tạp. Sự gia tăng các hành động xâm lược của chính quyền Mỹ cộng thêm sự tranh giành quyền lực và ảnh hưởng của các đảng phái, giáo phái trong những mưu đồ cát cứ và những lợi ích chính trị khác nhau được xem là những tác nhân quan trọng khiến cho tình hình Nam Bộ thêm căng thẳng. Tất cả những hành động quyết liệt của CQSG ở miền Nam Việt Nam bộc lộ rõ âm mưu và quyết tâm chia cắt lâu dài vĩnh viễn Việt Nam của giới chức Mỹ. Điều này được thể hiện rõ thông qua những phác họa trong bị vong lục của Hội đồng An ninh Quốc gia Mỹ số 561/1 ngày 3/9/1956: “Giúp đỡ nước Việt Nam tự do (Nam Việt Nam) phát triển một chính phủ hợp hiến, ổn định và hùng mạnh để có thể khẳng định sự tương phản ngày càng hấp dẫn so với miền Bắc cũng như ở miền Nam Việt Nam, để cuối cùng đi đến thống nhất nước Việt Nam bằng phương pháp hòa bình, thành lập nước Việt Nam tự do, độc lập dưới sự lãnh đạo của chính phủ chống Cộng sản” (Trần Hải Phụng và Lưu Phương Thanh, 1994, tr.283). Và đi liền với những âm mưu, hành động đó của chính quyền Mỹ là những hoạt động đàn áp, khủng bố và đánh phá khốc liệt nhằm diệt trừ các lực lượng, đảng phái chống đối của CQSG ở Nam Việt Nam mà Nam Bộ được xem là trọng điểm.

2.1.2. Tình hình lực lượng cách mạng ở Nam Bộ

2.1.2.1. Hoạt động tập kết, chuyển quân

Trước khi Hiệp định Genève 1954 được ký kết, từ ngày 15/7/1954 đến ngày

17/7/1954, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam họp Hội nghị lần thứ 6 mở rộng. Hội nghị xác định: “Đế quốc Mỹ là một trở lực chính ngăn cản việc lập lại hòa bình ở Đông Dương... và hiện đang trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân Đông Dương”. Do đó, phải “chĩa mũi nhọn đấu tranh vào đế quốc Mỹ và hiếu chiến Pháp” nhằm “củng cố hòa bình và thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong toàn quốc” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, tập 15, tr.225). Cũng tại hội nghị này, Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày bản báo cáo quan trọng về tình hình, nhiệm vụ mới của cách mạng Việt Nam. Để hoàn thành nhiệm vụ và đẩy mạnh công tác trước mắt, phương châm công tác ở miền Nam trong giai đoạn mới là “... kết hợp chặt chẽ công tác hợp pháp và công tác không hợp pháp nhưng lấy công tác không hợp pháp làm chính; đồng thời hết sức lợi dụng mọi khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp mà tuyên truyền, giáo dục quần chúng đông đảo, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Tuyệt đối không nên để bộc lộ lực lượng, song cũng không được vin vào lý do bí mật mà thủ tiêu công tác. Tổ chức công khai phải thật rộng rãi, tổ chức bí mật phải thật trong sạch và vững chắc” và “những cán bộ lộ mặt quá thì trừ trường hợp đặc biệt có thể ở lại một số, hoạt động công khai, còn nói chung nên chuyển vào bí mật hoặc điều động ra công tác ở vùng tự do. Những bộ đội và du kích ở lại, nên có công ăn việc làm để có đủ điều kiện tiếp tục công tác tuyên truyền, giáo dục, tổ chức quần chúng” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, tập 15, tr.196-197).

Đến ngày 6/9/1954, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp và ra Chỉ thị về *tình hình mới, nhiệm vụ công tác mới và chính sách mới của Đảng ở miền Nam Việt Nam*. Những đặc điểm của tình hình miền Nam được Chỉ thị phân tích rõ: Kẻ thù trước mắt là đế quốc Mỹ, hiếu chiến Pháp và tay sai của họ (chính quyền Ngô Đình Diệm); khẩu hiệu chung của miền Nam là: Hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và nhiệm vụ chung là: Củng cố hòa bình, đòi tự do, dân chủ và cải thiện dân sinh, tiến tới thực hiện thống nhất và hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc. Ba nhiệm vụ trước mắt của miền Nam là: “(1) - Thi hành triệt để Hiệp định đình chiến [...] Đấu tranh đòi Pháp phải thi hành đúng Hiệp định [...] Căn dựa vào những điều khoản của Hiệp định Genève và những điều thỏa thuận ở Trung Giã; (2) -

Chuyển hướng công tác cho thích hợp với điều kiện hòa bình; (3) - Đoàn kết rộng rãi, tập hợp mọi lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình, đấu tranh để đánh đổ Chính phủ Ngô Đình Diệm thân Mỹ, vận động lập nên một chính phủ: Không thân Mỹ, phản đối khối xâm lược Đông Nam Á của Mỹ; Tán thành đình chiến và hòa bình; Thừa nhận quyền tự do dân chủ của nhân dân; Tán thành thống nhất bằng tổng tuyển cử...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, tập 15, tr.274).

Đồng thời Chỉ thị của Trung ương Đảng cũng nhắc nhở: “Tổ chức quần chúng chủ yếu là hợp pháp và nửa hợp pháp... phương thức đấu tranh cần ôn hòa. Không kể những hình thức đấu tranh vũ trang phải đình chỉ mà những hình thức như biểu tình, mít tinh, bãi công, bãi thị, bãi khóa... cũng phải cân nhắc để sử dụng một cách thận trọng và tiến hành theo nguyên tắc có lý, có lợi, có mức... Cần dựa vào những luật pháp và những điều hứa hẹn của Pháp và ngụy quyền mà đòi hỏi, yêu cầu. Nên dùng những hình thức đấu tranh hợp pháp nhưng không phải chỉ bó hẹp mình trong những hình thức ấy” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, tập 15, tr.280-281). Ngày 7/9/1954, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp ra Nghị quyết về tình hình mới và nhiệm vụ mới. Theo đó, nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là: “Từ ĐTVT chuyển sang ĐTCT, lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh thực hiện đình chiến củng cố hòa bình, thực hiện dân chủ cải thiện dân sinh, thực hiện thống nhất, tranh thủ độc lập, đồng thời phải lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống những hành động khủng bố đàn áp cơ sở của ta, bắt bớ cán bộ ta và quần chúng cách mạng, chống những hành động tấn công của địch ngụy giữ lấy quyền lợi quần chúng đã giành được trong thời kỳ kháng chiến nhất là ở vùng căn cứ địa và du kích của ta” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, tập 15, tr.308).

Triển khai Nghị quyết của Bộ Chính trị, ở Nam Bộ dưới sự lãnh đạo của Trung ương Cục miền Nam, công cuộc chuyển quân tập kết và sắp xếp bố trí lại lực lượng chuẩn bị cho cuộc đấu tranh mới tiến hành một cách khẩn trương, tích cực. Bộ đội và cán bộ ở Phân Liên khu miền Đông chuyển về khu tập kết tạm thời ở Xuyên Mộc, Hàm Tân (80 ngày) và Cao Lãnh (100 ngày). Bộ đội và cán bộ Phân Liên khu miền Tây chuyển về khu tập kết tạm thời ở khu vực Cà Mau (200 ngày). Trong những ngày tập kết chuyển quân, Đảng bộ Nam Bộ ra sức hoàn thiện, thực hiện

những chính sách tiến bộ, ích nước lợi dân. Hàng chục vạn ha ruộng đất được cách mạng cấp cho nông dân nghèo ở các vùng tạm bị chiếm. Tại những chỗ tập kết tạm thời, cách mạng cấp phát hàng chục tấn gạo, hàng trăm, hàng ngàn bạc Đông Dương cho các gia đình nghèo. Công tác sửa sang, xây dựng tu sửa đường, trường, các lớp học xóa mù chữ được mở ra để giúp đồng bào trong các thị trấn biết đọc, biết viết. Ở Cao Lãnh (Đồng Tháp), bộ đội, cán bộ và nhân dân xây đài liệt sĩ ở ngã tư Cao Lãnh, xây lại mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại xã Hòa An. Vùng tập kết tạm thời 200 ngày tại Cà Mau được quy định phía Bắc là sông Cái Lớn từ Vàm tới ngã ba Nước Trong tới ấp Xẻo Lá, phía Đông chạy dọc theo kênh Xáng Ngan Dừa đến Vĩnh Hưng, từ Vĩnh Hưng theo dọc đường thẳng trục Nam ra biển, chiếm tới 2/3 diện tích tỉnh Bạc Liêu. Trong 6 tháng ngành giáo dục cùng bộ đội đã thanh toán nạn mù chữ tới 75% cho số người không biết đọc, biết viết (Lê Hồng Lĩnh, 2006, tr.16). Các trạm y tế, tổ thuốc nam, nhà bảo sinh được củng cố xây dựng ở các xã. Công tác vệ sinh công cộng, tẩy uế ở các chợ, thị trấn được bộ đội và nhân dân cùng làm. Đường sá, cầu cống, các công trình công cộng được tu sửa... tạo thuận tiện cho sự đi lại của nhân dân.

2.1.2.2. Bố trí lực lượng, cất giấu vũ khí và chuẩn bị cho cuộc đấu tranh mới

Để bộ máy tổ chức được gọn nhẹ, dễ hoạt động trong điều kiện bí mật, Bộ Chính trị quyết định thay Trung ương Cục miền Nam, thành lập XUNB và các Khu ủy. Trên cơ sở nhiệm vụ công tác mới của cách mạng miền Nam, Trung ương Đảng, Bộ Chính trị quyết định tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với miền Nam. Tháng 8 năm 1954, Trung ương phân công Lê Duẩn ở lại Nam Bộ lãnh đạo cách mạng, cử phái đoàn do Lê Đức Thọ dẫn đầu vào Nam Bộ để phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, về hiệp định đình chiến. Phạm Văn Đồng thay mặt Trung ương Đảng giao nhiệm vụ cho một số trí thức như Nguyễn Hữu Thọ, Phạm Huy Thông... vào Nam Bộ hoạt động trong phong trào Hòa bình. Sự tăng cường lực lượng lãnh đạo của Đảng ở Nam Bộ tạo niềm phấn khởi và tin tưởng cho cán bộ, đảng viên hàng ngày phải đối mặt với các hoạt động khủng bố khốc liệt của CQSG. Trung ương Đảng còn tiến hành đào tạo, huấn luyện cấp tốc một số cán bộ, đảng viên trung kiên theo con đường di cư vào Nam hoạt động

trong lòng đôi phương (Viện Lịch sử Đảng, 2015, tr.21). Đồng thời, Bộ Chính trị cũng chỉ thị cho Nam Bộ xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất, bao gồm đông đảo các tầng lớp, giai cấp công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc, nhân sĩ yêu nước, cả phần tử tư sản mại bản và địa chủ tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ... dựa trên nền tảng liên minh công nông, dưới sự lãnh đạo của Đảng (Viện Lịch sử Đảng, 2015, tr.53).

Tháng 10 năm 1954, tại Kênh 13, xã Vĩnh Thuận (Kiên Giang) vùng kênh Xáng Chắc Băng dưới sự chủ trì của Lê Duẩn, hội nghị thành lập XUNB được tổ chức. Tại Hội nghị thành lập XUNB, những Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (mở rộng) tháng 7 năm 1954 và Chỉ thị ngày 6/9/1954 của Bộ Chính trị được Hội nghị nghiên cứu kỹ lưỡng, những nhiệm vụ cụ thể của Đảng bộ Nam Bộ cũng được hội nghị đề ra. Trong hội nghị này, Lê Duẩn được bầu làm Bí thư, đồng thời phân chia lại Nam Bộ cho phù hợp với tình hình mới. Địa giới Nam Bộ lúc bấy giờ được chia thành 3 Liên tỉnh: Liên tỉnh miền Đông Nam Bộ, Liên tỉnh miền Trung Nam Bộ, Liên tỉnh miền Tây Nam Bộ và Khu Sài Gòn - Chợ Lớn.

Quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng, Hội nghị đề ra những nhiệm vụ cụ thể cho các cấp ủy Đảng ở Nam Bộ là: “Giữ gìn và củng cố hòa bình, đòi tự do dân chủ, cải thiện dân sinh, tiến tới thực hiện thống nhất, độc lập trong cả nước” (Viện Lịch sử Đảng, 2008, tr.41). Hội nghị khẳng định phương châm công tác của cách mạng Nam Bộ là: “Kết hợp công tác bí mật với công tác công khai và bán công khai. Tổ chức và hoạt động của Đảng phải hết sức bí mật để củng cố và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; tổ chức và hoạt động của phong trào quần chúng thì cần lợi dụng các hình thức công khai và bán công khai để mở rộng phong trào. Phải luôn khôn khéo, không chủ quan khinh địch, tránh địch khiêu khích, đề phòng mật thám, gián điệp chú ý giữ gìn và củng cố lực lượng. Phương pháp đấu tranh thay đổi từ hình thức đấu tranh quân sự sang ĐTCT nên phải củng cố, phát triển cơ sở nông thôn, mở rộng và đẩy mạnh công tác đô thị, phối hợp chặt chẽ công tác đô thị với nông thôn”. Về mặt tổ chức, Hội nghị đề ra chủ trương xây dựng, củng cố chi bộ ở nông thôn theo hướng điều chỉnh lại tổ chức chi bộ bí mật, điều chỉnh lại chi ủy bí mật, có kế hoạch phân công đảng viên phụ trách theo từng ấp, xóm;

đảng viên nòng cốt đi sát quần chúng nòng cốt trong nông hội, dân quân, thanh niên, phụ nữ, nắm sát quần chúng trong từng cụm nhà, từng khu vực nhỏ, từng ấp. Bên cạnh đó phát triển thêm chi bộ ở thành thị (Viện Lịch sử Đảng, 2015, tr.62-63).

Sau khi giải thể Trung ương Cục miền Nam, XUNB là cấp trực thuộc Trung ương, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng Nam Bộ. Ngoài ra, Văn phòng Xứ ủy cùng các ban chuyên trách cũng được thành lập và lần lượt được chuyển vào nội đô Sài Gòn để tiện chỉ đạo phong trào đấu tranh ngay tại sào huyệt của đối phương. Về cơ sở Văn phòng XUNB: Văn phòng Xứ ủy chia thành hai bộ phận, một đóng ở căn cứ cũ tại Cà Mau do Bí thư XUNB là Lê Duẩn phụ trách, một bộ phận đóng ở Sài Gòn do Phó Bí thư Xứ ủy Hoàng Du Khương phụ trách. Nhiệm vụ của cơ sở Văn phòng Xứ ủy chủ yếu là đảm bảo giao thông liên lạc, phục vụ các cuộc họp của Xứ ủy, của các lãnh đạo chủ chốt, giúp các lãnh đạo viết các văn bản chỉ đạo, quản lý tài chính, bảo vệ cơ quan và các lãnh đạo. Đến tháng 6 năm 1956, cơ sở Văn phòng Xứ ủy chuyển sang Phnom Penh (Campuchia) hoạt động nhằm tránh sự phát hiện của CQSG.

Các ban chuyên trách gồm có: Ban Đảng vụ sau đổi thành Ban Tổ chức có nhiệm vụ giúp Xứ ủy về công tác xây dựng Đảng, tổ chức bộ máy và cán bộ. Ban Tuyên huấn có nhiệm vụ giúp Xứ ủy lãnh đạo công tác tư tưởng cán bộ, đảng viên và quần chúng. Ủy ban đấu tranh được thành lập cuối năm 1955, có nhiệm vụ tuyên truyền cho hiệp thương, tổng tuyển cử thống nhất đất nước; vận động và chỉ đạo phong trào đấu tranh đòi hiệp thương của nhân dân Nam Bộ. Ban Nghiên cứu (sau đổi thành Ban Địch tình) có nhiệm vụ nắm tình hình kinh tế, chính trị của đối phương; xây dựng và chỉ đạo các cơ sở điệp báo trong các cơ quan tình báo, cảnh sát, các cơ quan cao cấp của CQSG, các đảng phái tôn giáo phản động để nắm tình hình, âm mưu tổ chức và hoạt động của đối phương nhằm phục vụ cho sự lãnh đạo và chỉ đạo của Xứ ủy; xây dựng căn cứ, bảo vệ cấp ủy. Ban Binh vận có nhiệm vụ tham mưu cho Xứ ủy lãnh đạo công tác vận động binh sĩ, sĩ quan, viên chức CQSG, tổ chức vận động phong trào quần chúng và gia đình binh sĩ; giáo dục tù binh, hàng binh; bí mật tổ chức công tác nội tuyến; huấn luyện đào tạo cán bộ binh vận, xây

dựng hệ thống tổ chức binh vận trực thuộc các cấp ủy Đảng. Ban Dân vận được thành lập cuối năm 1954, do Nguyễn Văn Linh làm Trưởng ban. Ngoài ra, XUNB còn thành lập các ban giúp việc khác như Ban Phụ vận, Ban Thanh vận, Ban Kinh tài, Ban Cơ yếu, Ban Giao thông liên lạc... Các ban này giúp Xứ ủy trong việc triển khai các chỉ đạo và tổ chức thực hiện những nhiệm vụ quan trọng mà XUNB giao đảm trách.

Sau các đợt tập kết chuyển quân theo tinh thần của Hiệp định Genève, hệ thống tổ chức các Liên tỉnh ủy, Tỉnh ủy, Huyện ủy được tổ chức hoàn chỉnh khắp cả Nam Bộ. Thực hiện chủ trương của Hội nghị thành lập XUNB, từ tháng 10 năm 1954 đến năm 1955, các Liên tỉnh ủy, Khu ủy lần lượt được thành lập. Tháng 10 năm 1954, Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn được thành lập. Cũng trong tháng 10 năm 1954, Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ được thành lập do Nguyễn Minh Đường làm Bí thư. Liên tỉnh ủy phụ trách các tỉnh Tân An, Mỹ Tho, Sa Đéc, Bến Tre, Gò Công, Long Xuyên, Châu Đốc, Kiên Phong, Kiên Tường. Từ cuối năm 1954 đầu năm 1955, Liên tỉnh ủy miền Tây và Liên tỉnh ủy miền Đông cũng được thành lập. Liên tỉnh ủy miền Tây trực tiếp lãnh đạo các tỉnh Bạc Liêu, Long Châu Hà, Vĩnh Trà, Rạch Giá, Sóc Trăng, Cần Thơ do Phạm Thái Bường làm Bí thư Liên tỉnh ủy. Liên tỉnh ủy miền Đông trực tiếp lãnh đạo các tỉnh Gia Định, Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Bà Rịa, Chợ Lớn, Tân An do Phan Đức làm Bí thư Liên tỉnh ủy. Có thể thấy, việc chia Nam Bộ thành các Liên tỉnh ủy và Khu, thành lập các cơ quan lãnh đạo tương ứng giúp XUNB có điều kiện nắm sát tình hình cũng như thuận tiện trong việc đưa ra những chỉ đạo cụ thể, phù hợp với đặc điểm từng vùng (Viện Lịch sử Đảng, 2015, tr.67-68).

Đến thời điểm đầu năm 1955, về cơ bản, bộ máy chỉ đạo của Đảng ở Nam Bộ từ Xứ ủy, Liên tỉnh ủy đến Khu ủy, Tỉnh ủy, Huyện ủy được sắp xếp xong. Hầu hết các tổ chức Đảng, tổ chức cách mạng đều rút vào hoạt động bí mật. Tại Nam Bộ lúc này có hơn 60.365 đảng viên. Đảng viên được chia làm 3 loại: loại A là những đảng viên trung kiên, tích cực, hoạt động trong các chi bộ bí mật, loại B là những đảng viên trung bình, được sinh hoạt đơn tuyến, loại C là những đảng viên có vấn đề phức tạp, tạm thời cắt liên lạc (Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam

Bộ kháng chiến, 2010, tập 2, tr.39).

Ngày 25/8/1955, XUNB ra chỉ thị về nhiệm vụ công tác Đảng của Đảng bộ Nam Bộ từ tháng 8 đến cuối năm 1955. Chỉ thị yêu cầu các cấp Đảng bộ tiếp tục củng cố Đảng, chú ý sửa đổi lề lối làm việc giữa tỉnh, huyện, xã để kịp thời sát hơn, bảo đảm bí mật, kiện toàn các ban chuyên môn để đưa người phụ trách giúp cấp ủy liên tỉnh và tỉnh; phải củng cố lại Ban Bảo vệ Đảng các cấp để chống lại hoạt động khủng bố của đối phương; gây dư luận rộng rãi trong nhân dân chống những hành động đàn áp, khủng bố của QĐSG. Bên cạnh đó, nhiều cơ sở cách mạng trong lòng đối phương được Đảng chủ trương phát triển. Công tác tuyên truyền vận động các binh sĩ và gia đình các binh sĩ được tăng cường đẩy mạnh. CQSG thừa nhận là XUNB đã vận động đưa một số cán bộ Đảng vào công tác trong các ngành Dân - Quân - Chính của Chính phủ Quốc gia Việt Nam để ngấm ngầm âm mưu bí mật hoạt động. Nhiều tỉnh ở Nam Bộ, từ đô thành Sài Gòn cho đến các tỉnh miền Tây Nam Bộ như Bạc Liêu, Rạch Giá, Cần Thơ, Vĩnh Long, Trà Vinh... hàng trăm cán bộ của cách mạng đã thâm nhập vào hàng ngũ của đối phương, còn gọi là “nằm vùng”, chờ đợi thời cơ thuận lợi để hoạt động và tuân theo sự chỉ đạo của cấp trên.

Đề phòng CQSG không thi hành hiệp định, một số cán bộ phần lớn là cán bộ huyện đội, xã đội, bộ đội địa phương được cách mạng bố trí ở lại hoạt động. Vũ khí được đem cất giấu để sử dụng khi cần thiết. Sau Hiệp định Genève 1954, có hơn “25.000 du kích trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp được bố trí ở lại và để lại nhiều cán bộ quân sự, để lại khoảng 10.000 khẩu súng các loại, chôn cất bí mật trên 300 địa điểm, có khu có tỉnh để lại cả tiểu đoàn như khu 2, Bến Tre” (Ban Tổng kết chiến tranh B2, 1979a, quyển 2, tr.78-79). Các Tỉnh ủy bí mật được Xứ ủy chỉ định. Các Tỉnh ủy chỉ định các Huyện ủy và các Huyện ủy chỉ định lại các chi ủy. Các ban chấp hành huyện ủy, chi ủy được kiện toàn, tinh giảm về số lượng, tăng cường về chất lượng để đảm bảo lãnh đạo đấu tranh trong tình hình mới.

Các cán bộ, đảng viên ở Nam Bộ được học tập, giáo dục về tình hình nhiệm vụ mới. Các đoàn thể, tổ chức chính trị quần chúng trước đây đều giải thể và thay thế bằng các “hội biến tướng” như tổ đội công, tổ chức bình dân học vụ, hội phụ

huynh học sinh, hội cứu tế, hội thể thao, hội đình chùa, các tổ nữ công gia chính... Đảng viên bám chắc quần chúng, tổ chức và lãnh đạo quần chúng theo hệ thống nòng cốt và cốt cán. Về binh vận, XUNB chủ trương đưa cán bộ, chiến sĩ vào lực lượng vũ trang của CQSG và đưa người của cách mạng vào cơ quan chính quyền của đối phương, đưa người vào các hội đồng xã, tè ấp, ủy viên cảnh sát để góp phần che giấu lực lượng, ủng hộ phong trào đấu tranh của quần chúng, bảo vệ nhân dân và cơ sở. Về kinh tế tài chính hoàn toàn dựa vào sự ủng hộ giúp đỡ của nhân dân.

Sau khi tổ chức, sắp xếp lại LLCM và hoàn tất quá trình tập kết chuyển quân theo đúng quy định của Hiệp định Genève, quân và dân miền Nam nói chung và ở Nam Bộ nói riêng bước vào một thời kỳ đấu tranh cách mạng mới với những khó khăn, thử thách lớn. Đó là thời kỳ đấu tranh quyết liệt của quân và dân Nam Bộ để buộc CQSG thi hành những quy định của Hiệp định Genève 1954. Đồng thời trong hai năm đấu tranh quyết liệt này, những hoạt động giữ gìn LLCM cũng được Đảng bộ và nhân dân Nam Bộ tiến hành mạnh mẽ, khéo léo và sáng tạo nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn đấu tranh cách mạng lúc bấy giờ, nhất là khi chính quyền họ Ngô thẳng thừng từ chối hiệp thương, tổng tuyển cử để thống nhất hai miền Nam - Bắc Việt Nam.

2.2. Nhân dân Nam Bộ đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Genève 1954 và giữ gìn lực lượng cách mạng trong những năm 1954 - 1956

2.2.1. Đấu tranh đòi chính quyền Sài Gòn thi hành Hiệp định Genève

Sau quá trình tập kết chuyển quân hoàn tất giữa hai miền Nam - Bắc Việt Nam, chính phủ VNDCCH tăng cường xúc tiến tiến trình bình thường quan hệ giữa hai miền để tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân hai miền tự do đi lại và liên lạc với nhau. Ngày 4/2/1955, Hội đồng Chính phủ VNDCCH đề nghị với CQSG lập lại quan hệ bình thường giữa hai miền. Trong các ngày 6/6/1955, ngày 19/7/1955, Chính phủ VNDCCH lại đề nghị CQSG mở hội nghị hiệp thương và ngày 20/7/1955 để bàn về vấn đề tổ chức, tổng tuyển cử trong cả nước vào tháng 7 năm 1956. Nhưng đáp lại những lời đề nghị hiệp thương, thiện chí đó của Chính phủ VNDCCH là sự thẳng thừng cự tuyệt từ phía Mỹ - Diệm. Với âm mưu hòng chia

cắt vĩnh viễn Việt Nam, chính quyền Mỹ xúc tiến nhanh quá trình “sinh thành” ra nước VNCH ngay khi Hiệp định Genève chưa kịp ráo mực.

Kể từ sau Hiệp định Genève 1954, Ngô Đình Diệm không tuân thủ những quy định trong hiệp định và dấn đạp lên công pháp quốc tế khi liên tiếp có những hành động trắng trợn vi phạm hiệp định một cách nghiêm trọng. Ngô Đình Diệm “không hề giấu giếm về kế hoạch sử dụng các biện pháp tàn nhẫn nhằm nhận diện, săn lùng và loại bỏ tất cả các cán bộ Việt Minh vẫn ở lại miền Nam Việt Nam” (Edward Miller, 2016, tr.259). Những hành động đàn áp, bắt bớ và tù đày những người kháng chiến cũ, người dân vô tội mà Ngô Đình Diệm nghi là cộng sản diễn ra hàng ngày hàng giờ ở Nam Bộ. CQSG còn tổ chức các cuộc phản đối Hiệp định Genève và họ ngang ngược vu khống cho chính quyền VNDCCH là đã “chia cắt đất nước”. CQSG gọi ngày 20/7 (thực tế ngày ký hiệp định là ngày 21/7) ngày ký Hiệp định Genève là “ngày quốc hận” và cho treo cờ rủ. Trong tháng 7 năm 1955 và tháng 7 năm 1956, chính quyền họ Ngô huy động người trong Phong trào cách mạng quốc gia, dùng người Công giáo di cư làm nòng cốt, xuống đường biểu tình, ném đá vào trụ sở Phái đoàn liên lạc Quân đội Nhân dân Việt Nam ở số 87A đường Trần Kế Xương, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. Thậm chí họ còn tấn công cả các thành viên của Ủy hội quốc tế đang đóng tại hai khách sạn Majestic và Gallieni. Đến năm 1955, chính quyền Ngô Đình Diệm thẳng thừng “xé bỏ” Hiệp định Genève. Họ không tuân thủ theo những quy định trong hiệp định. Chính quyền Mỹ và CQSG lo sợ một khi hiệp thương, tổng tuyển cử diễn ra trong cả nước thì phần thắng sẽ không thuộc về họ mà chính phủ của Hồ Chí Minh sẽ thắng lợi áp đảo. Điều này được thể hiện rõ ngay trong nhận định của các chuyên gia Mỹ tại thời điểm đó. Một tháng sau Hội nghị Genève kết thúc, CIA kết luận rằng: “Nếu cuộc tổng tuyển cử được tổ chức tháng 7 năm 1956 và nếu Việt Minh không tự phá hoại triển vọng chính trị của mình, thì họ chắc chắn sẽ thắng” (Gabriel Kolko, 2003, tr.129). Vì thế, CQSG luôn tìm cách chống đối và tuyên truyền vô căn cứ là miền Bắc Việt Nam không có tự do nên không đồng ý hiệp thương, tổng tuyển cử theo quy định.

Trong phong trào đấu tranh đòi hiệp thương, tổng tuyển cử để thống nhất đất

nước đã tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia với những hoạt động đấu tranh sôi nổi, rầm rộ thông qua các hình thức đa dạng như xuống đường biểu tình, mít tinh, bãi thị... Các cuộc đấu tranh diễn ra liên tiếp thống nhất toàn Nam Bộ với các khẩu hiệu đòi hiệp thương, tổng tuyển cử, đòi CQSG thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Genève, chống trưng cầu dân ý, chống bầu cử quốc hội riêng lẻ, kết hợp chặt chẽ với các khẩu hiệu đòi dân sinh, dân chủ. Đặc biệt trong thời gian này, diễn ra các hoạt động đấu tranh mạnh mẽ từ trong phong trào công nhân và nhân dân lao động Sài Gòn - Chợ Lớn và ở miền Đông Nam Bộ, phong trào đấu tranh thu hút cả tầng lớp trí thức tiến bộ tham gia, lôi cuốn đông đảo thanh niên, học sinh, sinh viên tham gia hưởng ứng. Ngày 1/8/1954, “phong trào Hòa bình Sài Gòn - Chợ Lớn” ra đời có sự tham gia của nhiều nhân sĩ, trí thức ở Sài Gòn. Phong trào bảo vệ hòa bình với mục đích đấu tranh là thực hiện thống nhất đất nước, bảo đảm quyền tự do dân chủ, củng cố hòa bình ở Đông Dương. Phong trào thu hút được đông đảo sự ủng hộ của các nhân sĩ, trí thức, các tôn giáo và đặc biệt là sự ủng hộ rộng rãi của quần chúng nhân dân Nam Bộ. Các hoạt động của phong trào bảo vệ hòa bình diễn ra với nhiều hình thức phong phú như biểu tình, mít tinh, hội thảo, đưa kiến nghị hoặc tổ chức các cuộc họp để tập hợp yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân... Phong trào gây được ảnh hưởng lớn và tạo tiếng vang trong nhân dân Nam Bộ, tố cáo, vạch mặt tội ác, sự hiếu chiến, âm mưu thâm độc nhằm chia cắt vĩnh viễn Việt Nam của chính quyền Mỹ và CQSG.

Song song với phong trào đấu tranh bảo vệ hòa bình ở Sài Gòn - Chợ Lớn thì từ cuối năm 1954 ở nhiều địa phương của Nam Bộ, phong trào DTCT mừng hòa bình, đòi CQSG thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Genève diễn ra mạnh mẽ, rầm rộ và thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Tại các tỉnh từ Tây Ninh, Biên Hòa cho đến Long An nhân dân xuống đường biểu tình rầm rộ. Riêng Tây Ninh có hơn 5.000 người kéo vào thị trấn Gò Dầu, 2.000 người kéo vào thị trấn Trảng Bàng tuần hành, mít tinh chào mừng hòa bình, hoan hô Hiệp định Genève. Từ ngày 11/8/1954, ở Cần Thơ dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy hơn 15.000 người ở thị xã và các vùng phụ cận mang băng cờ, khẩu hiệu, hàng ngũ chỉnh tề diễu hành qua các đường phố, hô vang các khẩu hiệu: “Hoan hô hòa bình”, “Hoan

hộ Hiệp định Genève”...; ngày 28/8/1954 tại Vũng Liêm (Vĩnh Long) hàng ngàn người biểu tình đòi thi hành Hiệp định Genève; ngày 10/10/1954 ở Bà Rịa hàng ngàn công nhân các đồn điền cao su phối hợp chặt chẽ với nông dân đấu tranh đòi CQSG thi hành Hiệp định, thực hiện dân sinh, dân chủ; ở thị xã Sóc Trăng có 12.000 người biểu tình... Hầu như trong hầu hết các thị xã, thị trấn của miền Tây Nam Bộ đều có mít tinh, biểu tình chào mừng hòa bình, đòi thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định Genève (Viện Lịch sử Đảng, 2015, tr.37-38).

Bước sang năm 1955, ở nông thôn Nam Bộ, phong trào đấu tranh đòi CQSG hiệp thương, tổng tuyển cử phát triển mạnh, sâu rộng bao gồm nhiều tầng lớp nhân dân, các tín đồ tôn giáo, các dân tộc và có sự kết hợp chặt chẽ với phong trào thành thị tạo nên thế mạnh lớn cho cách mạng miền Nam. Từ tháng 3 năm 1955 trở về sau trên khắp vùng nông thôn Nam Bộ xuất hiện truyền đơn, biểu ngữ, băng cờ đòi thi hành Hiệp định Genève, riêng ở Hà Tiên (Kiên Giang) có 35.000 lượt người tham gia mít tinh, biểu tình ở 397 nơi khác nhau. Từ ngày 10/7 đến 20/7/1955 có hơn 500.000 người khắp nông thôn Nam Bộ mít tinh tuần hành, ký kiến nghị, đình công, bãi khóa, bãi chợ, tung truyền đơn hiệu triệu đòi hiệp thương, tổng tuyển cử. Từ tháng 6 năm 1955 đến hết năm 1956, phong trào đòi hiệp thương, tổng tuyển cử rất rầm rộ, thu hút từ 60% đến 90% đồng bào, nhất là ở nông thôn và đồn điền cao su tham gia, có nhiều hình thức đấu tranh rất phong phú như họp mít tinh, rải truyền đơn, đình công, bãi thị... có những nơi như Bến Tre, Rạch Giá (Kiên Giang) nhân dân còn dùng các chùa, các thánh thất Cao Đài làm nơi tập hợp quần chúng, gây cảm thù chế độ Mỹ - Diệm và đòi hiệp thương thống nhất hai miền (Việt Nam Thông tấn xã, 1973, tr.23).

Đến tháng 7 năm 1955, Mặt trận Liên Việt Nam Bộ kêu gọi đấu tranh đòi mở hội nghị hiệp thương. Ngày 10/7/1955, lời kêu gọi của Mặt trận Liên Việt Nam Bộ đã nhận được hơn 70% dân chúng Sài Gòn - Chợ Lớn đình công, bãi thị để biểu dương ý chí thống nhất của toàn dân (George C.Herring, 2004, tr.169). Theo lời kêu gọi của Mặt trận Liên Việt Nam Bộ vào ngày 1/7/1955, đến ngày 10/7/1955, bắt đầu đúng 1 giờ chiều cho đến 12 giờ đêm ngày đó, “toàn thể các tầng lớp nhân dân Nam Bộ, từ thành thị đến nông thôn, toàn thể đồng bào Nam Bộ và các bạn

ngoại kiều (Pháp kiều, Hoa kiều, Ấn kiều...) hãy triệt để: Ngừng tất cả mọi sinh hoạt ngoài đường phố; Không một ai ra đường; Không một ai làm ăn, mua bán, đi lại; Chợ không nhóm, tiệm không mở cửa, xe cộ không chạy... Toàn thể đồng bào Nam Bộ, các bạn ngoại kiều hãy triệt để tham gia ngày đoàn kết đấu tranh này” (Trần Văn Giàu, 1964, tr.170).

Mặc dù CQSG ra sức tuyên truyền và thậm chí hăm dọa, buộc các tiểu thương, mọi người đi làm bình thường nhưng đông đảo quần chúng nhân dân nghe theo lời kêu gọi của Mặt trận Liên Việt Nam Bộ. Theo lời hiệu triệu của Mặt trận Liên Việt, các cuộc đấu tranh bằng truyền đơn, biểu ngữ, bãi thị, đình công, mít tinh, biểu tình của nhân dân miền Nam kéo dài và phát triển rầm rộ gây được tiếng vang lớn từ tháng 7 đến tháng 8 năm 1955 và lan rộng từ Sài Gòn sang các tỉnh của Nam Bộ. Hầu khắp các tỉnh Nam Bộ đều có các cuộc đấu tranh đòi hiệp thương, tổng tuyển cử: ngày 1/8/1955, ở Sài Gòn khu Xóm Chiếu có biểu tình, công nhân bến tàu, phu xe xích lô, công nhân các xí nghiệp trong giờ nghỉ bàn luận về hiệp thương, tổng tuyển cử và gửi rất nhiều thư cho các nhà báo yêu cầu các nhà báo giải đáp về hiệp thương, về Hiệp nghị Genève... Ở Đức Hòa (Chợ Lớn) ngày 8/8/1955, mít tinh 2.000 người, biểu tình thị uy, đòi chính quyền nhận hội nghị hiệp thương với miền Bắc. Cũng trong ngày 8/8/1955, nhân dân Cái Tàu (Sa Đéc) và ở nhiều địa điểm Gò Công có biểu tình, mít tinh; ở Tân Châu (Châu Đốc) hàng ngàn đồng bào kéo đến trụ sở Tổ quốc tế đưa kiến nghị. Ngày 13/8/1955, tất cả các hãng cưa, các chợ lớn nhỏ ở tỉnh Vĩnh Long đều đình công, bãi thị, đòi hiệp thương, tổng tuyển cử. Các tỉnh đều có vận động như thế với mức độ khác nhau (Trần Văn Giàu, 1964, tr.172). Tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ, trong hai tháng 7 và 8 năm 1955, hầu như tất cả các địa phương đều phát động quần chúng tổ chức mít tinh, biểu tình, đình công, bãi thị... với hàng trăm khẩu hiệu, biểu ngữ, truyền đơn đòi hiệp thương, tổng tuyển cử. Trong nhiều tỉnh còn có phong trào lấy chữ ký, kiến nghị gửi đến CQSG ở địa phương, và gửi đến Ủy ban kiểm soát quốc tế yêu cầu CQSG phải chấp nhận hiệp thương. Đặc biệt, ở tỉnh Sóc Trăng có đến hơn 15.000 người ký tên vào kiến nghị. Ở Cà Mau, thư kiến nghị của nhân dân gửi đến CQSG chất đầy cả gian nhà chưa kể số thư gửi riêng cho quân đội và nhân viên công chức của Ngô

Đình Diệm. Cao trào ĐTCT sôi nổi, rầm rộ trong các tầng lớp nhân dân, các đảng phái, tôn giáo và ngay cả những người tán thành hòa bình thống nhất trong hàng ngũ đối phương (Bộ Tư lệnh Quân khu 9, 1996, tr.247).

Trong năm 1955, phong trào đấu tranh đòi CQSG thi hành Hiệp định Genève ở Nam Bộ đã lan rộng từ thành thị đến nông thôn và có sự kết hợp chặt chẽ: “Ở đô thị có phong trào gửi kiến nghị lên Ủy ban Quốc tế, các thùng thư dân nguyện đầy ghệt thư đòi hiệp thương và đòi các nhà báo phải nói rõ lập trường đối với hiệp thương. Ở nông thôn liên tiếp có mít tinh, biểu tình đòi hiệp thương: tại Cần Thơ, Rạch Giá, Tân An, Sóc Trăng, Gò Công, Gia Định, Thủ Biên, Long Xuyên, Châu Đốc, Mỹ Tho... ở Đức Hòa, Cái Bè, Sa Đéc có những cuộc mít tinh hàng ngàn người dự. Ở Cái Sắn, Cần Thơ có hai cuộc mít tinh đến 1.000 người dự. Tại Tân Châu (Châu Đốc) ngày 2/9/1955 có cuộc biểu tình lớn 4.500 người dự và có lời kéo giới công chức, đồng bào Hòa Hảo, binh lính Sài Gòn tham gia và có cả Ủy ban Quốc tế tham dự. Ngoài các khẩu hiệu hiệp thương còn có chống lập sân bay, kéo dài thời gian đổi bạc... Đến ngày 23/9 nhân dịp kỷ niệm ngày Nam Bộ kháng chiến, ở Tân Châu lại tổ chức cuộc biểu tình khác tới 2.000 người dự đòi hiệp thương” (Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, 1955, số 10b/1955-TWC, tr.15).

Trong những năm 1955 - 1956, có nhiều đợt đấu tranh của nhân dân với quy mô lớn diễn ra ở Sài Gòn - Chợ Lớn và các thị xã, thị trấn trên toàn miền Nam. Hàng ngàn quần chúng nhân dân mít tinh, biểu tình đấu tranh đòi CQSG phải chấp thuận đề nghị của Chính phủ VNDCCH về việc bình thường hóa quan hệ giữa hai miền Nam - Bắc và tổ chức hiệp thương vào tháng 7 năm 1955 để tiến tới tổng tuyển cử thống nhất đất nước tháng 7 năm 1956. Từ ngày 20/10/1955 đến ngày 26/2/1956, toàn quân và dân Nam Bộ thống nhất phát động phong trào đấu tranh chống cuộc bầu cử Quốc hội Lập hiến riêng lẻ của CQSG ngày 4/3/1956 và đòi hiệp thương, tổng tuyển cử theo quy định của Hiệp định Genève. Phong trào đấu tranh diễn ra rầm rộ, mạnh mẽ và thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia với nhiều hình thức phong phú như mít tinh, biểu tình, đình công, bãi thị... Tại nhiều thị xã, thị trấn ở Nam Bộ, các tiểu thương không buôn bán, nhiều tiệm buôn,

nhà máy đóng cửa.

Ở đồng bằng sông Cửu Long, các hoạt động đấu tranh của quần chúng nhân dân chống cuộc bầu cử Quốc hội của Ngô Đình Diệm diễn ra rầm rộ. Các tờ truyền đơn kêu gọi dân chúng không đi bỏ phiếu bầu cử Quốc hội Lập hiến được rải khắp nơi. Đặc biệt ở Định Tường (Mỹ Tho), hầu hết các phương tiện chuyên chở công cộng đều ngưng hoạt động nhằm hưởng ứng cuộc đấu tranh. Tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ từ Cần Thơ, Sóc Trăng đến Bạc Liêu, Cà Mau... nhiều cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ. Các cuộc tuần hành, mít tinh diễn ra ngay trên quốc lộ 4 nay là quốc lộ 1A với các khẩu hiệu: đòi hiệp thương, tổng tuyển cử, đặt quan hệ giữa hai miền Nam - Bắc, chống cuộc bầu cử Quốc hội của Ngô Đình Diệm.

Tháng 12 năm 1955, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị cho các Đảng bộ miền Nam trong đó có Đảng bộ Nam Bộ nhằm hướng dẫn các hoạt động cụ thể thích hợp với tình hình. Bản Chỉ thị nêu lên 4 nhiệm vụ chính là: Tập hợp đông đảo mọi lực lượng chống Mỹ - Diệm trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chuyển hướng sự lãnh đạo phong trào đấu tranh của quần chúng thích hợp với tình hình cụ thể; Kiên quyết chống chính sách “Tố Cộng” của địch; Giữ gìn và củng cố tổ chức cơ sở Đảng” (Viện Lịch sử Đảng, 1985, tập 3, tr.39). Thực hiện theo Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, toàn quân và dân miền Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng đấu tranh mạnh mẽ, sôi nổi với nhiều hình thức khác nhau. Phong trào đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Genève diễn ra rầm rộ với khí thế và quy mô rộng lớn trên toàn miền Nam và tạo được tiếng vang lớn. Trong hai năm (1954 - 1956), quân và dân Nam Bộ tiến hành đấu tranh quyết liệt đòi thực hiện những quy định của Hiệp định Genève 1954 khiến cho CQSG phải tìm mọi cách đối phó lại phong trào. Khí thế đấu tranh của nhân dân mạnh mẽ, các phong trào đấu tranh có quy mô rộng lớn và thu hút đông đảo quần chúng nhân dân ở Nam Bộ tham gia gây nhiều khó khăn cho CQSG.

Như vậy, đến cuối năm 1956, tình hình Nam Bộ về cơ bản “hòa bình có được duy trì nhưng thống nhất chưa được thực hiện” (Trần Văn Giàu, 1964, tr.178). Do nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ, toàn diện từ chính quyền Mỹ nên CQSG tìm mọi

cách ngăn trở để quá trình hiệp thương, tổng tuyển cử không diễn ra theo đúng những quy định của Hiệp định Genève 1954. Trước âm mưu và hành động nhằm chia cắt vĩnh viễn hai miền Nam - Bắc Việt Nam của CQSG đã buộc nhân dân miền Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng không còn con đường nào khác là phải tiếp tục “không ngừng tăng cường lực lượng của mình, đồng thời đấu tranh giữ cơ sở pháp lý Genève [...]. Cần phải giữ vững và phát triển cuộc đấu tranh, tập hợp lực lượng rộng rãi chống Mỹ - Diệm, biến đổi dần cục diện chính trị miền Nam, đi đến lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm. Vấn đề quan trọng trước mắt là bảo tồn và phát triển lực lượng, sử dụng triệt để khả năng hợp pháp, công khai, đấu tranh kinh tế, đi từ thấp đến cao để tập hợp rộng rãi các lực lượng” (Trần Văn Giàu, 1964, tr.179). Và trước những biến đổi lớn của tình hình cách mạng lúc bấy giờ, quân và dân Nam Bộ vùng lên đấu tranh mạnh mẽ chống lại các hoạt động đàn áp, khủng bố từ CQSG, đồng thời xúc tiến nhanh quá trình đấu tranh giữ gìn LLCM với những phương cách độc đáo, sáng tạo, phù hợp với tình hình và đặc điểm của từng địa phương.

2.2.2. Đấu tranh chống chính quyền Sài Gòn khủng bố và giữ gìn lực lượng cách mạng

Trong những năm 1954 - 1956, song song với việc tiến hành “cuộc cách mạng quốc gia” là quá trình Ngô Đình Diệm thu phục và tiêu diệt các giáo phái, đảng phái chống đối ở Nam Bộ. Để gia tăng thêm sức mạnh của chính quyền, Ngô Đình Diệm lần lượt mua chuộc được phần lớn các lực lượng đảng phái, giáo phái theo về với mình, còn lại những lực lượng ly khai chống đối, tiến hành tiêu diệt và đánh tan rã phần lớn. Trước tình hình đó dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của XUNB, quá trình đấu tranh nhằm cô lập lực lượng đối phương, tranh thủ lực lượng giáo phái ly khai chống Diệm để củng cố và giữ gìn LLCM được quân và dân Nam Bộ đẩy mạnh với nhiều phương cách sáng tạo và có hiệu quả. Sau khi nổ ra cuộc xung đột giữa các lực lượng đảng phái, giáo phái (Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên) với CQSG, XUNB chủ trương: “Về chính trị: Hiệu triệu Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên (và ngay lực lượng thân Mỹ chống Diệm) lập mặt trận chống Diệm. Về quân sự: Duy trì tình trạng mâu thuẫn càng lâu càng hay giữa bọn thống trị Diệm và các giáo

phái để kịp thời nắm lực lượng vũ trang giáo phái nhằm giúp giáo phái chống Diệm để hạn chế sự cướp bóc của chúng và ta lập lực lượng vũ trang riêng” (Viện Lịch sử Đảng Trung ương, hồ sơ số II/6/9.9).

Trong từng địa phương ở Nam Bộ, thông qua sự vận động, giáo dục, cách mạng đã lôi kéo được một bộ phận đảng phái, giáo phái ngả về phía cách mạng hoặc chí ít cũng trung lập và có những hỗ trợ cần thiết để họ không chống phá cách mạng. Ở miền Đông Nam Bộ, giáo phái Cao Đài (Tây Ninh) ngoài những tướng lĩnh và binh lính đầu hàng CQSG, những lực lượng còn lại cũng được cách mạng hỗ trợ cần thiết và vận động họ đứng vào hàng ngũ cách mạng chống chính quyền họ Ngô. Ở miền Tây Nam Bộ, hoạt động tranh thủ các lực lượng giáo phái ly khai cũng như việc “cài cắm” người của cách mạng vào các cơ quan của CQSG được tiến hành có hiệu quả. Điều này đã được chính quan chức của CQSG là trung tá Lê Văn Thịnh mô tả trong *Chương trình bình trị miền Tây Nam Việt* ngày 12/11/1955 như sau: “Ở miền Tây Nam Việt, Việt Cộng đã tổ chức lại hàng ngũ quân sự, củng cố cơ cấu hành chính và núp dưới chiêu bài Soái, Cụt (ám chỉ hoạt động hỗ trợ, ủng hộ kinh tế tài chính, tiếp vận lương thảo cho lực lượng của Trần Văn Soái (Năm Lửa) và Lê Quang Vinh (Ba Cụt), hoạt động tranh thủ lực lượng giáo phái của cách mạng), Việt Cộng biến lần dân chúng Hòa Hảo đã chống Cộng thành dân chúng thân Cộng. Ngoài ra, Việt Cộng đã đột nhập đầy dẫy trong các cơ quan công quyền, nhất là Hội đồng hương chính và các tiểu khu quân sự. Thoạt tiên, dùng một ít phần tử Việt Cộng để diệt trừ Hòa Hảo là chiến thuật, nhưng nếu diệt Cộng là mục tiêu tranh đấu trường kỳ thì chiến thuật này không thể gọi là thượng sách, vì dân chúng và chính quyền địa phương đáng ra là nền tảng quốc gia vững chãi, trái lại lần lửa tháng ngày sẽ bị Việt Cộng khôn khéo huy động trở phản. Mục tiêu diệt Cộng và tảo trừ Soái, Cụt bị đặt riêng biệt, làm cho nền tảng quốc gia dễ bị đục khoét và lụn bại. Do đó, tư tưởng và hành động không bao giờ được dứt khoát đúng theo đường lối quốc gia [...]. Thế lực Việt Cộng Nam Bộ là một nguy cơ rất lớn: trong thì ẩn dưới màu cờ Soái, Cụt, ngoài thì tràn ngập cơ quan chính quyền, là vì chính quyền không nghĩ hoặc không thể tẩy độc Việt Cộng” (Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa (1954-1963), 1955, hồ sơ số: 4004, tr.1).

Đối với lực lượng Bình Xuyên sau khi bị quân đội Sài Gòn đánh tan rã, phần lớn đầu hàng thì còn một bộ phận nhỏ được sự giáo dục, tranh thủ của cách mạng, họ gia nhập quân cách mạng. Riêng lực lượng giáo phái Hòa Hảo ở miền Tây Nam Bộ, nếu phần lớn bị CQSG mua chuộc, dụ dỗ, lôi kéo hoặc tiêu trừ thì những bộ phận lực lượng Hòa Hảo còn lại được sự hỗ trợ, giúp đỡ, giáo dục của cách mạng họ quy thuận theo cách mạng và chống lại CQSG sau đó. Tháng 6 năm 1956, khi QĐSG tấn công vào lực lượng vũ trang giáo phái Hòa Hảo ở miền Tây Nam Bộ, Liên tỉnh ủy miền Tây chủ động nắm lực lượng vũ trang giáo phái ly khai chống Diệm và nhanh chóng đưa một bộ phận cán bộ, du kích vào các đơn vị vũ trang giáo phái hoạt động để cảm hóa, đồng thời xây dựng thành các đơn vị vũ trang cách mạng mang danh nghĩa giáo phái ly khai chống chế độ độc tài, gia đình trị họ Ngô. Ở Vĩnh Long, xây dựng được một đại đội nhưng lấy danh nghĩa là Tiểu đoàn Lý Thường Kiệt hoạt động ở Trà Ôn, Sa Đéc, Lấp Vò. Sau khi Lê Quang Vinh bị Ngô Đình Diệm tử hình, cách mạng tiếp tục cảm hóa tập hợp được 400 người xây dựng thành ba đại đội và hoạt động trên địa bàn Giồng Riềng, Cái Sắn, Ô Môn. Ở Rạch Giá, Hà Tiên, Tỉnh ủy tập hợp lực lượng Hòa Hảo ly khai, với nòng cốt là thanh niên và du kích, xây dựng thành các đơn vị giáo phái ly khai lấy tên là Tiểu đoàn Ngô Văn Sở và hoạt động ở khu vực từ U Minh lên tới nam sông Cái Bé. Tiểu đoàn Lê Quang, mang danh nghĩa trung đoàn gồm bốn đại đội (mỗi đại đội mang danh nghĩa một tiểu đoàn), hoạt động từ Hà Tiên đến bắc sông Cái Bé, vùng Bảy Núi và vùng giáp ranh với tỉnh Cần Thơ. Ở tỉnh Cần Thơ, cách mạng tập hợp lực lượng giáo phái ly khai, một số do cán bộ tỉnh làm nòng cốt thành lập ba đại đội, lấy tên Đại đội Lê Lợi, Đại đội Nguyễn Trung Trực, Đại đội Phan Đình Phùng, hoạt động chủ yếu ở các huyện Phụng Hiệp, Châu Thành và Long Mỹ (Bộ Tư lệnh Quân khu 9, 1996, tr.253-254). Như vậy, cho đến thời điểm này, mặc dù chủ trương ĐTCT, hòa bình là chủ yếu nhưng Liên tỉnh ủy miền Tây cùng các Tỉnh ủy tranh thủ được thời cơ thuận lợi khẩn trương sắp xếp, bố trí lại tổ chức cho phù hợp với tình hình của cách mạng. Đồng thời vận dụng những phương cách sáng tạo tiến hành xây dựng các lực lượng vũ trang cách mạng với nhiều hình thức và quy mô khác nhau nhằm hỗ trợ hiệu quả cho phong trào ĐTCT của quần chúng nhân dân

chống lại CQSG lúc bấy giờ.

Ở miền Trung Nam Bộ, nhằm tranh thủ lực lượng giáo phái ly khai chống Diệm, chuyển hóa họ ngã về với cách mạng, Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ một mặt liên lạc với các bộ phận giáo phái, một mặt cho phép các tỉnh đào lấy số vũ khí được chôn giấu từ năm 1954 lên để thành lập lực lượng vũ trang cách mạng, mang danh nghĩa giáo phái, tiếp tục hoạt động hỗ trợ phong trào ĐTCT, giữ thế cách mạng ở vùng Đồng Tháp Mười (Viện Lịch sử Đảng, 2008, tr.116-117). Đối với lực lượng Bình Xuyên, Bí thư Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ cử hai cán bộ tập hợp lực lượng Bình Xuyên ly khai để thành lập đơn vị vũ trang mang danh Tiểu đoàn 2 Bình Xuyên trực thuộc Liên tỉnh ủy. Về sau Tiểu đoàn được giao về trực thuộc tỉnh Sa Đéc là tiền thân của Tiểu đoàn 502 của tỉnh Kiến Phong sau này. Các Tiểu đoàn Quang Huy của Cao Đài, Tiểu đoàn Lê Quang của Bình Xuyên về sau đều phát triển thành các đơn vị tiền thân của hai Tiểu đoàn 506, 508 của lực lượng vũ trang tỉnh Long An. Tiểu đoàn Phước Dư về khu vực kênh Bù, Tân Ninh khai hầm lấy súng chôn giấu lên được 60 khẩu cộng với một số vũ khí của lực lượng giáo phái ly khai đem về thành lập ba trung đội nhưng lấy danh nghĩa là đại đội, sau trở thành các đơn vị tiền thân của Tiểu đoàn 504 của lực lượng vũ trang tỉnh Kiến Tường. Ở tỉnh Mỹ Tho, để tránh sự khủng bố đàn áp của QĐSG, một bộ phận cán bộ, đảng viên và thanh niên tạm lánh vào các lổm căn cứ ở Tân Ninh, Nhơn Ninh, Tân Hòa, Mộc Hóa, Tân An, Châu Thành, Tân Hòa Đông... tự trang bị vũ khí bằng cây trâm bầu hoặc lấy vũ khí được chôn giấu ở Trà Mi (Gò Công) tổ chức thành lực lượng vũ trang cách mạng và hoạt động trấn áp CQSG các xã, áp dọc kênh Nguyễn Văn Tiếp A (Quân khu 7, 2004, tr.52-53).

Trên cơ sở các đơn vị vũ trang tuyên truyền địa phương, Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ xúc tiến thành lập cơ quan chỉ huy quân sự cấp Khu và các tỉnh ven Đồng Tháp Mười, lấy tên là “Bộ Tư lệnh lực lượng vũ trang giáo phái giải phóng”, do Lê Văn Khuyên làm Tư lệnh, đóng căn cứ ở khu vực Tráp Tre gần biên giới Campuchia có nhiệm vụ vũ trang tuyên truyền và “cho phép đảng viên cầm súng đi phát động quần chúng làm cách mạng, hỗ trợ cho cơ sở phá kim kẹp, làm chủ xã, ấp; kết hợp ĐTCT của quần chúng với tác chiến khi phải tự vệ, hoạt động

sâu vào vùng đông dân” (Viện Lịch sử Đảng, 2008, tr.124-125). Trong hai năm đấu tranh trước các hành động khủng bố, đàn áp khốc liệt của CQSG, Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ tranh thủ, lợi dụng cơ hội QĐSG đàn áp lực lượng giáo phái để chuyển hóa, tập hợp lực lượng vũ trang giáo phái ly khai và tổ chức thành lực lượng vũ trang cách mạng và cơ quan chỉ huy quân sự cấp khu, tỉnh sớm nhất ở Nam Bộ. Hoạt động vũ trang tuyên truyền mặc dù chỉ có mức độ nhưng phát huy tác dụng tích cực, hạn chế sự khủng bố, đàn áp của QĐSG, đồng thời hỗ trợ tích cực cho phong trào ĐTCT của quần chúng, bảo vệ cán bộ, các tổ chức, cơ sở Đảng và cơ sở cách mạng.

Có thể thấy, hoạt động tranh thủ lực lượng giáo phái ly khai chống CQSG, thông qua sự phân hóa, cô lập nhằm chia rẽ hàng ngũ đối phương từ trong chính các lực lượng Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên ở Nam Bộ được cách mạng tiến hành thành công và thu được nhiều kết quả. Những lực lượng giáo phái được cách mạng vận động, tranh thủ hỗ trợ tích cực cho quá trình khôi phục và phát triển LLCM ở Nam Bộ lúc bấy giờ. CQSG không thể thu phục và tiêu diệt hoàn toàn lực lượng của các đảng phái hoặc giáo phái chống đối họ và chính điều đó góp phần quan trọng giúp cho quá trình gây dựng, phục hồi lại LLCM ở Nam Bộ diễn ra nhanh chóng và có hiệu quả sau đó.

Như vậy, có thể khẳng định, cho đến thời điểm này “sự ra đời và tồn tại của các lực lượng vũ trang lúc bấy giờ (mang danh nghĩa khác nhau từ giáo phái ly khai chống Diệm đến các đội, nhóm vũ trang tự vệ ở các địa phương của Nam Bộ...) đã có tác dụng to lớn. Nó cổ vũ nhân dân trong thôn xã càng hăng hái ĐTCT, củng cố lòng tin của họ đối với cách mạng trong lúc bộ đội và chính quyền đã tập kết. Trái lại quân đội và CQSG ở cơ sở thì sợ hãi, dè chừng. Sự tồn tại của các lực lượng vũ trang cộng với sức mạnh chính trị của quần chúng và tác động của công tác binh địch vận đã tạo nên tại các vùng một tương quan lực lượng có lợi trong cách mạng” (Việt Hồng, 1974, tr.44).

Sau khi thu phục và cơ bản tiêu diệt xong các mối họa giáo phái (Cao Đài, Hòa Hảo) và lực lượng Bình Xuyên, CQSG đẩy mạnh các hoạt động diệt Cộng. Trong ba nhiệm vụ cần phải tiến hành là “đả thực”, “bài phong” và “diệt Cộng” thì có lẽ

diệt Cộng là khó khăn, quan trọng bậc nhất và là mối bận tâm hàng đầu của Ngô Đình Diệm. Nếu “đả thực”, “bài phong” là bước đầu để “quét sạch” những “di sản” do người Pháp để lại nhằm củng cố sự thống trị độc tôn của chính quyền họ Ngô ở Nam Bộ thì việc tiến hành “diệt Cộng” được xem là nhiệm vụ trọng tâm, tối cần thiết và có ý nghĩa sống còn đối với CQSG. Kể từ tháng 5 năm 1955, khi lực lượng quân chính quy của cách mạng tập kết hoàn tất ra Bắc Việt Nam thì CQSG công bố quốc sách “Tố Cộng, diệt Cộng” và phát động “chiến dịch Tố Cộng” trên quy mô rộng lớn ở miền Nam. “Hội đồng Nhân dân Chỉ đạo Tố Cộng” được CQSG lập ra ngay sau đó, đồng thời thành lập Ủy ban Chỉ đạo Tố Cộng Trung ương, có nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo phong trào Tố Cộng ở các tỉnh, các cơ quan đào tạo cán bộ cho phong trào. Mỗi tỉnh đều có Ủy ban Chỉ đạo Tố Cộng, huyện và xã cũng đều có những Ủy ban Chỉ đạo Tố Cộng tương ứng các cấp. Trong từng xã lại được chia thành nhiều liên gia Tố Cộng. Và mục đích của “chiến dịch Tố Cộng” mà CQSG cho tiến hành là nhằm “gây uất hận trong dân chúng đối với Việt Cộng. Để nhân dân tố giác Việt Cộng ở lại hoạt động. Khủng bố tinh thần Việt Cộng làm cho Việt Cộng nghi ngờ quần chúng mà không dám hoạt động nữa. Đánh lệch tư tưởng của các phần tử lừng chùng còn hướng về Cộng sản phải ngã hẳn về Chính phủ quốc gia. Thêm phương tiện để kiểm soát cán bộ Cộng sản còn ở lại hoạt động trong vùng quốc gia kiểm soát” (Lê Hồng Lĩnh, 2006, tr.69). Chiến dịch Tố Cộng được CQSG chia thành hai giai đoạn: giai đoạn 1 từ ngày 15/5/1955 đến tháng 5 năm 1956; giai đoạn 2 từ tháng 7 năm 1956 trở về sau. Trong giai đoạn 1, chia thành 3 đợt: Đợt 1, từ ngày 15/5/1955 đến cuối tháng 8 năm 1955, trọng điểm là các tỉnh miền Trung. Đợt 2, từ tháng 9 đến tháng 11 năm 1955, trọng điểm tiến hành trong nội bộ cơ quan CQSG. Đợt 3, từ ngày 15/11/1955 đến tháng 5 năm 1956 làm rộng rãi ở các tỉnh để triệt hạ uy thế chính trị và phá tổ chức, đồng thời triệt cơ sở kinh tế của Cộng sản và thanh trừng số cán bộ cầu an của họ ở cơ sở xã.

Trong hai năm từ tháng 7 năm 1954 đến tháng 7 năm 1956, song song với quá trình giành quyền kiểm soát trên toàn bộ lãnh thổ ở miền Nam Việt Nam, CQSG còn cho tiến hành các chiến dịch nhằm tiêu diệt các lực lượng, các cơ sở, tổ chức của cách mạng, chiến dịch “Tố Cộng” được triển khai một cách mạnh mẽ và quyết

liệt. CQSG gần như huy động toàn bộ lực lượng cho chiến dịch này. Các lực lượng cảnh sát, mật vụ và một phần quân đội được sử dụng vào các chiến dịch Tổ Cộng, diệt Cộng với các khẩu hiệu hành động: “Tiêu diệt cán bộ nằm vùng, tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa Cộng sản”, “Thà giết lầm còn hơn bỏ sót”... Hệ thống nhà tù cũ của thực dân Pháp cộng với của CQSG liên tục mọc lên như nấm sau mưa vẫn không đủ để giam cầm những phần tử mà chính quyền họ Ngô cho rằng “có liên quan đến cách mạng”. Từ tháng 7 năm 1955 đến tháng 2 năm 1956, chính quyền Ngô Đình Diệm giết hại, giam cầm 93.362 cán bộ, đảng viên và những người yêu nước (Quân khu 7, 2004, tr.39). Chỉ trong hai năm 1954 - 1956, sự đàn áp, khủng bố khốc liệt của CQSG làm tiêu hao phần lớn LLCM ở Nam Bộ. Các tổ chức Đảng, cơ sở cách mạng cũng bị CQSG đánh tan rã phần lớn. Các đảng viên, cán bộ cách mạng được “cài lại” phần lớn bị bắt, tù đày hoặc bị thủ tiêu. Phong trào cách mạng ở miền Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng đứng trước những thử thách hiểm nguy, nhất là khi CQSG tuyên bố không thi hành những điều khoản của Hiệp định Genève, không tiến hành hiệp thương, tổng tuyển cử thống nhất hai miền và từ chối những lời đề nghị thiết tha kêu gọi hiệp thương cũng như cự tuyệt những ý nguyện đàm phán nối lại hai miền của chính quyền VNDCCH cùng nhân dân cả nước. Thay vào đó, CQSG đẩy mạnh các hành động khủng bố, đàn áp và đánh phá khốc liệt các phong trào đấu tranh và LLCM ở Nam Bộ. Nhân dân Nam Bộ bước sang một thời kỳ đấu tranh cách mạng mới với sự gian khó, thử thách hơn trước gấp bội lần bởi các hành động khủng bố tàn bạo của chính quyền Ngô Đình Diệm cũng như sự xâm lược tăng cường về quy mô lẫn cường độ từ chính quyền Mỹ.

Các cuộc đấu tranh chống chính sách “Tổ Cộng, diệt Cộng”, chống CQSG khủng bố, đàn áp, trả thù nhằm bảo vệ cán bộ, bảo vệ Đảng tuy không tiến hành rầm rộ, sôi nổi như phong trào đấu tranh đòi hiệp thương, tổng tuyển cử nhưng diễn ra một cách âm thầm, quyết liệt trong từng người, từng gia đình, từng ấp xã, xóm phường, trong các trại giam, nhà tù của CQSG trên khắp vùng Nam Bộ. Các hoạt động đấu tranh của nhân dân Nam Bộ được diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú như đào hầm bí mật giấu vũ khí, nuôi nấng, che chở cán bộ, dùng lý lẽ đấu tranh trực diện với QĐSG để bảo vệ cán bộ, bảo vệ Đảng, bảo vệ lý tưởng

cộng sản. Nhiều nơi còn tập hợp hàng trăm người ngăn cản, níu kéo, cản xe, cản tàu, giăng co với QĐSG để giải thoát cho cán bộ cách mạng... Ở miền Tây Nam Bộ có các nhóm “Chống thủy, hỏa, đạo tặc”, nhóm “Dân canh chống cướp” được hình thành và tập hợp đông đảo thanh niên, đoàn viên thanh niên lao động làm nòng cốt, có sự lãnh đạo của Đảng. Dù tên gọi khác nhau nhưng mục tiêu chung của các đội tự vệ là chống QĐSG thâm nhập xóm ấp, chống cướp đất, bảo vệ cán bộ, đảng viên. Phong trào đấu tranh chống “Tổ Cộng, diệt Cộng” của quân và dân Nam Bộ là một phong trào đấu tranh lâu dài, quyết liệt và bằng xương máu của chính mình, nhân dân Nam Bộ sẵn sàng hy sinh để bảo vệ cán bộ, đảng viên cách mạng trước mũi lê, họng súng tàn bạo của QĐSG.

Song song với phong trào đấu tranh chống chính sách “Tổ Cộng, diệt Cộng”, phong trào đấu tranh chống cướp đất, đuổi nhà, bảo vệ thành quả của cách mạng mang lại cho nhân dân diễn ra mạnh mẽ, rộng khắp ở Nam Bộ. Phong trào đấu tranh chống bắt lính và vận động binh lính Sài Gòn kể cả lực lượng giáo phái được XUNB chú trọng, tăng cường. Đến giữa năm 1956 khi CQSG cự tuyệt hiệp thương, tổng tuyển cử và thanh trừng nội bộ, có hàng chục ngàn sĩ quan và binh lính Sài Gòn, bao gồm những người trước đây ở trong các giáo phái, những người di cư và ở địa phương, những cán bộ và thanh niên từng tham gia kháng chiến bị cưỡng bức vào QĐSG bỏ chạy ra vùng nông thôn nhất là ở miền Tây Nam Bộ, có hàng chục đại đội, tiểu đoàn của CQSG có quan hệ tốt và ngả về nhân dân.

Cũng trong thời điểm các giáo phái ly khai chống đối chính quyền họ Ngô, công tác binh vận được XUNB tiến hành đẩy mạnh và góp phần quan trọng vào thắng lợi của quân và dân Nam Bộ trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM ở địa phương những năm 1954 - 1956. Binh vận là một trong “ba mũi giáp công”, là “vũ khí” hiệu quả của quân và dân Nam Bộ trong đấu tranh chống CQSG. Binh vận hiệu quả đối với lực lượng giáo phái ly khai chống Diệm góp phần tích cực vào quá trình củng cố, xây dựng và phát triển LLCM ở Nam Bộ, xây dựng được cơ sở mặt trận chống Mỹ - Diệm trong các giáo phái, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy mạnh quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM ở địa phương. Tháng 12 năm 1956, XUNB trong báo cáo gửi Trung ương Đảng về hoạt động binh vận

trong tình hình mới có những nhận định về công tác binh vận trên địa bàn miền Nam nói chung và ở Nam Bộ nói riêng những năm 1954 - 1956 như sau: “Trong quân đội CQSG, cách mạng đã gây dựng, phát triển cơ sở bằng cách: đào tạo mật giao, gây nhân mối, dùng cơ sở để phát triển cơ sở, vận động gia đình binh lính đặt quan hệ, đưa cơ sở ngoài vào hoạt động trong nội bộ CQSG. Từ cuối năm 1954 đến đầu năm 1955, cách mạng đã tiến hành xây dựng được bộ máy binh vận các cấp. Đến cuối năm 1956 bắt đầu hoạt động mạnh và phát triển. Đến năm 1956 đã có 7.000 nhân mối, trong đó có hàng trăm đảng viên, đoàn viên thanh niên lao động. Các nhân mối này nằm rải rác trong tất cả các binh chủng, quân chủng, công an, cảnh sát của CQSG... Nhiều tỉnh đã tiến hành có kế hoạch, có phương pháp nên đã đem lại nhiều kết quả. Riêng ở Gò Công, dịp Tết năm 1955 có gần 600 lính về nhà ăn Tết; 500 người được tuyên truyền giáo dục của gia đình, địa phương, trong đó có 260 người nhận cộng tác, bắt liên lạc với cách mạng. Ở Bến Tre, gia đình binh lính còn tham gia đấu tranh chống địa chủ cướp đất, tăng tô. Với chủ trương và hình thức đấu tranh thích hợp, số đông binh lính lo sợ chiến tranh, muốn hòa bình, yên ổn. Năm 1956 các tiểu đoàn đánh Hòa Hảo ở miền Tây đã gửi kiến nghị tới CQSG yêu cầu giải quyết vấn đề võ trang giáo phái bằng phương pháp thương lượng; các tiểu đoàn đóng ở Trà Vinh, Vĩnh Long lúc bị điều ra Trung Bộ và vĩ tuyến 17 đã đào ngũ gần 500 người. Năm 1956 có 7.459 thanh niên trốn quân dịch. Nhìn chung cho đến năm 1956 diện tuyên truyền tranh thủ binh lính Sài Gòn đã mở rộng, tạo nhiều điều kiện để đẩy mạnh phong trào quần chúng đấu tranh và bảo vệ cơ sở cách mạng. Công tác binh vận đã có bước tiến bộ và trưởng thành về quan niệm, đường lối, phương châm” (Viện Lịch sử Đảng, 2008, tr.149). Đến năm 1956, công tác binh địch vận làm rã ngũ 7.000 người tại Nam Bộ. Mặt khác, người của cách mạng đưa được khá nhiều vào các cơ quan CQSG ở ấp, xã và có từ 40% đến 50% cán bộ cơ quan cơ sở của CQSG do cách mạng nắm (Ban Tổng kết chiến tranh B2, 1979a, quyển 2, tr.19).

Như vậy, trong những năm 1954 - 1956, mặc dù CQSG dè bẹp được các đảng phái, giáo phái đối lập ở Nam Bộ, xây dựng được lực lượng chính trị và vũ trang thân Mỹ nhưng các phong trào ĐTCT của quần chúng nhân dân Nam Bộ vẫn diễn

ra liên tục, sôi nổi, đều khắp ở vùng nông thôn và đô thị, nổi bật nhất là phong trào đấu tranh đòi hiệp thương, tổng tuyển cử, chống CQSG khủng bố, bắt bớ cán bộ, đảng viên, chống cướp lại ruộng đất của nông dân... Lực lượng của Đảng và lực lượng cách mạng quần chúng cơ bản được bảo tồn, do đã chú trọng xây dựng Đảng về tổ chức, tư tưởng và vận dụng các hình thức đấu tranh thích hợp (từ ĐTCT tới binh vận kết hợp) để giữ gìn LLCM. Cho đến thời điểm này (1956), nhìn chung, cách mạng vẫn còn giữ thế tốt ở vùng căn cứ và vùng nông thôn đồng bằng Nam Bộ. Đến những năm 1957 - 1959 khi CQSG tăng cường và mở rộng các chiến dịch khủng bố, đánh phá khốc liệt nhằm tiêu diệt tận gốc “những mầm mống Cộng sản” thì quân và dân Nam Bộ cũng đẩy mạnh quá trình đấu tranh với nhiều phương cách phù hợp, sáng tạo để giữ gìn và xây dựng LLCM ở địa phương.

2.3. Quân và dân Nam Bộ đấu tranh giữ gìn lực lượng cách mạng trong những năm 1957 - 1959

2.3.1. Đấu tranh chống khủng bố, đàn áp, đẩy mạnh công tác binh vận và xây dựng thế trận lòng dân

Đến tháng 7 năm 1956 là thời điểm dự kiến cho cuộc tổng tuyển cử để thống nhất hai miền theo tinh thần của Hiệp định Genève 1954 nhưng CQSG thẳng thừng cự tuyệt. Sau khi cơ bản thiết lập xong bộ máy cai trị từ Trung ương đến địa phương và nhất là thanh toán xong các lực lượng giáo phái, đảng phái chống đối, Ngô Đình Diệm đẩy mạnh các chiến dịch đàn áp, khủng bố và đánh phá khốc liệt vào các phong trào và LLCM ở các địa phương. Và “bằng những hành động của mình (Ngô Đình Diệm) - trao quyền tùy ý bắt giữ cho những quan chức (CQSG) địa phương hủ bại, bắt giữ hàng nghìn người vô tội và sử dụng biện pháp tra tấn ở khắp mọi nơi, chính quyền đã gây ra một làn sóng sợ hãi ngày càng tăng, lan đến mọi góc ngách trong xã hội nông thôn miền Nam Việt Nam” (Edward Miller, 2016, tr.272-273).

Từ tháng 6 năm 1956 đến tháng 4 năm 1958, CQSG lần lượt mở bốn chiến dịch lớn tấn công vào các địa phương ở Nam Bộ. Chiến dịch Thoại Ngọc Hầu diễn ra từ ngày 24/6/1956 đến ngày 24/2/1957, CQSG dùng lực lượng quân đội kết hợp với các đoàn Tố Cộng cùng bộ máy kìm kẹp ở cơ sở... càn quét đánh phá các tỉnh

miền Tây và miền Trung Nam Bộ, mục tiêu khá toàn diện là “thanh toán lực lượng vũ trang cách mạng liên kết với tàn dư của Hòa Hảo, củng cố và phát triển chính quyền cơ sở nông thôn, thành lập và huấn luyện Dân vệ đoàn, gây phong trào “khỏe” trong nhân dân”. Song song với chiến dịch Thoại Ngọc Hầu, chiến dịch Trương Tấn Bửu từ ngày 10/7/1956 đến ngày 24/2/1957 cũng được CQSG cho triển khai. Phạm vi của chiến dịch này là “đánh trên phạm vi miền Đông Nam Bộ kể cả phân khu Sài Gòn - Chợ Lớn, mục tiêu diệt lực lượng và cơ sở Việt Cộng, cùng tàn dư Bình Xuyên - Cao Đài, kiểm soát biên giới, tái lập an ninh nông thôn”. Đến tháng 10 năm 1957, CQSG tiếp tục mở chiến dịch “Mùa Thu” từ ngày 1/10/1957 đến tháng 12 năm 1957, QĐSG đánh lần thứ hai vào miền Tây Nam Bộ, mục tiêu củng cố tình hình ở miền Tây, ngăn LLCM tổ chức hoạt động trở lại. Sang năm 1958, CQSG mở tiếp chiến dịch Nguyễn Trãi từ ngày 20/4/1958 đến ngày 20/11/1958, QĐSG đánh mạnh vào 8 tỉnh miền Đông Nam Bộ và cùng lúc CQSG mở chiến dịch Hồng Châu càn quét vùng ngoại ô Sài Gòn (Ban Tổng kết chiến tranh B2, 1984, tr.61-62).

Khoác lên mình các chiến dịch với tên gọi của những bậc vĩ nhân, chí sĩ yêu nước, anh hùng giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam nhằm phô trương thanh thế để quần chúng nhân dân biết được sự “chính nghĩa”, “yêu nước”, “vì dân” của CQSG nhưng thực chất của tất cả các chiến dịch đó chỉ là sự giết chóc, tàn sát, những hành động khủng bố, đàn áp tàn bạo, những nỗi ám ảnh kinh hoàng mà chính CQSG mang đến cho LLCM và nhân dân vô tội ở Nam Bộ lúc bấy giờ. Thông qua các chiến dịch trên, CQSG đẩy LLCM ở Nam Bộ rơi vào tình thế vô cùng khó khăn, hiểm nguy. Hiệu quả bước đầu mang lại từ các chiến dịch này là rất lớn, giúp cho CQSG củng cố được vị thế và chỗ đứng ở miền Nam. Các chiến dịch đàn áp, khủng bố của CQSG gây thiệt hại lớn cho cách mạng. Nhiều cơ sở, tổ chức cách mạng, các chi bộ ở các địa phương bị đánh tan rã. Vì vậy, yêu cầu đặt ra cho cách mạng ở Nam Bộ bấy giờ là phải làm sao vừa có thể đấu tranh giữ gìn, bảo vệ được LLCM trước các hành động khủng bố mạnh của CQSG vừa không trái với những chủ trương ĐTCT, hòa bình của Trung ương Đảng. Đó là một yêu cầu cấp thiết, là bài toán nan giải đặt ra cho những người lãnh đạo cách mạng ở

Nam Bộ cũng như ở Trung ương Đảng lúc bấy giờ.

Ngày 6/7/1956, trong điện mật về *Tình hình và nhiệm vụ công tác miền Nam Nghị quyết Bộ Chính trị ngày 8-9/6/1956* xác định rõ những công tác cụ thể ở miền Nam như sau: “(1) - Vận động quần chúng đấu tranh chống áp bức bóc lột, đòi quyền lợi thiết thực hàng ngày và lợi dụng hiến pháp của Diệm mà đòi quyền tự do dân chủ, tự do cá nhân, tự do nghiệp đoàn [...]. (2) - Phản đối văn hóa nô dịch và chính sách ngu dân của Mỹ - Diệm. Trừ nạn mù chữ. Phát triển văn hóa dân tộc. (3) - Lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống khủng bố, “chống Tố Cộng”, chống báo thù những người tham gia kháng chiến. (4) - Vận động quần chúng đấu tranh đòi lập chính phủ liên hợp, đòi hiệp thương để bàn tổng tuyển cử thống nhất nước nhà, đòi thi hành đúng đắn Hiệp định Genève, ủng hộ Ủy ban Quốc tế, đòi lập lại quan hệ bình thường về mọi mặt (đi lại, thăm viếng, thư từ, buôn bán giữa hai miền). (5) - Chú trọng đồng bào thiếu số, ở Nam Bộ chú trọng công tác binh vận. (6) - Vận động đồng bào di cư đấu tranh vì quyền lợi hàng ngày và tiến tới đòi về miền Bắc. (7) - Chú trọng binh lính của Diệm. (8) - Duy trì và phát triển các lực lượng vũ trang của các giáo phái để chống Mỹ - Diệm” (Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, 1956, số 02b/1956-TWC, tr.5-6).

Đến năm 1957, các hành động đàn áp, khủng bố và đánh phá khốc liệt của CQSG đến quần chúng nhân dân, LLCM cộng với sự viện trợ ngày tăng về kinh tế lẫn quân sự từ chính quyền Mỹ cho CQSG khiến cho phong trào cách mạng miền Nam nói chung và ở Nam Bộ nói riêng đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách. LLCM bị tổn thất lớn. Trước tình trạng nguy cấp đó, tháng 5 năm 1957, XUNB cử Phạm Văn Xô và Phan Văn Đáng ra miền Bắc báo cáo tình hình và xin ý kiến chỉ đạo của Trung ương Đảng về chủ trương, đường lối đấu tranh của cách mạng miền Nam. Cả hai người trải qua nhiều tháng trên đất Bắc và xin Trung ương Đảng sớm triệu tập Hội nghị Trung ương để bàn về cách mạng miền Nam nhưng Lê Duẩn nói: “Lúc này chưa họp được, vì còn nhiều ý kiến chưa thống nhất. Dự thảo nghị quyết chưa chuẩn bị xong” (Viện Lịch sử Đảng, 2008, tr.164). Vì vậy, mặc dù nhận thấy được tình thế cách mạng ở miền Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng đang biến chuyển nhanh và yêu cầu cấp thiết cần phải có những chủ trương, đường lối

đấu tranh thích hợp cũng như những chỉ đạo đúng đắn, kịp thời nhất nhưng vì “dự thảo nghị quyết chưa chuẩn bị xong và còn nhiều ý kiến chưa thống nhất” nên một nghị quyết về chủ trương, đường lối đấu tranh cho cách mạng ở Nam Bộ chưa ra đời cho đến thời điểm lúc bấy giờ. Những người lãnh đạo phong trào cách mạng ở Nam Bộ cũng như nhiều nơi ở miền Nam đang đối diện với một thực tế nan giải và vẫn đang loay hoay tìm hướng đi, giải pháp tối ưu nhằm ổn định tình hình, để đưa phong trào cách mạng phát triển tiến lên trong tình hình mới, nhất là khi các chiến dịch khủng bố, đàn áp của CQSG diễn ra ngày một dày đặc và ác liệt. Đến thời điểm này thì “yêu cầu cấp thiết là phải có những hình thức tự vệ cho các cơ quan lãnh đạo và về lâu dài phải tiến tới có một lực lượng vũ trang để đối phó với mọi tình thế quyết liệt nhất định sẽ xảy ra” (Việt Hồng, 1974, tr.41).

Thời điểm, CQSG tiến hành giai đoạn 2 của quốc sách “Tố Cộng” để tránh tổn thất LLCM trước các hành động đàn áp, khủng bố mạnh của QĐSG, ngày 30/3/1958, thay mặt Ban Bí thư Trung ương Đảng, Phạm Hùng điện gửi cho XUNB chỉ đạo phương hướng đối phó, bảo tồn LLCM. Trong điện của Ban Bí thư nhấn mạnh một số vấn đề sau: “Phải làm cho cán bộ, đảng viên hiểu rõ, địch càng bị thất bại về chính trị, càng bị cô lập, chúng càng ra sức đàn áp phong trào. Điều ấy biểu thị thế yếu của chúng. Chúng ta tin ở khả năng của ta, ở chính quyền, ở sức mạnh đoàn kết nhất định sẽ đánh bại âm mưu của địch. Nhưng mặt khác không nên chủ quan, coi thường âm mưu của địch, máy móc theo những cách đối phó cũ. Nếu không sáng tạo, linh hoạt trong tình hình thực tế thì dễ bị tổn thất đáng tiếc. Đảng viên, cán bộ phải hòa mình trong quần chúng. Phải nắm vững phương châm bảo tồn lực lượng, đấu tranh lâu dài, chống mọi tư tưởng phiêu lưu, bộc lộ lực lượng. Kinh nghiệm cho thấy, nơi nào cán bộ, đảng viên hòa mình với quần chúng thì địch không sao đánh chúng cơ sở của ta. Chi bộ đảng cần tổ chức gọn nhẹ, không nên mở rộng, những đồng chí bị lộ phải đổi đi địa phương khác công tác hay tránh mặt một thời gian. Đối với công đoàn: cần phải hoạt động khéo léo hơn, cách làm việc của công đoàn, sự quan hệ với Đảng không thể theo cách thức cũ. Phải để cho công đoàn chỉ hoạt động đấu tranh bảo vệ quyền lợi của công nhân lao động, không dính đến màu sắc chính trị nào [...]. Những đồng chí phụ trách công

đoàn cũng không cần liên lạc thường xuyên với cấp ủy. Các đoàn thể công khai hợp pháp khác như phụ nữ, nông dân... cũng nên làm như vậy [...]. Các Liên tỉnh ủy, Tỉnh ủy phải có nhiệm vụ giữ gìn, bảo vệ cán bộ, có kế hoạch bố trí hoạt động lâu dài vì đây là vấn đề rất quan trọng; cần kiểm tra kỹ những đồng chí xung quanh XUNB; giảm bớt đầu mối, không nên để nhiều người khó kiểm tra” (Viện Lịch sử Đảng, 2008, tr.176-177).

Đến ngày 20/8/1958, Ban Bí thư Trung ương Đảng tiếp tục điện gửi XUNB về chủ trương bảo toàn LLCM. Ban Bí thư cũng dự đoán tình hình ở Nam Bộ là CQSG sẽ gia tăng khủng bố, đàn áp hơn nữa trong thời gian tới. Vì vậy, yêu cầu XUNB phải chú trọng hết sức vấn đề che giấu lực lượng. Trong đấu tranh phải luôn luôn nắm vững phương châm: “Khéo léo công tác, khéo che giấu lực lượng, trường kỳ tồn tại, càng đấu tranh càng phát triển cơ sở” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002d, tập 19, tr.298). Tháng 11 năm 1958, trong Hội nghị lần thứ 3 của XUNB, trên cơ sở phân tích tình hình trong nước và trên thế giới, so sánh tương quan lực lượng giữa cách mạng và CQSG, XUNB đề ra ba nhiệm vụ trước mắt là: “(1) - Tiếp tục đấu tranh ngăn chặn bàn tay độc tài phát xít của Mỹ - Diệm, đòi tự do, cơm áo, bảo vệ quyền lợi dân sinh, dân chủ cho nhân dân; (2) - Phá âm mưu gây chiến, phá hoại hòa bình của Mỹ - Diệm, đòi hòa bình thống nhất nước nhà; (3) - Tích cực xây dựng thực lực cách mạng bao gồm đẩy mạnh việc xây dựng củng cố Đảng bộ, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, củng cố khối liên minh công nông, mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, gây dựng cơ sở cách mạng trong quần chúng và trong chính quyền của địch” (Viện Lịch sử Đảng, 2008, tr.186-187).

Chấp hành chủ trương, đường lối đấu tranh của Ban Bí thư Trung ương Đảng và XUNB, trong năm 1958, các hoạt động ĐTVT tự vệ của quân và dân Nam Bộ có phần lắng xuống, vì phải tuân thủ theo chủ trương, đường lối đấu tranh, bảo tồn LLCM của Trung ương Đảng và cũng có phần lo lắng QĐSG sẽ khủng bố, đàn áp phong trào ác liệt hơn nữa. Cụ thể ở miền Trung Nam Bộ, chấp hành Nghị quyết của Xứ ủy, từ tháng 8 năm 1958, Liên tỉnh ủy chỉ đạo các tỉnh hoạt động theo phương châm bí mật, gọn nhẹ, “điều lắng” cán bộ, đảng viên không vững vàng và già yếu. Những người bị lộ thì chuyển vùng khác hoạt động. Các tỉnh Long An,

Kiến Phong, Kiến Tường tuy vẫn duy trì lực lượng vũ trang nhưng không hoạt động như trước mà bám vào căn cứ Đồng Tháp Mười hoặc biên giới Campuchia để sinh sống, ở từng địa bàn tự động tổ chức phòng ngự, canh gác, cấm các bản “vùng tử địa” để bảo toàn lực lượng (Bộ Tư lệnh Quân khu 9, 1998, tr.320-321). Tuy nhiên, trong khoảng thời gian này, với sự sáng tạo riêng và cũng để đáp ứng kịp thời thực tiễn đấu tranh, phát triển cách mạng, nhiều địa phương ở Nam Bộ những hoạt động ĐTVT nhằm củng cố, giữ vững, bảo tồn LLCM vẫn diễn ra “âm thầm” theo kiểu “làm trước báo sau” và bước đầu phát huy hiệu quả. Các phong trào ĐTCT vẫn được tăng cường, phát triển song song với các hoạt động trừ gian diệt tề, điệp ác ôn. Các trận đánh tập kích tiêu diệt QĐSG của LLCM vẫn diễn ra nhiều nơi ở Nam Bộ và mang lại hiệu quả lớn: hạn chế sự đàn áp, khủng bố khốc liệt vào LLCM từ QĐSG. Đồng thời còn khiến cho phần lớn những tay sai, tề, điệp ác ôn thường trực tâm trạng hoang mang, lo lắng và không dám gây ra nhiều tội ác đối với nhân dân ở địa phương.

Các cuộc ĐTCT với quy mô rộng lớn, quyết liệt, sôi nổi và mật độ ngày càng dày đặc ở Nam Bộ trong những năm 1957 - 1958 thể hiện được sự trưởng thành và giác ngộ cách mạng ngày càng cao của quần chúng nhân dân. Đúng như nhận định của Tỉnh trưởng Định Tường Nguyễn Trân trong một Báo cáo mật gửi cho Ngô Đình Diệm ngày 8/3/1958 về các chiến dịch “Tổ Cộng” của CQSG là “Dân không dễ gì thương chúng ta, trái lại còn thành kiến với chúng ta là khác. Dân ngày nay quả thật không còn như dân mười năm về trước. Một số đã được men cách mạng làm bùng dậy. Họ đã trưởng thành trong máu lửa và có ý thức về những vấn đề dân sinh một cách sâu sắc. Những cảnh phụ nữ, trẻ con ra trước xe tăng và họng súng Pháp trong thời kỳ kháng chiến, trước quân đội quốc gia trong thời kỳ tiếp thu hay biểu tình đòi hiệp thương tổng tuyển cử đó đây, có thể cho ta biết dân không còn là một số người thụ động. Động lực thúc đẩy họ coi rẻ cái chết, coi thường chính quyền phải tìm trong ý thức của họ về một cuộc đấu tranh giai cấp mà Cộng sản dạy cho họ là phần đặc thắng sẽ về họ. Họ tin tưởng mãnh liệt nơi sứ mệnh lịch sử của họ, một sứ mệnh cứu thế. Bao nhiêu nhà trí thức trong thời kỳ tập kết đã chọn con đường Hà Nội thay vì Sài Gòn, cũng như một số khác ngày

nay ở miền Nam đang hướng về miền Bắc, cũng vì đã bị mê hoặc bởi một lý thuyết vô cùng hấp dẫn, lý thuyết đó là chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa này có một sức mạnh ghê gớm, có sức biến những người dân mộc mạc, hiền lành thành những chiến sĩ gan dạ hy sinh” (Trần Văn Giàu, 1964, tr.264).

Phong trào đấu tranh chống Tố Cộng, chống khủng bố, đàn áp ở vùng nông thôn Nam Bộ được gắn với phong trào đấu tranh chống bắt lính, bắt phu xây dựng căn cứ quân sự, đi “dinh điền” và chống cướp đất trong “cải cách điền địa”, chống tăng tô từ CQSG. Phong trào nhân dân đấu tranh chống thuế, chống giải tỏa, đuổi nhà, di dân, đòi các quyền dân sinh, dân chủ diễn ra mạnh mẽ, sôi nổi, rầm rộ từ nông thôn cho đến thành thị và giành được những thắng lợi quan trọng, gây được tiếng vang lớn ở Nam Bộ. Tiêu biểu như ở miền Đông Nam Bộ, quần chúng nhân dân tích cực đấu tranh chống cướp đất, đuổi làng, dồn dân để xây dựng các căn cứ quân sự, đường giao thông của CQSG như xây dựng sân bay Tân Sơn Nhất, xa lộ Sài Gòn - Biên Hòa, trung tâm huấn luyện Quang Trung. Với khẩu hiệu đấu tranh: “Sống tại chỗ, chết tại chỗ, tác đất, tác máu, không đi, không bán đất, không cho mượn đất” (Trung ương Cục miền Nam, 1966, ký hiệu II3/6/16/21, tr.20-21) của quần chúng nhân dân khiến cho CQSG phải nao núng và gặp khó khăn. Ở miền Tây Nam Bộ, nông dân đấu tranh sôi nổi, mạnh mẽ đòi ruộng đất. Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh giữ quyền sử dụng đất mà cách mạng tạm cấp cho trước đó, đồng thời nhân dân đấu tranh chống tăng tô, xáo canh, chống thuế, giảm tô, cứu đói... diễn ra quyết liệt và thu được những thành quả lớn. Đến năm 1959, quần chúng nhân dân đấu tranh giữ được 150.000 ha đất, chiếm hơn 1/2 số ruộng đất được cách mạng tạm cấp trong kháng chiến chống Pháp, trong đó có 23.000 ha tập trung ở những vùng căn cứ kháng chiến cũ, do nông dân làm chủ, không nộp tô thuế (Viện Lịch sử Đảng, 2015, tr.117).

Trong những năm 1957 - 1958, các phong trào đấu tranh ở thành thị và nông thôn Nam Bộ được kết hợp chặt chẽ: Ở đô thị phong trào quần chúng đòi cải cách đời sống, giải quyết việc làm, cứu tế xã hội, hạ giá sinh hoạt, chống thuế, chống đuổi nhà, giải tỏa đô thị kết hợp đòi tăng lương cho binh sĩ và công chức chính quyền. Ở nông thôn cuộc đấu tranh chống cướp đất diễn ra quyết liệt với nhiều

hình thức: chống khế ước, đòi giữ nguyên canh, giảm tô, giảm tức, kết hợp với đấu tranh ở các lĩnh vực khác. Từ thành thị cho đến nông thôn đều dấy lên phong trào chống bắt lính, chống quân dịch với nhiều hình thức: bàn bạc phản đối hoãn dịch, miễn dịch, cước tuổi, hạ tuổi, tự gây thương tật, chống đăng ký, chống nhập ngũ, cản đầu xe giành giạt con em bị bắt đi lính, đào hầm bí mật trốn quân dịch, lánh đi địa phương khác, tổ chức báo động cho thanh niên trốn lính, bỏ ngũ... Phong trào đấu tranh chống “Tổ Cộng, diệt Cộng” diễn ra đều khắp ở Nam Bộ với nhiều hình thức phong phú.

Đặc biệt trong giai đoạn này, trước sự bất mãn ngày càng gia tăng của quần chúng nhân dân đối với chế độ độc tài gia đình trị họ Ngô cùng với hoạt động bảo hộ của chính quyền Mỹ ở Sài Gòn cũng khiến cho lực lượng báo chí công khai Sài Gòn không thể đứng ngoài cuộc và có những bài viết công kích, mỉa mai CQSG. Báo *Tự do* viết: “Phải lấy bài học của Batista làm kinh nghiệm nếu không mở rộng tự do dân chủ, nếu không thừa nhận vai trò đối lập, nếu còn đuôi theo chính sách độc tài quân phiệt, thì sẽ không tránh khỏi một cuộc đảo chính toàn bộ, những lực lượng dân chủ sẽ theo gương Fidel Castro mà khởi nghĩa”. Báo *Chuông Mai* còn chỉ trích: “Nhiều chế độ chính trị phản dân chủ lập dưới sự bảo trợ của các lực lượng quốc tế, những chế độ này đã làm được gì? Xin thưa, bản thân họ là bọn tay sai của ngoại bang nên họ đặt quyền lợi ngoại bang và quyền lợi cá nhân, gia đình, dòng họ của mình lên trên quyền lợi Tổ quốc, dân tộc. Từ những cú cánh này, các chính quyền được ngoại quốc bảo trợ biến thành cơ sở thống trị của riêng một bọn người, của riêng một gia đình, một dòng họ, một cá nhân. Với những tổ chức nhà nước như vậy người dân nhược tiểu hỏi làm sao mà góc đầu góc cổ lên được, trước những thảm họa đói rách và bạo hành? Nhân dân và chính quyền đối lập nhau một cách tiêu cực; chính quyền dùng cảnh sát, công an và khí giới ngoại quốc khóa miệng dân; dân ngược lại, sống chết mặc bay, không cộng tác với chính quyền, ngồi im nung nấu những mầm mống cách mạng trong thâm tâm chờ thời cơ lịch sử mà hành động” [...]. Trong vấn đề quan hệ Bắc - Nam ngay báo *Dân chúng* của Trần Chánh Thành cũng bị dư luận bắt buộc lên tiếng rằng “đóng chặt giới tuyến là không thực tế”. Báo *Tân dân* còn nêu đề nghị: chính phủ nói miền

Bắc không tự do, bị trong cảnh đô hộ, dân khổ thì hãy gửi một phái đoàn báo chí miền Nam ra quan sát miền Bắc xem ra sao. Việc này gây dự luận sôi nổi tán thành, làm cho CQSG phải đối phó lúng túng. Có báo chí khác dám nói công khai rằng viện trợ Mỹ là ích kỷ, vụ lợi, có ẩn ý, không giúp nền kinh tế miền Nam phục hưng mà chỉ đem đến một sự phồn vinh giả tạo (Trần Văn Giàu, 1964, tr. 392-393). Có thể thấy, mặc dù “là công cụ, là phương tiện trong tay chính quyền Ngô Đình Diệm báo chí công khai Sài Gòn vẫn bộc lộ những điểm tích cực, tiến bộ của mình. Không chỉ có tiếng nói phản kháng về các vấn đề chính trị, báo chí Sài Gòn trong quá trình hoạt động của mình còn có những tác động ngược lại đối với xã hội” (Dương Kiều Linh, 2017, tr.208).

Trước các phong trào đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng nhân dân, một số tờ báo công khai Sài Gòn đã thể hiện được những biểu hiện của xã hội cũng như các phong trào đấu tranh của công nhân tại đô thị lúc bấy giờ. “*Tuần san Phòng Thương mại Sài Gòn* ngày 25/4/1958 có đầu đề “Độc lập kinh tế, nguyện vọng thiết tha của các giới công nhân công thương, công kỹ nghệ gia, chúng ta ủng hộ cuộc chấn hưng kinh tế để cải thiện đời sống dân sinh...”. Tờ *Dân chúng* trong bài bình luận ngày 21/5/1958 viết: “Hiện nay, trên bối cảnh Việt Nam, đấu tranh đòi cơm áo mà không gắn liền với đấu tranh đòi thống nhất đất nước thì mới chỉ là đấu tranh một nửa...”. Và riêng báo *Tự do* thì còn có thống kê cụ thể ngày 19/9/1958 về tổng số các vụ đấu tranh tập thể và các vụ tranh chấp cá nhân, thể hiện vai trò xã hội và diễn đàn của báo chí khá rõ rệt. Bài báo có đoạn: “Những cuộc tranh chấp giữa chủ và công nhân ngày càng tăng lên, từ tháng 7/1957 đến tháng 7/1958 đã có 80% các vụ đấu tranh tập thể, 93% các vụ tranh chấp cá nhân của công nhân các nhà máy giành được thắng lợi [...]. Các bài phóng sự tường thuật về bãi công, bãi thị của công nhân và tiêu thương ở các chợ được báo *Tự do*, *Ngôn luận*, *Sài Gòn mới*, *Chuông Mai*... đăng tải dài kỳ làm cho tính chất xã hội của báo chí đậm nét hơn” (Dương Kiều Linh, 2017, tr.209-211). Như vậy, bên cạnh các phong trào đấu tranh mạnh mẽ, quyết liệt của quần chúng nhân dân, báo chí công khai Sài Gòn cũng có những “tiếng nói” riêng của mình đối với các hoạt động, chính sách độc tài của Ngô Đình Diệm ở Nam Bộ. Mặc dù những “tiếng nói” đó của báo chí

công khai Sài Gòn không diễn ra liên tục, quyết liệt nhưng cũng góp phần làm cho các phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân Nam Bộ thêm sôi động và tạo tiếng vang lớn, gây áp lực không nhỏ đối với CQSG trong giai đoạn 1954 - 1960.

Đến những năm 1958 - 1959, ở Nam Bộ, các phong trào ĐTCT vẫn được giữ vững. Sự tăng cường khủng bố, đánh phá của chính quyền VNCH vẫn không dập tắt được làn sóng đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân Nam Bộ. Phong trào ĐTCT ở địa phương vẫn diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú. Nhân dân nhiều nơi ở Nam Bộ khi bị QĐSG bắt đi “Học tập Tố Cộng” thì chất vấn lung tung, la hét, đánh nhau và làm âm ỉ để phá các buổi học tập Tố Cộng. Nhiều nơi quần chúng kéo nhau đến bao vây các đoàn “Tố Cộng” của CQSG; có những cuộc thu hút hàng 4.000 đến 5.000 người tham gia (Cao Văn Lượng, 1991, tr.93).

Về công tác binh vận: đến đầu năm 1957, công tác binh vận được đẩy mạnh trên địa bàn Nam Bộ và thu được những thắng lợi. Tháng 1 năm 1957, XUNB ra nghị quyết về công tác binh vận trong hai năm 1958 - 1959. Nghị quyết xác định: “Công tác binh vận là công tác vận động quần chúng cách mạng để thực hiện mặt trận công, nông, binh liên hiệp để tăng cường LLCM đi đến đánh đổ CQSG thực hiện hòa bình thống nhất, độc lập dân tộc. Mục đích của binh vận là vận động binh lính chống chiến tranh, phá tan âm mưu ý đồ gây chiến của CQSG, không để đối phương dựa vào quân đội làm công cụ gây chiến tranh đánh miền Bắc. Xây dựng thực lực trong QĐSG, biến công cụ gây chiến trở thành phương tiện của cách mạng (công, nông, binh liên hiệp) để đánh đổ CQSG thực hiện hòa bình thống nhất, độc lập dân tộc. Phương châm của công tác binh vận là xây dựng thực lực, bảo vệ thực lực, trường kỳ mai phục; nắm dưới là căn bản, tranh thủ nắm trên là quan trọng; phối hợp nội, ngoại tuyến chặt chẽ” (Xứ ủy Nam Bộ, 1957c, số 03b/1957, tr.26, 28).

Phát huy những thắng lợi trong công tác binh vận sau hai năm thi hành Hiệp định Genève 1954, nhằm tạo thêm những điều kiện thuận lợi để phát triển phong trào cách mạng ở Nam Bộ cũng như bảo tồn được cơ sở, cán bộ cách mạng, tránh tổn thất lực lượng ngày 12/2/1958, Lê Duẩn điện gửi XUNB chỉ đạo một số vấn đề của cách mạng miền Nam, trong điện vấn đề binh vận cũng được đề cập và yêu

cầu: “Công tác vận động binh lính và CQSG cần được đẩy mạnh hơn nữa” (Viện Lịch sử Đảng, 2008, tr.173). Đến tháng 6 năm 1958, XUNB tiếp tục ra nghị quyết về công tác binh vận. Để công tác binh vận đạt hiệu quả hơn trong những năm 1958 - 1959, Nghị quyết nêu rõ yêu cầu cần phải: “Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đối với tất cả các lực lượng quân sự của CQSG. Tăng cường vận động binh lính đấu tranh đòi cải thiện đời sống, chống chế độ Mỹ - Diệm, đồng tình ủng hộ các cuộc đấu tranh của nhân dân. Kiểm tra, bồi dưỡng cơ sở nội tuyến hiện có thành cơ sở cách mạng, đồng thời tìm mọi cách phát triển thêm cơ sở mới. Chấn chỉnh việc chỉ đạo của các cấp ủy và tổ chức lề lối làm việc, hệ thống liên lạc của Ban Binh vận các cấp. Tăng cường chỉ đạo chi bộ làm công tác binh vận. Chú ý công tác tuyên truyền, tranh thủ sĩ quan Sài Gòn” (Viện Lịch sử Đảng, 2008, tr.180-181). Đến tháng 1 năm 1959 trong Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường đoàn kết, kiên quyết đấu tranh giữ gìn hòa bình, thực hiện thống nhất đất nước tiếp tục khẳng định vai trò to lớn của công tác binh vận và xem binh vận là “công tác hết sức quan trọng để tiến tới xây dựng khối công, nông, binh liên hiệp” và “Đảng phải xúc tiến đặc biệt cho công tác binh vận, kiên trì bí mật và khéo léo, đi sâu tranh thủ cho được đa số binh lính đồng tình với cách mạng, tiến tới xây dựng công, nông, binh liên hiệp” (Bộ Chính trị, 1959, số 08/1959-TWC, tr.13, 15). Chấp hành Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng đến cuối năm 1959, ở các tỉnh miền Trung Nam Bộ và Tây Nam Bộ, công tác binh vận được triển khai mạnh mẽ khiến cho CQSG tại các địa phương cũng thừa nhận và lo lắng: “Các hoạt động tuyên truyền rải truyền đơn, căng biểu ngữ, và nhất là binh tề vận được đẩy mạnh tại các tỉnh Kiến Hòa, Ba Xuyên, Định Tường, Kiến Tường và Phong Dinh” và “hoạt động binh tề vận thường được báo cáo. Hiện trạng này nếu không sớm chấm dứt sẽ là một mối nguy hại lớn cho nền an ninh tại đây” (Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa (1954-1963), 1959, hồ sơ số: 5712, tr.4, 5).

Như vậy, về công tác binh vận, kể từ Hội nghị XUNB lần thứ nhất (10/1954) cho tới năm 1959, “Đảng đã đặt nhiệm vụ này có tính chất chiến lược của cách mạng. [...] các cấp ủy Đảng ngay từ đầu đã nhận thức rất rõ sự cần thiết của công tác vận động binh lính. Diễn biến của công tác binh vận không chỉ mạnh trong các

vùng đô thị, trong các trại lính mà hầu như diễn ra khắp miền Nam. Bằng tình cảm ruột thịt của những gia đình có người đi lính, những người làm công tác binh vận đã quan tâm giúp đỡ và thuyết phục họ, do đó có ảnh hưởng lớn tới tâm tư của binh sĩ. Nhờ sự vận dụng đúng đắn quan điểm giai cấp và phát động đấu tranh giai cấp rất rõ ràng nên có kết quả. Cách mạng luôn luôn nhận được sự đồng tình ủng hộ lớn lao của mọi tầng lớp nhân dân lao động” và cán bộ cách mạng “đã dựa vào cơ sở nhân mồi do cách mạng xây dựng trong hàng ngũ đối phương để bảo tồn lực lượng, thông qua tổ chức và phong trào quần chúng” (Phan Văn Đáng, 1984, số 15761/2, tr.4).

Về xây dựng thể trận lòng dân: XUNB không chỉ sớm đẩy mạnh quá trình đấu tranh để bảo tồn các LLCM trong những năm 1957 - 1959 mà còn nhanh chóng xây dựng được vững chắc thể trận lòng dân ở các địa phương. Trong thời gian này, mặc dù CQSG đánh phá khốc liệt, các cơ sở và LLCM chịu nhiều tổn thất nhưng nhờ sự bao bọc, che chở, nuôi nấng, bảo vệ của nhân dân mà các tổ chức Đảng, cơ sở cách mạng, cán bộ, đảng viên có thể bám trụ và từng bước củng cố, xây dựng lại. Quần chúng nhân dân luôn hướng về cách mạng, hướng về Đảng. Chính họ tạo thành “bức tường thành” vững chắc bảo vệ cán bộ, đảng viên trước mũi lê, họng súng tàn bạo của QĐSG. Việc thực hiện tốt công tác dân vận ở Nam Bộ cũng góp phần quan trọng giúp cho phong trào cách mạng cũng như các cơ sở, tổ chức Đảng không bị tiêu diệt hoàn toàn. Trong mọi tình huống, quần chúng nhân dân tìm mọi cách tiếp tế lương thực thực phẩm để tiếp viện cho cán bộ, đảng viên, sẵn sàng che chở giúp cho cán bộ, đảng viên an toàn để hoạt động cách mạng. Mặc dù, CQSG có hăm dọa, khủng bố, đàn áp hoặc dụ dỗ, mua chuộc dân bằng nhiều hình thức khác nhau nhưng lòng dân Nam Bộ vẫn luôn hướng về Đảng, về cách mạng. Và điều này đảm bảo cho sự tồn tại của cách mạng dù trong thời điểm khó khăn nhất. Các quan chức của CQSG tại một số địa phương Nam Bộ cũng thừa nhận sự thất bại của chính quyền trong chiến dịch “Tố Cộng, diệt Cộng”. Trong bản Phúc trình gửi Nguyễn Ngọc Thơ (Phó Tổng thống VNCH) ngày 20/7/1957 của Tỉnh trưởng tỉnh Tây Ninh Nguyễn Văn Ngôn đã viết: “Ở Tây Ninh, quốc sách “Tố Cộng, diệt Cộng” không đem lại kết quả hữu hiệu, lý do địa hình rừng rậm, biên giới, chúng

(lực lượng cách mạng) dễ lẫn trốn lại được dân chúng thân Cộng che chở” (Ban Lịch sử Quân sự tỉnh Tây Ninh, 1957, bản số 43). Ở các tỉnh Định Tường, Kiến Tường, Kiến Phong, Kiến Hòa... (miền Trung Nam Bộ) và tại các tỉnh Ba Xuyên, Phong Dinh... (miền Tây Nam Bộ) cũng phản ánh rõ sự thất bại trong việc “thu phục nhân tâm” của CQSG. Nhờ XUNB và các cấp ủy Đảng địa phương xây dựng được vững chắc thể trận lòng dân nên quá trình tái lập các cơ sở, tổ chức Đảng cũng như các đơn vị vũ trang cách mạng ở Nam Bộ trong những năm 1957 - 1959 diễn ra có hiệu quả.

Như vậy, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách nhưng quân và dân Nam Bộ đã sớm tiến hành các hoạt động củng cố, xây dựng lại LLCM dưới nhiều hình thức phong phú khác nhau. Các cơ sở, các tổ chức Đảng và các đơn vị vũ trang cách mạng từng bước được xây dựng, phát triển ở nhiều địa phương Nam Bộ với mức độ ngày càng gia tăng. Trong những năm 1957 - 1959 các phong trào đấu tranh chống khủng bố, đàn áp từ CQSG của nhân dân Nam Bộ diễn ra sôi nổi, rầm rộ, đều khắp trên toàn vùng. Đặc biệt, lực lượng báo chí công khai Sài Gòn cũng góp phần không nhỏ vào quá trình đấu tranh của quân và dân Nam Bộ trong thời gian này tạo ra những hiệu ứng tích cực. Những hoạt động ĐTCT sôi nổi kết hợp với đẩy mạnh công tác binh vận của quân và dân Nam Bộ góp phần quan trọng hạn chế phần nào sự khủng bố, đánh phá ác liệt từ QĐSG, tạo điều kiện cho các LLCM ở Nam Bộ củng cố, phục hồi. Mặc dù bị CQSG đánh phá mạnh nhưng hoạt động khôi phục và xây dựng các tổ chức Đảng, cơ sở cách mạng ở Nam Bộ vẫn đạt được những kết quả quan trọng. Các tổ chức, cơ sở Đảng không bị tiêu diệt hoàn toàn và từng bước củng cố trong từng địa phương. Đồng thời nhờ XUNB xây dựng tốt thể trận lòng dân những năm 1957 - 1959 cũng tạo tiền đề quan trọng giúp cho quá trình tái xây dựng căn cứ địa và các đơn vị vũ trang cách mạng diễn ra nhanh chóng và hoạt động có hiệu quả sau đó.

2.3.2. Tái lập các căn cứ địa và lực lượng vũ trang cách mạng

Lênin từng nói: “Muốn tiến hành chiến tranh một cách nghiêm chỉnh, phải có một hậu phương được tổ chức vững chắc” (Võ Nguyên Giáp, 1970, tr.90). Xây dựng hậu phương, căn cứ địa kháng chiến trở thành nhiệm vụ quan trọng trong

chiến tranh. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Muốn khởi nghĩa phải có căn cứ địa, muốn kháng chiến phải có hậu phương” (Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, 2002, tr.360) và nhấn mạnh vai trò to lớn cũng như tầm quan trọng của việc xây dựng căn cứ địa trong kháng chiến: “Thắng lợi phải đi đôi với trường kỳ, kháng chiến càng lâu dài và ác liệt càng phải huy động cao nhất sức người, sức của của căn cứ địa hậu phương. Vì vậy, nhất thiết phải xây dựng căn cứ, hậu phương vững mạnh, toàn diện về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa...” (Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, 2002, tr.378).

Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng từng nhận định: “Nói đến ĐTVT đến xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng thì không thể không nói đến vấn đề căn cứ địa cách mạng, vấn đề hậu phương tại chỗ, hậu phương trực tiếp của chiến tranh cách mạng. Căn cứ địa cách mạng là những vùng giải phóng xuất hiện trong vòng vây của địch, cách mạng dựa vào đó để tích lũy và phát triển lực lượng của mình về mọi mặt, tạo thành những trận địa vững chắc về: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa; lấy đó làm nơi xuất phát để lớn mạnh, giải phóng hoàn toàn đất nước. Căn cứ địa là chỗ đứng chân của cách mạng; đồng thời là chỗ dựa để xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, đẩy mạnh ĐTVT cách mạng; trên ý nghĩa đó, nó cũng là hậu phương của chiến tranh cách mạng” (Võ Nguyên Giáp, 1970, tr.89-90).

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, vấn đề xây dựng căn cứ địa cách mạng để làm nơi bảo tồn, xây dựng, phát triển của LLCM cũng như nơi xuất phát những hoạt động tiến công được đặt lên hàng đầu và trở thành một trong các vấn đề chỉ đạo chiến lược quan trọng nhất của Đảng. Trong giai đoạn 1954 - 1960, vấn đề xây dựng các căn cứ địa cách mạng ở Nam Bộ trở nên cấp thiết và có ý nghĩa quan trọng trong đấu tranh chống CQSG.

Tháng 12 năm 1956, XUNB họp hội nghị ở Phnom Penh (Campuchia) nhằm nghiên cứu các Nghị quyết của Trung ương Đảng và *Đề cương cách mạng miền Nam* của Lê Duẩn. Hội nghị chủ trương: “Tích cực xây dựng lực lượng vũ trang tuyên truyền, lập đội vũ trang tuyên truyền, lập đội vũ trang bí mật, xây dựng căn cứ ở rừng núi, tranh thủ vận động, tập hợp và cải tạo lực lượng giáo phái bị Mỹ - Diệm đánh tan rã, đưa họ đứng vào hàng ngũ cách mạng và cần lợi dụng danh

nghĩa giáo phái ly khai để diệt ác ôn...” (Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, 2014, tr.573-574). Những chủ trương này rất phù hợp với thực tiễn đấu tranh cách mạng lúc bấy giờ và đã được phổ biến đến các cấp nhưng không ghi vào nghị quyết mà chỉ được mặc định như thế. Thực hiện Nghị quyết của XUNB, kể từ năm 1957 trở về sau, các căn cứ địa ở Nam Bộ từng bước được tiến hành xây dựng và mở rộng.

Trong hai năm 1957 và 1958, một số căn cứ cách mạng ở Nam Bộ được tái lập, củng cố và mở rộng nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn đấu tranh cách mạng. Các căn cứ địa được tái lập lại ban đầu chủ yếu là những căn cứ địa cách mạng cũ đã có từ thời kỳ chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam như chiến khu Đ, chiến khu Dương Minh Châu (ở miền Đông Nam Bộ), căn cứ Đồng Tháp Mười ở miền Trung Nam Bộ và ở miền Tây Nam Bộ thì khôi phục lại căn cứ U Minh. Những căn cứ địa này được tái lập khi CQSG cự tuyệt hiệp thương, tổng tuyển cử thống nhất đất nước và đẩy mạnh các hoạt động khủng bố, đàn áp các phong trào đấu tranh và LLCM ở địa phương. Đến năm 1958, XUNB nhấn mạnh chủ trương là phải củng cố, xây dựng đồng thời mở rộng căn cứ địa để đảm bảo cho lực lượng vũ trang cách mạng phát triển lớn hơn trước. Do đó, hoạt động xây dựng và mở rộng các căn cứ địa được tiếp tục đẩy mạnh trong các địa phương Nam Bộ.

Chiến khu Đ cũ được mở rộng gồm cả khu vực Mã Đà và Đồng Nai Thượng. Chiến khu Dương Minh Châu được mở rộng ra khu vực Bà Chiêm, Bà Rã, Trà Vong, Bà Dương Lịch, Suối Mây, Rùm Đuôn thông với các căn cứ Bời Lời, Ca Ba Cham, Ba Thu. Ở Long Nguyên xây dựng căn cứ khu vực sông Thị Tính. Ở Bà Rịa Long Khánh xây dựng các căn cứ Mây Tàu, Hắc Dịch, Xuyên Mộc, khu vực La Ngà, Rừng Sác. Tỉnh Long An có các căn cứ Ba Thu, Vườn Thơm, Bà Vụ, Bình Phong Thạnh, Bình Hòa, có nhiều lổm lỏm căn cứ bàn đạp cho lực lượng vũ trang đứng chân hoạt động ở các vùng đông dân cư như Cần Giuộc, Cần Đức, Bến Lức, Đức Hòa, Đức Huệ, hai bên sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây, Rừng Sác. Các căn cứ của miền Đông Nam Bộ tương đối thuận lợi cho bộ đội sản xuất lương thực và khai thác nguồn lợi thiên nhiên để tự túc (Bộ Tư lệnh Quân khu 7 và Cục Hậu cần, 2011, tr.105-106).

Đến tháng 5 năm 1959, Đoàn 559 được thành lập, thực hiện nhiệm vụ chi viện cho miền Nam. Trước tình trạng chiến trường còn chia cắt, nhu cầu mở con đường hành lang chiến lược nhằm tiếp nhận sự chi viện của miền Bắc để phát triển LLCM ở địa phương là cấp thiết nên hoạt động “soi mở đường” được XUNB nhanh chóng cho triển khai. Tại Hội nghị quán triệt Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, tháng 9 năm 1959, ở Trảng Chiên (Tây Ninh), XUNB đề ra nhiệm vụ là cần phải nhanh chóng mở rộng căn cứ chiến khu Đ ra hướng Đồng Nai Thượng và soi mở đường ra phía Bắc, móc nối liên lạc đơn vị mở đường từ Nam Đắc Lắc vào, nối liền hành lang Đông Nam Bộ và Nam Tây Nguyên. Và đến cuối năm 1960 con đường chiến lược từ Trung ương vào tới miền Đông Nam Bộ đã nối thông, thuận tiện cho Trung ương Đảng chỉ đạo, chi viện cho Nam Bộ.

Như vậy, đến những năm 1959 - 1960, hai vùng căn cứ Đông Bắc và Tây Bắc (miền Đông Nam Bộ) được củng cố và mở rộng thành vùng căn cứ địa chung của chiến trường Nam Bộ, trở thành nơi đứng chân của cơ quan lãnh đạo cách mạng miền Nam (XUNB). Trong căn cứ địa cách mạng, việc tăng gia sản xuất được tiến hành khẩn trương và tích cực để có thể tự túc về lương thực. Nhiều trại nông binh được thành lập rải rác khắp các vùng căn cứ để sản xuất tự túc và mở rộng xây dựng căn cứ vững chắc để tiến hành hoạt động. Mặc dù bị khủng bố khốc liệt nhưng nhân dân vẫn hướng về cách mạng. Nhân dân vẫn tìm mọi cách ủng hộ về vật chất, tiền bạc, vũ khí... và luôn che chở, bảo vệ cán bộ, đảng viên cách mạng trong những thời điểm gian khó nhất. Đến thời điểm này, các căn cứ miền Đông Nam Bộ thực sự trở thành trung tâm của chiến đấu vũ trang, chiến khu Đ là căn cứ chủ yếu. Từ đầu năm 1958, lực lượng vũ trang của cách mạng ở căn cứ Đông Bắc (Tây Ninh) cũng tập trung về chiến khu Đ để củng cố, học tập và sản xuất.

Riêng ở miền Trung và Tây Nam Bộ, trước hết dựa vào “lòng dân” để tồn tại, phát triển đấu tranh, triệt để và khôi phục lại các vùng căn cứ cũ trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp là căn cứ Đồng Tháp Mười tại các khu vực Thường Phước, Gò Kho, Vĩnh Thành, Nhân Hòa, Gò Dưa, Cả Quản... (miền Trung Nam Bộ); các căn cứ Năm Căn (Cà Mau), U Minh Thượng, U Minh Hạ... (miền Tây Nam Bộ). Trong các vùng căn cứ đó, các đơn vị vũ trang mà phổ biến là đại đội

được tổ chức, có cơ sở Đảng, cơ sở chính trị, tiến hành vũ trang tuyên truyền, diệt ác, trừ gian, đánh QĐSG đi càn quét, lấy của quân lính đối phương bồi dưỡng LLCM, cấy người vào những nơi không dân để sản xuất tự túc, phát triển cơ sở thu mua lương thực, cơ sở sản xuất, lập bệnh xá, binh công xưởng... (Ban Tổng kết chiến tranh B2, 1979b, quyển 5, tr.93). Đặc biệt, ở miền Tây Nam Bộ đến đầu năm 1957 xuất hiện các “làng rừng” hoạt động như những “túi bất hợp pháp” chống lại CQSG. Nhằm tránh sự đàn áp, khủng bố khốc liệt của CQSG, hàng chục ngàn người kéo nhau vào rừng U Minh thành lập các làng mới sinh sống và hoạt động cách mạng. Làng rừng tồn tại và hoạt động như những thôn, xã do nhân dân tự quản, tự xây dựng để chống CQSG. Các làng rừng chẳng khác những căn cứ địa cách mạng nhằm duy trì và phát triển LLCM ở địa phương. Đến năm 1959, các làng rừng ngày càng được mở rộng, hàng ngàn thanh niên trốn QĐSG bắt đi lính, những người chống đối CQSG cũng lánh vào các làng được xây dựng trong rừng để hoạt động cách mạng. Trước thực tế đó, Tỉnh ủy Cà Mau quyết định thành lập các làng rừng để bảo toàn và xây dựng LLCM chờ đợi thời cơ nổi dậy. Dưới sự lãnh đạo, tổ chức của Tỉnh ủy Cà Mau có khoảng “15 làng rừng với khoảng 20 ngàn dân và nhiều làng rừng khác được lập nên ở bên trong và ven rừng U Minh kéo dài xuống phía Nam, Đông Nam rừng đước” (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cà Mau, 2004, tr.224).

Các “làng rừng” được tổ chức chẳng khác mô hình một chính quyền, một xã hội thu nhỏ nằm ẩn khuất giữa rừng U Minh, rừng đước bạt ngàn. Làng rừng được bố phòng chặt chẽ, có kiểm soát, canh gác, có Ban quản trị hoặc Ban tự quản do chi bộ làng rừng lãnh đạo. Việc trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất diễn ra bình thường, các hoạt động vui chơi, sinh hoạt văn nghệ, giải trí diễn ra thường xuyên, cuộc sống yên vui, no ấm. Đồng thời, làng rừng cũng trở thành nơi sản xuất, rèn đúc vũ khí phục vụ cho cách mạng. Các hoạt động vũ trang tuyên truyền của cán bộ cách mạng phát huy được hiệu quả và phổ biến nhanh đến toàn dân trong khu vực sinh sống các làng rừng. Các làng rừng vẫn có liên hệ, trao đổi với bên ngoài. Các làng cũ thường xuyên tiếp tế, lương thực, nhu yếu phẩm vào bên trong. Mặc dù QĐSG thường xuyên đốt phá rừng, tiến hành tấn công càn quét nhưng dưới sự lãnh đạo

của Đảng bộ, Tỉnh ủy Cà Mau và được sự che chở, bảo vệ của nhân dân các tổ chức Đảng, các chi bộ, LLCM được bảo tồn, giữ vững và ngày càng phát triển, tạo tiền đề thuận lợi cho Đồng Khởi thắng lợi ở Cà Mau sau đó. Như vậy, đến cuối năm 1958, ở Cà Mau xuất hiện “các hình thức nổi dậy của quần chúng, tách hẳn khỏi CQSG, xây dựng một chính quyền nhân dân tự quản, lập căn cứ chống giặc” (Bộ Tư lệnh Quân khu 9, 1996, tr.267). Đó là các “làng rừng” - một phương thức đấu tranh cách mạng sáng tạo, độc đáo của nhân dân sông nước Cà Mau. Quân và dân Cà Mau phấn khởi, tự hào như xây dựng được “những vùng đất xã hội chủ nghĩa đầu tiên tại miền Nam khói lửa” (Trần Văn Trà, 2005, tr.355). Có thể nói, việc tổ chức thành lập các làng rừng “là cách đánh giặc độc đáo của nhân dân Cà Mau trong điều kiện tay không đối đầu với bạo lực của QĐSG. Làng rừng kiên cường tồn tại và phát triển, là hạt nhân cho phong trào nổi dậy của nhân dân giành quyền làm chủ. Làng rừng không chỉ là căn cứ địa cách mạng mà còn chứa đựng tư tưởng tiến công lớn, là một hình thái tiến công và nổi dậy của quân và dân Cà Mau trong những ngày trước Đồng Khởi” (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cà Mau, 2004, tr.226).

Có thể thấy, các căn cứ địa cách mạng được tái thành lập, xây dựng và mở rộng trong những năm 1957 - 1959 giữ vai trò quan trọng quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM của quân và dân Nam Bộ. Các căn cứ địa cách mạng hoạt động có hiệu quả ở Nam Bộ trong thời gian này không chỉ góp phần hạn chế tổn thất LLCM trước các hoạt động khủng bố, đánh phá của CQSG mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của LLCM, nhất là lực lượng vũ trang ở địa phương sau đó.

Hoạt động xây dựng các căn cứ địa cách mạng trong chiến tranh là cần thiết nhưng việc phát triển lực lượng vũ trang lại càng quan trọng hơn. Về tầm quan trọng của việc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, Lê Duẩn viết: “Kinh nghiệm cách mạng Việt Nam chứng minh rằng muốn giành được thắng lợi cho cách mạng thì ngoài lực lượng chính trị ra, cần có lực lượng vũ trang và phải biết khéo sử dụng đấu tranh quân sự và ĐTCT phù hợp với tình hình cụ thể từng nơi, từng lúc. Không chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, kể cả lực lượng vũ trang thì không

thể chống lại sự tiến công ác liệt của quân thù” (Lê Duẩn, 1970, tr.46-47). Và “muốn tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến của toàn dân, muốn củng cố nền quốc phòng của toàn dân thì phải xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh” và “lực lượng vũ trang địa phương giữ vai trò nòng cốt của ĐTVT ở địa phương, của chiến tranh du kích, của chiến tranh nhân dân ở địa phương. Đó là cơ sở của toàn bộ lực lượng vũ trang của Đảng. Không có lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh và rộng khắp thì không thể có chiến tranh nhân dân ở địa phương sâu rộng, càng không thể có phong trào vũ trang toàn dân sâu rộng được” (Võ Nguyên Giáp, 1973, tr.21-23).

Song song với việc tái lập các căn cứ địa cách mạng, những hoạt động xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng cũng từng bước được tiến hành với những phương cách độc đáo, sáng tạo và đáp ứng được những yêu cầu thực tiễn đấu tranh cách mạng ở Nam Bộ lúc bấy giờ.

Tháng 8 năm 1956, *Đề cương cách mạng miền Nam* do Bí thư XUNB Lê Duẩn soạn thảo hoàn thành. Bản *Đề cương cách mạng miền Nam* nêu rõ: “Muốn chống Mỹ - Diệm, ngoài con đường cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002b, tr.785). Mặc dù *Đề cương cách mạng miền Nam* chưa đề cập đến các hoạt động ĐTVT cụ thể nhưng đã xác định rõ con đường tất yếu của cách mạng miền Nam nói chung và ở Nam Bộ nói riêng phải là con đường cách mạng, đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm. Và *Đề cương cách mạng miền Nam* cũng xác định “đấu tranh làm sụp đổ một chính quyền phản động (CQSG) là một quá trình lâu dài trải qua nhiều giai đoạn và có thể thực hiện bằng nhiều cách khác nhau”. Để hiện thực hóa những “hình thức đấu tranh” “bằng nhiều cách khác nhau”, phù hợp với tinh thần của *Đề cương cách mạng miền Nam*, được sự chỉ đạo của Bí thư XUNB Lê Duẩn, Nguyễn Minh Đường soạn thảo một bản đề án về tổ chức và hoạt động vũ trang tuyên truyền để chỉ đạo, lãnh đạo phong trào đấu tranh trong toàn miền Trung Nam Bộ và đưa ra thảo luận trong Hội nghị XUNB tháng 12 năm 1956.

Đề án vũ trang tuyên truyền do Bí thư Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ Nguyễn Minh Đường soạn thảo năm 1956. Trong bản *Đề án vũ trang tuyên truyền*

thể hiện rõ mục đích của các hoạt động vũ trang tuyên truyền là: “Trong những địa bàn nhất định, vũ trang tuyên truyền có tác dụng xây dựng LLCM, giữ uy thế chính trị hiện tại, đẩy mạnh phong trào ĐTCT nhân dân. Lật đổ Mỹ - Diệm giành hòa bình thống nhất, độc lập dân tộc. Giữ vững tinh thần nhân dân và thế chính trị trên các vùng căn cứ cũ của ta (cách mạng), làm cho dự trữ lực lượng lâu dài đồng thời tạo thành một căn cứ dự trữ cho ta (cách mạng) sau này” (Xứ ủy Nam Bộ, 1957b, tài liệu số 5/1957-TWC, tr.2). Và phương châm hoạt động vũ trang tuyên truyền nhằm phục vụ cho việc củng cố cơ sở, phát triển phong trào, không làm trở ngại việc đấu tranh hợp pháp của quần chúng mà ngược lại phải thúc đẩy ĐTCT vì hòa bình, thống nhất dân sinh, dân chủ của nhân dân, phải được dân ủng hộ, nuôi dưỡng, đội vũ trang tuyên truyền là một tổ chức vũ trang của Đảng có chất lượng cao, được nguy trang để làm nhiệm vụ tuyên truyền, do đó Thường vụ Tỉnh ủy phải trực tiếp lãnh đạo, có ủy viên Thường vụ trực tiếp phụ trách, cấp đại đội có liên chi ủy, trung đội có chi bộ (Bộ Tư lệnh Quân khu 9, 1998, tr.309). Có thể thấy, những nội dung cơ bản của bản *Đề án vũ trang tuyên truyền* có những yếu tố không chỉ phù hợp với tình hình cách mạng lúc bấy giờ mà sau đó còn phát triển thành phương châm chiến lược chủ động giữ thế công khai hợp pháp đấu tranh chống Mỹ - Diệm với thế hai chân, ba mũi tấn công quân đội đối phương, có lực lượng quân sự, đội quân tóc dài và lực lượng binh vận kết hợp tiêu diệt, làm tan rã quân đội và CQSG trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ ở miền Trung Nam Bộ. Bản *Đề án vũ trang tuyên truyền* quy định tổ chức hoạt động là trung đội, tiểu đội và tổ. Nhưng ở miền Trung Nam Bộ lúc ấy đã tổ chức tới đại đội, tiểu đoàn nên khu, tỉnh chỉ linh hoạt, phân tán hoạt động cho phù hợp.

Hai bản *Đề cương cách mạng miền Nam* và *Đề án vũ trang tuyên truyền* được thảo luận, phổ biến trong Hội nghị XUNB tháng 12 năm 1956. Trong hội nghị này, XUNB thông qua nghị quyết về tổ chức và phương thức hoạt động của lực lượng vũ trang tự vệ. XUNB chủ trương thành lập các đội vũ trang tuyên truyền với nhiệm vụ là “vạch mặt địch (CQSG), phát động căm thù, xây dựng cơ sở cách mạng trong quần chúng, không chế ác ôn tình báo địch tranh thủ sự đồng tình của binh lính, vận động binh lính và nhân viên nguy quyền ủng hộ các cuộc đấu tranh

của quần chúng, hạn chế đánh địch làm bộc lộ lực lượng” (Nghị quyết XUNB tháng 12 năm 1956). Triển khai Nghị quyết của XUNB, bước sang năm 1957, ở Nam Bộ những hoạt động vũ trang tuyên truyền được đẩy mạnh ở nhiều nơi. Đặc biệt, ở miền Trung Nam Bộ những hoạt động vũ trang tuyên truyền bước đầu phát huy tác dụng và thu được kết quả tốt. Đến đầu năm 1957, CQSG đẩy mạnh hơn nữa các chiến dịch “Tố Cộng, diệt Cộng” và tăng cường đánh phá vào các cơ sở của cách mạng ở Nam Bộ rất khốc liệt. CQSG tung thám báo, biệt kích, chỉ điểm đi lòng bắt cán bộ, đảng viên cách mạng khắp các thôn, xóm. Trong mọi thành phần xã hội ở Nam Bộ hầu như đều có những người làm tay sai cho CQSG để tìm kiếm, đánh phá cách mạng. Vì vậy, các đơn vị vũ trang tuyên truyền cách mạng tiến hành diệt trừ. Khi những người này bị tiêu diệt, CQSG la ó trên báo, trên đài phát thanh là cách mạng giết hại dân lành và họ trả thù rất tàn ác. Nhưng hiệu quả thực tế mang lại là rất tốt, nơi nào LLCM trừng trị được những người thám báo, chỉ điểm, ác ôn thì nơi đó cách mạng giữ vững được sự ổn định ở cơ sở, QĐSG phải co lại hoặc tan rã. Chính những hoạt động có hiệu quả của lực lượng vũ trang được xây dựng theo *Đề án vũ trang tuyên truyền* góp phần rất lớn củng cố cơ sở, tổ chức và LLCM, tạo tiền đề thuận lợi cho quân và dân miền Trung Nam Bộ bước vào cuộc đấu tranh mới quyết liệt hơn khi mà quốc sách “Tố Cộng, diệt Cộng” của CQSG được triển khai lên tới đỉnh điểm vào năm 1959.

Thành công lớn thu được từ những hoạt động vũ trang tuyên truyền ở miền Trung Nam Bộ có ảnh hưởng mạnh mẽ và lan tỏa sâu rộng đến các tỉnh thành ở miền Tây cũng như ở miền Đông Nam Bộ lúc bấy giờ. Nhiều đơn vị vũ trang mang danh nghĩa giáo phái hoặc các đơn vị vũ trang tự vệ lần lượt ra đời và được củng cố, phát triển sau đó.

Ở miền Tây Nam Bộ, trong những năm 1957 - 1958 xuất hiện nhiều đơn vị vũ trang mang danh nghĩa giáo phái hoặc liên quân chống Mỹ - Diệm đẩy mạnh các hoạt động chống CQSG như Tiểu đoàn Lý Thường Kiệt hoạt động ở vùng Trà Ôn, Sa Đéc, Lấp Vò; 4 tiểu đoàn Ngô Văn Sở, Đinh Tiên Hoàng, Thành Long, Thất Sơn (danh nghĩa trung đoàn Lê Quang Vinh) ở Rạch Giá; Liên quân chống Mỹ - Diệm 4 đơn vị cấp tiểu đoàn mang tên: Quang Trung, Lê Lợi, Nguyễn Trung Trực,

Phan Đình Phùng. Các đơn vị này hoạt động chủ yếu ở các huyện Ô Môn, Phụng Hiệp, Châu Thành, Long Mỹ (Cần Thơ); Tiểu đoàn Đinh Tiên Hoàng được thành lập và hoạt động ở Sóc Trăng...

Ở miền Đông Nam Bộ có Đại đội Cao Đài Liên minh 25 do đảng viên Nguyễn Thành Sáng chỉ huy, trang bị 102 súng, đánh trận Bến Củi thắng lợi. XUNB cũng chủ trương xây dựng một số đơn vị tập trung ở miền Đông Nam Bộ sau khi khôi phục các căn cứ lớn ở miền Đông, 5 đại đội được thành lập với nòng cốt chủ yếu lấy từ miền Trung và miền Tây Nam Bộ. Ở Rừng Sác, số chiến sĩ vượt ngục Tân Hiệp (Biên Hòa) thành lập Đại đội 12 (Cao Văn Lượng, Phạm Quang Toàn và Quỳnh Cư, 1981, tr.124-125).

Các đơn vị vũ trang này lần lượt ra đời ở cả ba miền Trung, Tây và Đông Nam Bộ đều thực hiện các hoạt động vũ trang tuyên truyền, xây dựng, củng cố lực lượng và các cơ sở cách mạng, đồng thời cũng thực hiện một số trận đánh trừ gian diệt ác để cảnh cáo và nhằm gây trương thanh thế ở địa phương.

Như vậy, có thể thấy *Đề cương cách mạng miền Nam* của Lê Duẩn và *Đề án vũ trang tuyên truyền* của Nguyễn Minh Đường là hai văn bản “chỉ dẫn” đầu tiên, có ý nghĩa quan trọng gợi mở ra con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh của cách mạng miền Nam nói chung và ở Nam Bộ nói riêng lúc bấy giờ. Mặc dù chưa đề cập đến việc sử dụng vũ trang cách mạng để đánh đổ CQSG nhưng thông qua nội dung của hai văn bản đó cho thấy những nhà lãnh đạo cách mạng ở Nam Bộ đã nhận thức được là khi tình hình cách mạng phù hợp thì cần thiết phải nâng lên các hình thức đấu tranh với những phương cách linh hoạt, sáng tạo để giữ gìn và xây dựng LLCM ở các địa phương. Sau Hội nghị XUNB cuối năm 1956, quá trình tái lập các đơn vị vũ trang cách mạng bước đầu được “nhen nhóm” ở các địa phương Nam Bộ. Vì nhu cầu tái lập và xây dựng các lực lượng vũ trang cách mạng ở Nam Bộ cho đến thời điểm này trở nên cấp thiết khi CQSG gia tăng các hoạt động khủng bố, đàn áp và đánh phá khốc liệt vào cơ sở, tổ chức cách mạng nhiều nơi.

Thực tiễn đấu tranh những năm 1956 - 1957 ở Nam Bộ đã xuất hiện một số đơn vị vũ trang hoạt động độc lập, riêng lẻ trong một số địa phương. Đó là những

tổ chức vũ trang của những kháng chiến (cán bộ, du kích cũ) bị khủng bố, đàn áp, bị mất liên lạc hoặc những người yêu nước bị giam đã vượt ngục hoặc những người trong các giáo phái... Họ tập hợp lại, tự vũ trang kéo lên các vùng căn cứ hoặc chiến khu cũ, vừa sản xuất tự túc vừa chiến đấu để chống lại CQSG. Các đơn vị vũ trang hoạt động độc lập, tự phát trong thời gian này là cơ sở, tiền đề cho sự phục hồi, tái lập các đơn vị vũ trang cách mạng ở Nam Bộ sau đó, nhất là từ tháng 10 năm 1957 trở về sau, khi Bí thư XUNB Nguyễn Văn Linh và Thường vụ Xứ ủy có chủ trương khôi phục lại các căn cứ miền Đông, thành lập đơn vị vũ trang tập trung đầu tiên của miền là Đại đội 250 thì từ đây chiều hướng xây dựng lực lượng vũ trang đã khôi phục và đẩy mạnh xây dựng ở nhiều địa phương. Hai Liên tỉnh ủy miền Tây và miền Trung Nam Bộ thành lập lại các tiểu đoàn trực thuộc Liên tỉnh ủy. Nhiều tỉnh ở Nam Bộ cũng củng cố, sắp xếp lại các đơn vị mang danh nghĩa giáo phái tiêu biểu như Rạch Giá, Trà Vinh, Vĩnh Long... Ở miền Trung Nam Bộ, các đơn vị mang phiên hiệu mới không còn dùng danh nghĩa giáo phái như trước. Ở miền Đông Nam Bộ, hầu hết các tỉnh đều có đội, nhóm vũ trang như Đại đội 380 (Biên Hòa), Đại đội 2620 (Tây Ninh), đội vũ trang Bình Xuyên - Long Thành, đội tự vệ ở Thủ Dầu Một, Bến Cát (Bình Dương)... Ở nội thành Sài Gòn, các quận 1, 4, vùng chợ Thiếc, Trường đua Phú Thọ có các đội tự vệ dưới tên công khai là Đội phòng cháy chữa cháy, Đội chống trộm cướp... (Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến, 2010, tập 2, tr.132-133). Các đơn vị vũ trang được thành lập ở các địa phương Nam Bộ phần lớn đều giữ bí mật và hoạt động bí mật. Đến tháng 3 năm 1958, XUNB dưới sự chỉ đạo của Bí thư Nguyễn Văn Linh quyết định thành lập Ban Quân sự Miền với nhiệm vụ thống nhất lực lượng vũ trang tuyên truyền ở Nam Bộ, đồng thời Đảng ủy Quân sự Miền cũng được thành lập và trực thuộc Xứ ủy.

Những năm 1957 - 1959, mặc dù XUNB chưa cho chuyển hẳn sang hoạt động vũ trang mà chỉ mới đề ra làm vũ trang tuyên truyền diệt ác, trừ gian (vũ trang tuyên truyền cũng ở mức độ hạn chế) nhưng do yêu cầu cấp thiết của phong trào cũng như sự khủng bố, đàn áp khốc liệt của CQSG, nhiều địa phương ở Nam Bộ đã ra sức củng cố lại các đơn vị vũ trang hiện có, phát triển thêm một số đơn vị

mới. Vì thế, so với thời kỳ trước thì trong thời kỳ này cả về mặt tổ chức, xây dựng và hoạt động vũ trang đều có những bước phát triển mới trong nhiều địa phương Nam Bộ.

Về tổ chức lực lượng vũ trang: bắt đầu hình thành ba thứ quân ở mức thấp. Quân chủ lực còn bé nhỏ: Có đơn vị do cách mạng tổ chức và lãnh đạo như ở miền Đông Nam Bộ từ cuối năm 1957 do có sự bổ sung người từ các tỉnh lên, các đơn vị tập trung mới được thành lập, ban đầu cỡ đại đội đến năm 1958 bổ sung nâng lên thành tiểu đoàn. Có những đơn vị do cách mạng cài cắm cán bộ vào nắm giữ như lực lượng Bình Xuyên, sau đó hoặc chuyển thành LLCM hoặc do LLCM tổ chức hoạt động dưới danh nghĩa giáo phái. Tiêu biểu đầu năm 1957, số sĩ quan và binh lính giáo phái đối lập còn lại ở miền Đông Nam Bộ được tổ chức biên chế thành 4 đại đội, được chỉnh huấn và đến giữa năm 1957 cách mạng đã nắm quyền lãnh đạo ở cơ sở.

Về lực lượng địa phương: trong từng tỉnh có đại đội nhưng danh nghĩa là tiểu đoàn (nhằm gây trương thanh thế cách mạng). Ở miền Trung Nam Bộ mỗi tỉnh có các tiểu đoàn như Tiểu đoàn 502 (Kiến Phong), Tiểu đoàn 504 (Mỹ Tho), Tiểu đoàn 506 (Long An), Tiểu đoàn 508 (Bến Tre), Tiểu đoàn 510, Tiểu đoàn 512 (An Giang). Tại miền Tây Nam Bộ, vùng U Minh có 3 trung đội. Ở miền Đông Nam Bộ, tỉnh Tây Ninh có các đơn vị Cao Đài do cách mạng lãnh đạo, bám hoạt động ở địa phương, và các đại hội C20, C70, C80; 6 tiểu đội của Thủ Dầu Một; C250 Biên Hòa; C40 Bà Rịa. Riêng tỉnh Gia Định, đến giữa năm 1959 mới thành lập đơn vị vũ trang đầu tiên mang mật danh C13 (cấp trung đội). Đến cuối năm 1959, lực lượng vũ trang tập trung của Bộ Tư lệnh miền Đông và của các tỉnh miền Đông Nam Bộ có tổng cộng trên dưới 20 đại đội với hơn 1.000 cán bộ chiến sĩ, trong đó khoảng hai phần ba lực lượng được trang bị súng các loại (Phùng Đình Âm, 2009, tr.15).

Về lực lượng vũ trang ở cơ sở: các tổ, tiểu đội tự vệ ở xã, ấp dần được củng cố lại tại nhiều nơi ở Nam Bộ.

Như vậy, từ năm 1957 đến giữa năm 1959, hầu hết các tỉnh ở Nam Bộ xây dựng được lực lượng vũ trang cách mạng, phổ biến ở cấp đại đội, trung đội.

Song song với mặt tổ chức lực lượng, trong thời kỳ này, các hoạt động vũ trang được đẩy mạnh lên nhằm hỗ trợ ĐTCT với diệt ác ôn để giữ vững phong trào. Cũng nhờ tái lập và xây dựng được một số căn cứ địa ở các địa phương Nam Bộ cũng góp phần quan trọng thúc đẩy các hoạt động trừ gian, diệt tề điệp ác ôn, hỗ trợ tích cực, có hiệu quả cho các phong trào ĐTCT. Tại vùng đồng bằng Nam Bộ trong giai đoạn này mỗi tháng, CQSG thừa nhận có khoảng 20 vụ trừ gian được công khai nói đến. Từ năm 1958 trở đi diệt ác trừ gian đã thành phổ biến ở miền Tây Nam Bộ. Đi đôi với diệt ác, trừ gian, phá kìm, lực lượng vũ trang còn làm nhiệm vụ tuyên truyền vận động gây dựng cơ sở và đạt được kết quả nhất định, nhất là xây dựng cơ sở ở vùng tôn giáo Hòa Hảo, Cao Đài, vùng thiểu số. Đến giữa năm 1959, phần lớn các đơn vị vũ trang cách mạng lần lượt được tái xây dựng, củng cố và đẩy mạnh phát triển trong một số các địa phương thuộc Nam Bộ.

Có thể khẳng định, trong những năm 1957 - 1959, đối lập với các chiến dịch đàn áp, khủng bố, đánh phá ác liệt của CQSG là quá trình quân và dân Nam Bộ khẩn trương xúc tiến những hoạt động cần thiết để củng cố, gây dựng lại cơ sở cách mạng, tổ chức Đảng ở địa phương. Đó không chỉ là nhiệm vụ quan trọng mà còn là yêu cầu cấp thiết mang tính sống còn đối với Đảng với cách mạng ở Nam Bộ khi biến chuyển của tình hình diễn ra ngày càng nhanh và khốc liệt lúc bấy giờ. Mặc dù trong giai đoạn này, Trung ương Đảng chưa cho phép tồn tại các hình thức đấu tranh mang tính bạo lực cách mạng, các hoạt động vũ trang mạnh nhưng đứng trước những đòi hỏi cần kíp của tình hình cách mạng, với thế và lực ở từng địa phương và sự linh hoạt, sáng tạo, nhiều nơi ở Nam Bộ, các tỉnh bí mật xúc tiến các hoạt động đấu tranh vũ trang tự vệ để giữ gìn, bảo vệ LLCM. Đồng thời, sự tái lập, xây dựng và mở rộng các căn cứ địa trong thời gian này cũng đáp ứng được yêu cầu cấp thiết của cách mạng và góp phần quan trọng thúc đẩy nhanh quá trình xây dựng cũng như phát triển của lực lượng vũ trang cách mạng ở các địa phương Nam Bộ. Trong phần lớn các tỉnh ở Nam Bộ đã đẩy mạnh công tác xây dựng lại các đơn vị vũ trang cách mạng hoạt động độc lập. Một số địa phương của Nam Bộ còn tiến hành các trận đánh tập kích, phục kích, tiến hành các vụ trừ gian, diệt tề, điệp ác ôn để hạn chế sự đàn áp, khủng bố từ CQSG ở cơ sở và thu được những kết quả

nhất định.

2.3.3. Phối hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và binh vận để xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng

Kể từ năm 1957 trở về sau khi các đơn vị vũ trang được thành lập thì các phong trào đấu tranh trừ gian diệt tề, diệt ác ôn diễn ra ngày càng thường xuyên hơn ở nhiều địa phương của Nam Bộ. Điều này được chính Nha Tổng Giám đốc cơ quan của CQSG thừa nhận trong *Dự án về việc tái lập an ninh Nam phần trong tình hình hiện tại* vào tháng 7 năm 1957 như sau: “Tình hình bất an ở các vùng thôn quê hiện nay cho ta (CQSG) thấy bọn cán bộ Việt Cộng nằm vùng với các phần tử vũ trang giả dạng giáo phái đã tái hoạt động mạnh mẽ. Mục đích của chúng (cách mạng) nhằm vào việc gây xáo trộn, phá hỏng hạ tầng cơ sở hành chính của chính quyền nhất là ở các tỉnh giao lại hành chính chịu trách nhiệm an ninh lãnh thổ như Tây Ninh, Định Tường, Vĩnh Long, Trà Vinh. Nhiều cuộc bắt cóc, ám sát các phần tử tích cực chống Cộng ở cấp xã đã xảy ra cũng như trong hàng ngũ Dân vệ, nhiều cuộc đào ngũ có vũ khí, nội phản giao đồn, súng ống đạn dược cho địch (cách mạng) liên tiếp xảy ra làm hoang mang tinh thần dân chúng, sự hoạt động của các nhân viên Hội đồng xã ở các làng, châu thành gần như tê liệt, công tác chính quyền vận của Việt Cộng và với sự tuyển chọn cầu thả các Dân vệ viên, việc cho người bọn chúng (cách mạng) len lỏi vào hàng ngũ vào lực lượng này đã đem lại kết quả. Sự tổ chức hạ tầng cơ sở của bọn chúng đã được phát triển mạnh mẽ ở các nơi” (Phủ Tổng thống Đế nhất Cộng hòa (1954-1963), 1957, hồ sơ số: 4851, tr.2).

Ở miền Tây Nam Bộ, từ khi có chủ trương vũ trang tuyên truyền, các đơn vị vũ trang tuyên truyền hỗ trợ đắc lực cho quân chúng ĐTCT, góp phần tạo ra những chuyển biến quan trọng trong phong trào cách mạng tại địa phương. Phong trào diệt ác trừ gian diễn ra sôi nổi đều khắp miền Tây Nam Bộ. Đến giữa năm 1957, lực lượng vũ trang Rạch Giá liên tục hoạt động vũ trang tuyên truyền, diệt ác ôn ở các xã Vĩnh Bình, Hòa Thuận, Hòa Hưng... tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phong trào ĐTCT và công tác binh vận phát triển. Trong năm 1957, ở Rạch Giá các lực lượng vũ trang cách mạng diệt gần 200 người ác ôn. Đến năm 1958, chủ trương của Tỉnh ủy là tiếp tục phá các khu trừ mật Thác Lác, Cầu Đúc, Nam Thái Sơn, Ba

Thê và diệt ác phá kìm. Ở thị trấn Dương Đông (Phú Quốc), lực lượng vũ trang diệt quận trưởng và một số tề xã, đưa phong trào cách mạng của nhân dân huyện đảo Phú Quốc phát triển mạnh mẽ. Ở Hà Tiên, ngày 23/4/1958, bằng kỳ tập kết hợp nội tuyến, Đại đội Thất Sơn diệt đồn Vĩnh Điều... (Bộ Tư lệnh Quân khu 9, 1996, tr.264).

Tháng 11 năm 1957, hai đại đội ở Cà Mau trấn áp những người phản động, diệt ác ôn, phát động quần chúng ĐTCT. Nổi bật là trận phục kích tại Hậu Bối quận Phước Long, diệt đội biệt kích 12 lính Sài Gòn đi bằng xuồng, diệt 3 bắt sống 9 người thu 12 súng. Ở Sóc Trăng, Trung đội Đinh Tiên Hoàng phục kích diệt 1 trung đội biệt kích Sài Gòn, thu 12 súng. Cũng trong tháng 11 năm 1957, Tiểu đoàn Lý Thường Kiệt đánh trận đầu tiên tại xã Loan Mỹ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, diệt 1 trung đội lính Sài Gòn đi ruồng bó, thu toàn bộ vũ khí. Trong năm 1957, tỉnh Vĩnh Long diệt 58 người ác ôn, thu 52 súng. Cuối năm 1957, các huyện Long Mỹ, Vị Thanh, Châu Thành, Ô Môn (Cần Thơ), lực lượng vũ trang tuyên truyền hoạt động mạnh mẽ, thu nhiều thắng lợi. Hoạt động vũ trang tuyên truyền, diệt ác trừ gian tạo điều kiện thuận lợi cho quần chúng nổi lòng ách kìm kẹp; đồng thời cũng làm cho tay sai tề, điệp ác ôn ở miền Tây Nam Bộ phải co lại (Bộ Tư lệnh Quân khu 9, 1996, tr.259-260). Từ năm 1958 trở về sau diệt ác trừ gian trở thành phổ biến ở miền Tây Nam Bộ. Một số người ác ôn đầu sỏ bị trừng trị tiêu biểu như Nguyễn Trung Long, quận trưởng Mỹ Tho; ngày 8/8/1958, Đại đội 3 thuộc đơn vị Đinh Tiên Hoàng dùng mưu đánh diệt cảnh sát Danh đồn Cái Tàu, phá trại giam và giải thoát cho nhiều cán bộ, nhân dân bị bắt giữ trước đó; tháng 1 năm 1959, đơn vị Ngô Văn Sở diệt Lê Phú Nhung, quận trưởng Đầm Dơi (Cà Mau) cùng một số binh lính; ngày 18/3/1959, tiêu diệt đại úy quận trưởng Thới Bình, 1 chỉ trưởng cảnh sát và 4 dân vệ; diệt Lê Nhất Hữu ở Ô Môn (Cần Thơ), Lê Quang Phong, thiếu tá tỉnh trưởng Kiên Giang... (Bộ Tư lệnh Quân khu 9, 1996, tr.263-264). Những hoạt động đấu tranh mạnh mẽ của LLCM ở miền Tây Nam Bộ trong những năm này khiến cho CQSG chịu nhiều thiệt hại và các cơ quan của chính quyền họ Ngô cũng thừa nhận tình trạng đó với sự lo lắng về quá trình phục hồi, xây dựng và phát triển của LLCM ở địa phương. Trong *Phiếu đệ trình số*

621/TTM/2/5 ngày 31/7/1958 lên thượng cấp của Trung tá Nguyễn Văn Phước, Trưởng Phòng Nhì Bộ Tổng Tham mưu Quân đội VNCH nhận định: “Hiện nay, tình hình hoạt động của Việt Cộng tại Quân khu 5 (miền Tây Nam Bộ) phản ánh rõ ràng nhất đường lối đấu tranh của chúng (cách mạng) tại miền Nam. Nhiều đơn vị đã hoạt động công khai và đã gây cho ta (CQSG) nhiều thiệt hại về vật chất cũng như sinh mạng [...]. Tất cả mọi người đều nhận thấy, trong mấy năm gần đây, quân số của Việt Cộng (cả chính quy và địa phương) chỉ càng ngày càng tăng, mặc dầu bao nhiêu cán bộ của chúng đầu thú, bị bắt, bị giết... trong mỗi ngày. Vậy ta thử tìm xem nguyên nhân của sự quân bình này? Chắc chắn rằng quân số của các đơn vị Việt Cộng không phải do miền Bắc chuyển vào, nhưng do chính địa phương cung cấp. Sự tổ chức hạ tầng cơ sở trong quần chúng đã thỏa mãn được nhu cầu đòi hỏi này. Trong vùng nào cũng vậy, Việt Cộng đều tổ chức những đoàn thể thân Cộng nằm trong mặt trận: thanh niên lao động, nông hội, công nhân... Những tổ chức này là những lò rèn luyện con người dần dần trở nên con người Mácxít và sau một thời gian thử thách, họ được kết nạp vào Đảng. Nhờ ở sự tuyên truyền, đi đúng tâm lý của quần chúng nhất là giới vô sản, các tổ chức càng ngày càng bành trướng; số đoàn viên càng ngày càng nhiều. Chính những đoàn viên này sau những khóa huấn luyện đoản kỳ đã trở thành những binh sĩ chịu đựng được kham khổ, biết hy sinh và tuyệt đối phục tùng mệnh lệnh. Hai nữa, từ trước đến nay, trong số cán bộ Việt Cộng bị bắt, giết hoặc quy thuận, phần đông thuộc thành phần chính trị hoặc đảng viên hoặc “quần chúng cảm tình” hoặc cán bộ tuyên truyền... nên quân số của các đơn vị không bị sút mẻ nhiều và được dễ dàng trong sự bổ sung” (Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa (1954-1963), 1959, hồ sơ số: 5712, tr.10-11).

Ở miền Trung Nam Bộ, kể từ năm 1957 trở đi, hoạt động vũ trang tuyên truyền diễn ra khá mạnh song song với phong trào trừ gian diệt ác nổ ra rầm rộ và thu được thắng lợi lớn. Trong năm 1957, hoạt động vũ trang tuyên truyền ở Kiến Phong hỗ trợ tích cực cho việc xây dựng cơ sở và các phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân diễn ra có hiệu quả: tháng 8 năm 1957, một tổ đặc công đột nhập vào đặt 3 quả mìn dưới chân nhà một trung đội bảo an ở giồng Sa Rài (Tân Hồng), mìn nổ đa số lực lượng trung đội bảo an bị tiêu diệt; tháng 11 năm 1957, một tổ

đặc công đánh chìm chiếc xăng của QĐSG đang nạo vét kênh Nguyễn Văn Tiếp A tại xã Phong Mỹ (Cao Lãnh); trong mùa nước nổi nhiều lần lực lượng vũ trang cùng cơ sở đột nhập vào khu dinh điền Sa Rài để xây dựng cơ sở trú gian, kết quả là khu dinh điền Cả Sơ (Bắc Dục) cũng bị phá tan, hỗ trợ 2.000 quần chúng trở về quê cũ sinh sống... Ở Long An, Đảng bộ tỉnh vừa mở rộng công tác vũ trang tuyên truyền vào tận vùng do QĐSG kiểm soát (các đơn vị vũ trang Tiểu đoàn 506 còn tiến sâu tới Phú Lâm sát Sài Gòn, Tiểu đoàn 508 hoạt động tới vùng Bình Đăng, Chánh Hưng, cầu Nhị Thiên Đường (thuộc TP. Hồ Chí Minh hiện nay) vừa tiến công tiêu diệt đồn bót QĐSG (đồn Vàm Sát). Những hoạt động đấu tranh của quân và dân Long An làm tê liệt tê ấp, tê xã ở nhiều nơi trong tỉnh. Cơ sở chính trị trong quần chúng, cơ sở vũ trang bí mật ngày càng phát triển mạnh ở tỉnh Long An. Ở Kiến Tường (Mộc Hóa, tỉnh Long An ngày nay), lực lượng vũ trang tỉnh (phiên hiệu Tiểu đoàn 504) trong năm 1957 tập kích tiêu diệt ác ôn ở Vàm Dung, đánh QĐSG đi càn quét ở Địa Ngải, Vĩnh Lợi, Trại Lòn, Nhơn Ninh góp phần củng cố vùng căn cứ Gò Gòn, Bình Phong Thạnh, Bình Hòa. Ở Mỹ Tho, cách mạng tiêu diệt nhiều ác ôn gây tội ác với nhân dân như quận trưởng Châu Thành ngày 21/9/1957, cảnh sát ở Long Định tháng 10 năm 1957, ngoài ra còn trừng trị nhiều ác ôn khác như người làm mật báo ở Nhị Bình (Châu Thành), người làm thám báo ở Phú Kiết (Chợ Gạo), người chỉ điểm ở Đông Hòa Hiệp. Bí thư chi bộ xã Long An (Châu Thành) cùng tiểu đội vũ trang tuyên truyền của Trần Hữu Danh phát động quần chúng phá trạm canh, diệt một số thám báo ác ôn và tập hợp những chủ ấp, liên gia trưởng lại giáo dục. Trung đội 514 diệt 14 ác ôn, đập báo ở Cái Bè. Phong trào diệt ác ở Mỹ Tho diễn ra rất mạnh mẽ, sôi động trong thời kỳ này (Bộ Tư lệnh Quân khu 9, 1998, tr.312-315). Có thể thấy, thông qua những hoạt động vũ trang sôi nổi, mạnh mẽ đó góp phần thúc đẩy phong trào ĐTCT của quần chúng nhân dân miền Trung Nam Bộ ngày càng phát triển và mở rộng với nhiều hình thức phong phú như hợp pháp, nửa hợp pháp, tiếp tục đấu tranh đòi thống nhất đất nước, đòi dân sinh, dân chủ, chống cướp đất, chống lập khu dinh điền, chống lập khu trừ mật gắn với chống các chiến dịch “Tố Cộng, diệt Cộng” của CQSG.

Ở miền Đông Nam Bộ, các lực lượng vũ trang tập trung ngoài việc đánh QĐSG

đi càn quét bảo vệ căn cứ còn chủ động đánh tiêu diệt quân lính Sài Gòn bảo tồn lực lượng. Đồng thời, lực lượng vũ trang ở các tỉnh thường chủ động, chọn những chỗ sơ hở của quân đội đối phương để tiến công và giành được những thắng lợi lớn như ngày 10/8/1957, một đơn vị miền Đông Nam Bộ tấn công tiêu diệt QĐSG tại Minh Thạnh (Thủ Dầu Một) làm chủ được thị trấn và thu nhiều vũ khí; ngày 18/9/1957, cũng một đơn vị vũ trang của miền Đông Nam Bộ bất ngờ tấn công quân đội đối phương tại trại Be (Biên Hòa), là một cơ sở khai thác gỗ lớn của Trần Lệ Xuân, có tính chất quân sự án ngữ phía Nam, có thể tiến thẳng vào căn cứ quân sự của cách mạng. Trận tấn công bất ngờ này giúp cho cách mạng làm chủ chiến trường, thu nhiều chiến lợi phẩm và vũ trang tuyên truyền có ảnh hưởng lớn đến số công nhân làm gỗ tại đó; tháng 12 năm 1957, một trận đánh phục kích của lực lượng vũ trang cách mạng miền Đông tiêu diệt một đại đội QĐSG đi càn quét tại Lò Than (Biên Hòa)...

Đến năm 1958, ở Nam Bộ, lực lượng vũ trang cách mạng có sự phát triển và tiến hành những trận đánh tập kích một số cơ sở quân sự của CQSG. Trên cơ sở sử dụng một số đơn vị vũ trang tuyên truyền nằm rải khắp các tỉnh miền Đông và miền Tây Nam Bộ để hỗ trợ cho phong trào ĐTCT của quần chúng, Ban Quân sự và Đảng ủy lực lượng vũ trang miền Đông được XUNB đồng ý với chủ trương tập trung lực lượng tiến công chi khu quân sự ở quận lỵ Dầu Tiếng, cách Sài Gòn 70 km. Ngày 11/10/1958, hơn một tiểu đoàn bộ binh và một đại đội đặc công của cách mạng đánh thẳng vào trọng tâm quân lỵ và chi khu quân sự Dầu Tiếng (Thủ Dầu Một), diệt và bắt sống phần lớn quân lính Sài Gòn tại đây. Sau đó, lực lượng vũ trang còn đánh tan cả một tiểu đoàn quân chi viện của CQSG, thu nhiều chiến lợi phẩm và thực hiện vũ trang tuyên truyền đều khắp cho nhân dân trong khu vực. Đây là trận đánh giành thắng lợi lớn của lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam. Với chiến thắng Dầu Tiếng, cách mạng khai thông liên lạc giữa căn cứ Đông và Tây, tạo điều kiện thuận lợi để XUNB về đứng chân ở căn cứ miền Đông chỉ đạo cách mạng miền Nam (Viện Lịch sử Đảng, 2008, tr.183). Ngày 25/10/1958, được sự giúp đỡ của nhân dân và cơ quan lãnh đạo địa phương, một đơn vị nhỏ cách mạng đột nhập vào trụ sở Phái đoàn Cố vấn và Viện trợ Quân sự Mỹ (MAAG) ở

Biên Hòa và bất ngờ tiến công, tiêu diệt và làm nhiều người bị thương... (Ban Tổng kết chiến tranh B2, 1979a, quyển 2, tr.34).

Những hoạt động tiến công mạnh mẽ và liên tục của LLCM ở Nam Bộ trong những năm 1957 - 1959 thu được thắng lợi, đặt quân đội và CQSG ở địa phương luôn trong tình trạng báo động với sự hoang mang, lo lắng. Ronald H. Spector trong quyển *Cố vấn và yểm trợ (Advice and Support)* đã mô tả cụ thể về tình trạng đó như sau: “Các vụ tấn công liên quan đến quân nổi dậy (cách mạng) gia tăng trong suốt năm 1957 và đến năm 1958. Trong tháng 1 năm 1957, quân du kích Cộng sản đã đụng độ với quân đội Nam Việt Nam bảy lần tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Tháng tiếp theo một lực lượng Việt Cộng khoảng ba mươi người đàn ông tấn công một nhóm công dân vụ của chính phủ tại làng Trí Bình, mười lăm dặm về phía nam của Tây Ninh; toàn bộ đội đã bị giết hoặc bị thương và lực lượng quân chính quyền địa phương không có hành động chống lại những người đột kích. Trong một tháng mùa thu năm 1957, 22 người có địa vị trong làng và các quan chức chính quyền địa phương khác đã bị Việt Cộng giết chết hoặc làm bị thương, 6 trưởng làng đã bị giết, 11 thành viên dân vệ địa phương bị giết và 14 người bị bắt cóc. Trong quý cuối năm 1957, khoảng 140 vụ tấn công vũ trang và các hành động khủng bố đã được báo cáo trên cả nước, ngoài hơn 50 cuộc giao tranh do quân đội chính phủ hoặc lực lượng an ninh khởi xướng. Những người khủng bố (cách mạng) đã làm bị thương, ám sát hoặc giết chết ít nhất 74 người, bao gồm 20 quan chức chính phủ và 31 nhân viên cảnh sát và an ninh. Cộng sản tập trung các hoạt động vũ trang của họ ở các tỉnh phía Nam, chủ yếu ở khu vực phức tạp và khó tiếp cận hơn dọc biên giới Campuchia, nơi địa hình thích hợp cho việc che giấu và phục kích. Đến cuối năm 1957 và đầu năm 1958, các vụ tấn công ngày càng tăng cũng được báo cáo ở vùng ngoại ô của các thị trấn cỡ trung bình như Tân An, Cần Thơ, Mỹ Tho, Sóc Trăng, Rạch Giá và Cà Mau” (Ronald H. Spector, 1985, tr.315-316). Và theo ghi nhận của CIA trong một báo cáo ngày 30/4/1958 về *những hoạt động của Cộng sản ở miền Nam Việt Nam* thì “Việt Cộng đã hoạt động mạnh nhất ở khu vực đồng bằng lau sậy tiếp giáp biên giới Campuchia, bao gồm các phần của Kiến Phong và tỉnh Kiến Tường; các căn cứ cũ

ở các tỉnh Tây Ninh, Bình Long, Phước Long, Biên Hòa, Bình Dương, Long Khánh và Phước Tuy; và bán đảo Cà Mau ở cực nam của đất nước. CIA ước tính, cùng với tàn quân của các giáo phái, Việt Cộng vào đầu năm 1958 có sức mạnh vũ trang khoảng 1.700 người” (Ronald H. Spector, 1985, tr.325). Và theo mô tả của Joseph Buttinger trong quyển *Việt Nam: một con rồng xung trận (Vietnam: A Dragon Imbattled)* thì “việc tiêu diệt các quan chức (CQSG) bắt đầu vào năm 1957. Chính quyền Sài Gòn tuyên bố rằng trong năm đầu tiên của cuộc tấn công có hệ thống của Cộng sản (cách mạng) này, hơn 700 quan chức đã bị sát hại. Số vụ tiêu diệt này tiếp tục gia tăng, và được biết là có 2.500 vụ trong năm 1959 và 4.000 vụ trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 1960 đến tháng 5 năm 1961” (Joseph Buttinger, 1967, tr.983).

Những hoạt động trừ gian diệt ác, tiêu diệt quan chức của CQSG, những trận đánh tập kích, phục kích của các đơn vị vũ trang cách mạng ở một số địa phương Nam Bộ trong những năm 1957 - 1959 giành được thắng lợi quan trọng, góp phần tạo ra những hiệu ứng lớn có sức lan tỏa mạnh mẽ trên toàn Nam Bộ. Những trận đánh của lực lượng vũ trang cách mạng gây được tiếng vang lớn, khiến cho QĐSG khiếp sợ và chùn bước, hạn chế sự đàn áp, khủng bố đối với LLCM. Đúng như nhận định đầy lo lắng của Trung tá Nguyễn Văn Phước, Trưởng Phòng Nhì Bộ Tổng Tham mưu Quân đội VNCH trong Phiếu đệ trình lên Đại tướng, Tổng Tham mưu Trưởng Quân đội VNCH về việc *chủ trương hoạt động của Việt Cộng tại Nam vĩ tuyến 17*: “Tại Nam phần (miền Đông và Tây Nam Bộ) Việt Cộng đã hoạt động công khai với những tổ chức chính trị và những đơn vị võ trang trong một tình trạng giống như tình trạng của miền Bắc trước kia trong mấy năm đầu kháng chiến chống Pháp. Lợi dụng được một số đơn vị võ trang giáo phái tan rã, Việt Cộng đã đi lần từ một vài tên du kích địa phương đến việc thành lập những tiểu đoàn (tuy quân số chỉ độ trên dưới 100 người) chiếm cứ một vài vùng bàn đạp, phát triển hoạt động phá hoại, gây một tình trạng bất an thường xuyên tại các vùng quê hẻo lánh. Ngoài những vụ ám sát, bắt cóc, thu thuế... thường xảy ra trong thời gian qua, đặc biệt từ đầu năm 1959, mức độ hoạt động của Việt Cộng đã tăng gia nhiều (chạm súng, đột kích, quấy rối, phục kích, phá hoại) tại hầu hết các tỉnh miền

Tây. Sự tăng gia này một phần là hậu quả của các hoạt động của ta (CQSG) nhưng một phần cũng có thể là căn cứ vào chủ trương hoạt động của giai đoạn. Ngoài ra có nhiều tin cho biết Việt Cộng đang cho thành lập tại một vài tỉnh những đơn vị địa phương với quân số độ một tiểu đoàn để hoạt động du kích chiến toàn diện tại Nam phần. Như vậy, có thể kết luận rằng tại Nam phần, các hoạt động của Việt Cộng đang chuyển từ giai đoạn hai (giai đoạn thành lập những toán võ trang du kích) tới giai đoạn ba (giai đoạn thiết lập căn cứ địa và những vùng hoạt động du kích) nhằm bành trướng hoạt động quân sự” (Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa (1954-1963), 1959, hồ sơ số: 5712, tr.4-5).

Có thể khẳng định, các phong trào trừ gian diệt tề, đập ác ôn, tiêu diệt các quan chức CQSG ở các địa phương không những góp phần gây dựng thanh thế cho LLCM ở Nam Bộ mà còn tạo điều kiện thuận lợi giúp cho quá trình tái lập, phục hồi các đơn vị vũ trang cách mạng diễn ra nhanh chóng sau đó. Được hình thành từ những đội, nhóm tự vệ dưới những danh nghĩa khác nhau, từ “Giáo phái ly khai” đến các “Đội dân canh chống trộm cướp”, các “Đội phòng cháy chữa cháy”... những đội, nhóm tự vệ này đóng góp quan trọng vào quá trình đấu tranh bảo vệ các cán bộ, đảng viên cách mạng, giữ gìn và củng cố được các chi bộ, tổ chức Đảng ở nhiều địa phương của Nam Bộ trong những năm 1957 - 1959. Do yêu cầu cấp thiết của thực tiễn cách mạng, nhất là sau khi CQSG tăng cường các chiến dịch “Tố Cộng, diệt Cộng” thì các hoạt động vũ trang tuyên truyền được tiến hành ở Nam Bộ trong thời gian này cũng tạo tiền đề quan trọng thúc đẩy quá trình xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang cách mạng diễn ra đều khắp và mạnh mẽ trên toàn địa bàn.

Trong những năm 1957 - 1959, những hoạt động ĐTCT với ĐTVT tự vệ của quân và dân Nam Bộ có sự phối hợp chặt chẽ với công tác binh vận và đã phát huy hiệu quả ở các địa phương. Thắng lợi tạo tiếng vang trong các trận tập kích, phục kích các cơ sở quân sự của CQSG trong những năm này đều thể hiện rõ vai trò quan trọng của hoạt động binh vận. XUNB luôn chú trọng đẩy mạnh công tác binh vận kết hợp trong các phong trào ĐTCT với ĐTVT tự vệ. Nếu trong năm 1957, công tác binh vận với phương châm vận động là “phối hợp công tác vận động bên

trong với vận động bên ngoài một cách chặt chẽ (phối hợp nội ngoại tuyến); xây dựng thực lực, bảo vệ thực lực, trường kỳ mai phục; vận động tranh thủ nắm bên dưới là căn bản đồng thời tranh thủ nắm sĩ quan” thì đến năm 1958, phương châm vận động được bổ sung, nhấn mạnh thêm là phải “nắm vững đường lối vận động cách mạng và công nông binh liên hiệp trong công tác (vận động gia đình binh sĩ, chống càn quét, đối xử với binh lính trở về); nắm vững đường lối quần chúng (trong mọi công tác điều tra, tuyên truyền tổ chức, đấu tranh đều phải tránh nóng, chủ quan, thoát ly quần chúng); khéo léo công tác, khéo che lực lượng; trường kỳ mai phục chờ đợi thời cơ; vận động bên dưới là căn bản, bên trên là quan trọng; phối hợp chặt chẽ trên dưới, trong ngoài” (Xứ ủy Nam Bộ, 1957d, tr.12-13, 17). Sự phối hợp hiệu quả trong những hoạt động ĐTCT với ĐTVT tự vệ và binh vận kết hợp của quân và dân Nam Bộ đã góp phần hạn chế tổn thất LLCM, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xây dựng và phát triển LLCM ở các địa phương.

Như vậy, trong những năm 1957 - 1959 dù bị đàn áp, khủng bố và đánh phá khốc liệt từ CQSG khiến cho LLCM tổn thất nghiêm trọng nhưng với ý chí đấu tranh mạnh mẽ cùng với sự đoàn kết, mưu trí và sáng tạo, quân và dân Nam Bộ từng bước vượt qua tình cảnh hiểm nguy tiến tới khôi phục và tái lập các lực lượng vũ trang cách mạng bên cạnh các phong trào ĐTCT vẫn được duy trì và tăng cường. Những hoạt động trừ gian, diệt tề điệp ác ôn, quan chức CQSG hay những trận đánh tập kích, phục kích QĐSG của cách mạng ở Nam Bộ trong thời gian này không chỉ hạn chế phần nào những hành động khủng bố, đàn áp của CQSG mà còn góp phần quan trọng cung cấp vũ khí, súng đạn (đánh lấy của QĐSG) để trang bị cho lực lượng vũ trang cách mạng, theo kiểu vừa đánh vừa xây dựng và phát triển. Trong những năm này, sự phối hợp hiệu quả giữa ĐTCT với ĐTVT và binh vận đã tạo tiền đề quan trọng giúp cho quân và dân Nam Bộ nhanh chóng tái xây dựng và phát triển LLCM ở địa phương, góp phần chuyển phong trào cách mạng ở Nam Bộ phát triển sang một giai đoạn mới.

2.4. Những hình thức và phương cách đấu tranh độc đáo, sáng tạo của quân và dân Nam Bộ trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng những năm 1954 - 1959

Trong những năm 1954 - 1959, tinh thần đấu tranh mạnh mẽ cùng với sự linh hoạt, mưu trí, sáng tạo, quân và dân Nam Bộ vận dụng nhiều hình thức, phương cách đấu tranh phong phú để giữ gìn và xây dựng LLCM, góp phần hạn chế tổn thất lực lượng do các hành động khủng bố, đánh phá khốc liệt của CQSG, tạo tiền đề thuận lợi cho phong trào cách mạng ở địa phương phát triển:

Thứ nhất, linh hoạt, sáng tạo trong hoạt động tranh thủ các lực lượng giáo phái ly khai chống Diệm, tập hợp lực lượng cùng chia mũi nhọn đấu tranh vào CQSG, giữ gìn và xây dựng LLCM ở các địa phương. Trong những năm 1955 - 1956, khi cuộc chiến sống còn tranh giành quyền lực và ảnh hưởng ở Nam Bộ giữa Ngô Đình Diệm với các lực lượng giáo phái chống đối Cao Đài, Hòa Hảo và Bình Xuyên diễn ra gay gắt, quyết liệt thì lợi dụng tình thế đó, XUNB đẩy mạnh công tác vận động, tranh thủ và tập hợp LLCM ở các địa phương. Với sự khéo léo, mềm dẻo vận động, lôi kéo và giáo dục, Đảng đã tranh thủ được một bộ phận các lực lượng giáo phái ly khai chống Diệm ngã về phía cách mạng. Lực lượng Bình Xuyên, ngoài bộ phận đầu hàng chính quyền, còn bộ phận khác đứng lên chống lại Ngô Đình Diệm đã được cách mạng tranh thủ, giáo dục họ đứng về phía cách mạng. Trong khi đó, một bộ phận lực lượng giáo phái Cao Đài ở miền Đông Nam Bộ và giáo phái Hòa Hảo ở miền Tây Nam Bộ cũng thông qua biện pháp giáo dục, lôi kéo, cách mạng đã tranh thủ được một bộ phận ngã về nhân dân và theo cách mạng đấu tranh chống chính quyền Ngô Đình Diệm. Thắng lợi trong công tác binh vận với việc lôi kéo, tranh thủ một bộ phận các lực lượng quân đội Bình Xuyên, quân lính của các giáo phái ly khai Cao Đài, Hòa Hảo những năm 1955 - 1956 cho thấy sự linh hoạt, sức sáng tạo không ngừng của quân và dân Nam Bộ dưới sự lãnh đạo của XUNB trong quá trình đấu tranh chống CQSG để giữ gìn và xây dựng LLCM. Hoạt động tranh thủ các lực lượng giáo phái ly khai của cách mạng diễn ra có hiệu quả trong thời gian này góp phần quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho quân và dân Nam Bộ phát triển LLCM lớn mạnh hơn sau đó.

Thứ hai, trong thực tiễn đấu tranh những năm 1954 - 1959, quân và dân Nam Bộ vận dụng nhiều hình thức, phương cách sáng tạo như thành lập các “hội biến tướng”, các tổ, đội biến tướng hoạt động công khai để giữ gìn, xây dựng LLCM ở

địa phương; sử dụng vũ khí tự tạo để gây thương thế, củng cố và xây dựng lực lượng. Trong những năm này, đối lập với các hành động đàn áp, khủng bố khốc liệt của CQSG là quá trình quân và dân Nam Bộ đấu tranh mạnh mẽ với nhiều phương cách độc đáo, sáng tạo để giữ gìn và xây dựng LLCM. Từ sau năm 1954, các “hội biến tướng” như hội đá banh, tổ đổi công, tổ y tế, tổ thuốc nam, hội phụ nữ, thanh niên, nhi đồng, hội phụ lão... được hình thành và hoạt động công khai để giữ vững phong trào cách mạng ở các địa phương Nam Bộ. Các tổ, hội là nơi phát động, tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân tiến hành các cuộc đấu tranh như mít tinh, biểu tình, bãi khóa, bãi thị phản đối các hành động đàn áp, khủng bố, phản đối các chính sách của CQSG. Các “đội dân canh chống cướp”, “đội phòng cháy chữa cháy” ra đời ở nhiều địa phương Nam Bộ đã góp phần tích cực đấu tranh bảo vệ LLCM, hạn chế các hành động bắt bớ, tù đày cán bộ, đảng viên cách mạng hoạt động trong lòng đối phương. Các “hội biến tướng”, các đội bảo vệ an ninh trật tự trên đã hỗ trợ, giải thoát cho nhiều cán bộ cách mạng chẳng may bị quân lính Sài Gòn phát hiện, bắt giữ. Sự hình thành, phát triển của nhiều hội, đội biến tướng không những góp phần giữ vững an ninh trật tự ở địa phương mà còn hỗ trợ tích cực cho quá xây dựng và phát triển LLCM, góp phần chặn đứng hoặc hạn chế các hành động gây tội ác của QĐSG đến quần chúng nhân dân và phong trào cách mạng lúc bấy giờ.

Song song với việc duy trì và tổ chức hoạt động có hiệu quả của các tổ, hội biến tướng, các đội chống trộm cướp... với sự thông minh, sáng tạo, quân và dân Nam Bộ còn sáng chế nhiều loại vũ khí dùng để đối phó hiệu quả với QĐSG. Trong những năm 1954 - 1959, quân và dân Nam Bộ chế tạo nhiều loại vũ khí và phát huy hiệu quả tấn công trên thực chiến. Do thiếu vũ khí đấu tranh, quân và dân các tỉnh vùng bưng biển Đồng Tháp Mười sử dụng gậy, tầm vông vạt nhọn, dùng cây trâm bầu làm vũ khí tiến công, sử dụng súng bập dừa, giáo, mác tự chế, chế tạo nhiều loại súng như súng ngựa trời, các loại mìn, lựu đạn, xây dựng và cài các hầm chông, nuôi ong vò vẽ dùng làm “binh sĩ” chống QĐSG đi càn quét. Những loại vũ khí tự phát minh này của quân và dân Nam Bộ đã phát huy được tác dụng và có hiệu quả tích cực trong chiến đấu.

Thứ ba, hình thành những “túi bất hợp pháp”, thành lập những căn cứ địa cách mạng hoạt động và phát triển ở những vùng hẻo lánh của Nam Bộ đấu tranh chống CQSG. Quân và dân Nam Bộ đã sử dụng nhiều hình thức đấu tranh phong phú, sáng tạo, tùy vào thế và lực ở từng vùng miền mà vận dụng những hình thức đấu tranh phù hợp, hiệu quả. Ở miền Tây Nam Bộ, do hệ quả của các cuộc hành quân bình định, càn quét, các cuộc khủng bố đẫm máu từ QĐSG đã dẫn đến xuất hiện hiện tượng quần chúng nhân dân rủ nhau bỏ trốn vào những cánh rừng rộng lớn ở U Minh Thượng và U Minh Hạ, vùng Năm Căn (Cà Mau) thành lập các làng, xã sinh sống và chiến đấu chống lại chính quyền Ngô Đình Diệm. Hàng loạt “làng rừng” mọc lên tồn tại len lỏi trong những cánh rừng nguyên sinh. Họ hàng đêm tập luyện, rèn đúc vũ khí chờ đợi thời cơ thuận lợi để hoạt động cách mạng. Các “làng rừng” ban đầu xuất hiện tự phát dần về sau những người lãnh đạo cách mạng nhận thấy đây cũng là một “giải pháp” hiệu quả nhằm “cứu nguy”, giúp cho sự tồn tại của LLCM nên các Tỉnh ủy miền Tây Nam Bộ như Cà Mau, Kiên Giang, Bạc Liêu... đã chủ động hỗ trợ, thiết lập các làng xã chiến đấu. Các “làng rừng” được hình thành và phát triển ngày càng mạnh ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ và tồn tại như những căn cứ địa cách mạng hoạt động chống CQSG. Các căn cứ địa cách mạng này góp phần quan trọng vào quá trình phục hồi và phát triển LLCM ở Nam Bộ, tạo tiền đề thuận lợi cho phong trào Đồng Khởi diễn ra sau đó thắng lợi. Nếu ở miền Tây Nam Bộ đã hình thành các “làng rừng” tồn tại như những căn cứ địa cách mạng nằm ẩn khuất sâu giữa những cánh rừng U Minh bạt ngàn thì ở miền Trung Nam Bộ cũng sớm thành lập “những túi bất hợp pháp” tồn tại như những căn cứ cách mạng tại những vùng xa xôi hẻo lánh, thuộc chốn bưng biền của vùng Đồng Tháp Mười. Phong trào tản cư lên những vùng đất giáp ranh biên giới Campuchia phát triển mạnh nhằm tránh sự khủng bố khốc liệt của CQSG và cũng để củng cố xây dựng lại LLCM trước nguy cơ tan rã nhanh chóng. Phần lớn lực lượng tản cư là những cán bộ, chiến sĩ, đảng viên cách mạng đã bị lộ thân phận phải chuyển vùng, đổi vùng hoạt động để tránh tai mắt của CQSG. Những căn cứ cách mạng này hình thành và phát triển mạnh tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tái lập lực lượng vũ trang cách mạng ở các địa phương Nam Bộ sau đó. Trong khi

đó, với địa thế phần lớn là vùng đồi núi, rừng rậm, miền Đông Nam Bộ là nơi thuận lợi cho việc thiết lập các căn cứ địa cách mạng để hoạt động và đấu tranh chống chính quyền Ngô Đình Diệm. Kể từ năm 1957 trở về sau, với chủ trương tiến hành khôi phục và xây dựng các căn cứ địa cách mạng của XUNB, nhiều căn cứ cách mạng được tái xây dựng, mở rộng và phát triển ở miền Đông Nam Bộ. Có thể nói, việc tái lập, xây dựng và mở rộng các căn cứ địa cách mạng ở nhiều địa phương Nam Bộ, từ miền Tây Nam Bộ cho đến miền Đông Nam Bộ trong những năm 1954 - 1959 là minh chứng sống động nhất cho tính linh hoạt, sáng tạo của quân và dân Nam Bộ trong quá trình đấu tranh chống CQSG để giữ gìn và xây dựng LLCM. Những căn cứ địa cách mạng, những “làng rừng”, những “túi bất hợp pháp” tồn tại, hoạt động trong thời gian này tạo tiền đề quan trọng dẫn đến sự phục hồi và phát triển nhanh chóng LLCM ở các địa phương Nam Bộ sau đó. Đồng thời, sự hoạt động tích cực và có hiệu quả của các căn cứ địa cách mạng ở Nam Bộ cũng góp phần lớn vào việc hạn chế các hành động khủng bố, đàn áp của QĐSG ở địa phương, khiến cho chính quyền và QĐSG luôn trong tình trạng lo lắng và không dám manh động khủng bố, đánh phá mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân cũng như LLCM.

Thứ tư, sớm thiết lập mạng lưới nội tuyến hoạt động và mở rộng trong các cơ quan của CQSG từ địa phương đến Trung ương. Từ sau năm 1954, dưới sự chỉ đạo của XUNB, công tác “cài cắm” người của cách mạng vào các cơ quan của CQSG từ địa phương đến Trung ương được tiến hành nhanh chóng và có hiệu quả. Mạng lưới nội tuyến ở cơ sở của cách mạng được thiết lập ngay trong những năm 1954 - 1956 và được phát triển mở rộng nhanh chóng sau đó. Hoạt động có hiệu quả của những cơ sở nội tuyến trong các cơ quan của CQSG trong thời gian này, giúp cho các phong trào đấu tranh cách mạng diễn ra mạnh và LLCM ở các địa phương có điều kiện củng cố và xây dựng. Sự phối hợp đấu tranh giữa cơ sở nội tuyến với LLCM trong những trận đánh phục kích, tập kích QĐSG, những trận đánh công đồn hay trong phong trào trừ gian, diệt ác thu được nhiều kết quả cho thấy sự hiệu quả trong hoạt động nội tuyến của cách mạng, đây thực sự là một phương cách đấu tranh độc đáo, sáng tạo và hiệu quả của quân và dân Nam Bộ trong những năm

này.

Thứ năm, sử dụng đa dạng và có sự phối hợp các phương thức đấu tranh từ ĐTCT tiến lên ĐTVT tự vệ và đẩy mạnh hoạt động binh vận kết hợp trên địa bàn. Trong những năm 1954 - 1959, tùy vào tình hình, đặc điểm, thế và lực của từng địa phương cũng như các hành động phản cách mạng của chính quyền Ngô Đình Diệm mà quân và dân Nam Bộ sử dụng, phối hợp những phương thức đấu tranh thích hợp. Trong những năm 1954 - 1956, phương thức ĐTCT kết hợp với binh vận là chủ yếu nhằm đòi CQSG thi hành Hiệp định Genève, đòi hiệp thương, tổng tuyển cử thống nhất đất nước, đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM. Công tác binh vận đã được triển khai, phối hợp có hiệu quả với ĐTCT trên địa bàn, góp phần bảo tồn và phát triển LLCM ở các địa phương Nam Bộ. Đến những năm 1957 - 1959, các hành động khủng bố, đàn áp đánh phá mạnh của CQSG đã khiến cho các phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân và LLCM chịu nhiều tổn thất. Để ứng phó hiệu quả với các chiến dịch khủng bố, đánh phá khốc liệt của chính quyền Ngô Đình Diệm, ở nhiều địa phương Nam Bộ, các hoạt động ĐTVT tự vệ có tổ chức dần được xúc tiến và thu được những thắng lợi quan trọng. Từ các phong trào trừ gian, diệt ác ở một số địa phương sau tiến dần lên ĐTVT tự vệ hỗ trợ các phong trào ĐTCT và binh vận kết hợp trong toàn vùng. Các hoạt động vũ trang, các đợt tiến công phục kích, tập kích QĐSG của LLCM từ quy mô nhỏ lẻ ban đầu sau được nâng dần lên quy mô lớn với mật độ dày đặc ở Nam Bộ. Những hoạt động ĐTVT tự vệ tạo điều kiện thuận lợi, thúc đẩy phong trào ĐTCT và binh vận trên địa bàn. Ngược lại, công tác binh vận và các phong trào ĐTCT hiệu quả cũng tạo tiền đề thuận lợi cho các hoạt động vũ trang phát triển mạnh ở nhiều địa phương Nam Bộ trong thời gian này.

Như vậy, kể từ sau năm 1954 cho đến giữa năm 1959, quân và dân Nam Bộ vận dụng nhiều hình thức và phương cách đấu tranh độc đáo, sáng tạo để chống CQSG. Nhờ vận dụng nhiều hình thức đấu tranh phong phú, sáng tạo đó mà quân và dân Nam Bộ không những giữ gìn bảo tồn được LLCM trước các chiến dịch khủng bố, đàn áp, đánh phá ác liệt của CQSG mà còn tiến tới xây dựng và phát triển LLCM ở các địa phương, góp phần quan trọng, tạo tiền đề thuận lợi cho

phong trào Đồng Khởi nổ ra toàn vùng những năm 1959 - 1960.

Tiểu kết chương 2

Trong những năm 1954 - 1956 là khoảng “thời gian quý báu” giúp cho Ngô Đình Diệm củng cố, xây dựng thế lực và ảnh hưởng của mình ở Nam Bộ. CQSG không những không thi hành Hiệp định Genève mà còn tiến hành đàn áp, khủng bố đánh phá khốc liệt các phong trào và LLCM ở Nam Bộ. Phong trào cách mạng ở Nam Bộ đối mặt với nhiều khó khăn. Sự đấu tranh mạnh mẽ cùng với mưu trí, sáng tạo, quân và dân Nam Bộ từng bước xúc tiến quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM ở địa phương. Các phong trào ĐTCT của quần chúng nhân dân Nam Bộ diễn ra sôi nổi, rộng khắp và thu được những thắng lợi quan trọng. Đến những năm 1957 - 1959 khi CQSG tập trung lực lượng, dùng mọi thủ đoạn tàn bạo để đàn áp, khủng bố, tiến tới tiêu diệt hoàn toàn LLCM trên toàn miền Nam mà trọng điểm đánh phá, diệt trừ là vùng đất Nam Bộ thì cách mạng ở địa phương thực sự bước vào một thời kỳ đen tối với những thử thách lớn. Phần lớn các tổ chức cách mạng và cơ sở Đảng ở Nam Bộ bị tê liệt, tổn thất lớn do các hành động đàn áp, khủng bố, đánh phá mạnh của CQSG. Đối diện trước khó khăn, thử thách đó vẫn không khiến quân và dân Nam Bộ chùn bước. Trải qua thực tiễn đấu tranh đầy cam go, quyết liệt và gian khổ đã tôi luyện được đội ngũ cán bộ, đảng viên ở Nam Bộ luôn mạnh mẽ, vững vàng. Lực lượng vũ trang cách mạng ở Nam Bộ từng bước được tái xây dựng tuy còn non trẻ nhưng có chất lượng và hoạt động có hiệu quả. Trong thực tiễn đấu tranh những năm 1957 - 1959, mặc dù những người lãnh đạo ở XUNB còn mắc phải khuynh hướng “hữu khuynh” chậm chãi đạo chuyển hướng đấu tranh để tránh tổn thất LLCM khi CQSG gia tăng các hành động khủng bố, đánh phá phong trào cách mạng nhưng sau đó đã nhanh chóng rút kinh nghiệm và có đóng góp với Trung ương Đảng nhiều ý kiến về đường lối và phương thức đấu tranh phù hợp với đặc điểm, tình hình cách mạng ở địa phương. Trong những năm này, quân và dân Nam Bộ vận dụng nhiều phương thức đấu tranh phong phú, linh hoạt và sáng tạo, từ ĐTCT đơn thuần tiến đến ĐTCT có vũ trang tự vệ hỗ trợ và kết hợp đẩy mạnh công tác binh vận để giữ gìn và xây dựng LLCM.

Với sự năng động, sáng tạo và để đáp ứng yêu cầu thực tiễn đấu tranh cách

mạng, quân và dân Nam Bộ đẩy mạnh xây dựng LLCM, củng cố mạng lưới cũng như các tổ chức Đảng trong những địa phương bị tổn thất. Trong những năm 1957 - 1959, đối lập với các hoạt động khủng bố, đàn áp, đánh phá ác liệt của CQSG là quá trình quân và dân Nam Bộ khôi phục, xây dựng và mở rộng các căn cứ địa cách mạng ở các địa phương. Không chỉ trải dài từ vùng rừng núi miền Đông Nam Bộ đến vùng bung biển của Đồng Tháp Mười (miền Trung Nam Bộ), các căn cứ địa cách mạng còn được thiết lập ở vùng rừng rậm U Minh, Năm Căn (miền Tây Nam Bộ). Chính những căn cứ địa cách mạng đó góp phần quan trọng giúp cho quá trình tái lập lực lượng vũ trang và các cơ sở cách mạng diễn ra nhanh chóng trong nhiều địa phương Nam Bộ. Các căn cứ địa cách mạng được tái xây dựng, tồn tại và phát triển trong lòng của “căn cứ nhân tâm” và điều này góp phần dẫn đến sự phát triển mạnh mẽ của các lực lượng vũ trang cách mạng, đáp ứng kịp thời thực tiễn đấu tranh cách mạng ở Nam Bộ lúc bấy giờ. Những hoạt động củng cố, xây dựng và phát triển LLCM từ cuối năm 1954 đến giữa năm 1959 tạo tiền đề quan trọng cho sự phát triển của cách mạng ở Nam Bộ trong những năm tiếp sau. Đến giữa năm 1959 khi CQSG ban hành Luật 10/59 và chính thức đưa sự tàn bạo của chế độ lên đến đỉnh cao và nhất là khi Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời năm 1959 góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng ở Nam Bộ phát triển sang thời kỳ mới với những tiền đề tích cực.

Chương 3

PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG TIẾN TỚI ĐỒNG KHỞI Ở NAM BỘ (1959 - 1960)

3.1. Bối cảnh lịch sử và chủ trương của Đảng Lao động Việt Nam

3.1.1. Tình thế cách mạng ở Nam Bộ năm 1959

Bước vào năm 1959, song song với việc tiến hành các hành động khủng bố, đàn áp khốc liệt phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Nam Bộ, CQSG còn đẩy mạnh các cuộc thanh trừng trong nội bộ, tiến hành loại trừ những phần tử không trung thành tuyệt đối với chế độ của họ Ngô. Thực tế là đã có hàng tá cuộc cải tổ, “thay máu” nhân sự diễn ra trong nội bộ chính phủ của Ngô Đình Diệm. Về đảng phái, anh em Ngô Đình Diệm “truy đánh cả lực lượng thân Pháp lưu vong, không chế trí thức, thu hẹp quyền hạn của nhóm thân Mỹ nhưng đã tỏ ra không đáng tin cậy đối với Diệm, đặt thêm nhân viên đại diện chính phủ ở cả hai miền Đông và Tây Nam Bộ để giám sát chặt chính quyền địa phương, đồng thời ra sức lôi kéo mua chuộc thanh niên và sử dụng lại lực lượng giáo phái” (Ban Tổng kết chiến tranh B2, 1984, tr.78). Đi cùng với các chiến dịch đàn áp, khủng bố LLCM là quá trình kiện toàn bộ máy đàn áp của CQSG ở Nam Bộ. Các cuộc hành quân khủng bố, đánh phá, càn quét của QĐSG đã xuống tận các làng xã. Trên khắp các địa phương ở Nam Bộ “quân đội bao vây, bảo an lục soát, dân vệ dò xét những cuộc vận chuyển và hành tung của Cộng sản” (Trần Văn Giàu, 1964, tr.367). Để đối phó lại làn sóng đấu tranh cách mạng đang dâng cao của nhân dân Nam Bộ, ngày 6/5/1959, CQSG ban hành Luật 10/59. Bộ luật chỉ có hai hình thức được tuyên là “tử hình” hoặc “khô sai chung thân” cho bất cứ hành vi nào dù chỉ là mới “nghĩ tới” cũng không thoát tội xâm phạm đến “an ninh quốc gia”. Với Luật 10/59, binh lính của Ngô Đình Diệm có thể “xử tử, chung thân bất cứ ai mà không cần một bằng chứng rõ ràng nào, chỉ cần nói rằng người ấy “nuôi thâm ý” làm loạn” (Trần Văn Giàu, 1964, tr.361).

Vì vậy, đến thời điểm này, trước các hành động khủng bố, đàn áp mạnh của

CQSG, tình thế cách mạng xuất hiện ở Nam Bộ và phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân Nam Bộ có sự tiến triển lên một bước mới cao hơn quá trình ĐTCT đơn thuần trước đó. Sự kết hợp chặt chẽ giữa hai hình thức ĐTCT với ĐTVT và tăng cường ĐTVT trở thành xu thế tất yếu lúc bấy giờ bởi thực tế cách mạng ở Nam Bộ cho thấy, nhân dân Nam Bộ không thể “cam chịu”, nhún nhường hơn nữa và muốn tồn tại buộc phải nhất tề nổi dậy tiến công vào hệ thống cai trị kìm kẹp của CQSG ở cơ sở.

Lênin từng chỉ rõ: “Muốn có cách mạng thì riêng việc quần chúng bị áp bức và bóc lột nhận thức được rằng không thể sống như trước nữa và đòi hỏi phải có sự thay đổi, cũng chưa đủ; muốn có cách mạng, còn phải có tình hình là những kẻ bóc lột cũng không thể sống và thống trị như trước được nữa. Chỉ khi nào “những kẻ bên dưới” không muốn tiếp tục sống như trước nữa và “những kẻ bên trên” cũng không thể tiếp tục sống như trước nữa thì cách mạng mới có thể thắng lợi... Không thể có cách mạng nếu không có một cuộc khủng hoảng toàn quốc (rung động cả những người bị bóc lột lẫn những kẻ bóc lột)” (V.I. Lênin, 1973, tr.125-126). Như vậy, để khởi nghĩa nổ ra giành được thắng lợi thì phải có tình thế cách mạng. Đối chiếu với tình hình miền Nam nói chung và ở Nam Bộ nói riêng từ cuối năm 1959 đầu năm 1960 diễn ra đúng như những điều kiện nói trên.

Từ giữa năm 1959 trở về sau, sự “ổn định tạm thời” của chính quyền họ Ngô chấm dứt và bắt đầu thời kì khủng hoảng triền miên. Đến giữa năm 1959, CQSG “bắt đầu bước vào giai đoạn khủng hoảng mới, lần này không phải do những nguyên nhân của chế độ thuộc địa cũ để lại như hồi năm 1955 mà là do những nguyên nhân của chính chế độ thuộc địa kiểu mới gây nên; lần này, Mỹ - Diệm không thể nào thoát ra bằng một sự “ổn định” dù là tạm thời” (Trần Văn Giàu, 1964, tr.358). Chính sách cai trị của chính quyền VNCH với các chiêu bài giả hiệu, độc lập, dân chủ, cách mạng quốc gia đã sụp đổ và cơn “bão táp cách mạng” của quân và dân miền Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng thực sự bắt đầu. Các hoạt động khủng bố, đàn áp của CQSG khiến các tầng lớp nhân dân ở nông thôn cũng như thành thị không thể chịu đựng nổi mức độ tàn bạo và dã man đó. Quân và dân

Nam Bộ đều hết sức căm phẫn, tất cả mọi giai tầng trong xã hội đều muốn nhất tề nổi dậy đấu tranh. Thực tế là ở miền Nam (chủ yếu ở Nam Bộ) cho đến những năm 1959 - 1960 đã hình thành mặt trận đấu tranh chống Mỹ - Diệm bao gồm “những người bị khủng bố, bị áp bức, bóc lột, bị sa thải, bị cướp đất, đuổi nhà, bị gom vào các khu trù mật” (Quỳnh Cư, 1985, tr.64) tạo thành một lực lượng lớn với khí thế đấu tranh mạnh mẽ. Mặt khác, đến thời điểm này, trong nội bộ QĐSG nảy sinh những mâu thuẫn, phân hóa. Hệ thống CQSG ở nông thôn trở nên bất lực, suy yếu không còn đủ sức để kìm kẹp nhân dân như cũ nữa. Tất cả những nhân tố này là điều kiện thuận lợi cho các cuộc khởi nghĩa từng phần nổ ra. Và sự nổ ra sớm hay muộn, thắng lợi lớn hay nhỏ thì còn tùy thuộc vào đặc điểm, tình hình cách mạng cụ thể trong từng địa phương.

Ở Nam Bộ, đặc biệt là vùng nông thôn sau những thắng lợi trong các trận đánh trừ gian diệt tề, tiêu diệt đồn bót trong những năm 1957 - 1959 cho thấy, nông thôn là nơi yếu của CQSG. Từ đầu năm 1959, mặc dù CQSG đẩy mạnh các chính sách “Tố Cộng, diệt Cộng”, lập “khu dinh điền”, “khu trù mật” bằng những biện pháp cực kỳ tàn bạo, bằng cả một bộ máy quân sự lớn nhưng không đạt yêu cầu đề ra. CQSG không những không dập tắt được phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân mà trái lại phong trào đấu tranh của nhân dân Nam Bộ diễn ra ngày càng mạnh mẽ, sôi nổi và tiến dần lên vũ trang cách mạng. Các chiến lược nhằm tách dân ra khỏi Đảng thông qua các khu dinh điền, khu trù mật được xây dựng đều khắp vùng Nam Bộ những năm 1958 - 1959 không phát huy hiệu quả mà ngược lại càng làm cho quần chúng nhân dân thêm căm phẫn CQSG. Nhân dân Nam Bộ ngày càng gắn bó với cách mạng, tin tưởng hơn vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong khi đó, CQSG không những không mạnh lên mà ngược lại càng bị cô lập, suy yếu và khủng hoảng. Nhiều cuộc nổi dậy, đấu tranh của quần chúng nhân dân diễn ra rầm rộ, sôi nổi trong các địa phương của Nam Bộ thể hiện rõ điều đó. Chế độ gia đình trị của họ Ngô không những bị cô lập, mâu thuẫn bộc lộ mà những cuộc thanh trừng trong nội bộ còn đẩy CQSG rơi vào khủng hoảng, suy yếu trầm trọng thêm. Trong nhiều địa phương của Nam Bộ, bộ máy kìm kẹp ở

vùng nông thôn bị tan rã, sứt mẻ hoặc không còn tác dụng trước làn sóng đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng nhân dân. Lực lượng bảo an dân vệ nhiều nơi không thể đàn áp được quần chúng nhân dân mà còn bị tiêu hao tiêu diệt dần và tình trạng đào ngũ diễn ra ngày càng mạnh trong QĐSG.

Giữa năm 1959, các phong trào cách mạng ở Nam Bộ phát triển và được đẩy mạnh lên. Trong nhiều xóm, ấp CQSG công nhận là vùng quốc gia kiểm soát nhưng đó chỉ là trên danh nghĩa còn thực tế thì quần chúng cách mạng làm chủ. Những lực lượng như tình báo, gián điệp của CQSG trong xã, ấp lần lượt bị tiêu diệt. Các lực lượng như “công an, tình báo, chỉ điểm không còn là những người dựa vào thanh thế của chính quyền để sách nhiễu dân. Những người này đã bị trừng trị, cảnh cáo, co lại, không dám hoạt động, chỉ ở trong đồn bốt, tác dụng không hơn gì những người lính đã mất hết gốc rễ của họ trong quần chúng” (Nguyễn Minh Đường, 2000, tr.310). Ở nông thôn, lực lượng tề, điệp phần lớn bị trừng trị, nhân dân đoàn kết giúp đỡ nhau sản xuất và đấu tranh với QĐSG.

Đến cuối năm 1959, tình thế cách mạng ở các tỉnh miền Trung Nam Bộ có những chuyển biến tích cực. Chính quyền thống trị họ Ngô không còn làm chủ được tình hình. Sự căm thù oán hận của quần chúng nhân dân lên đến đỉnh điểm, sẽ bùng phát khi thời cơ đến và cơ hội đã đến khi Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời, tiếp thêm sức mạnh cho nhân dân miền Trung Nam Bộ đứng lên chống lại sự đàn áp, khủng bố của CQSG. Những trận đánh diệt tề, trừ gian, diệt đồn bốt QĐSG diễn ra rộng khắp trong miền Trung Nam Bộ: ở tỉnh Kiến Phong, vào đầu năm 1959, các lực lượng vũ trang của tỉnh được sử dụng tập trung hơn và thường xuyên vũ trang tuyên truyền diệt ác phá kìm hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh. Bộ máy kìm kẹp của CQSG ở xã, ấp bị phá lỏng, phá rã, nhiều tay sai chỉ hoạt động cầm chừng, những người ngoan cố ban đêm phải rút vào đồn không dám ngủ nhà. Ở Long An, tình hình cũng diễn ra tương tự. Trước sự phát triển mạnh của lực lượng vũ trang, những trận đánh diệt tề, trừ gian của cách mạng diễn ra đều khắp và có hiệu quả, khiến cho QĐSG ở địa phương lo lắng, hoang mang. CQSG ở cơ sở tan rã rất nhanh chóng. Trong cuốn sách *Chiến tranh xảy ra ở Long*

An (War comes to Long An), Jeffrey Race nhận xét về tình hình của Long An năm 1959 như sau: “Trong khi chính quyền của ông Diệm nói chung không sụp đổ thì đại đa số các viên chức địa phương sống riêng lẻ trong nhân dân như xã trưởng, ấp trưởng, công an viên, cán bộ thông tin... thì chỉ hoặc nghỉ việc, hoặc trốn ra thị trấn nơi có trụ sở của họ...” (Jeffrey Race, 1973, tr.115). Ở tỉnh Kiến Tường, đến năm 1959, sự thắng lợi của các phong trào đấu tranh trong tỉnh khiến cho quân đội VNCH khó xoay chuyển được tình thế và thực tế là “nhiều vùng cách mạng làm chủ phần lớn các xã ấp như ở vùng 4 vùng 8, một phần vùng 2 và vùng 6 và 7/11 khu trù mật, khu dinh điền chỉ còn là hình thức, cách mạng làm chủ ban đêm có nơi cả ban ngày” (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Long An, 2005, tr.672). Tỉnh ủy kiên trì chủ trương đẩy mạnh hoạt động vũ trang, từ vũ trang tuyên truyền, diệt ác trừ gian đến tiêu diệt từng bộ phận QĐSG với sự chủ động hoặc đánh quân đội đối phương trong các cuộc hành quân càn quét. Sự chỉ đạo kiên quyết và kịp thời của Tỉnh ủy cộng với tinh thần đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân và lực lượng vũ trang nên Kiến Tường đã “vượt qua được khó khăn thử thách và giành được những thắng lợi quan trọng” (Cao Minh, 1993, tr.75) và khiến cho QĐSG rơi vào thế bị động. Ở tỉnh Bến Tre, đến cuối năm 1959 tình thế cách mạng có những chuyển biến tích cực. Ở các địa phương trong toàn tỉnh “nhiều tay sai tề xã, những người cầm đầu các tổ chức chính trị phản động, hàng trăm người do thám và chỉ điểm nằm trong xã, ấp bị nhân dân tiêu diệt hoặc đánh trọng thương và được ngụy trang dưới hình thức “vi cảnh hóa”, QĐSG không lần ra được thủ phạm. Một số năm im không dám hoạt động. Ở nhiều xã, nhiều vùng các vụ bắt bớ, bắn giết cán bộ và nhân dân đã giảm hẳn” (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bến Tre, 2003, tr.156). QĐSG không dám hoạt động mạnh và tiến tới co lại ở các địa phương. Đây là tiền đề quan trọng giúp cho quân và dân Bến Tre chuẩn bị bước vào các đợt Đồng Khởi sau đó. Ở tỉnh Tiền Giang, đến cuối năm 1959 phong trào đấu tranh của quần chúng phát triển mạnh. Thực tế là lực lượng kìm kẹp của CQSG ở một số địa phương đã co lại. Quần chúng nhân dân liên tục đấu tranh chống các hành động đàn áp, khủng bố của QĐSG, đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ và bảo vệ thành quả cách mạng. Đến cuối năm 1959, hoạt động vũ trang của các tỉnh phát triển mạnh khiến cho

CQSG ở địa phương đặt trong tình trạng báo động. Bộ Tổng tham mưu Quân đội Sài Gòn phải thốt lên rằng: “Tình hình đặc biệt nghiêm trọng bởi ngoài các vụ khủng bố, ám sát thường xuyên, hoạt động vũ trang của Việt Cộng gia tăng. Nhiều vụ phục kích các toán tuần tiêu của ta (QĐSG) và đột nhập vào cơ sở hương thôn, Việt Cộng còn tấn công vào cả ban ngày bằng súng máy và phóng lựu vào Châu Thành tỉnh Kiến Tường. Rõ ràng Việt Cộng tiếp tục theo đuổi chủ trương tập trung và vẫn cố gắng tạo thế chủ động với các hoạt động táo bạo như chấp nhận giao tranh... nhất là ở các tỉnh Kiến Phong, Kiến Tường...” (Bộ Tổng tham mưu Quân đội Sài Gòn, 1959). Có thể thấy, ở miền Trung Nam Bộ đến năm 1959, tình thế cách mạng đã chín muồi. Trong các tỉnh Trung Nam Bộ, những hoạt động vũ trang cách mạng được đẩy mạnh với hàng loạt trận đánh tiêu diệt tề điệp, những hoạt động trừ gian, diệt ác khiến cho lực lượng thống trị của CQSG ở cơ sở bị tê liệt, buộc họ phải co lại và thậm chí còn phải bỏ trốn, bỏ việc. CQSG không thể thống trị như cũ được nữa ở miền Trung Nam Bộ.

Ở miền Tây Nam Bộ, đến đầu năm 1959, các hành động đàn áp, khủng bố khốc liệt của CQSG khiến cho quần chúng nhân dân căm phẫn và họ tìm cách di chuyển vào các vùng rừng núi U Minh, Năm Căn thành lập các “làng rừng” sinh sống, hoạt động cách mạng. Hàng loạt “làng rừng” ra đời ở Cà Mau với hàng chục ngàn người tồn tại giữa những cánh rừng bạt ngàn và ngày đêm xây dựng, củng cố lực lượng để tiếp tục đấu tranh cách mạng. Đến thời điểm này (1959), quần chúng nhân dân miền Tây Nam Bộ không thể tiếp tục sống dưới ách cai trị của chế độ độc tài họ Ngô và họ sẵn sàng vùng lên đánh trả khi có cơ hội cũng như trông chờ những chủ trương, chỉ đạo mới của Trung ương Đảng.

Tương tự, ở miền Đông Nam Bộ, sau khi Ban Quân sự Miền được thành lập, các căn cứ địa được hình thành và mở rộng phát triển. Lực lượng vũ trang cách mạng tiến hành một số trận đánh trừ gian, diệt ác ôn và các trận tập kích QĐSG ở địa phương giành thắng lợi, tạo nên tiếng vang lớn. Quân và dân miền Đông Nam Bộ sẵn sàng nhất tề nổi dậy tiến công nhất là sau khi CQSG đẩy mạnh các chiến dịch khủng bố, đàn áp đẫm máu phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân

cũng như cán bộ, đảng viên cách mạng trên địa bàn. Quần chúng nhân dân không thể chịu đựng hơn nữa ách cai trị, đàn áp tàn bạo từ CQSG nhất là sau khi chính quyền ban hành Luật 10/59. Việc ban hành Luật 10/59 của CQSG đã gây căm phẫn trong dân chúng và làm dâng cao làn sóng đấu tranh mạnh mẽ trên toàn miền Đông Nam Bộ. Chính quyền thống trị của Ngô Đình Diệm ở cơ sở cũng dao động, lo lắng trước các hoạt động vũ trang tuyên truyền được tăng cường cũng như các vụ trừ gian diệt tề, điệp ác ôn của cách mạng ở địa phương.

Như vậy, đến năm 1959, phong trào đấu tranh cách mạng của quân và dân Nam Bộ bước sang một thời kỳ mới với những chuyển biến quan trọng. CQSG tăng cường đàn áp, khủng bố khốc liệt khiến cho đông đảo quần chúng nhân dân vô cùng căm phẫn và sẵn sàng vùng lên đánh trả. Thông qua các chiến dịch đàn áp tàn bạo, chính quyền VNCH cũng cho thấy sự thất bại trong các chính sách cai trị của họ trên toàn miền Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng. Đặc biệt ở vùng nông thôn, sự thống trị của chính quyền họ Ngô không còn mạnh như những năm 1955 - 1958 nữa mà thay vào đó là sự hoang mang, lo lắng, dao động của phần lớn lực lượng quan chức trong chính quyền ở địa phương. CQSG ở cơ sở lâm vào khủng hoảng, suy yếu, phần lớn quan chức chính quyền bỏ việc hoặc bị diệt trừ. Tình thế cách mạng ở Nam Bộ năm 1959 thực sự chín muồi. Đúng như nhận định của Lê Duẩn từ “cuối năm 1959 đầu năm 1960, chế độ thống trị ở miền Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng. Tuy ở thành thị địch còn tương đối mạnh nhưng trong nhiều vùng nông thôn rộng lớn, địch không thể cai trị nhân dân một cách bình thường được nữa; bộ máy ngụy quyền cơ sở từng phần đã suy yếu và bất lực. Còn quần chúng nhân dân, đặc biệt là đông đảo nông dân thì sục sôi cách mạng, đã tỏ ra kiên quyết và sẵn sàng chiến đấu sống chết với quân thù. Đó là những điều kiện chín muồi cho phép phát động quần chúng nhân dân nông thôn nổi dậy khởi nghĩa từng phần, đập tan khâu yếu nhất trong hệ thống cai trị của địch” (Lê Duẩn, 1970, tr.51). Rõ ràng cho đến thời điểm này để tồn tại nhân dân miền Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng không có con đường nào khác ngoài con đường phải nổi dậy vũ trang chống lại CQSG và con đường đó hé mở sau Hội nghị lần thứ 15

của Ban Chấp hành Trung ương Đảng với sự ra đời của Nghị quyết 15 lịch sử năm 1959.

3.1.2. Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng và chủ trương của Xứ ủy Nam Bộ

Đến đầu năm 1959, phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng nhân dân sôi sục trên toàn miền Nam nói chung và ở Nam Bộ nói riêng. Ngày 12/1/1959, tại Hà Nội, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) họp và xác định: “Nhiệm vụ cơ bản là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân miền Nam” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002e, tập 20, tr.81). Hội nghị đề ra nhiệm vụ trước mắt là: “Đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc và các quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống của nhân dân, giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002e, tập 20, tr.81). Hội nghị cũng vạch rõ con đường phát triển cơ bản của cách mạng ở miền Nam là: “Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân” và “theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002e, tập 20, tr.82).

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng có tầm quan trọng, tạo ra bước ngoặt lớn trong sự phát triển của cách mạng miền Nam. Có thể nói, Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng đã “giải thoát cho cách mạng miền Nam khỏi những bế tắc, khơi thông được dòng thác cách mạng” và “sức mạnh hào hùng đầy sáng tạo của nhân dân và lực lượng cách mạng miền Nam đã được giải phóng” (Mai Chí Thọ, 2001, tập 2, tr.92, 115). Nghị quyết phản ánh đúng và giải quyết kịp thời yêu cầu cấp bách của cách mạng ở miền Nam nói chung và

Nam Bộ nói riêng trong tình thế thực sự chín muồi; khẳng định phương pháp đấu tranh là phải dùng bạo lực cách mạng, từ ĐTCT tiến lên kết hợp ĐTCT với ĐTVT là việc cần kíp, đáp ứng nguyện vọng tha thiết của cán bộ, chiến sĩ và đông đảo nhân dân Nam Bộ lúc bấy giờ.

Ngày 24/10/1959, XUNB điện gửi Ban Chấp hành Trung ương Đảng tiếp tục đề nghị ĐTVT ở miền Nam. Xứ ủy nhận định rằng, diễn biến tình hình từ giữa năm 1959 cho thấy, ở một số nơi như Cà Mau, QĐSG tăng cường đánh phá phong trào cách mạng hoàn toàn không phải vì ở đó lực lượng vũ trang hoạt động mạnh và quần chúng thiên về hoạt động bất hợp pháp. CQSG tăng cường đánh phá bởi vì họ muốn tiêu diệt tận gốc cơ sở Đảng và phong trào cách mạng nhằm củng cố nền thống trị độc tài ở miền Nam. Vì vậy, ngay cả ở những nơi hầu như không có hoạt động vũ trang của cách mạng như Trà Vinh, QĐSG vẫn tăng cường đánh phá quyết liệt không kém. Chính sách độc tài phát xít của Mỹ - Diệm làm cho phong trào cách mạng bị thiệt hại nặng nề. Chậm nổi dậy ĐTVT ngày nào, cách mạng sẽ bị thiệt hại thêm ngày đó. Yêu cầu nổi dậy ĐTVT của quần chúng nhân dân vô cùng bức xúc. Chính vì vậy, XUNB tiếp tục đề nghị Trung ương Đảng khẩn trương nghiên cứu tình hình, cho phép ĐTVT. Chỉ có như vậy mới bảo vệ được LLCM miền Nam và chuyển từ thế bị động sang thế chủ động, mới có thể đánh bại được kẻ thù hung ác, tàn bạo (Viện Lịch sử Đảng, 2008, tr.221).

Đến tháng 11 năm 1959, XUNB tổ chức Hội nghị lần thứ 4 để quán triệt Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng. Trong hội nghị này, XUNB đã ra nghị quyết nêu lên những công tác cụ thể như sau: “(1) - Đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng mạnh mẽ, sâu rộng hơn để đẩy địch vào thế bị động và cô lập hơn nữa. (2) - Đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền nhằm thiết thực hỗ trợ thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. (3) - Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục sâu rộng trong quần chúng nhằm nâng cao ý thức căm thù và quyết tâm cách mạng trong cuộc đấu tranh đánh đổ địch. (4) - Không ngừng củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất chống Mỹ - Diệm. (5) - Xúc tiến và đẩy mạnh công tác binh vận. (6) - Không ngừng củng cố và phát triển Đảng, đảm bảo sự lãnh

đạo của Đảng đối với phong trào. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đặc biệt là cán bộ trung kiên, nòng cốt” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002e, tập 20, tr.988-1006).

Như vậy, sau khi có Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, XUNB tổ chức Hội nghị lần thứ 4 để quán triệt và cũng đề ra những nhiệm vụ đấu tranh trước mắt ở địa phương. Chủ trương đồng loạt nổi dậy chưa đề ra cho đến cuối năm 1959 mà chỉ thực sự xuất hiện và được nhấn mạnh tại Hội nghị lần thứ 5 của XUNB sau đó, khi một số địa phương ở Nam Bộ đã có những cuộc nổi dậy tạo tiếng vang.

3.2. Phát triển lực lượng cách mạng chuẩn bị Đồng Khởi

3.2.1. *Củng cố, xây dựng các tổ chức Đảng và đoàn thể cách mạng*

Trong quá trình đấu tranh quyết liệt với CQSG dù ở những thời điểm khó khăn nhất nhưng Đảng bộ Nam Bộ vẫn ngày càng được củng cố vững chắc thêm về tư tưởng và tổ chức. Đặc biệt, từ cuối năm 1958 đến đầu năm 1959, do QĐSG khủng bố ráo riết phong trào quần chúng, ra sức đánh phá ác liệt nên LLCM và các tổ chức Đảng ở cơ sở bị tổn thất nặng nề, nhiều cán bộ cách mạng không còn bám trụ được trong quần chúng nhân dân. Trong tư tưởng cán bộ, đảng viên đã xuất hiện nhiều băn khoăn, vướng mắc về yêu cầu và phương pháp đấu tranh. Mặc dù LLCM bị thiệt hại, tổn thất nặng nề nhưng nhìn chung, nhiều đảng viên và cán bộ cách mạng vẫn kiên cường đấu tranh trước sự đàn áp, khủng bố khốc liệt của CQSG. Trong tình cảnh cam go quyết liệt đó, nhiều cán bộ, đảng viên cách mạng bị cắt đứt liên lạc nhưng vẫn tự động công tác, cơ sở bị vỡ vẫn tìm cách xây dựng lại, không bám được trong dân vẫn tìm mọi cách quan hệ với quần chúng nhân dân. Ý thức tổ chức kỷ luật rất cao, mặc dù có nhiều băn khoăn nhưng vẫn chấp hành theo sự chỉ đạo chung. Hệ thống tổ chức của Đảng trong hoàn cảnh rất khó khăn nhưng vẫn duy trì sự liên lạc trên dưới không bị đứt đoạn lâu ngày. Nhờ có đội ngũ cán bộ, đảng viên kiên trung như vậy nên dù bị tổn thất nặng nề nhưng phong trào cách mạng ở Nam Bộ vẫn được duy trì, tồn tại.

Bước sang năm 1959, XUNB xác định những nhiệm vụ trước mắt của công tác mặt trận trong năm 1959 như sau: (1) - Tích cực xây dựng cơ sở nòng cốt trong

các giới trung gian, phát triển cơ sở Đảng và Đoàn trong học sinh, trong các tầng lớp lao động, tôn giáo, đồng bào di cư... (2) - Tăng cường tranh thủ các nhân sĩ trí thức bên trên, tăng cường công tác binh vận. Mở rộng tuyên truyền cho khẩu hiệu trung lập trong các tầng lớp trung gian, hướng vào yêu cầu đánh đổ chế độ gia đình trị của Ngô Đình Diệm, chống lại chính sách xâm lược thôn tính của đế quốc Mỹ. (3) - Tiến tới thành lập một mặt trận bên trên ở miền Nam có danh nghĩa chính thức để tập hợp toàn bộ các lực lượng yêu nước, cách mạng ở miền Nam. XUNB yêu cầu các cấp bộ Đảng phải nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác mặt trận để tập hợp mọi tầng lớp, giai cấp, phe phái, phần tử (ngay cả những lực lượng chỉ có tính chất tạm thời) trong mặt trận chống Mỹ - Diệm. Đồng thời, nắm vững cơ sở của mặt trận là liên minh công nông và đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng đối với mặt trận dân tộc thống nhất” (Viện Lịch sử Đảng, 2008, tr.193-194).

Đến tháng 10 năm 1959, XUNB ra nghị quyết về củng cố chi bộ Đảng trong tình hình mới. Nghị quyết vạch rõ những điểm cần tập trung chỉ đạo củng cố chi bộ là: tiếp tục củng cố chi bộ bằng cách phân loại chi bộ A, B, C và định rõ thời gian củng cố, phân loại xong các chi bộ. Tiếp tục xây dựng cơ sở Đảng ở những nơi chưa có chi bộ. Nắm vững phương châm củng cố chi bộ gắn với phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng. Tiến hành củng cố chi bộ là đẩy mạnh phong trào đấu tranh của quần chúng và gắn với sửa đổi lối làm việc của từng cấp, từng chi bộ. Tiếp tục nâng cao nhận thức của đảng viên đối với tôn chỉ, mục đích của Đảng, nâng cao ý thức cách mạng của đảng viên, phân công công tác phù hợp từng loại đảng viên, đưa ra khỏi Đảng những người không xứng đáng là đảng viên. Các cấp ủy Đảng phải có nhận thức đúng và tích cực khẩn trương củng cố chi bộ từ trên xuống và từ dưới lên. Củng cố chi bộ phải dựa vào các đồng chí trung kiên nòng cốt. Củng cố phải đi đôi với phát triển Đảng. Căn cứ vào tình hình mới, XUNB chủ trương: “Lập chi bộ gồm những đồng chí lộ mặt bất hợp pháp chiến đấu tại địa phương. Những đồng chí này trước đây ta giải quyết điều lắng, căn bản ta không còn đặt vấn đề điều lắng bất hợp pháp nữa. Tùy số lượng nhiều hay ít mà tổ chức có chi ủy và cần phải vũ trang tự vệ; phương thức hoạt động của chi bộ chủ yếu nhằm phục vụ ĐTCT của quần chúng” (Viện Lịch sử Đảng, 2008, tr.222).

Trong 6 tháng đầu năm 1960, ở Nam Bộ, hoạt động củng cố, phát triển Đảng và Đoàn đạt được những kết quả quan trọng. Theo tổng kết của XUNB ngày 6/8/1960 trong 6 tháng đầu của năm 1960, công tác khôi phục, củng cố phát triển đảng viên, cơ sở Đảng đạt nhiều kết quả. Đảng bộ miền Tây khôi phục được 417 chi bộ và 1.600 đảng viên. Đảng bộ miền Trung có 417 chi bộ và 3.417 đảng viên và 2.685 đoàn viên. Đảng bộ miền Đông có 1.539 đảng viên và 791 đoàn viên (Viện Lịch sử Đảng, 2008, tr.262). Các Đảng bộ lần lượt được khôi phục và đẩy mạnh phát triển song song với diễn tiến của phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ những năm 1959 - 1960.

Đến tháng 7 năm 1960, Hội nghị XUNB lần thứ 5 đề ra phương hướng công tác trước mắt là: “Phát động các tầng lớp nhân dân ở nông thôn cũng như ở thành thị một phong trào đấu tranh rộng rãi mạnh mẽ để giữ vững thắng lợi và tiếp tục tiến công chính trị làm cho địch càng thất bại và bị động hơn nữa trên mọi mặt, nhằm đánh lui từng bước âm mưu, chính sách của địch, đưa phong trào tiến lên từng bước dần dần tạo điều kiện và thời cơ cho cuộc khởi nghĩa đánh đổ toàn bộ chính quyền Mỹ - Diệm. Ra sức tích cực xây dựng lực lượng vũ trang và bố trí rộng khắp để đủ sức ứng phó với mọi tình thế. Tích cực xây dựng căn cứ cách mạng” và đề ra nhiệm vụ cụ thể là: “Tích cực đẩy mạnh ĐTCT có kết hợp ĐTVT đúng mức để tiếp tục phá thế kìm kẹp, giữ vững và mở rộng thế chủ động ở nông thôn, đồng thời hết sức đẩy mạnh phong trào ĐTCT ở đô thị” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002f, tập 21, tr.1072-1073).

Đến tháng 11 năm 1960, XUNB tiếp tục ra chỉ thị về tăng cường công tác xây dựng tổ chức cơ sở Đảng. Xứ ủy nhấn mạnh: “Đẩy mạnh công tác tổ chức đồng thời phải liên kết chặt chẽ với đẩy mạnh phong trào, vì phong trào càng phát triển giúp cho công tác tổ chức thêm thuận lợi, tổ chức cách mạng càng phát triển giúp cho phong trào tiến lên vững chắc”. Đồng thời, XUNB còn nhắc nhở các địa phương cần chống quan niệm máy móc cho rằng: phải lo xây dựng tổ chức trước, có tổ chức mạnh rồi mới có phong trào. Nhưng cũng cần chống quan niệm buông trôi, không kịp thời củng cố, phát triển các tổ chức để mở rộng và duy trì phong

trào đấu tranh [...]. Trong khi phát triển, củng cố tổ chức cần đặc biệt chú ý củng cố hệ thống tổ chức Đảng, Đoàn các cấp, nhất là ở xung quanh các vùng du kích, ở nông thôn và đô thị. Phải kiên quyết khắc phục tình trạng để trống cơ sở Đảng. Việc phát triển đoàn viên mới chủ yếu do chi đoàn đảm nhận, chi bộ không làm thay (Viện Lịch sử Đảng, 2008, tr.274-275).

Như vậy, đến những năm 1959 - 1960, quá trình xây dựng, phát triển các cơ sở, tổ chức Đảng và đoàn thể cách mạng được tiến hành song song với các cuộc khởi nghĩa từng phần ở các địa phương Nam Bộ và đạt được những kết quả quan trọng. Đồng thời, trong thời gian này, quân và dân Nam Bộ còn tăng cường phát triển các lực lượng chính trị, vũ trang cách mạng kết hợp với đẩy mạnh công tác binh vận để đáp ứng yêu cầu thực tiễn đấu tranh cách mạng ở địa phương.

3.2.2. Phát triển lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, đẩy mạnh công tác binh vận

Đến đầu năm 1959, nhất là từ khi có Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng với tinh thần và nội dung gợi mở “cho phép vũ trang” thì các phong trào ĐTCT và vũ trang cách mạng phát triển mạnh ở Nam Bộ. Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng như tiếp thêm sức mạnh thúc đẩy toàn quân và dân Nam Bộ tiến lên xây dựng, phát triển lực lượng chính trị, vũ trang cách mạng trong toàn vùng.

Từ giữa năm 1959 trở đi, phong trào ĐTCT của quần chúng nhân dân Nam Bộ ở vùng nông thôn lẫn thành thị phát triển ngày càng mạnh mẽ. Những cuộc đấu tranh trực diện của nhân dân với QĐSG ở cơ sở để chống khủng bố, chống cướp đất, đòi nhân viên CQSG từ chức hoặc buộc lãnh đạo bên trên phải cách chức những quan chức bên dưới ác ôn gây tội ác với nhân dân diễn ra quyết liệt. Các cuộc đấu tranh diễn ra đều khắp các tỉnh ở Nam Bộ, gây được tiếng vang lớn và thu được kết quả quan trọng. Trong 6 tháng cuối năm 1959, ở các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau, Rạch Giá mỗi tháng có 30 đến 40 cuộc đấu tranh như thế. Ở miền Tây Nam Bộ có 2.134 cuộc đấu tranh chống khủng bố và 3.475 cuộc đấu tranh chống cướp đất. Những cuộc đấu tranh quyết liệt và với mật độ dày đặc đó góp phần tạo ra tình hình tan rã và khủng hoảng của CQSG cơ sở ở nông thôn. Tính cả năm

1959, tại 505 xã ở miền Trung Nam Bộ và 300 xã ở miền Tây Nam Bộ tề áp tan rã 50%, riêng ở Long An có 700 đơn xin thôi việc của tề áp, xã. Ở miền Đông Nam Bộ, tại các tỉnh Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh không ngày nào không có tay chân của Ngô Đình Diệm bị lật đổ (Ban Tổng kết chiến tranh B2, 1979a, quyển 2, tr.43-44). Mặt khác, phong trào ĐTCT của quần chúng không dừng lại ở đó mà tiến lên nổi dậy đánh phá bộ máy kìm kẹp của CQSG, giành quyền làm chủ trên một số vùng nông thôn nhất định. Phát triển lực lượng chính trị, vũ trang để tiến tới cao trào đồng loạt nổi dậy ngay sau đó.

Cuối tháng 11 năm 1959, tại Trảng Chiêng (Rùm Đuôn, căn cứ Bắc Tây Ninh), XUNB họp Hội nghị lần thứ 4 mở rộng đến Bí thư các Liên tỉnh ủy và Tỉnh ủy để triển khai Nghị quyết 15. Hội nghị nhấn mạnh việc “đẩy mạnh ĐTCT của quần chúng với những hình thức đấu tranh phong phú và có tính chất cách mạng mạnh mẽ hơn [...]. Đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền [...]. Xúc tiến đặc biệt công tác binh vận, nhằm làm tan rã tinh thần và tổ chức QĐSG, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc khởi nghĩa cướp chính quyền ít đổ máu với sự thực hiện khối công nông binh liên hiệp dưới sự lãnh đạo của Đảng (Ban Tổng kết chiến tranh B2, 1979a, quyển 2, tr.42-43). Chấp hành Nghị quyết của XUNB, hoạt động xây dựng, phát triển các lực lượng chính trị, vũ trang và đẩy mạnh công tác binh vận được tiến hành mạnh mẽ ở các tỉnh Nam Bộ.

Ở miền Trung Nam Bộ, từ giữa năm 1959, theo sự chỉ đạo của Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ, Tỉnh ủy Kiến Phong chủ trương: “Giao căn cứ Tam Thương (Hồng Ngự) cùng đội bảo vệ Tỉnh ủy cho Liên tỉnh ủy, xây dựng đội bảo vệ và căn cứ mới của Tỉnh ủy ở Thiện Mỹ (Cao Lãnh) để tiện chỉ đạo phong trào toàn tỉnh. Phát triển các đơn vị hiện có, xây dựng các đội du kích ở các xã có phong trào mạnh và địa hình thuận lợi. Phát động quần chúng tích cực cùng lực lượng vũ trang chiến đấu giành quyền làm chủ và giải phóng ấp, xã. Lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống Luật 10/59, móc nối cơ sở trong đồn bót, trong tề, chuẩn bị sẵn sàng khi có thời cơ sẽ phối hợp cùng bên ngoài khởi nghĩa. Chuẩn bị cơ sở hậu cần và kỹ thuật phục vụ cho chiến trường ngày càng mở rộng” (Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Đông Tháp, 1990, tr.126-128). Đến tháng 12 năm 1959, Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ tổ chức Hội nghị để triển khai Nghị quyết của XUNB cho toàn miền tại căn cứ Tam Thường (huyện Hồng Ngự, tỉnh Kiến Phong). Hội nghị nhận định: “Các tỉnh thuộc miền Trung Nam Bộ vừa trải qua một thời kì khó khăn nhất, cơ sở cách mạng bị tổn thất, có nơi bị tổn thất nghiêm trọng, đội ngũ tuy còn ít nhưng đều là cán bộ, đảng viên và quần chúng trung kiên, vững vàng quyết tâm tiêu diệt địch” (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tiền Giang, 2011, tr.60). Sau khi thảo luận, quán triệt Nghị quyết 15 và Nghị quyết của Xứ ủy, Hội nghị chủ trương: “Phát động cuộc tấn công nổi dậy đồng loạt trên toàn khu, hướng chủ yếu là nổi dậy tấn công địch vào các xã đông dân bên trong và ngoài Đông Tháp Mười đang bị địch kìm kẹp nặng” (Ban chỉ đạo công trình lịch sử kháng chiến chống Mỹ Khu 8 - Trung Nam Bộ, 1997, tr.93). Và “các tỉnh tiếp giáp Đông Tháp Mười phải lấy ĐTCT kết hợp hoạt động vũ trang hỗ trợ, phá thế kìm kẹp, giành quyền làm chủ, xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, chuẩn bị khởi nghĩa đồng loạt. Các tỉnh phía sau căn cứ Đông Tháp Mười phải khẩn trương tổ chức xây dựng lực lượng chính trị, đồng thời xây dựng lực lượng vũ trang hỗ trợ quần chúng nổi dậy” (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tiền Giang, 2011, tr.61).

Đến cuối năm 1959 mặc dù chịu sức ép đàn áp, khủng bố khốc liệt của CQSG nhưng lực lượng chính trị, vũ trang ở Trung Nam Bộ đã phục hồi và tiếp tục phát triển mạnh về chất lẫn số lượng. Cụ thể ở tỉnh Kiến Phong bước vào năm 1959, các lực lượng vũ trang của tỉnh được sử dụng tập trung hơn và thường xuyên vũ trang tuyên truyền diệt ác phá kìm hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh. Đúng như lời nhận xét của Tỉnh trưởng Kiến Phong, Nguyễn Quốc Hoàng trong *Tờ trình về hoạt động của Việt Cộng và phiến loạn tại tỉnh Kiến Phong* (từ ngày 26/12/1958 đến ngày 25/1/1959) thì từ đầu năm 1959, “Việt Cộng vẫn tiếp tục phát động cuộc vũ trang tuyên truyền” (Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa (1954-1963), 1959, hồ sơ số: 5614, tr.3) trong toàn tỉnh. Đến đầu tháng 3 năm 1959, với những chuyển hướng trong hoạt động xây dựng và phát triển lực lượng chính trị, vũ trang toàn tỉnh, Kiến Phong thu được những kết quả “điển hình”. Tỉnh trưởng Kiến Phong, Nguyễn

Quốc Hoàng trong *Tờ trình của tỉnh Kiến Phong về hoạt động của Việt Cộng và phiên loạn (từ ngày 26/1/1959 đến ngày 25/2/1959)* viết: “Việt Cộng đã chuyển hướng hoạt động mạnh tại các vùng hậu bồi và khu dinh điền. Chúng đã thu được vài kết quả điển hình” (Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa (1954-1963), 1959, hồ sơ số: 5614, tr.2). Các cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân trong tỉnh chống Luật 10/59 diễn ra rất tích cực. Tòa án quân sự đặc biệt của CQSG đưa máy chém về Cao Lãnh mở các phiên tòa tuyên án tử hình một số cán bộ của cách mạng. Khi họ vừa đọc xong bản án, quần chúng nhân dân, học sinh Cao Lãnh và một số gia đình binh sĩ trong QĐSG hô to “Đả đảo Mỹ - Diệt phát xít”, “Chống giết người thời trung cổ”, “Chúng tôi đòi hủy bỏ bản án”. CQSG không đủ lý lẽ biện bạch, và họ buộc phải hủy bỏ bản án. Ở Hồng Ngự, khi CQSG đưa máy chém về Thường Phước, ngay lập tức “hàng trăm đồng bào đến bao vây chặt vấn và xua đuổi binh lính đi theo yểm trợ, làm cho họ run sợ tháo chạy và vứt máy chém xuống sông Tiền” (Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Tháp, 1990, tr.128). Tháng 9 năm 1959, Liên tỉnh ủy miền Trung Nam Bộ đổi phiên hiệu Tiểu đoàn 2 Kiến Phong thành Tiểu đoàn 502 và điều động Tám Dần từ tỉnh Long An về làm tiểu đoàn trưởng. Việc đổi phiên hiệu tiểu đoàn là “sự chuyển biến về chất của lực lượng vũ trang tỉnh Kiến Phong (bỏ danh nghĩa giáo phái), tạo ra khả năng mới về quân sự chuẩn bị chuyển phong trào sang thế mới, lực mới” (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, 1997, tr.43). Sau khi được củng cố và huấn luyện, Tiểu đoàn 502 mở đợt vũ trang tuyên truyền hỗ trợ cơ sở các xã vùng ven căn cứ phá thế kìm kẹp. Tuy mới thành lập được có 3 ngày, đến ngày 26/9/1959, Tiểu đoàn 502 đã làm nên chiến thắng vang dội tại Gò Quản Cung - Giồng Thị Đam. Chiến thắng Gò Quản Cung - Giồng Thị Đam là trận thắng đầu tiên lớn nhất ở miền Nam tính đến thời điểm bấy giờ và được xem là phát pháo lệnh châm ngòi cho các cuộc nổi dậy của nhân dân các tỉnh miền Trung Nam Bộ cũng như nhiều nơi khác ở Nam Bộ sau đó. Sau những thắng lợi của các hoạt động vũ trang cuối năm 1959, Tỉnh ủy Kiến Phong chỉ đạo gấp rút phát triển lực lượng vũ trang như mở lớp đào tạo đặc công cho 41 người, thành lập đại đội cơ động 271, đổi tên các đại đội thuộc Tiểu đoàn 502: Đại đội Tám Trà có tên mới là C276, Đại đội Bảy Phú thành C275, Nam Bình thành

C273, Chiến Cú thành C277 (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp, 1997, tr.51) để chuẩn bị cho thời kì đấu tranh mới. Trong năm 1959, lực lượng vũ trang Kiến Phong tiếp tục được xây dựng và phát triển mạnh mẽ. Công tác binh vận được đẩy mạnh, xây dựng lực lượng nòng cốt thanh niên đưa vào lực lượng QĐSG. Các lực lượng vũ trang trong tỉnh Kiến Phong phát triển mạnh về quân số và trang bị.

Ở Bến Tre, đến tháng 5 năm 1959, Tỉnh ủy họp tại ấp Phước Lý, xã Bình Khánh (Mỏ Cày). Hội nghị thảo luận và đề ra một số công tác cụ thể: về đấu tranh chống chính quyền và QĐSG, hình thức đấu tranh nhẹ nhàng “đấu tranh dư luận” để huy động đông đảo quần chúng, thu hút mọi lực lượng, mọi người tham gia, chú trọng các đối tượng, chức sắc tôn giáo, các cơ quan ngôn luận, dân biểu... dồn dư luận vào thị xã, thị trấn. Đối với những tay sai ác ôn cách mạng dùng biện pháp “vi cảnh hóa”, khủng bố chính trị để trừng trị nghĩa là trừ khử rồi tung dư luận là họ giết nợ, cờ bạc, gian lận hoặc bị giết vì thù oán cá nhân (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bến Tre, 2003, tr.153-154). Về công tác binh vận, Hội nghị chủ trương: “Móc nối lại cơ sở nội tuyến trong tỉnh đã bị đứt liên lạc đảng viên, giáo dục họ giữ vững lòng tin đối với cách mạng. Đồng thời tiếp tục chọn lựa người vào hàng ngũ địch. Tích cực vận động tranh thủ gia đình binh sĩ, tạo điều kiện cho việc tranh thủ binh sĩ đồng tình, hạn chế địch đàn áp, khủng bố” (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bến Tre, 2003, tr.155). Sau Hội nghị này, phong trào cách mạng của tỉnh có sự chuyển biến tích cực.

Ở Long An bước vào năm 1959, lực lượng vũ trang cách mạng của tỉnh phát triển mạnh. Cùng với Kiến Phong, Long An là một trong những tỉnh có lực lượng vũ trang mạnh, lực lượng vũ trang phát triển từ rất sớm kết hợp hỗ trợ phong trào ĐTCT của quần chúng. Các hoạt động vũ trang tuyên truyền ở Long An được đẩy mạnh. Các tổ vũ trang 506 và 508 mở rộng tầm hoạt động đến khu vực Phú Lâm, Chánh Hưng (giáp Sài Gòn) và xuống gần thị xã Mỹ Tho. Tỉnh ủy Long An chỉ đạo cho lực lượng vũ trang tổ chức những trận đánh đầu tiên để lấy thêm vũ khí, tiếp tục tích lũy, tăng cường lực lượng chuẩn bị cho những nhiệm vụ kế tiếp như trận đánh diệt đồn Vàm Sác (Cần Giuộc). Cũng trong thời gian này, các đội du

kích được hình thành ở một số địa phương và đánh một số trận phục kích tiêu diệt ác ôn, thu vũ khí. Bộ máy kìm kẹp của CQSG đã yếu đi, những cuộc đấu tranh chính trị của quần chúng diễn ra trong nhiều hình thức và mức độ khác nhau. Đến cuối năm 1959, trên địa bàn Long An đã khôi phục nhiều cơ sở chính trị của Đảng trong quần chúng cách mạng và bắt đầu hoạt động. Lực lượng vũ trang cách mạng đòi lại được hàng ngàn mẫu ruộng từ tay địa chủ và giao cho nhân dân. Cho đến thời điểm này, lực lượng vũ trang Long An “hình thành và phát triển nhanh chóng cả về số lượng và chất lượng chính trị về khả năng chiến đấu” (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Long An, 2005, tr.483). Bên cạnh đó, một số căn cứ địa quan trọng của tỉnh cũng được khôi phục như ở Tân Phú, Bình Hòa, Vườn Thơm, Bà Vụ, Long Cang, Long Định. Những hoạt động vũ trang tuyên truyền trừ gian, diệt ác hạn chế được nhiều hành động khủng bố của QĐSG đối với LLCM ở địa phương. Vì thế, nhân dân ở Long An không chịu nhiều thiệt hại như ở các địa phương khác của Nam Bộ khi CQSG thi hành Luật 10/59. Sự lớn mạnh và ngày càng phát triển của lực lượng chính trị, vũ trang ở Long An là nỗi lo sợ cho chính quyền thống trị của Ngô Đình Diệm ở địa phương. Ở tỉnh Long An, “bằng cách nói lỏng các hạn chế về việc sử dụng bạo lực, Đảng đã loại bỏ sự bất cân xứng trước đây giữa chính quyền Sài Gòn và các cơ sở Đảng ở khu vực nông thôn. Các đặc vụ của chính quyền Sài Gòn trước đây có thể di chuyển tương đối dễ dàng trong khi các cán bộ của Đảng hoạt động dưới sự đe dọa liên tục, bị bắt hoặc bị giết chết. Đột nhiên, mối đe dọa đã trở thành cho cho cả hai phía, và thay vì gặp thách thức này, bộ máy chính quyền chủ yếu rút vào các tiền đồn và dựa vào các đơn vị quân đội thông thường để đảm bảo an ninh, vì vậy cũng đã “nhường” sự tự do di chuyển trong vùng nông thôn cho Đảng. Do đó, Đảng thực sự đã trở thành người cai trị trong phần lớn các khu vực của tỉnh vào đầu năm 1960, dần dần mở rộng và củng cố lợi thế đó trong những năm tiếp theo” (Jeffrey Race, 1973, tr.115-116).

Ở Kiến Tường, đến tháng 1 năm 1959, Khu ủy Khu 8 tăng cường về Kiến Tường một số cán bộ chủ chốt để lãnh đạo đấu tranh. Sau Nghị quyết năm 1959 về chống phá bình định, Tỉnh ủy Kiến Tường tăng cường các Tỉnh ủy viên về các

vùng 2, 4, 6, 8. Đến cuối mùa mưa năm 1959, Khu ủy Khu 8 chỉ đạo: “Kiến Tường - Kiến Phong phải đẩy mạnh hoạt động vũ trang để mở và giữ hành lang cho Khu và các tỉnh Tây Nam Bộ” (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Long An, 2005, tr.670). Chấp hành chỉ đạo của Khu 8, Tỉnh ủy Kiến Tường chỉ đạo các lực lượng ban ngành, đoàn thể các cấp tập trung phục vụ cho các đơn vị vũ trang nhằm tấn công nhỏ một số đồn bốt của CQSG cắm sâu vào vùng căn cứ nằm trên hành lang của cách mạng. Đến tháng 11 năm 1959, các hoạt động vũ trang ở Kiến Tường phát triển rầm rộ. Ngày 16/11/1959, lực lượng vũ trang tỉnh đã đứng chân ở vùng 2, vùng 6 và lực lượng tại chỗ tấn công diệt 3 đồn: Ông Tồn, Đá Biên, Ma Reng. Tiếp đó, tháng 12 năm 1959, Tỉnh ủy, Tỉnh đội Kiến Tường tổ chức một đơn vị lấy tên là Đại đội 409 phối hợp với lực lượng tỉnh Mỹ Tho hoạt động vũ trang tuyên truyền ở vùng giáp ranh hai tỉnh. Đến đầu năm 1960, các hoạt động đấu tranh chính trị, vũ trang của cách mạng được đẩy mạnh và phát triển khiến QĐSG hoang mang. Trong *Phiếu đề trình về tình hình hoạt động của ta và địch tại tỉnh Kiến Tường* ngày 2/1/1960 của Trung tá Nguyễn Văn Phước (Trưởng Phòng nhì Bộ TTM/QĐVNCH) thể hiện rõ sự lo lắng đó: “Trong những ngày gần đây, hoạt động quân sự của Việt Cộng tại tỉnh Kiến Tường đã gia tăng dưới hình thức các cuộc phục kích, chạm súng, bắt cóc hoặc ám sát các nhân viên chính quyền. Các hoạt động chính trị cũng được xúc tiến nhằm phá hoại chủ trương cải tiến dân sinh, khai quang canh tác (lập dinh điền và các khu trừ mật)” (Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa (1954-1963), 1960, hồ sơ số: 6137, tr.2).

Ở tỉnh Tiền Giang, đến đầu năm 1959, phong trào đấu tranh của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Tỉnh ủy Mỹ Tho diễn ra mạnh mẽ, sôi nổi. Tháng 5 năm 1959, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Mỹ Tho họp tại kênh Ba (Cái Bè). Hội nghị chủ trương là “phải có cán bộ hoạt động bí mật để công khai phát động quần chúng. Ở cơ sở thành lập 2 loại chi bộ. Chi bộ A hoạt động bí mật, chi bộ B hoạt động công khai. Hai chi bộ này hoạt động hỗ trợ nhau...” (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tiền Giang, 2011, tr.54). Số cán bộ lúc trước đi “điều lắng” nay được gọi về bổ sung cho Huyện ủy Châu Thành, Cai Lậy, Cái Bè, Ban cán sự huyện Chợ Gạo và thị xã

Mỹ Tho. Lực lượng vũ trang tuyên truyền được củng cố, bổ sung thành 3 tiểu đội, 2 tiểu đội hoạt động trên địa bàn các huyện Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo, 1 tiểu đội hoạt động trên địa bàn huyện Cái Bè. Một hầm súng được khai lên trang bị cho các tiểu đội vũ trang (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tiền Giang, 2011, tr.55). Đầu năm 1960, đặc biệt là sau ngày 23/1/1960, Hội nghị của Tỉnh ủy Mỹ Tho chủ trương là phải “đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền hỗ trợ phong trào ĐTCT của quần chúng đánh đổ chính quyền cơ sở địch, làm chủ nông thôn” (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tiền Giang, 2011, tr.61). Hội nghị cũng chỉ đạo thành lập Ban quân sự tỉnh và Ban quân sự các huyện, phát triển lực lượng vũ trang, khai hết các hầm súng còn lại để trang bị vũ khí cho lực lượng vũ trang tuyên truyền. Sau Hội nghị, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, lực lượng vũ trang được tập hợp lại thành một trung đội mang phiên hiệu Tiểu đoàn 514 với 33 cán bộ chiến sĩ. Các huyện cũng tập hợp người để thành lập các đơn vị vũ trang tuyên truyền của huyện. Các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành đều có 1 tiểu đội, thị xã Mỹ Tho có đội biệt động. Ban cán sự huyện Chợ Gạo được thành lập. Tháng 2 năm 1960, huyện Hòa Đồng, Gò Công thành lập Ban cán sự Đảng (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tiền Giang, 2011, tr.62). Với sự chuẩn bị này, lực lượng vũ trang Mỹ Tho - Gò Công bước đầu được củng cố và phát triển, tạo tiền đề thuận lợi cho quân và dân Mỹ Tho - Gò Công (Tiền Giang) bước vào cuộc đấu tranh mới sau đó.

Ở tỉnh An Giang, đến giữa tháng 8 năm 1959, Tỉnh ủy An Giang họp và đánh giá tình hình, kiểm điểm lực lượng và đề ra một số nhiệm vụ, biện pháp cấp bách, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng lực lượng vũ trang các cấp gắn liền với việc xây dựng các căn cứ địa, tạo thế liên hoàn từ sông Tiền qua đến vùng Bảy Núi. Tỉnh ủy chính thức công nhận “quân đội Thất Sơn” là đội vũ trang công tác của tỉnh, hoạt động vũ trang tuyên truyền trên địa bàn Bảy Núi và xây dựng căn cứ địa núi Tô, núi Dài lớn. Các huyện được lệnh xây dựng các đội vũ trang công tác, đội trừ gian, tiến hành phá lỏng một bước bộ máy kìm kẹp của CQSG ở nông thôn, hỗ trợ cho lực lượng chính trị phát triển. Sau tháng 9 năm 1959, Khu ủy Khu 8 chi viện cho An Giang 1 tiểu đội cả người lẫn súng. Đội vũ trang công tác của An

Giang mang biệt danh số 8 được thành lập tại Giồng Bàng do Lê Ngà làm đội trưởng. Tháng 12 năm 1959, ở An Giang phiên hiệu Tiểu đoàn 510 thay thế cho đội vũ trang tuyên truyền số 8 và do Võ Tấn Phục làm tiểu đoàn trưởng. Lực lượng vũ trang các huyện trong tỉnh được xây dựng dưới các hình thức là các tổ, đội trừ gian và nhiều xã trong tỉnh có đội du kích tập trung hoặc du kích mật. Tháng 3 năm 1960, Tiểu đoàn 512 được thành lập thay thế “quân đội Thất Sơn”. Đến thời điểm này, có thể thấy lực lượng vũ trang của các huyện, xã trong toàn tỉnh An Giang được xây dựng và phát triển rộng khắp. Hoạt động vũ trang tuyên truyền của vùng Bảy Núi ngày càng phát triển và mở rộng, nhiều người ác ôn bị trừng trị. Thực tế là “lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh, huyện không ngừng lớn mạnh về số lượng lẫn trình độ tác chiến; 2/3 xã có du kích hoặc tự vệ mật. Căn cứ và địa bàn hoạt động của các lực lượng bất hợp pháp tương đối rộng khắp và liên hoàn giữa các vùng, giữ vững đường giao liên, thế kìm kẹp của chính quyền và QĐSG ở nông thôn lỏng dần, tinh thần và phong trào quần chúng lên cao” (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang, 2007, tr.73). Như vậy, từ đầu năm 1959 đến đầu năm 1960, ở miền Trung Nam Bộ, hoạt động xây dựng, phát triển lực lượng chính trị, vũ trang và công tác binh vận được thúc đẩy mạnh mẽ.

Ở miền Tây Nam Bộ, từ giữa năm 1959 trở về sau, các hoạt động trừ gian diệt tề, phá đồn bót của CQSG diễn ra phổ biến trong các tỉnh, góp phần quan trọng vào quá trình xây dựng và phát triển lực lượng chính trị, vũ trang trong toàn miền. Ở Cà Mau đến giữa năm 1959, Đảng bộ tỉnh đã phát triển lên 700 đảng viên, 800 quân địa phương (Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến, 2010, tập 2, tr.150). Từ tháng 6 đến tháng 9 năm 1959, phong trào đấu tranh diễn ra mạnh ở 18 xã thuộc 3 huyện Cái Nước, Trần Văn Thời, Ngọc Hiển. Các trận đánh diệt đồn Cái Tàu, Rạch Cui, Chà Là... cũng như tiêu diệt các quận trưởng huyện Đầm Dơi, Thới Bình... gây tiếng vang trong toàn tỉnh. Ở Rạch Giá, lực lượng vũ trang tỉnh tấn công diệt gọn chi khu Xẻo Rô (10/1959) của CQSG. Đồng thời, quân và dân 3 xã Đông Yên, Tây Yên, Đông Thái (huyện An Biên) vùng dậy diệt ác ôn, giải tán các tổ chức Thanh niên tự vệ... Trận đánh diệt chi khu Xẻo Rô đã kích hoạt cao

trào nổi dậy đấu tranh không chỉ của quân và dân tỉnh Rạch Giá mà còn cổ vũ phong trào đấu tranh trong toàn miền Tây Nam Bộ sau đó, tạo điều kiện cho sự phục hồi, phát triển LLCM ở địa phương. Từ Cà Mau, Rạch Giá (Kiên Giang) cho đến Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Vĩnh Long, Trà Vinh... các hoạt động trừ gian diệt ác, tiêu diệt tề, điệp diễn ra song song với quá trình xây dựng và phát triển lực lượng chính trị, vũ trang ở các tỉnh. Hàng loạt các đồn bót của QĐSG ở địa phương bị tấn công hoặc bị tiêu diệt, giải phóng hoặc tan vỡ, lung lay. Các hoạt động trừ gian, diệt ác, phá đồn bót của CQSG của LLCM diễn ra đều khắp ở miền Tây Nam Bộ và điều này tạo tiền đề thuận lợi cho cao trào đồng loạt nổi dậy trong toàn miền sau đó.

Ở miền Đông Nam Bộ, các tỉnh từng bước củng cố, xây dựng lại LLCM ở địa phương. Tại Gia Định, từ đầu năm 1959 đã xuất hiện các đội vũ trang tự vệ mang danh nghĩa “đội chống trộm cướp”. Ở các huyện Thủ Đức, Bình Chánh, trong tháng 4 đến tháng 5 năm 1959, các đội tự vệ vũ trang tiến hành diệt trừ những người ác ôn. Ngày 30/5/1959, đơn vị vũ trang đầu tiên của tỉnh Gia Định được thành lập, gọi là C13. Tại Nhà Bè, xây dựng được trung đội vũ trang của huyện, đến cuối năm 1959, phát triển thành Đại đội vũ trang tự vệ nhân dân 306, Ở Rừng Sác, Đại đội 12 (C12) được Tỉnh ủy Chợ Lớn tổ chức. Để xúc tiến nhanh việc xây dựng lực lượng vũ trang, tỉnh Gia Định thành lập hai đoàn cán bộ đưa về hai huyện Gò Vấp, Tân Bình bám xã, ấp, xây dựng cơ sở Đảng trong quần chúng, lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Tại nội đô Sài Gòn - Chợ Lớn, những đội “phòng cháy chữa cháy”, đội “chống trộm cướp” tiếp tục phát triển, hỗ trợ tích cực cho các phong trào ĐTCT của quần chúng nhân dân. Tháng 12 năm 1959, ở Củ Chi, trung đội vũ trang của khu Sài Gòn - Gia Định được thành lập với danh xưng là Cao - Hòa - Bình (Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên), quân số tương đương 2 tiểu đội. Cũng trong tháng này, lực lượng vũ trang Sài Gòn - Gia Định tiêu diệt 1 xe jeep, giết 1 đại úy QĐSG trên quốc lộ 1, sau đó diệt 1 trung đội ở Bến Du. Đại đội 306 Nhà Bè đánh các trận đầu ở cầu Tân Thuận, Rạch Ông, bứt rút bót Bà Chòi... tạo tiếng vang lớn (Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến, 2010, tập 2,

tr.152-154). Ở Tây Ninh, trong năm 1959, một số huyện tiến hành trừ gian diệt ác ôn, thu được nhiều kết quả. Trong tháng 4/1959, ở huyện Châu Thành, chỉ trong một đêm LLCM tiêu diệt 12 người ủy viên cảnh sát trong bộ máy tề ở 10 xã; ở các xã An Tịnh, Lộc Hưng, Phước Chi (huyện Trảng Bàng), Phước Thạnh, Hiệp Thạnh, Thanh Phước, Thạnh Đức (Gò Dầu), Suối Đá, Bến Củi (Dương Minh Châu), hoạt động vũ trang diệt ác của LLCM diễn ra mạnh và nhiều người ác ôn bị tiêu diệt, hầu hết là trưởng phó công an, bình định, công dân vụ, chỉ điểm... (Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Tây Ninh, 2001, tr.90-91). Ở tỉnh Thủ Dầu Một (Bình Dương), trong năm 1959, tại các huyện, thị quán triệt chủ trương của tỉnh về nhiệm vụ xây dựng căn cứ và phát triển lực lượng, cấp ủy các huyện, thị xã đã chỉ đạo cho cấp ủy, cán bộ, đảng viên hoạt động ở cơ sở khẩn trương xây dựng cơ sở cách mạng trong tầng lớp nhân dân. Sau một thời gian bám đất, bám làng, móc nối quần chúng, nhen nhóm phong trào, các cơ sở Đảng được khôi phục dần, tổ chức được lực lượng quần chúng nòng cốt. Đồng thời, LLCM của tỉnh còn chủ động tiêu diệt ác ôn, hoặc những người làm chỉ điểm để hỗ trợ quần chúng nhân dân đấu tranh chống khủng bố, chống bắt lính của CQSG. Chỉ những tháng cuối năm 1959, trong toàn tỉnh có hàng chục người ác ôn bị tiêu diệt như người tên Thơm, Sáu Búa ở Giáp Lạc; Diều ở Lạc An; Huê ở thị trấn Uyên Hưng; Lợi ở Bình Mỹ; Oành, trưởng công an Tân Uyên; Trọng ở Thới Hòa; Ôn ở Phú An; Lẹ ở An Điền; người tên Chờ, cảnh sát xã Thanh An... (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương, 2003, tr.332-333).

Có thể thấy, sau khi có Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng thì không lâu sau đã dẫn đến những hoạt động đấu tranh mới của cách mạng trong nhiều địa phương ở miền Nam, nổi bật là Nam Bộ. “Họ (lực lượng cách mạng) tăng cường các cuộc tấn công vào các cá nhân trong chính quyền, hoặc có liên quan với chế độ của Diệm. Gần như ngay lập tức, các đơn vị tuyên truyền vũ trang bắt đầu ám sát các quan chức, trưởng ấp và các công chức khác với tỷ lệ mười lăm vụ mỗi tuần” (Bernard Fall, 1966, tr.239). Và “trong những năm 1959 - 1960, họ đã ám sát khoảng 1.700 các quan chức và nhân viên chính phủ Nam Việt Nam, bắt cóc và

giám giữ hoặc xử lý có lẽ với 2.000 người khác” (Douglas Pike, 1966, tr.102).

Từ giữa năm 1959 trở về sau, song song với các phong trào ĐTCT và ĐTVT được đẩy mạnh phát triển trong nhiều địa phương Nam Bộ nổi bật lên vai trò quan trọng của mũi tiến công binh vận. Tháng 11 năm 1959, XUNB nhấn mạnh vai trò to lớn của công tác binh vận. Xứ ủy cho rằng phải “xúc tiến đặc biệt công tác binh vận” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002e, tập 20, tr.998) trên địa bàn. Vì “quân đội là chỗ dựa chủ yếu của Mỹ - Diệm để bảo tồn chế độ, là công cụ để gây chiến và đàn áp cách mạng. Do đó công tác binh vận là công tác hết sức quan trọng nhằm trực tiếp đập tan chỗ dựa và công cụ của Mỹ - Diệm, tiến tới xây dựng công, nông, binh liên hiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc khởi nghĩa thắng lợi ít đổ máu” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002e, tập 20, tr.1000). Sau đó, XUNB lại tiếp tục xác định phải đẩy mạnh và phát triển công tác binh vận: “Đẩy mạnh công tác binh vận căn bản là ở xã. Trong công tác tuyên truyền chú trọng tuyên truyền sâu rộng chính sách cách mạng. Chú trọng vận động sĩ quan” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002f, tập 21, tr.1091). Có thể thấy, công tác binh vận luôn được XUNB xem trọng và xúc tiến đẩy mạnh trong thực tiễn đấu tranh cách mạng ở các địa phương Nam Bộ những năm 1959 - 1960.

Nếu ở miền Trung Nam Bộ, mũi tấn công binh vận thu được kết quả quan trọng, góp phần vào thắng lợi của quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM ở Nam Bộ thì ở các tỉnh miền Đông và Tây Nam Bộ, công tác binh vận cũng giành được những kết quả không kém. Tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ, “công tác binh vận phát triển mạnh nhất trong toàn Miền. Từ những năm 1955 - 1956, hầu như đồn bốt nào cũng có người của cách mạng” (Trần Văn Trà, 2005, tr.356). Đến những năm 1957 - 1959, mặc dù CQSG đẩy mạnh các chiến dịch đàn áp, khủng bố và gia tăng các cuộc hành quân càn quét, đánh phá ác liệt nhưng phong trào đấu tranh của quân và dân miền Tây Nam Bộ vẫn được duy trì mạnh mẽ và công tác binh vận vẫn tiếp tục được đẩy mạnh phát triển trong các cơ quan ở cơ sở, nhất là trong hệ thống các đồn, bốt của CQSG ở các địa phương luôn có cơ sở nội tuyến của cách mạng hoạt động. Lực lượng binh vận ngày đêm theo dõi, nắm bắt tình

hình và luôn vận động, tuyên truyền hiệu quả trong quân lính và cả các sỹ quan của CQSG.

Trong những năm 1959 - 1960, binh vận trở thành một mặt trận quan trọng hàng đầu và là một trong “ba mũi giáp công” hiệu quả của quân và dân Nam Bộ trong quá trình đấu tranh chống CQSG. Điều này cũng được các cơ quan của CQSG thừa nhận và có những đánh giá về vai trò, tầm quan trọng trong mũi tiến công binh vận của quân và dân Nam Bộ như sau: “Trong tình thế hiện tại Việt Cộng đang âm thầm tích cực hoạt động, đẩy mạnh công tác binh vận, xây dựng cơ sở bên trong hàng ngũ của quân đội ta (QĐSG), tìm cách lôi cuốn một số quân nhân từ các đơn vị nhỏ đến các đại đơn vị, các cơ sở, kho tiếp liệu đến các cơ quan Trung ương, giáo dục đào tạo thành người của chúng (cách mạng). Mục đích của chúng (cách mạng) là “biến quân đội của ta thành quân đội của chúng”. Quân đội Pháp đã bao phen thất bại vì quá chủ quan coi thường vấn đề binh vận, địch quân (cách mạng) đã cướp bao nhiêu đồn bốt mà không hao tổn sinh mạng, đạn dược nhờ vào công tác binh vận. Thành lũy, đồn bốt bị mất vì tinh thần binh sỹ bị lũng đoạn, vì nội ứng... Nhìn vào tình trạng đó, ta (CQSG) mới thấy rõ rằng vấn đề chống binh vận trong mỗi cơ quan, đơn vị dù lớn hay nhỏ là một vấn đề tối quan trọng. Địch (cách mạng) luôn luôn biến chuyển không ngừng, thay đổi đường lối hoạt động. Để chặn đứng mọi hoạt động binh vận của chúng (cách mạng), quý Sở, Ty, Ban phải cố gắng tích cực hoạt động vượt mức để khám phá các cơ sở của Việt Cộng trong hàng ngũ ta (QĐSG), tổ chức nhiều cuộc nói chuyện về phương pháp chống binh vận để mọi quân nhân các cấp đều ý thức được rõ ràng các biện pháp cần được áp dụng để phòng binh vận” (Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa (1954-1963), 1959, hồ sơ số: 5709, tr.7). Có thể nói, mặt trận binh vận có những đóng góp lớn trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM của quân và dân Nam Bộ những năm 1959 - 1960. Binh vận hiệu quả khiến cho CQSG phải e dè, lo lắng và tìm mọi biện pháp để đối phó, ngăn cản cũng như phòng chống mũi tiến công binh vận của cách mạng.

Có thể thấy, công tác binh vận được tiến hành hiệu quả ở Nam Bộ trong những

năm 1959 - 1960 góp phần quan trọng vào việc giữ gìn và xây dựng LLCM lớn mạnh ở địa phương, tạo tiền đề thuận lợi cho phong trào cách mạng ở Nam Bộ phát triển tiến lên. Thắng lợi của binh vận tạo điều kiện cho các phong trào ĐTCT và ĐTVT phát triển trong các tỉnh Nam Bộ. Hàng loạt đồn, bốt của CQSG được cách mạng giải phóng trong thời gian này ở nhiều địa phương Nam Bộ cho thấy rõ vai trò và đóng góp lớn của mũi tấn công binh vận. Binh vận hiệu quả góp phần làm tan rã từng mảng lớn hệ thống cơ quan của CQSG ở cơ sở, làm lung lay ý chí chiến đấu của QĐSG, tạo điều kiện cho mũi tấn công chính trị và quân sự của quân và dân Nam Bộ giành thắng lợi. Mặt trận binh vận được cách mạng tiến hành có hiệu quả ở Nam Bộ phần nào chặn đứng và vô hiệu hóa các cuộc hành quân càn quét, khủng bố, đàn áp của QĐSG.

Kể từ cuối năm 1959 trở về sau, những hoạt động đấu tranh ĐTCT với ĐTVT và binh vận kết hợp ở Nam Bộ thu được những thắng lợi và những hoạt động tiến công mạnh mẽ của cách mạng cũng khiến cho quân đội và CQSG ở các địa phương chịu nhiều thiệt hại. Theo mô tả trong quyển *Cố vấn và yểm trợ (Advice and Support)* của Ronald H. Spector thì “đến cuối năm 1959, những kết quả trong chiến lược mới của Việt Cộng đã xuất hiện ở mọi nơi. Trong sáu tháng cuối năm 1959, các vụ ám sát các quan chức chính phủ, cảnh sát và làng xã, trung bình mười một vụ trong một tháng trong cuối năm 1958 và đầu năm 1959 đã tăng hơn gấp đôi. Bất cóc đạt mức cao nhất trong mọi thời kỳ là 343 trong khoảng thời gian đó so với 236 trong suốt năm 1958. Chỉ riêng trong tháng 11 năm 1959, 89 người đã bị bắt cóc, gần như nhiều người đã bị bắt cóc trong suốt nửa đầu năm đó” (Ronald H. Spector, 1985, tr.330). Và theo “thống kê phản ánh số lượng tấn công của Việt Cộng thì từ giữa năm 1959 đến 1961, số lượng quan chức chính quyền Nam Việt Nam bị ám sát đã tăng vọt từ 1.200 lên đến 4.000 mỗi năm” (Stanley Karnow, 1997, tr.254-255).

Như vậy, những hoạt động xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang tăng cường và đẩy mạnh công tác binh vận có hiệu quả trong năm 1959 tạo điều kiện cho quân và dân Nam Bộ bước vào cao trào Đồng Khởi với khí thế đấu tranh

mạnh mẽ trên toàn vùng năm 1960 và khiến cho cả chính quyền Mỹ lẫn CQSG không khỏi bất ngờ về sự tiến triển cũng như khả năng đồng loạt nổi dậy tiến công của cách mạng. Và “mặc dù các nhà phân tích tình báo Hoa Kỳ nhận thức được rằng Việt Cộng đang tích cực củng cố phát triển, tổ chức và tiến hành các hoạt động khủng bố ở một số tỉnh, nhưng thật khó để đánh giá các nguồn hỗ trợ cho Việt Cộng sâu và rộng như thế nào và Việt Cộng làm thế nào nhanh chóng có thể chuyển từ tuyên truyền, đe dọa và ám sát sang hành động quân sự hiệu quả” (Ronald H. Spector, 1985, tr.337).

3.3. Phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ

3.3.1. Đồng Khởi ở Bến Tre và các tỉnh miền Trung, Tây Nam Bộ

Giống như nhiều địa phương khác ở Nam Bộ, Bến Tre là địa phương bị CQSG dùng chính sách “Tố Cộng diệt Cộng” để khủng bố nhân dân, đánh phá LLCM rất khốc liệt. Ở Bến Tre, CQSG cho thành lập 4 khu trù mật: Thới Thuận (Bình Đại), An Hiệp (Ba Tri), Sóc Sãi, Thành Thới (Mỏ Cày). CQSG còn ráo riết xây dựng lực lượng Dân vệ, Bảo an, chủ lực, các lực lượng bán vũ trang như thanh niên chiến đấu, thanh niên bảo vệ hương thôn. Trong toàn tỉnh Bến Tre, CQSG xây dựng khoảng 300 đồn bót (trung bình mỗi xã có từ 1 đến 3 đồn bót). Luật 10/59 với máy chém được chính quyền đưa về tận đình Đa Phước Hội (Mỏ Cày), Phước Tuy (Ba Tri), Bình Hòa (Giồng Trôm). Trong những năm 1954 - 1959, QĐSG giết 2.519 người, bắt khoảng 17.000 người chưa kể có hàng vạn người bị bắt, đánh đập đôi ba ngày trong toàn tỉnh Bến Tre. Đồng thời, CQSG còn cướp 76.836 mẫu đất công điền, đất tịch thu của địa chủ đã chia cho nông dân (Ban Tổng kết chiến tranh B2, 1979a, quyển 2, tr.47-48). Trước các hành động đàn áp, khủng bố ác liệt của QĐSG, để giữ gìn LLCM, tránh tổn thất, chủ trương “điều lắng” cán bộ được XUNB đề ra và được Bến Tre triệt để tiến hành. Đến cuối năm 1959, Bến Tre còn 162 đảng viên, 18 chi bộ trong tổng số 115 xã. Ngày 30/12/1959, Nguyễn Thị Định được chỉ định thay mặt Tỉnh ủy Bến Tre lên Khu 8 họp quán triệt Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng. Ngày 2/1/1960, một số cán bộ trong Tỉnh ủy Bến Tre họp triển khai Nghị quyết 15. Hội nghị hạ quyết tâm “phát động một tuần lễ toàn dân

Đồng Khởi diệt ác ôn, phá thế kìm kẹp, giải phóng nông thôn, làm chủ ruộng vườn với tinh thần nơi mạnh làm theo mạnh, nơi yếu làm hết sức, sẵn sàng chi viện cho nhau”. Hội nghị quyết định lấy cù lao Minh, cụ thể gồm ba huyện Minh Tân, Mỏ Cày, Thạnh Phú nổi dậy trước, điểm chính là Mỏ Cày. Tại Mỏ Cày lấy ba xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh làm trọng điểm. Thời gian đợt một bắt đầu từ tối ngày 17/1/1960 đến ngày 25/1/1960. Hội nghị cũng đề ra mục đích yêu cầu của đợt này là: Phát động quần chúng nổi dậy phá kìm, vây bức hàng bức rút đồn bốt. Hướng dẫn quần chúng đấu tranh chống khủng bố, đòi quyền lợi dân chủ, dân sinh. Tạm cấp ruộng đất cho nông dân, giữ nguyên canh. Nhanh chóng xây dựng lực lượng vũ trang, chống phản kích giữ thế cách mạng và đưa phong trào phát triển tiến lên. Củng cố tổ chức, phát triển Đảng, Đoàn, cơ sở nòng cốt quần chúng.

Từ 4 giờ chiều ngày 17/1/1960, Đồng Khởi ở tỉnh Bến Tre bắt đầu. Với phương thức phát động quần chúng bằng những phương tiện và vũ khí có sẵn trong tay nổi dậy đồng loạt với khí thế cách mạng dâng cao mạnh mẽ, diệt bắt ác ôn, tề điệt, kết hợp với bao vây đồn bốt bằng mưu trí, sáng tạo... nên chỉ trong 2 ngày cách mạng giải phóng mảng trọng điểm Mỏ Cày, sau đó giải phóng thêm một số xã khác. Quần chúng nhân dân còn tiến hành các buổi mít tinh, biểu tình, kéo vào thị xã, thị trấn để biểu dương khí thế cách mạng. Trong đợt 1, cách mạng giành thắng lợi quan trọng: bức rút 20 đồn bốt, giải phóng hoàn toàn hàng chục xã, xây dựng được một số trung đội vũ trang cho tỉnh và huyện, bình nghị và cấp một số ruộng đất cho nông dân. Đến ngày 22/2/1960, CQSG tập trung lực lượng phản kích với hơn 1 vạn quân lính đánh vào 3 xã trọng điểm vừa giải phóng (Bình Khánh, Phước Hiệp, Định Thủy). Lực lượng vũ trang tỉnh được tổ chức thành đại đội C261, kết hợp với du kích sử dụng súng “ngựa trời” và các loại vũ khí thô sơ tự tạo khác đánh QĐSG phản kích đạt kết quả tốt, diệt được nhiều quân lính và thu nhiều súng. Phối hợp với sử dụng lực lượng trong chống càn ngày 13/3/1960, cách mạng tổ chức hơn 5.000 phụ nữ Mỏ Cày kéo vào quận lỵ đòi chấm dứt khủng bố, đòi bồi thường nhân mạng, đòi trừng trị những người ác ôn gây tội ác với nhân dân. Cuộc ĐTCT này giành được thắng lợi lớn, mở ra một hình thức đấu tranh mới - ĐTCT

trực diện với QĐSG đông đảo và quần chúng có đội quân chính trị mạnh làm nòng cốt.

Sau thắng lợi vượt mong đợi của tỉnh Bến Tre, Khu ủy Khu 8 quyết định phát động Đồng Khởi đợt 2, đồng thời XUNB chỉ đạo các khu khác tiến hành Đồng Khởi, phối hợp với Khu 8. Sau Đồng Khởi đợt 1, lực lượng vũ trang của tỉnh Bến Tre có 2 đại đội, mỗi huyện có 1 đại đội, xã có từ 1 đến 2 tiểu đội, lực lượng chính trị quần chúng thường xuyên huy động được từ 5.000 - 10.000 người, nòng cốt là phụ nữ, cơ sở Đảng phục hồi, phát triển, tổ chức liên lạc nhanh, thông suốt xã - tỉnh. Tháng 4 năm 1960, Tỉnh ủy Bến Tre họp rút kinh nghiệm đợt 1. Tỉnh ủy chủ trương mở những đợt ngắn để phát huy kết quả đợt 1, liên tục tiến công QĐSG phát triển phong trào, chuẩn bị cho Đồng Khởi đợt 2. Trong Đồng Khởi đợt 2 lấy huyện Giồng Trôm làm điểm, Mô Cày làm phụ. Ngày 24/9/1960, Đồng Khởi đợt 2 của tỉnh Bến Tre bắt đầu. LLCM diệt 2 trung đội quân Sài Gòn trên lộ 6 (Tân Thạch), đánh đồn Lương Phú, tung tin sẽ tấn công thị xã, buộc quân đội đối phương co về, LLCM chuyển sang đánh trọng điểm đã định. LLCM tiếp tục tấn công binh vận lấy gọn 3 đồn ở Ba Châu (Châu Hòa, Châu Phú, Châu Bình), thu 60 súng, 60.000 đạn. Phát huy thắng lợi, các địa phương bức hàng bức rút hàng loạt đồn, bót, trụ sở tề: Giồng Trôm bức hàng bức rút 15 bót, Châu Thành bức hàng bức rút 11 bót, Ba Tri bức hàng bức rút 17 bót, Mô Cày bức hàng bức rút 10 bót, Thạnh Phú bức hàng bức rút 7 bót, Bình Đại bức hàng bức rút 100 bót. Đồng thời, mũi chính trị liên tục tiến công vào thị xã, thị trấn, đồn bót, có cuộc đấu tranh tập trung toàn tỉnh 60.000 người, có cuộc 14.000 người kéo vào thị xã. Sau một tháng Đồng Khởi từ ngày 24/9/1960 đến ngày 22/10/1960, quân và dân Bến Tre diệt, bức hàng bức rút 160 đồn, bót, trụ sở tề, diệt 700 quân lính bắt 200 quân, thu 1.000 súng các loại, giải phóng 48 xã trên 200 ấp. Tính chung cả hai đợt Đồng Khởi diệt bức hàng bức rút 210 đồn bót, diệt và làm bị thương 1.700 quân, bắt 300 lính làm tan rã bằng binh vận 1.800 lính, thu 1.700 súng các loại, giải phóng về cơ bản 72 xã. Trong tổng số 105 xã trên 300 ấp trong tổng số 500 ấp toàn tỉnh, giải phóng hoàn toàn 40 vạn dân trên tổng số 63 vạn năm 1960, tổ chức 6.875 cuộc đấu tranh lớn nhỏ với

548.700 lượt người tham gia. Xây dựng hai đại đội bộ đội địa phương tỉnh, mỗi huyện hai trung đội đến một đại đội, xã có một trung đội du kích, xây dựng củng cố phát triển 80 chi bộ, 120.000 hội viên (500.000 hội viên nông dân giải phóng 40.000 hội viên phụ nữ giải phóng, 30.000 thanh niên giải phóng) (Ban Tổng kết chiến tranh B2, 1979a, quyển 2, tr.49-50). Từ Bến Tre làn sóng Đồng Khởi lan sang các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và thúc đẩy quân và dân đồng bằng nổi dậy tiến công mạnh mẽ vào hệ thống đồn bốt kìm kẹp nhân dân của CQSG ở các tỉnh.

Ở tỉnh Kiến Phong, địa bàn Khu ủy đóng căn cứ, cuộc khởi nghĩa nổ ra đồng thời với hội nghị của Khu ủy Khu 8. Đêm 14/12/1959, lực lượng vũ trang của huyện Mỹ An kết hợp với nhân dân nổi dậy hạ đồn Vĩnh Huệ, giải phóng xã Thanh Mỹ. Tháng 1 năm 1960, Tiểu đoàn 502 cùng nhân dân nổi dậy giải phóng hoàn toàn các xã Bình Thành, đánh QĐSG ở Công Hưng Lấp và Giồng Ông Tố, Thường Thới...

Ở Long An và Kiến Tường: Đêm 25/1/1960, khởi nghĩa bắt đầu bằng trận đánh đồn Đức Lập (Đức Hòa) nằm trên lộ 8 - trục lộ nối liền Bàu Trai (thị trấn Hậu Nghĩa) với quốc lộ 1, Củ Chi. Một trung đội thuộc Tiểu đoàn 506 được nội tuyến dẫn đường đột nhập bí mật, bất ngờ nổ súng đánh QĐSG. Gần toàn bộ quân lính đầu hàng, thu toàn bộ vũ khí. Quân chúng trong xã nổi trống mõ cùng lực lượng tự vệ vũ trang truy lùng tề điệp, diệt 2 người, cảnh cáo nhiều người khác. Đêm 26/1/1960, Long An phát động toàn tỉnh nổi dậy, gần 1 vạn quần chúng biểu tình, đánh trống mõ. Ở Mỹ Hạnh (Đức Hòa) du kích xã đánh lấy đồn, quân chúng truy lùng tề xã, tề ấp, bắt cảnh cáo, giáo dục tại chỗ. Tại xã Thạnh Lợi, quân chúng dựa vào uy thế cách mạng, buộc tề, điệp ra nhận tội trước hội nghị nhân dân xã gồm 500 người. Ở Cần Giuộc, quân chúng nổi dậy có vũ trang hỗ trợ, diệt 6 ác ôn, trong đó có đoàn phó dân vệ. Ở Tân Trụ, Châu Thành và các huyện khác, quân chúng nhân dân cũng diệt một số tề, điệp ác ôn, ra lệnh giải tán tề ấp, tề xã. Lực lượng tập trung của tỉnh đánh trận Gò Xoài (Bến Lức) thu 20 súng, đánh trận Bà Vụ, đánh quân của Quận Sơn và quân dù ở Cầu Săng, diệt 20 quân, đánh chiếm đồn

Rạch Chanh, đồn Tân Bửu. Bộ đội cách mạng đánh thắng đến đâu, nhân dân các vùng xung quanh hưởng ứng nổi dậy tới đó. Phong trào lan rộng từ Đức Hòa xuống Bến Lức, Châu Thành, Tân Trụ. Ở Nam lộ 4, Tiểu đoàn 508 mở đầu Đổng Khởi bằng đánh đồn Đông Thạnh. Ngày 28/1/1960, lực lượng hóa trang ngồi trên xe đồ xông vào tước súng của lính gác thu toàn bộ vũ khí, đốt bột. Ba ngày sau cũng dùng xe tải tiếp cận đồn, Tiểu đoàn 508 hạ đồn Hưng Long bắt 30 quân thu 24 súng. Quần chúng nhân dân cùng nổi dậy truy lùng tề, điệp.

Ở Kiến Tường, quần chúng nổi dậy đánh trống mõ ngay trong đêm 28/1/1960 áp đảo quân lính Sài Gòn, hạ 11 đồn, bắt dọc theo kênh Năm Ngàn, kênh Bù. Trên đường 12, hơn 5.000 quần chúng nhân dân trong vùng phối hợp với quần chúng ở Gò Nội, Phụng Thót nổi dậy phá khu trù mật trở về vùng giải phóng. LLCM giải phóng 4 xã Tân Ninh, Nhơn Ninh, Tân Hòa và Hậu Thạnh. LLCM đánh đồn Kênh Tắc, giải tán khu trù mật Nòi Go, bức rút 8 đồn ven theo sông Vàm Cỏ Tây, giải phóng các xã Bình Hòa, Thanh Phước, Phong Phú và Thạnh Hòa, phá các khu trù mật đưa dân trở ra vùng giải phóng. Ngày 2/2/1960, LLCM đánh đồn Sông Trăng, bức rút hàng loạt đồn dọc theo biên giới. Ngày 1/3/1960, phá khu dinh điền Gò Cát, 600 gia đình kéo ra vùng giải phóng. Ngày 2/3/1960, diệt 1 đại đội đang lừa dân ở Gò Gòn, thu 36 súng bắt 19 lính, giải phóng hoàn toàn các xã Hưng Điền, Viễn Thạnh, Vĩnh Lợi, Vĩnh Đại. Tháng 4 năm 1960, phá các khu trù mật Tân Thiết, Kênh Tắc, Bình Hòa, thành lập xã Bình Phong Thạnh, Bình Hòa, đánh đồn Nhà Thờ Lá, đánh đồn Kênh Bù. Trong năm 1960 trên chiến trường Long An - Kiến Tường, LLCM giải phóng 38 xã, làm tan rã 3.000 quân lính, chủ yếu là dân vệ, thu 397 súng. Ở miền Trung Nam Bộ, từ hạ tuần tháng 9 năm 1960, đợt Đổng Khởi lần hai lan rộng khắp các tỉnh Mỹ Tho, Long An, Kiến Tường. Ngày 29/9/1960, thị xã Mỹ Tho sôi sục cuộc đấu tranh của 22.000 ngàn quần chúng nhân dân kéo vào thị xã đưa yêu sách đòi CQSG chấm dứt các hành động tội ác, đòi chấm dứt việc đưa quân càn quét và bắn phá vào những vùng có phong trào nổi dậy. Nhân dân thị xã hăng hái hưởng ứng cuộc đấu tranh bằng bãi công, bãi thị, 80% tiệm buôn bán không mở cửa. Binh lính Sài Gòn cũng đồng tình với quần

chúng nhân dân không chịu thi hành lệnh đàn áp, cuối cùng CQSG phải lùi bước. Ngày 12/12/1960, 5.000 chị em phụ nữ của 7 xã Bàn Long, Phú Phong, Kim Sơn, Bình Trung, Hữu Đạo, Vĩnh Kim, Vĩnh Điền kéo lên lộ 4 mang theo băng, áp phích khẩu hiệu chống QĐSG gom dân vào khu trù mật, chống bắn pháo bừa bãi, phá vườn tược hoa màu, nhà cửa, sinh mạng của nhân dân (Trần Bạch Đằng, 1993, tr.87-92).

Ngày 23/9/1960, An Giang tiến hành Đồng Khởi trong toàn tỉnh. Vùng Bảy Núi bao gồm các huyện Tri Tôn và Tịnh Biên chọn làm điểm chủ đạo của tỉnh. Trong hai ngày đầu Đồng Khởi với sự hỗ trợ của Tiểu đoàn 512, nhân dân gỡ 10 đồn. Tinh huy động 18.000 quần chúng kéo vào thị trấn Tri Tôn (đa số là người Khmer) đấu tranh chống QĐSG khủng bố, chống gom dân, chống bắt xâu đi làm đường, xây dựng căn cứ Chi Lăng. Cuộc đấu tranh này buộc quận trưởng phải nhượng bộ, chấp nhận yêu sách của nhân dân. Và chưa đầy một tháng sau, hầu hết các đồn, chốt nhỏ thuộc hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên đều bị LLCM đánh chiếm hoặc bỏ chạy. Phần lớn các vùng nông thôn trong các huyện của tỉnh được giải phóng. Tiểu đoàn 510 của tỉnh mở vùng Tân Châu, An Phú, Châu Phú, Chợ Mới. Ở Tân Châu, LLCM diệt đồn tam giá Tân An, kết hợp với nội ứng lấy đồn Long Sơn. Quần chúng nhân dân nổi dậy phá khu trù mật Tân An. Ở huyện Chợ Mới, cách mạng diệt ác, phá kìm, mở lồm, giải phóng Hội An và một số ấp. Châu Thành và Thốt Nốt là hai huyện cơ sở của cách mạng còn yếu nên Tỉnh ủy An Giang đưa một bộ phận Tiểu đoàn 512 và cán bộ xuống xã, áp vận động quần chúng, vũ trang tuyên truyền. Đến cuối năm 1960, An Giang mở rộng thế làm chủ ở các xã dọc biên giới và vùng Bảy Núi. Hình thành các căn cứ lồm ở Tân Châu, An Phú. Các lực lượng vũ trang cách mạng cùng nhân dân xây dựng cơ sở chiến tranh du kích khắp nơi trong tỉnh (Lê Hồng Lĩnh, 2006, tr.330).

Như vậy, từ các cuộc khởi nghĩa từng phần ở các địa phương vào cuối năm 1959, phong trào Đồng Khởi phát triển mạnh mẽ, lan rộng trên phạm vi toàn miền Trung và Tây Nam Bộ mà đỉnh cao, điển hình nhất về phong trào quần chúng nổi dậy lật đổ CQSG làm chủ thôn, ấp là cuộc Đồng Khởi mạnh mẽ cùng với mưu trí,

sáng tạo của quân và dân Bến Tre. Từ Bến Tre ngọn đuốc Đồng Khởi nhanh chóng lan sang các tỉnh miền Trung Nam Bộ. Quân và dân miền Trung Nam Bộ nổi dậy liên tục, dồn dập hết đợt này đến đợt khác trong năm 1960. LLCM tiến công, phá vỡ và đánh sập hầu hết bộ máy kim kẹp, đàn áp, khủng bố nhân dân ở vùng nông thôn mà CQSG đã dày công xây dựng trong năm năm trước đó. Hàng loạt đồn bót cắm sâu đều khắp trong các xã, ấp bị LLCM san bằng, nhiều đơn vị QĐSG bị tiêu diệt, một số thì bỏ trốn, bỏ việc hoặc không còn hiệu lực ngay trong các vùng sát thị xã, thị trấn. Cách mạng giải phóng và làm chủ hầu hết các vùng nông thôn rộng lớn, tạo thế liên hoàn giữa các huyện trong tỉnh, giữa các tỉnh với liên tỉnh, địa bàn, căn cứ, hành lang được mở rộng. LLCM phát triển mạnh mẽ. Chính quyền cách mạng tự quản được thành lập, thực hiện chính sách ruộng đất đối với nông dân; các đoàn thể quần chúng được thành lập, hoạt động tích cực và sôi nổi; ba thứ quân (du kích xã, bộ đội địa phương huyện, bộ đội tập trung tỉnh) được hình thành, thực hiện vai trò nòng cốt cùng nhân dân đẩy mạnh ĐTCT và ĐTVT. Phong trào cách mạng phát triển mạnh có cơ sở ngày càng vững chắc. Với những thắng lợi đó, nhân dân các tỉnh miền Trung Nam Bộ góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của phong trào Đồng Khởi ở miền Nam, tạo bước phát triển nhảy vọt cho cách mạng miền Nam, đồng thời còn sáng tạo ra phương châm đấu tranh cách mạng “hai chân, ba mũi” được vận dụng cho suốt thời kỳ chiến tranh cách mạng (Bộ Tư lệnh Quân khu 9, 1998, tr.362-363).

Trong khi đó ở miền Tây Nam Bộ, từ giữa năm 1959, lực lượng vũ trang được các lãnh đạo tại đây tạo điều kiện cho hoạt động, kết hợp với phong trào quần chúng ĐTCT và tiến hành binh vận, để nổi dậy diệt ác ôn phá kim, giành quyền làm chủ nông thôn ở khắp các tỉnh. Từ cuối năm 1959, Cà Mau đẩy mạnh hoạt động vũ trang đưa quân vượt biển giải phóng Hòn Khoai, bức rút đồn Viên An, Tân Ân; đánh lực lượng biệt kích ở khu Bình Hưng, diệt đồn Cái Tàu... Đến cuối quý I năm 1960, nông dân Cà Mau làm chủ hầu hết các vùng nông thôn trong tỉnh, phá tan 4 khu trù mật, 4 khu dinh điền, thắng lợi vượt yêu cầu (Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến, 2010, tập 2, tr.176-177).

Đến giữa năm 1960, tại miền Tây Nam Bộ hình thành các tiểu đoàn quân giải phóng như các Tiểu đoàn 306 và 96 của Khu, Tiểu đoàn U Minh 1 của Cà Mau, Tiểu đoàn Phú Lợi của Sóc Trăng, Tiểu đoàn U Minh 10 của Rạch Giá, Tiểu đoàn Tây Đô của Cần Thơ, Tiểu đoàn 501 của Trà Vinh và Tiểu đoàn 857 của Vĩnh Long. Các tiểu đoàn hoạt động đều khắp và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khu giao. Ở Rạch Giá, sau trận Xẻo Rô diệt địa chủ ác ôn trưởng đồn Lâm Quang Quận, LLCM còn đánh 62 đồn. Công tác binh vận lôi kéo được 200 lính mang súng về với nhân dân. Ở Vĩnh Long - Trà Vinh, trong những tháng cuối năm 1960 lực lượng vũ trang kết hợp với ĐTVT và binh vận giải phóng 61 xã, phá vỡ hai phần ba bộ máy kìm kẹp ở nông thôn, vùng giải phóng mở rộng với 500.000 dân, thu 2.000 súng. Phong trào đấu tranh ở Vĩnh Long - Trà Vinh có sự tham gia của nhiều dân tộc bao gồm cả người Việt, Khmer, Hoa. Các đơn vị vũ trang Vĩnh Long, Trà Vinh vừa hỗ trợ quần chúng nhân dân nổi dậy, tiến công, vừa đánh phản kích tiêu biểu như trận phục kích trên đường Ba Càng đi khu trù mật Cái Sơn (Tam Bình) đơn vị tỉnh Vĩnh Long diệt được tỉnh trưởng Vĩnh Long là Khuru Văn Ba. Ở Cần Thơ - Sóc Trăng, đến cuối tháng 9 năm 1960, đã giải phóng 29 xã, 600 ấp, gỡ 200 đồn bốt, làm rã 3.400 lính, bắt sống 600 người, thu 3.000 súng. Toàn miền Tây thu trên 1 vạn súng (Trần Bạch Đằng, 1993, tr.96-97). Tại miền Tây Nam Bộ, từ đầu năm 1960 đến trước tháng 9 năm 1960, quân và dân địa phương nổi dậy làm chủ với nhiều mức được 59 xã, 500 ấp với 400.000 dân (Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến, 2010, tập 2, tr.178).

Thắng lợi vang dội trong phong trào Đồng Khởi ở Bến Tre không chỉ thổi bùng ngọn lửa Đồng Khởi ở các tỉnh miền Trung Nam Bộ và Tây Nam Bộ mà còn có ảnh hưởng, tác động mạnh mẽ đến phong trào cách mạng ở miền Đông Nam Bộ. Quân và dân các tỉnh miền Đông nhất tề nổi dậy tiến công phá vỡ hệ thống đồn bốt kìm kẹp nhân dân của CQSG ở cơ sở mà tiêu biểu nhất là trận tấn công căn cứ Tua Hai ở Tây Ninh đã châm phát pháo lệnh mở đầu cho phong trào Đồng Khởi của nhân dân các tỉnh miền Đông Nam Bộ ngay sau đó.

3.3.2. Chiến thắng Tua Hai và phong trào Đồng Khởi ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ

Nếu Bến Tre mở đầu Đồng Khởi bằng phương thức tiến công chính trị là chủ đạo kết hợp với nội ứng, binh vận với sự mưu trí, sáng tạo thì Đồng Khởi ở miền Đông Nam Bộ lại được bắt đầu bằng những “quả đấm” mạnh về quân sự để kích hoạt phong trào đồng loạt nổi dậy trong toàn miền. Đến cuối năm 1959 nhằm thúc đẩy phong trào đấu tranh, để có thêm nhiều vũ khí nhanh chóng phát triển lực lượng, XUNB quyết định tiêu diệt căn cứ Tua Hai (Tây Ninh) của CQSG. Căn cứ Tua Hai là một cứ điểm lớn: mỗi bề dài 1km với 24 bốt canh, mỗi đêm có một đại đội luân phiên canh gác. Lực lượng của QĐSG gồm 2 trung đoàn, 1 chi đội thiết giáp, 1 đại đội pháo binh thuộc Sư đoàn 13. Ngày 26/1/1960, LLCM gồm 2 tiểu đoàn có 1 đại đội thuộc lực lượng giáo phái do cách mạng lãnh đạo lợi dụng QĐSG sơ hở, có cơ sở nội tuyến, kết hợp với đặc công đột nhập đánh từ trong ra với tấn công từ bên ngoài vào nhanh chóng tiêu diệt và bắt hàng phần lớn QĐSG. Sau đó, LLCM tiếp tục đánh phản kích vào lực lượng QĐSG đến ứng cứu. Trận đánh kết thúc, cách mạng tiêu diệt 76 lính Sài Gòn, bắt sống, giáo dục và thả tại trận hơn 400 người, thu gần 1.500 súng các loại (Bộ Quốc phòng, 2015, tr.1077). Chiến thắng vang dội trong trận Tua Hai làm nức lòng nhân dân miền Đông Nam Bộ và trận đánh Tua Hai thổi bùng ngọn lửa Đồng Khởi trên toàn miền Đông sau đó. Miền Đông Nam Bộ là nơi có lực lượng vũ trang phát triển mạnh từ sớm nên phương thức tiến hành Đồng Khởi chủ yếu là lấy lực lượng vũ trang kết hợp với lực lượng quần chúng, nơi nào mạnh thì làm trước, sau đó kết hợp xây dựng lực lượng vũ trang, vũ trang tự vệ rồi kết hợp ĐTVT với ĐTCT. Lúc đầu cách mạng làm chủ ban đêm, dần dần làm chủ ban ngày. Quần chúng nhân dân, cán bộ tích cực củng cố lực lượng sẵn sàng kế hoạch chuẩn bị đối phó với quân đội và CQSG.

Ở Tây Ninh, sau chiến thắng Tua Hai quân lính Sài Gòn trong nhiều đồn bốt trên quốc lộ 22 từ thị xã Tây Ninh lên biên giới trên các tỉnh lộ 13, lộ 4 Cần Đăng, Đồng Pan hoảng loạn bỏ chạy. Phong trào nổi dậy của quần chúng cách mạng ngày càng mạnh, đến tháng 7 năm 1960 có 24 xã trong tổng số 49 xã toàn tỉnh giải phóng

hoàn toàn, 19 xã giải phóng về cơ bản, hầu hết tề ấp, tề xã và trên 70% lực lượng bảo an, dân vệ bị diệt hoặc tan rã. Các huyện Châu Thành, Dương Minh Châu, Trảng Bàng, Gò Dầu, thị xã đều xây dựng được đại đội địa phương, huyện Tòa Thánh Cao Đài cũng có đội vũ trang tuyên truyền. Mỗi xã đều có từ 2 tiểu đội đến 1 trung đội du kích. Chính quyền tự quản của nhân dân thiết lập do Hội Nông dân làm nòng cốt. Ruộng đất được cách mạng trả lại cho nông dân.

Ở tỉnh Thủ Dầu Một, phong trào Đồng Khởi nổ ra ngày 25/2/1960 sau đó lan rộng các huyện Bến Cát, Châu Thành, Lái Thiêu, các đồn điền cao su Dầu Tiếng, Hớn Quản, Lộc Ninh... Trong một tháng Đồng Khởi, quân và dân Thủ Dầu Một giải phóng được 40 ấp và 10/22 làng công nhân cao su, diệt trên 100 ác ôn, giải tán nhiều tề xã, ấp; diệt, bức hàng, bức rút hàng chục đồn bót, thu gần 300 súng, hình thành thế liên hoàn vùng giải phóng từ phía Nam lên các huyện rừng núi phía Bắc của tỉnh (Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến, 2010, tập 2, tr.179).

Ở Biên Hòa, đầu năm 1960 phong trào diệt ác, phá kìm phát triển mạnh. Nhiều đợt vũ trang tuyên truyền phát động quần chúng nổi dậy ở nhiều xã thuộc các huyện Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch. Ở Bà Rịa, quân cách mạng mở đầu đợt Đồng Khởi bằng trận đánh vào khu đồn điền cao su Bình Ba trong đêm 30/3/1960, diệt chỉ huy bót Hiến binh và nhiều ác ôn, quần chúng nổi trồng mả trấn áp tề ấp, xã. Ở các đồn điền cao su, các xã thuộc 2 huyện Long Đất, Xuyên Mộc, phong trào nổi dậy phá thế kìm kẹp lan nhanh. Tỉnh thành lập 2 đại đội C40 và C45. Các huyện đều có trung đội địa phương, xã có tiểu đội du kích. Tuyến hành lang chiến lược từ chiến khu Đ qua Long Khánh về Bà Rịa được hình thành (Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến, 2010, tập 2, tr.180).

Ở Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định, từ đầu năm 1960, một số vùng nông thôn ở Gia Định nổi dậy. Ngày 23/2/1960, Huyện ủy Củ Chi phát động quần chúng nổi dậy diệt ác phá kìm, giải tán tề giành quyền làm chủ. Nhân dân các xã Phước Vĩnh An, Tân Phú Trung, Tân An Hội... đồng loạt hưởng ứng. Hàng loạt cuộc biểu tình trên lộ 7, lộ 15 với tiếng trồng, mả, đốt khí đá thay súng lớn làm áp đảo tinh thần

tề xã, tề ấp, khiến cho quân lính Sài Gòn hoang mang. Bộ máy tề ở nông thôn gần như tan rã. Đến cuối tháng 3 năm 1960, Củ Chi giải phóng được 4 xã Nhuận Đức, Phú Hòa Đông, An Nhơn Tây, Phú Mỹ Hưng. Trong khi đó, ở các huyện Thủ Đức, Cần Giò đều có lực lượng du kích phát triển. Ở huyện Cần Giò có đại đội C12 làm nòng cốt cho phong trào nổi dậy phá kim ở các huyện Cần Giò và Nhà Bè. Cũng trong năm 1960, Khu ủy Sài Gòn - Gia Định chủ trương mở chiến dịch tấn công dư luận ở Sài Gòn và các vùng phụ cận. Nội dung của đợt tấn công dư luận là thông tin truyền miệng về phong trào nổi dậy ở nông thôn, thành thị, tố cáo những hành động tội ác của đế quốc Mỹ và CQSG. Nhiều nơi tổ chức hội thảo, đưa kiến nghị, đòi trừng trị những người gây tội ác, ức hiếp dân. Các cuộc đấu tranh của học sinh, sinh viên, công nhân các hãng xưởng, tiểu thương, trí thức nhân sĩ diễn ra mạnh mẽ khiến CQSG lúng túng, bị động đối phó. Đồng thời, các hoạt động vũ trang diệt lực lượng kim kẹp, ác ôn ở nội thành tăng lên. Lực lượng biệt động thành phố được thành lập từ những tổ chức du kích mật, tự vệ mật và hoạt động hiệu quả trong nội đô Sài Gòn.

Có thể thấy, chiến công vang dội ở Tua Hai đầu năm 1960 đã “kích hoạt” phong trào Đồng Khởi nổ ra trên toàn miền Đông Nam Bộ với khí thế đấu tranh mạnh mẽ. Quân và dân miền Đông đồng loạt tiến công, giáng một đòn mạnh vào hệ thống cai trị của CQSG ở nông thôn và giành được những thắng lợi lớn. Phong trào đồng loạt nổi dậy của quân và dân miền Đông Nam Bộ làm lung lay, sụp đổ từng mảng lớn hệ thống thống trị kim kẹp nhân dân ở cơ sở của CQSG, giải phóng được nhiều xã, ấp, đồng thời tạo ra bước chuyển quan trọng cho cách mạng ở miền Đông Nam Bộ sau đó. Và cùng với miền Trung và Tây Nam Bộ, quân và dân miền Đông góp công lớn vào thắng lợi chung của phong trào Đồng Khởi trên toàn miền Nam Việt Nam.

Như vậy, trải qua hơn một năm tiến hành Đồng Khởi, đến cuối năm 1960, cao trào đồng loạt nổi dậy của quân và dân Nam Bộ làm tan rã phần lớn cơ cấu cơ sở ở nông thôn của CQSG. Trong 1.193 xã toàn Nam Bộ đã có 895 xã với 10 triệu lượt người nổi dậy phá thế kim kẹp, lập chính quyền tự quản. Tại nhiều nơi ở Nam

Bộ, CQSG ở cấp xã còn tồn tại nhưng chỉ là hình thức, quyền lực bị thu hẹp. Trong diễn tiến của phong trào Đồng Khởi, lực lượng vũ trang giải phóng hình thành và phát triển. Lực lượng vũ trang tập trung tỉnh, huyện có khoảng 7.000 người; tự vệ, du kích xã khoảng 7.000 người. Lực lượng vũ trang địa phương kết hợp du kích đánh được nhiều trận phục kích, chống càn, diệt được nhiều quân lính Sài Gòn. Hệ thống cơ sở Đảng được khôi phục, từ 7.641 đảng viên năm 1959 đến cuối năm 1960 tăng lên 12.946 chưa kể Sài Gòn - Gia Định. Đoàn viên thanh niên tăng từ 6.000 năm 1959 lên 13.000 năm 1960 (Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến, 2010, tập 2, tr.199-200).

Phong trào Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ diễn ra mạnh mẽ, liên tục, dồn dập qua nhiều đợt, giành được thắng lợi lớn và ngay cả các cơ quan của CQSG lúc bấy giờ cũng thừa nhận. Trong *Phúc trình về hoạt động của Việt Cộng từ tháng 1/1960 đến tháng 1/1961 ngày 6/3/1961* của Trần Văn Thọ, Tổng Giám đốc Thông tin Sài Gòn ghi rõ: “Từ tháng 1/1960 đến tháng 5/1960, Việt Cộng khởi điểm tại Nam phần (Kiến Hòa, Kiến Phong, Tây Ninh, Phước Thành, Bình Dương) và bắt đầu bằng các cuộc phục kích cướp vũ khí của quân đội Việt Nam Cộng hòa, đốt phá các đồn Dân vệ, Bảo an, cướp các quân trang, quân cụ [...], tổ chức thanh niên lao động và tuyển chọn du kích để bổ sung và tăng cường các đơn vị chiến đấu chuẩn bị tổ chức các trận phục kích quy mô với những vũ khí nặng yểm trợ. Từ tháng 5/1960 đến tháng 9/1960, tại Nam phần, Việt Cộng liên tiếp khởi thế tiến công bằng các cuộc đột kích lan khắp các tỉnh miền Tây. Chúng (cách mạng) đốt phá các công sở, các Phòng Thông tin, khủng bố ám sát, bắt cóc cán bộ làm cho hoang mang sợ hãi. Tình trạng an ninh ở nông thôn nhất là các vùng hẻo lánh xa đồn bót bị Việt Cộng quấy phá trầm trọng. Miền Đông Nam phần [...] cũng có những hoạt động có tính cách kế tục quấy phá vừa hỗ trợ tinh thần cho các trận phục kích lớn ở miền Tây vừa kìm chân quân đội ta (QĐSG) ở yên tại mỗi địa phương [...]. Từ tháng 9/1960 đến tháng 1/1961, Việt Cộng đã tích cực tổ chức các căn cứ phòng thủ và tác chiến tại các vùng hẻo lánh sinh lầy do chúng (cách mạng) đã tạm chiếm được (Kiến Hòa, Vĩnh Bình, Phong Dinh, Kiến Phong, Kiến

Tường, Bình Dương, Phước Thành) [...]; phá hoại các trục giao thông liên hương, liên tỉnh và các đoạn quốc lộ sung yếu; [...] xúi giục dân kéo đến quận lỵ yêu sách những vấn đề dân chủ; gây cho chính quyền ta (CQSG) nghi ngờ những công chức cán bộ có thiện chí và tích cực công tác đồng thời ám sát bắt cóc cán bộ và công chức của ta để tuyên truyền và làm suy giảm tinh thần tích cực công tác; tập trung từng trung đội, đại đội, tiểu đoàn tổ chức các trận tấn công lớn chiếm cứ đồn bốt của Dân vệ, Bảo an nhằm mục đích thắng thì sẽ thu được nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng của quân đội ta, bại thì sẽ gây ra những mâu thuẫn, những mối hoài nghi giữa dân và quân đội ta, sau đó Việt Cộng tuyên truyền xuyên tạc; gài mìn, đặt hầm chông, phục kích gây cho cán bộ công chức và quân đội ta có tâm lý muốn hạn chế công tác quân chúng và do đó vô tình phát sinh ý thức xa dân, tránh dân” (Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa (1954-1963), 1960, hồ sơ số: 6524, tr.2-6). Và theo ghi nhận của CQSG, cao trào Đồng Khởi của quân và dân miền Nam trong đó nổi bật là Nam Bộ khiến cho lực lượng QĐSG và hệ thống cai trị của chính quyền ở cơ sở chịu nhiều thiệt hại lớn: “Riêng trong năm 1960, toàn Miền (chủ yếu ở Nam Bộ) QĐSG thiệt hại 6.521 lính, gồm 1.893 người chết (Bảo an, Tề áp chiếm 72%), 2.331 lính bị thương (Bảo an, Tề áp chiếm 62.3%), 1.527 lính mất tích, 770 lính Sài Gòn đào ngũ (Ban Tổng kết chiến tranh B2, 1979a, tr.39).

Mặt khác, thắng lợi của phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ không chỉ thể hiện ở việc cách mạng giải phóng được nhiều xã, ấp, tiêu diệt nhiều đồn bốt của CQSG ở các địa phương, không chỉ là sự hồi phục, củng cố và phát triển LLCM trên toàn Nam Bộ mà quan trọng hơn hết là thắng lợi của phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ có tác động, ảnh hưởng lớn và cổ vũ mạnh mẽ phong trào đồng loạt nổi dậy khởi nghĩa trên toàn miền Nam Việt Nam.

3.3.3. Tác động và ảnh hưởng của phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ đến các địa phương miền Nam Việt Nam

Cao trào đồng loạt nổi dậy của quân và dân Nam Bộ (1959 - 1960) không chỉ giành được thắng lợi lớn mà còn có những tác động, ảnh hưởng tích cực đến các địa phương ở miền Nam Việt Nam. Phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ vượt ra phạm

vi ảnh hưởng của vùng, cổ vũ mạnh mẽ phong trào nổi dậy tiến công vào hệ thống đồn bốt cai trị kìm kẹp nhân dân của CQSG trên khắp miền Nam. Trong những tháng đầu năm 1960 cao trào Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ như tiếp thêm sức mạnh tinh thần mạnh mẽ, cổ vũ quân và dân ở vùng Trị - Thiên vùng vẫy tấn công hệ thống kìm nhân dân của CQSG ở địa phương. Tháng 7/1960, LLCM địa phương Quảng Trị tấn công ở Tuồi Ruồi, diệt một trung đội lính Sài Gòn. Chiến thắng ở Tuồi Ruồi thúc đẩy mạnh mẽ phong trào nổi dậy của nhân dân trong tỉnh với nhiều hình thức phong phú. Ở Thừa Thiên, từ tháng 10/1960, Tỉnh ủy phát động phong trào nổi dậy đều khắp và phong trào trừ gian diệt ác ôn tại làng, xã diễn ra phổ biến ở địa phương. Phong trào nổi dậy của quần chúng nhân dân khiến cho lực lượng cai trị ở cơ sở của CQSG phải rút chạy khỏi nhiều vị trí ở Tuồi Ruồi, Tà Rụt, Trại Cá, Sa Trần, Ly Tông và co lại tại các vị trí lớn A So, A Lưới, Nam Đông, Khe Tre... Đại bộ phận miền rừng núi Quảng Trị và Thừa Thiên được giải phóng, tạo ra vùng căn cứ rộng lớn có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển của cách mạng ở Trị - Thiên sau đó.

Sau khởi nghĩa ở Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi cuối năm 1959 mặc dù phong trào và LLCM địa phương bị CQSG khủng bố, đánh phá khốc liệt nhưng ngọn lửa Đồng Khởi ở Nam Bộ đầu năm 1960 cổ vũ, thúc giục quân và dân địa phương tiếp tục nổi dậy tiến công vào các đồn bốt và QĐSG. Dựa vào địa thế vùng rừng núi hiểm trở cộng với tinh thần đấu tranh kiên cường, nhân dân tại các làng Ông Tía, Ông Điều, Ông Nuông, Ông Đẩu... nổi dậy đấu tranh mạnh mẽ chống CQSG. Đặc biệt cuộc nổi dậy có vũ trang đầu tiên ở làng Ông Tía (Quảng Nam) cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân trong toàn tỉnh. Theo sau cuộc nổi dậy ở làng Ông Tía, hơn 10 làng khác ở vùng thấp huyện Phước Sơn cũng tổ chức các hoạt động đấu tranh, rào làng bốt phòng, chuẩn bị đánh QĐSG. Tại các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Định... những hoạt động vũ trang diệt ác ôn ở địa phương thu được thắng lợi lớn. Cán bộ, viên chức cai trị của CQSG ở cơ sở hoang mang và hoạt động cầm chừng, tạo điều kiện thuận lợi cho LLCM củng cố và phát triển ở những tỉnh này.

Thắng lợi của phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ đầu năm 1960 đã kích hoạt cao trào vùng dậy đấu tranh của quân và dân trong nhiều địa phương miền Nam. Từ tháng 7/1960 đến tháng 12/1960, xuất hiện nhiều cuộc nổi dậy chống CQSG của nhân dân các tỉnh Nam Trung Bộ và một số tỉnh ở Tây Nguyên, thu được những thắng lợi quan trọng: cuối tháng 7/1960, lực lượng vũ trang tỉnh Bình Thuận tiêu diệt chi khu quân sự Bắc Ruộng, giành thắng lợi lớn không chỉ mở đầu cho Đồng Khởi của tỉnh mà chiến thắng này còn cổ vũ mạnh mẽ phong trào nổi dậy của nhân dân các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên sau đó; tháng 8/1960, lực lượng vũ trang tại Ninh Thuận tiến công đồn Tà Lú, Ma Ty khiến cho toàn bộ lực lượng lính Sài Gòn trong các đồn này tháo chạy. Hàng ngàn quần chúng nhân dân ở các địa phương trên phá tan các khu tập trung của CQSG trở về quê cũ. Từ tháng 8 đến tháng 11 năm 1960 ở Khánh Hòa, LLCM tỉnh tiêu diệt và phá tan nhiều đồn bót của CQSG và giải phóng được nhiều vùng trong tỉnh. Tại các tỉnh Tây Nguyên được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang các cuộc nổi dậy của quần chúng nhân dân phá tan các khu tập trung trở về làng cũ sinh sống. Những hoạt động tấn công tiêu diệt đồn bót CQSG của lực lượng vũ trang cách mạng tại các tỉnh Tây Nguyên trong năm 1960 thu được những thắng lợi: ngày 20/10/1960, LLCM tỉnh diệt đồn Đắc Tả (Kon Tum); ngày 23/10/1960, tấn công diệt đồn Can Nác (Gia Lai); ngày 27/10/1960 lực lượng vũ trang tỉnh Đắk Lắk đánh các đồn Plây Lốc, Ea Nu, Ea Thu, đồng thời hỗ trợ nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ ở địa phương...

Có thể khẳng định, thắng lợi trong phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ có những tác động và ảnh hưởng nhất định đến các địa phương ở miền Nam và cổ vũ phong trào nổi dậy của nhân dân nhiều nơi. Phong trào Đồng Khởi ở các tỉnh Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên tuy không rầm rộ, mạnh mẽ như ở các tỉnh Nam Bộ nhưng cũng góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của phong trào Đồng Khởi trên toàn miền Nam Việt Nam. Và những thắng lợi quan trọng ở những địa phương trên rõ ràng là nhờ những hiệu ứng mạnh mẽ, những tác động tích cực lan tỏa từ phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ tạo nên.

Phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ (1959 - 1960) có vị trí và vai trò quan trọng

trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam. Trong phong trào Đồng Khởi chung ở miền Nam thì có thể thấy cao trào nổi dậy của quân và dân Nam Bộ là gần như đồng loạt với sức tấn công của cách mạng mạnh hơn nhiều so với các địa phương ở miền Nam và giành được thắng lợi cũng lớn nhất với những hoạt động đấu tranh phong phú, đa dạng và sáng tạo. Mặt khác, thắng lợi của phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ còn tạo ra bước chuyển quan trọng trong hình thái chiến tranh cách mạng. Từ thế bị động, giữ gìn lực lượng, sau Đồng Khởi quân và dân Nam Bộ góp phần lớn cùng với quân và dân ở miền Nam chuyển sang giai đoạn đấu tranh mới: giai đoạn tiến công và chuyển từ hình thái khởi nghĩa từng phần ở từng địa phương sang chiến tranh cách mạng. Đồng thời từ trong phong trào Đồng Khởi, quân và dân Nam Bộ góp công lớn trong việc sáng tạo ra phương thức tiến công mới và được vận dụng vào thực tiễn đấu tranh trên chiến trường miền Nam để đánh bại quân đội Mỹ và QĐSG trong các chiến lược chiến tranh tăng cường của họ được triển khai trên phạm vi rộng lớn sau đó. Đó chính là phương thức tiến công bằng “ba mũi giáp công” (chính trị, quân sự và binh vận kết hợp). Phương thức tiến công đánh địch bằng “ba mũi giáp công” của quân Giải phóng miền Nam được sáng tạo ra từ trong giai đoạn đấu tranh này ở Nam Bộ và dần hoàn thiện hơn trong những giai đoạn sau chống chính quyền Mỹ và CQSG. Thêm nữa, thắng lợi của phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ (1959 - 1960) còn gia tăng niềm tin, tạo thêm sức mạnh tinh thần lớn giúp cho quân và dân miền Nam nói riêng cũng như cả nước nói chung vùng lên đánh bại đế quốc Mỹ xâm lược và CQSG sau đó.

Ngoài những tác động, ảnh hưởng lớn đến phong trào đấu tranh cách mạng trên toàn miền Nam, trong phong trào Đồng Khởi những năm 1959 - 1960, quân và dân Nam Bộ còn sử dụng nhiều hình thức, phương cách đấu tranh độc đáo, sáng tạo và để lại nhiều bài học kinh nghiệm đấu tranh cho quân và dân miền Nam học tập cũng như vận dụng vào trong thực tiễn đấu tranh cách mạng trên chiến trường.

3.4. Những hình thức và phương cách đấu tranh độc đáo, sáng tạo trong phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ

Phong trào Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ không chỉ giành được thắng lợi lớn, giải phóng được nhiều xã, ấp, phá hủy, diệt được nhiều đồn bốt của CQSG ở cơ sở mà còn thể hiện được sự độc đáo và sáng tạo trong thực tiễn đấu tranh cách mạng trên địa bàn:

Thứ nhất, trong phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ việc “sử dụng biện pháp quân sự đi trước, tạo thế và làm đòn xeo cho phong trào ĐTVT của quần chúng” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, 1985, tr.510) là một sáng tạo độc đáo của quân và dân địa phương. Với những địa phương có lực lượng vũ trang tương đối mạnh thì việc “dùng lực lượng vũ trang tấn công vào đồn bốt và QĐSG khống chế quần chúng ở thôn xã để làm đòn xeo phát động quần chúng đồng loạt nổi dậy giành chính quyền cơ sở...” (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Long An, 2005, tr.50) thể hiện nét đặc trưng riêng, một phương thức đấu tranh sáng tạo, phù hợp với đặc điểm với thế và lực tại một số tỉnh Nam Bộ lúc bấy giờ. Điều này được thể hiện rõ nhất ở các tỉnh miền Trung và Đông Nam Bộ nơi có lực lượng vũ trang cách mạng đã phát triển mạnh trước và trong phong trào Đồng Khởi. Quan điểm này vẫn thống nhất với chủ trương chung của Trung ương Đảng, Nghị quyết 15 và Nghị quyết của XUNB là xác định vai trò ĐTVT chỉ là hỗ trợ, làm “đòn xeo”. ĐTVT của quần chúng là chủ yếu. Nhưng do đặc điểm tình hình cũng như thế và lực của cách mạng ở từng địa phương khác nhau như ở các tỉnh Long An, Kiến Phong, Kiến Tường đã đưa các biện pháp vũ trang đi trước một bước để tạo điều kiện cho phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân phát triển tiến lên. Thực tế của chủ trương này đúng với đặc điểm, tình hình cách mạng ở các tỉnh lúc bấy giờ là có lực lượng vũ trang mạnh. Với phương thức đấu tranh sáng tạo này, phong trào Đồng Khởi ở các tỉnh miền Đông và Trung Nam Bộ giành được những thắng lợi lớn, giải phóng được nhiều xã, ấp, phá vỡ nhiều đồn bốt của CQSG ở địa phương, làm cho chính quyền cơ sở của Ngô Đình Diệm lung lay, suy yếu.

Thứ hai, đẩy mạnh ĐTVT của quần chúng kết hợp với lực lượng vũ trang hỗ

trợ, tức là ĐTCT kép hợp song song với ĐTVT. Trong phong trào Đồng Khởi ở miền Trung Nam Bộ mà điển hình ở tỉnh Bến Tre đã giải quyết được một cách căn bản “vấn đề cực kì hệ trọng trong sự nổi dậy khởi nghĩa và sau khi khởi nghĩa thắng lợi” (Ban chỉ đạo công trình lịch sử kháng chiến chống Mỹ Khu 8 - Trung Nam Bộ, 1997, tr.113). Việc cách mạng có thể giữ vững thế làm chủ trên diện rộng với khả năng lực lượng vũ trang nhỏ bé lúc ban đầu không đủ sức đàn trải để thực hiện ở các vùng yếu, vùng sâu là một việc hết sức khó khăn. Nhưng ở tỉnh Bến Tre đã làm một cuộc Đồng Khởi rất mưu trí, sáng tạo nên có khác với các cuộc đấu tranh, khởi nghĩa thông thường, tiến hành chiến tranh chống CQSG, tiêu diệt và làm tan rã QĐSG. Lực lượng chính trị của quần chúng đóng vai trò rất quan trọng, kết hợp với lực lượng vũ trang hỗ trợ đánh thẳng vào đồn bót, trụ sở của CQSG trong phong trào Đồng Khởi năm 1960 nơi xứ dừa. Sức mạnh của quần chúng nhân dân là vô cùng lớn và Đồng Khởi nổ ra thắng lợi ở tỉnh Bến Tre cũng như ở các tỉnh Nam Bộ chính là nhờ vào sức mạnh to lớn đó. Sức mạnh của lực lượng chính trị quần chúng kết hợp với lực lượng vũ trang cách mạng.

Thứ ba, trong phong trào Đồng Khởi những năm 1959 - 1960, quân và dân Nam Bộ vận dụng sáng tạo sự kết hợp đấu tranh ba mũi giáp công: chính trị, quân sự và binh vận. Hình thức đấu tranh bằng ba mũi giáp công ở Nam Bộ được tiến hành khá linh hoạt, mềm dẻo và thu được kết quả lớn, đầu tiên được tiến hành là ở các tỉnh miền Trung Nam Bộ, sau đó lan sang các tỉnh miền Tây và Đông Nam Bộ. Ba mũi giáp công được quân và dân Nam Bộ vận dụng trong tấn công và phòng ngự để bảo vệ thành quả đấu tranh cách mạng. Ba mũi giáp công được vận hành hiệu quả trong quá trình quân và dân Nam Bộ đánh trả lại các cuộc càn quét, bao vây của QĐSG, bút rút hàng loạt đồn bót, diệt và làm tan rã hàng ngũ đối phương, làm chủ nhiều ấp, xã. Mỗi cán bộ, chiến sĩ, mỗi người dân thâm nhuần và vận dụng thành thạo, thành công 3 mũi giáp công trong phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ những năm 1959 - 1960. Từ trong Đồng Khởi ở Bến Tre, mô hình chiến tranh nổi dậy bằng thế công khai hợp pháp cách mạng 2 chân: chính trị, vũ trang và 3 mũi tấn công: chính trị, quân sự và binh vận được hình thành và hoàn chỉnh. Sáng kiến

này sau đó được tổng kết thành bài học phổ biến trong toàn Nam Bộ và cả miền Nam.

Thứ tư, “Tản cư ngược” một hình thức đấu tranh độc đáo trong phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ. “Tản cư ngược” thực chất là “nhập thị ĐTCT trực diện quy mô lớn mà địch (QĐSG) không thể đàn áp và cũng không thể ngăn cản nhân dân đô thị giúp đỡ, chia sẻ căm thù” (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang, 2003, tập 1, tr.40). “Tản cư ngược” là hình thức đấu tranh xuất phát từ chính chính sách khủng bố, đàn áp, càn quét khốc liệt của QĐSG ở các tỉnh Nam Bộ mà đặc biệt là ở Bến Tre. Các cuộc khủng bố, đánh phá của QĐSG vào huyện Mỏ Cày (Bến Tre) để hòng dập tắt cuộc nổi dậy của quân và nhân dân nơi đây trong năm 1960 mà hệ quả của nó là hàng ngàn quần chúng nhân dân với nội niêu, xoang, chảo, gà, vịt, gia súc, đồ đạc tiến hành cuộc “tản cư ngược” ra thành phố, thị trấn, thị xã để tránh nạn. Tình trạng này khiến cho QĐSG ở địa phương hoang mang, rối loạn, không kịp đối phó. Hình thức đấu tranh độc đáo này khiến cho QĐSG phải chấp nhận rút quân, chấm dứt cuộc càn quét. Cuộc “tản cư ngược” của nhân dân Bến Tre là một hình thức đấu tranh độc đáo, sáng tạo ban đầu là tự phát sau đó đã được cách mạng chỉ đạo tổ chức chặt chẽ và thu được kết quả cao. Kinh nghiệm của hình thức đấu tranh sáng tạo này được phổ biến cho các tỉnh Nam Bộ học tập và vận dụng hiệu quả sau đó.

Thứ năm, trong phong trào Đồng Khởi đã xuất hiện một “đội quân tóc dài”. “Đội quân tóc dài” là một nét sáng tạo đặc sắc trong đấu tranh cách mạng ở Nam Bộ những năm 1959 - 1960. Đội quân tóc dài chẳng khác “một binh chủng đặc biệt trong đấu tranh chính trị với địch (QĐSG), một sáng tạo độc đáo của đồng bào miền Nam trong thời kì chống Mỹ” (Ban Chỉ đạo Tổng kết Chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, 1995, tr.176). Lực lượng đấu tranh trực diện gồm những người khỏe, hầu hết là thanh và trung niên chủ yếu là phụ nữ nhiệt tình, hăng hái có lập trường, quan điểm vững vàng. Cuộc đấu tranh của 4 vạn người kéo ra thị trấn Mỏ Cày và thị xã Bến Tre với hình thức là cuộc tản cư ngược lấy lý do tránh bom đạn, càn quét bắn giết tàn sát dã man của QĐSG. Cuộc đấu tranh của đông đảo phụ nữ Bến

Tre buộc quận trưởng, tỉnh trưởng phải nhượng bộ và ra lệnh rút quân, ngăn chặn thành công cuộc càn quét của “10.000 quân chủ lực Sài Gòn có tàu chiến, máy bay, đại bác yểm trợ” (Nhiều tác giả, 2010b, tr.96). Nét độc đáo của đội quân tóc dài là được tổ chức thành đội ngũ chặt chẽ, có lực lượng tiến công, hậu bị, hậu cần, y tế, cứu thương. Đây chẳng khác là một binh chủng đặc biệt, một hình thức đấu tranh sáng tạo, độc đáo của nhân dân Nam Bộ trong thời kì đầu kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Sự đấu tranh dũng cảm của đội quân tóc dài khiến cho CQSG hoang mang, lo lắng, bị động và lúng túng đối phó. Từ “đội quân tóc dài” xuất khởi ở Bến Tre đã nhanh chóng “nhân lên” thành một “đội quân tóc dài” của cả vùng Nam Bộ và đấu tranh hiệu quả chống CQSG. Chính “đội quân tóc dài” đã góp phần quan trọng vào thắng lợi lớn của quân và dân Nam Bộ trong phong trào Đồng Khởi những năm 1959 - 1960 trên địa bàn.

Thứ sáu, “Đấu tranh tay không với QĐSG”, “tay không vũ trang” đánh quân đội đối phương. Từ tay không nhưng với sự sáng tạo, quân và dân miền Trung Nam Bộ tự vũ trang đánh QĐSG được trang bị vũ khí đầy đủ để chiếm đồn bốt và giành thắng lợi trong phong trào Đồng Khởi năm 1960. Không có súng trang bị đấu tranh nhân dân đã nghĩ ra một cách độc đáo để cướp súng của QĐSG. Tiếp sau các hình thức đấu tranh của nhân dân địa phương như “ôm hè bắt hè” tức là dùng tay không ôm vật quân lính đối phương cướp lấy súng thì phong trào “bắt giò” (Nguyễn Thị Định, 1969, tr.92) là ôm chân giật súng quân lính Sài Gòn được phát động rộng rãi trong thanh niên để lấy súng đầu quân cho cách mạng. Có thể thấy, đây là một hình thức đấu tranh sáng tạo, độc đáo mang tính chất điển hình, xuất hiện đầu tiên ở Nam Bộ lúc bấy giờ. Hình thức đấu tranh phong phú, sáng tạo này thể hiện rõ sự mưu trí sáng tạo, tinh thần đấu tranh anh dũng của nhân dân nơi đây. Chính những hoạt động đấu tranh phong phú, sáng tạo đó mà từ chỗ Bến Tre là nơi có lực lượng vũ trang yếu nhưng phong trào Đồng Khởi đã nổ ra sớm, giành được thắng lợi lớn và tạo ra hiệu ứng tích cực, cổ vũ phong trào Đồng Khởi diễn ra trên toàn Nam Bộ và cả miền Nam Việt Nam.

Thứ bảy, thực hiện nghi binh đánh lừa quân đội đối phương trong phong trào

Đông Khởi ở Nam Bộ. Tiêu biểu ở tỉnh Bến Tre đợt đầu tỉnh chưa có một đơn vị vũ trang nào nhưng đã hù dọa được QĐSG. Các tổ hành động được thành lập lấy danh nghĩa Tiểu đoàn 502, đơn vị từng đánh thắng trong trận Gò Quán Cung - Giồng Thị Đam khiến cho QĐSG khiếp sợ. Ngoài ra tỉnh Bến Tre còn chỉ đạo, tổ chức các đội thanh niên mang vác các loại súng giả làm bằng bập dừa giống như bộ đội thật. Nhân dân Bến Tre còn có sáng kiến dùng ống tre nén khí đá vào rồi đốt làm cho QĐSG tưởng LLCM có nhiều súng thật. Những sáng kiến này khiến cho QĐSG hoang mang, không dám manh động và tạo điều kiện cho phong trào Đông Khởi ở tỉnh Bến Tre thắng lợi. Tiếp đến trong Đông Khởi đợt 2 vào tháng 9 năm 1960, Tỉnh ủy Bến Tre chọn Giồng Trôm làm điểm chính. Nhưng lúc này QĐSG có sự đề phòng không dễ dàng tạo ra bất ngờ như đợt 1 nên tỉnh nghi binh bằng cách tung tin đồn và tổ chức các hoạt động khiến cho QĐSG lầm tưởng là quân cách mạng sắp đánh lớn vào thị xã nên đã kéo từ Giồng Trôm về bảo vệ thị xã, do đó tạo điều kiện thuận lợi cho Đông Khởi ở Giồng Trôm bớt khó khăn và thắng lợi. Hay ở tỉnh Kiến Phong trước khi bước vào Đông Khởi để đánh lạc hướng QĐSG, tỉnh sử dụng một phân đội thuộc Đại đội 272 và đặc công của tỉnh đánh sập Tháp Mười tầng - đài quan sát của CQSG ở Đồng Tháp Mười, khiến cho QĐSG tập trung vào hướng này trong khi tỉnh phát động Đông Khởi ở huyện điểm Hồng Ngự và giành thắng lợi... Có thể khẳng định, nhờ sự linh hoạt và sáng tạo trong chỉ đạo đấu tranh, từ tay không vũ trang, thực hiện các hoạt động nghi binh đánh lừa QĐSG cho đến vận dụng, phối hợp hài hòa các hình thức và phương thức đấu tranh, quân và dân Nam Bộ tiến hành Đông Khởi giành được thắng lợi lớn.

Như vậy, với việc vận dụng những hình thức, phương pháp đấu tranh phong phú, sáng tạo, quân và dân Nam Bộ không chỉ tiến hành Đông Khởi giành thắng lợi lớn trên địa bàn mà còn góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của phong trào Đông Khởi trên toàn miền Nam, tạo ra bước chuyển lớn trong hình thái cách mạng ở địa phương và miền Nam. Đồng thời, từ trong thực tiễn đấu tranh của quân và dân Nam Bộ còn có nhiều bài học kinh nghiệm được quân và dân miền Nam học tập, vận dụng trong thực tiễn đấu tranh trên chiến trường, góp phần đánh bại

các chiến lược chiến tranh tăng cường của chính quyền Mỹ và CQSG triển khai sau đó.

Tiểu kết chương 3

Bước vào năm 1959, tình thế cách mạng ở Nam Bộ có những chuyển biến lớn. Các hành động khủng bố, đàn áp khốc liệt của CQSG khiến cho làn sóng đấu tranh của nhân dân các tỉnh Nam Bộ dâng cao. Đặc biệt, sau khi Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng ra đời góp phần thúc đẩy các phong trào đấu tranh cách mạng ở Nam Bộ diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ. Trong những năm 1959 - 1960, bên cạnh việc duy trì, phát triển lực lượng chính trị và đẩy mạnh công tác binh vận, quân và dân Nam Bộ còn từng bước xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng đầu tiên gồm 3 thứ quân (bộ đội khu, tỉnh, bộ đội địa phương huyện và dân quân du kích xã, ấp) song song với quá trình đẩy mạnh các hoạt động vũ trang tuyên truyền phát động quần chúng đấu tranh, xây dựng cơ sở chính trị, vũ trang ở các xã, ấp trên toàn vùng. Quân và dân Nam Bộ đẩy mạnh các hoạt động trừ gian diệt ác, thậm chí còn chặn đánh QĐSG đi càn quét, tiêu diệt nhiều quân lính Sài Gòn và thu được nhiều súng, đạn để phát triển LLCM.

Từ cuối năm 1959 cho đến Đồng Khởi kết thúc, các LLCM cùng các cơ sở Đảng, tổ chức quần chúng ở Nam Bộ được mở rộng và phát triển. Bộ máy lãnh đạo của Đảng từ trên xuống được kiện toàn, chất lượng lãnh đạo được nâng cao, kinh nghiệm lãnh đạo đấu tranh sáng tạo, phong phú. Khắp các địa phương của Nam Bộ đều có chi bộ và bám trong quần chúng hoạt động. Lực lượng các đoàn thể quần chúng (nông hội, thanh niên, phụ nữ) phát triển mạnh, quần chúng được tổ chức chặt chẽ. Mặt trận dân tộc thống nhất ra đời. Đồng thời, trong thời gian này ở Nam Bộ quá trình xây dựng và phát triển hệ thống các căn cứ địa cách mạng để làm địa bàn đứng chân cho lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và của các lực lượng vũ trang cách mạng tiếp tục được đẩy mạnh, nhất là của bộ đội tập trung, tổ chức thành các chiến trường và bộ máy chỉ đạo, chỉ huy quân sự các cấp tương đối chặt chẽ, có hệ thống thông tin, liên lạc, có các lực lượng làm cơ sở để tiến tới thống nhất các lực lượng vũ trang về các mặt sau đó. Trong những năm này, quân và dân

Nam Bộ vận dụng nhiều hình thức, phương cách đấu tranh phong phú, sáng tạo để giữ gìn, xây dựng và phát triển LLCM ở địa phương. Quân và dân Nam Bộ thực hiện cuộc Đồng Khởi trên toàn địa bàn những năm 1959 - 1960 và giành được thắng lợi lớn. Thắng lợi của phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ là hệ quả tất yếu của một quá trình chuẩn bị lâu dài, là kết quả của việc đẩy mạnh các hoạt động xây dựng, phát triển LLCM với sự linh hoạt, sáng tạo cùng với tinh thần tiến công cách mạng không ngừng của quân và dân địa phương. Đồng Khởi thắng lợi toàn vùng, quân và dân Nam Bộ góp phần quan trọng cùng với các địa phương khác chuyển phong trào cách mạng miền Nam từ thế bị động, giữ gìn lực lượng sang tiến công, từ khởi nghĩa sang chiến tranh cách mạng.

Chương 4

MỘT SỐ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ QUÁ TRÌNH ĐẤU TRANH GIỮ GÌN VÀ XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG, TIẾN TỚI ĐỒNG KHỞI Ở NAM BỘ (1954 - 1960)

4.1. Đặc điểm

4.1.1. Nam Bộ là nơi quân đội và chính quyền Sài Gòn đánh phá khốc liệt nhất, lực lượng cách mạng bị tổn thất nặng nề nhất

Nam Bộ có diện tích rộng lớn, với địa hình vừa có rừng núi hiểm trở vừa có đồng bằng rộng lớn lại là vựa lúa lớn nhất cả nước, là trung tâm kinh tế, văn hóa phát triển trù phú nhất của cả miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ. Nhân dân Nam Bộ lại giàu truyền thống đấu tranh cách mạng, có tinh thần anh dũng, kiên cường chống ngoại xâm. Sau Hiệp định Genève 1954, có khoảng hơn 6 vạn cán bộ, đảng viên được “cài cắm” ở lại hoạt động trên địa bàn và chính lực lượng cán bộ, đảng viên cốt cán đó đã hướng dẫn, tổ chức cho quần chúng nhân dân đấu tranh có hiệu quả chống CQSG. Một đặc điểm khác và quan trọng hơn hết ở Nam Bộ trong đó có Sài Gòn là thủ đô của chính thể VNCH. Với tất cả những điều nêu trên khiến cho vùng đất Nam Bộ trở thành địa phương mà CQSG phải bằng mọi cách, dùng mọi lực lượng mọi sức mạnh có được để kiểm soát, tiến hành đánh phá, khủng bố, đàn áp nhằm tiêu diệt tận gốc mầm mống Cộng sản đang ngày càng lớn mạnh và phát triển nơi đây. Sự tồn tại và hoạt động của LLCM ở Nam Bộ sẽ đe dọa đến sự tồn vong của chính thể VNCH của Ngô Đình Diệm. Vì những nguyên do đó mà Nam Bộ trở thành trọng điểm đánh phá, khủng bố mạnh mẽ của CQSG. Trong giai đoạn 1954 - 1960, CQSG mở liên tục các chiến dịch khủng bố, càn quét, đánh phá khốc liệt vào các phong trào đấu tranh cùng các căn cứ cách mạng với cường độ cao và mật độ dày đặc ở vùng Nam Bộ. Chỉ riêng trong năm 1959, CQSG đã tiến hành hàng loạt các cuộc hành quân, càn quét và đánh phá khốc liệt vào các căn cứ cách mạng trên khắp Nam Bộ. Ở miền Đông Nam Bộ, từ tháng 2 đến cuối năm 1959, QĐSG tiến hành hàng loạt cuộc hành quân, càn quét, chà đi xát lại tại nhiều

vùng căn cứ của cách mạng: tháng 2/1959, 10.000 quân lính Sài Gòn càn quét Hiệp Hòa, Thủ Dầu Một; tháng 10/1959, QĐSG càn quét lớn ở chiến khu Đ với 16 tiểu đoàn; tháng 12/1959, có 4.000 quân lính càn vào chiến khu Dương Minh Châu, vùng căn cứ Ba Thu; từ ngày 25/4 đến ngày 10/5/1959, CQSG phát động chiến dịch “Đồng tâm diệt Cộng” khắp các tỉnh miền Trung Nam Bộ, huy động từ 1 đến 10 tiểu đoàn; trong 6 tháng đầu năm 1959, QĐSG càn quét 500 trận lớn nhỏ, 1.390 cuộc biệt kích hoạt động phá hoại, bắt cóc cán bộ, quấy rối ở các huyện Đầm Dơi, Cái Nước, sông Ông Đốc (Cà Mau), Thổ Sơn, Vị Thanh, Vị Thủy, An Biên (Rạch Giá), Long Mỹ, Ô Môn (Cần Thơ)... thuộc miền Tây Nam Bộ. Đến giữa năm 1959, CQSG “đánh bật và làm tan rã từ 60% - 90% cơ sở cách mạng ở vùng căn cứ” (Viện Lịch sử Đảng, 2015, tr.104, 107).

Hàng loạt chiến dịch càn quét, đánh phá ác liệt của quân đội và CQNĐD trong những năm này khiến cho các phong trào đấu tranh và LLCM ở Nam Bộ bị thiệt hại nặng nề. Từ năm 1955 đến năm 1958, ở Nam Bộ có khoảng 7 vạn cán bộ, đảng viên bị giết, gần 90 vạn cán bộ, nhân dân bị bắt, bị tù đày, gần 20 vạn bị tra tấn thành thương tật (Ban Chỉ đạo Tổng kết Chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, 1995, tr.310). Và “theo thống kê, dù là chưa đầy đủ, theo xác định cụ thể gần với thực tế của giới chức trách, thì trong khoảng thời gian khủng bố đó - tức từ năm 1955 đến năm 1960 - có ít nhất 24.000 người bị thương, 80.000 người bị hành quyết hoặc bị ám sát bằng cách khác, 275.000 người bị giam cầm, thẩm vấn với nhục hình, và khoảng 500.000 người bị tập trung trong những trại giam giữ. Đó là những con số được ước lượng một cách thận trọng” (Avro Manhattan, 1984, tr.89). Cụ thể là ở miền Trung Nam Bộ, sau tập kết còn để lại khoảng 30.000 cán bộ, đảng viên (trong số đó có khoảng 16.000 đảng viên) nhưng đến đầu năm 1959 chỉ còn 1.800 đảng viên (phần lớn bị tù đày, bắn giết). Ở Mỹ Tho, trọng điểm khủng bố của QĐSG, sau tháng 7 năm 1954 toàn tỉnh có chi bộ đều khắp và trên 3.000 đảng viên nhưng đến cuối năm 1959 toàn tỉnh chỉ còn 8 chi bộ (7 chi bộ ở Châu Thành và 1 chi bộ ở Cai Lậy) và 74 đảng viên bám sát quần chúng. Các cơ sở thanh niên lao động, nòng cốt bị đánh phá tan rã hầu hết. Ở Bến Tre, sau tháng 7 năm 1954 toàn tỉnh có chi bộ đều khắp và trên 2.000 cán bộ, đảng viên nhưng đến cuối năm 1959 toàn

tỉnh chỉ còn 18 chi bộ với 162 đảng viên trong tổng số 115 xã. Ở Biên Hòa còn 1 chi bộ, Bà Rịa còn 7 chi bộ, Thủ Dầu Một còn 26 chi bộ. Chợ Lớn, nơi QĐSG đánh phá đầu tiên ở Nam Bộ, cơ sở đảng bị tan vỡ nặng (Ban Tổng kết chiến tranh B2, 1979a, quyển 2, tr.35). Theo *Báo cáo tình hình phong trào Nam Bộ trong cuộc Hội Trung ương lần thứ 15* trong hơn 4 năm từ 1954 đến 1958, Đảng bộ Nam Bộ bị thiệt hại cán bộ lãnh đạo rất nhiều. Có 2 cán bộ Xứ ủy, 35 Tỉnh ủy (trong đó có 7 cán bộ của Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn), 250 cán bộ Huyện ủy, số cán bộ Chi ủy độ 3.000, số đảng viên bị bắt bị giết có những năm trên dưới 40%. Trong từng thời gian có những tỉnh có hàng chục chi bộ tan rã hay bị tê liệt cả 5 - 6 tháng mới chấn chỉnh lại được (Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, 1959, số SK/06/1959 loại TWC, tr.19). Trong *Báo cáo tình hình Nam Bộ từ sau hòa bình lập lại đến 1961* của XUNB, đến đầu năm 1959, riêng ở Nam Bộ chỉ còn 5.000 đảng viên trên tổng số hơn 60.000 đảng viên được “cài lại” từ sau Hiệp định Genève 1954. Ở tỉnh Gia Định, đến cuối năm 1959 không còn một tỉnh ủy viên nào. Tỉnh Kiến Tường đến giữa năm 1959 chỉ còn lại một chi bộ, với 3 đảng viên trên địa bàn 21 xã. Một số địa phương khác như Gò Công, Chợ Gạo, Châu Thành, Mỹ Tho gần như là vùng trắng. Khu ủy Sài Gòn - Chợ Lớn đến đầu năm 1960 chỉ còn khoảng 200 đảng viên và quần chúng nông cốt. Khu ủy chỉ còn hai cán bộ là Võ Văn Kiệt và Huỳnh Tấn Phát và buộc phải đứng ngoài căn cứ để tiếp tục chỉ đạo phong trào (Quân khu 7, 2004, tr.61).

Đối diện trước thực tiễn khó khăn của cách mạng khiến cho những người lãnh đạo cách mạng ở Nam Bộ không khỏi trăn trở, suy nghĩ và phải lựa chọn các phương pháp đấu tranh thích hợp để vừa có thể giữ gìn được LLCM, hạn chế tổn thất vừa ứng phó hiệu quả trước các cuộc hành quân đánh phá ác liệt của QĐSG lúc bấy giờ. Chính sự đàn áp, khủng bố, đánh phá khốc liệt của CQSG đã thúc đẩy quá trình đấu tranh để giữ gìn và xây dựng LLCM của quân và dân Nam Bộ trong những năm 1954 - 1960. Khi các phong trào đấu tranh và LLCM bị QĐSG đánh phá, tiêu diệt thì để tồn tại nhân dân Nam Bộ không còn con đường nào khác là phải đứng lên đấu tranh đánh đổ bạo tàn cứu nước và tự cứu mình.

4.1.2. Nam Bộ là nơi tiếp xúc sớm chủ trương đấu tranh giữ gìn, xây dựng lực lượng cách mạng và đấu tranh vũ trang của Đảng Lao động Việt Nam

Nam Bộ không chỉ có vị trí địa - chính trị quan trọng mà còn là địa phương chịu hậu quả khủng khiếp nhất từ các chiến dịch khủng bố, càn quét đánh phá khốc liệt của QĐSG kể từ sau Hiệp định Genève 1954. Đồng thời, Nam Bộ còn là nơi XUNB đứng chân hoạt động để chỉ đạo các phong trào đấu tranh cách mạng ở miền Nam Việt Nam. Vì vậy, từ rất sớm những chủ trương, phương pháp đấu tranh cách mạng mà Trung ương Đảng chỉ đạo, ban hành, phổ biến đến toàn miền Nam thì Nam Bộ được tiếp xúc đầu tiên. Từ sau năm 1956 khi CQSG thắng thừng cự tuyệt thi hành Hiệp định Genève 1954 và tiến hành hàng loạt các hành động khủng bố, đàn áp đánh phá phong trào cùng LLCM trên toàn miền Nam và Nam Bộ trở thành trọng điểm đánh phá thì XUNB gửi nhiều điện, báo cáo ra Trung ương Đảng để phản ánh rõ tình hình phức tạp ở địa phương. XUNB cũng đề nghị cho tiến hành ĐTVT (sử dụng bạo lực cách mạng để ứng phó lại với bạo lực phản cách mạng của CQSG) để giữ gìn, bảo tồn lực lượng, hạn chế tổn thất LLCM. Thời điểm CQSG tiến hành những hành động tàn bạo nhất nhằm tiêu diệt hoàn toàn LLCM thì những nhà lãnh đạo cách mạng ở Nam Bộ không ngừng liên lạc với Trung ương Đảng mong sớm nhận được những chỉ thị, phương pháp đấu tranh phù hợp với tình hình. Do đó, Nam Bộ trở thành địa phương tiếp nhận sớm những chủ trương, đường lối đấu tranh nhằm giữ gìn, xây dựng LLCM cũng như những chủ trương ĐTVT của Trung ương Đảng so với các vùng khác của miền Nam Việt Nam. Với sự linh hoạt, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh, những nhà cách mạng Nam Bộ lãnh đạo nhân dân vận dụng nhiều phương thức đấu tranh sáng tạo để giữ gìn và xây dựng LLCM lớn mạnh ở địa phương.

Trước tình trạng khủng bố, đánh phá ác liệt của QĐSG và nhận thấy được tình hình nguy cấp của cách mạng ở địa phương, XUNB cử cán bộ ra miền Bắc xin ý kiến chỉ đạo của Trung ương Đảng về chủ trương, đường lối đấu tranh của cách mạng miền Nam trong tình hình mới. Trung ương Đảng cũng có những chỉ đạo phương thức đấu tranh nhằm ứng phó với các hành động khủng bố, đàn áp của

CQSG: ngày 30/3/1958, Ban Bí thư Trung ương Đảng điện gửi cho XUNB chỉ đạo phương hướng đối phó, bảo tồn lực lượng; ngày 20/8/1958, Ban Bí thư Trung ương Đảng tiếp tục điện gửi XUNB về chủ trương bảo toàn LLCM khi CQSG tăng cường khủng bố và yêu cầu XUNB hết sức chú trọng vấn đề che giấu lực lượng; ngày 7/5/1959, Ban Bí thư Trung ương Đảng lại điện gửi XUNB về chỉ đạo phong trào ĐTCT, củng cố thực lực đối phó với CQSG... Như vậy, từ tháng 10 năm 1959 trở về sau, trước những chuyển biến nhanh của tình hình cách mạng miền Nam nói chung và ở Nam Bộ nói riêng, XUNB liên tục điện gửi Ban Chấp hành Trung ương Đảng xin phát động ĐTVT, duy trì và mở rộng các căn cứ địa cách mạng và có cả những đề nghị Trung ương Đảng nâng ĐTVT song song với ĐTCT để phù hợp với tình hình cũng như sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng ở Nam Bộ lúc bấy giờ. Như vậy, vì sớm nhận được những chỉ đạo đấu tranh của Trung ương Đảng cộng với sự linh hoạt và sáng tạo, những người lãnh đạo cách mạng ở Nam Bộ có điều kiện thuận lợi để xúc tiến quá trình đấu tranh giữ gìn, xây dựng LLCM trong địa phương cũng như có phương cách ứng phó hiệu quả với các hành động khủng bố, đàn áp, đánh phá ác liệt của QĐSG, góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng ở Nam Bộ phát triển tiến lên thực hiện cuộc Đồng Khởi thắng lợi vang dội những năm 1959 - 1960 trên toàn địa bàn.

4.1.3. Thành phần tham gia đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng đa dạng gồm có nông dân, công nhân, trí thức, học sinh, sinh viên và cả binh lính các đảng phái, giáo phái

Quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ (1954 - 1960) có sự phong phú, đa dạng về thành phần tham gia. Lực lượng tham gia đấu tranh chống quân đội và CQSG gồm nhiều giai tầng trong xã hội từ nông dân, công nhân, trí thức, học sinh, sinh viên cho đến cả lực lượng binh lính của các đảng phái, giáo phái ở Nam Bộ. Trong các thành phần tham gia vào quá trình đấu tranh đó thì nông dân và công nhân chiếm số lượng đông đảo nhất và họ là lực lượng nòng cốt của cách mạng. Từ sau Hiệp định Genève 1954, trên khắp các vùng Nam Bộ từ nông thôn cho đến thành thị có hàng trăm cuộc ĐTCT, hòa bình của

nhiều tầng lớp nhân dân trong xã hội làm cho khí thế cách mạng dâng cao trong khi quân đội và CQSG hoang mang, lúng túng tìm cách đối phó. Hàng ngàn quần chúng nhân dân với đủ các giai tầng trong xã hội đã xuống đường tham gia vào các cuộc mít tinh, biểu tình mừng hòa bình và mong chờ ngày thống nhất đất nước. Họ xuất thân từ nhiều tầng lớp khác nhau từ nông dân cày cấy trên ruộng đồng, công nhân trong các nhà máy, xí nghiệp cho đến học sinh, sinh viên của các trường học và cả giới trí thức ưu tú nhất. Tất cả họ kết đoàn xuống đường đấu tranh mạnh mẽ chống CQSG ngay từ những ngày đầu sau Hiệp định Genève 1954 và khí thế đấu tranh mạnh mẽ ấy tiếp tục được duy trì trong quá trình đấu tranh chống lại các hành động đàn áp, khủng bố tàn bạo của QĐSG những năm 1955 - 1959 trên toàn Nam Bộ. Nhờ thành phần tham gia đấu tranh phong phú, đa dạng tạo nên sức mạnh lớn giúp cho quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM ở các địa phương Nam Bộ giành được thắng lợi.

Trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM ở Nam Bộ những năm 1954 - 1960 còn có sự tham gia của lực lượng vũ trang các đảng phái, giáo phái. Với chủ trương đoàn kết sức mạnh toàn dân, khi lực lượng giáo phái ly khai bị chính quyền họ Ngô đánh dẹp và đang tìm cách tồn tại trong nhiều địa phương thì XUNB linh hoạt, mềm dẻo tranh thủ, lôi kéo và giáo dục họ ngã về phía cách mạng chống chính quyền Mỹ - Diệm. Sự khéo léo và sáng tạo của XUNB trong việc tranh thủ một bộ phận các lực lượng giáo phái ly khai (Cao Đài, Hòa Hảo) và lực lượng Bình Xuyên cùng chĩa mũi nhọn đấu tranh vào CQSG trong những năm 1955 - 1956 góp phần quan trọng giúp cho quá tập hợp và xây dựng LLCM ở địa phương diễn ra thuận lợi và có hiệu quả. Sự tham gia của các lực lượng giáo phái làm tăng thêm sức mạnh của cách mạng trong quá trình đấu tranh chống CQSG, tạo tiền đề thuận lợi thúc đẩy nhanh quá trình xây dựng và phát triển LLCM lớn mạnh ở các địa phương Nam Bộ. Một bộ phận lực lượng giáo phái ly khai được cách mạng nắm, giáo dục, lôi kéo trong thời gian này không những góp phần hạn chế sức chiến đấu, làm giảm hiệu quả các chiến dịch tấn công, bình định của QĐSG trong quá trình thanh trừng lực lượng các giáo phái, đảng phái chống đối chính

quyền mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho các phong trào đấu tranh cách mạng của quân và dân Nam Bộ phát triển tiến lên sau đó.

Thành phần tham gia vào quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM ở Nam Bộ những năm 1954 - 1960 phong phú, đa dạng là nhân tố quan trọng góp phần đưa đến thắng lợi lớn của quân và dân Nam Bộ trong quá trình đấu tranh chống CQSG ở địa phương. Sự phong phú, đa dạng trong thành phần đấu tranh là điều kiện quan trọng để sớm thúc đẩy quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng; hạn chế tổn thất LLCM, tạo tiền đề tích cực cho quân và dân Nam Bộ trong thời gian ngắn có thể hồi phục, phát triển lực lượng lớn mạnh và là tác nhân quan trọng dẫn đến thắng lợi lớn của phong trào Đồng Khởi trên toàn Nam Bộ những năm 1959 - 1960. Chiến công vang dội đó được tạo nên bởi sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân với sự tham gia của đông đảo các thành phần trong xã hội Nam Bộ lúc bấy giờ.

4.1.4. Hình thức đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng phong phú từ đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang, binh vận đến các cuộc đấu tranh của lực lượng báo chí công khai ở Sài Gòn

Quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM ở Nam Bộ những năm 1954 - 1960 có sự phong phú, đa dạng và sáng tạo trong các hình thức đấu tranh. Quân và dân Nam Bộ không chỉ thể hiện sự chủ động trong những hoạt động đấu tranh để giữ gìn và xây dựng LLCM mà còn sáng tạo sử dụng linh hoạt, phong phú nhiều hình thức đấu tranh chống CQSG. Các hình thức đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM của quân và dân Nam Bộ phù hợp với đặc điểm, với thế và lực ở địa phương. Trong những năm 1954 - 1956, quân và dân Nam Bộ sử dụng phương thức ĐTCT, hòa bình kết hợp với binh vận là chủ yếu đòi CQSG thực thi những nội dung trong Hiệp định Genève. Nhưng kể từ cuối năm 1956 trở về sau, nhất là khi CQSG thẳng thừng cự tuyệt tổng tuyển cử để thống nhất đất nước và tăng cường các chiến dịch đàn áp, khủng bố ác liệt vào phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân miền Nam nói chung và ở Nam Bộ nói riêng thì để có thể giữ vững phong trào, hạn chế tổn thất lực lượng, với sự linh hoạt, sáng tạo, quân và dân Nam

Bộ đẩy mạnh quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM ở địa phương thông qua việc sử dụng phối hợp phương thức ĐTCT với binh vận có kết hợp với các hoạt động vũ trang tuyên truyền để hỗ trợ phong trào. Những hoạt động ĐTVT ban đầu là tự phát được tiến hành bởi các tổ chức vũ trang tự vệ mật hình thành trong nhiều địa phương có phong trào phát triển mạnh và dần về sau để hỗ trợ phong trào ĐTCT có hiệu quả, phương thức đấu tranh kết hợp chính trị, binh vận với ĐTVT trở nên phổ biến và trở thành kim chỉ nam của quân và dân Nam Bộ trong đấu tranh cách mạng những năm 1954 - 1960.

Trong những năm 1954 - 1960, Nam Bộ được xem là địa phương đầu tiên ở miền Nam, nơi khai sinh và vận dụng sáng tạo, có hiệu quả phương thức ĐTCT kết hợp với binh vận và vũ trang hỗ trợ (hay còn gọi là ba mũi giáp công). Quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ những năm 1954 - 1960 có sự kết hợp hài hòa, chặt chẽ giữa các hình thức đấu tranh chính trị, vũ trang và binh vận. Sự phối hợp và vận dụng hài hòa ba mũi tiến công chính trị, vũ trang và binh vận của quân và dân Nam Bộ thể hiện ở chỗ: khi xuất hiện thời điểm thích hợp ĐTCT, binh vận thì sử dụng mũi tấn công chính trị, binh vận là chủ yếu, đến thời điểm phù hợp cho ĐTVT, tạo thế và gây áp lực cho CQSG thì sử dụng mũi tấn công vũ trang là chính để làm “đòn xeo” hỗ trợ phong trào ĐTCT của quần chúng phát triển lên một mức độ cao hơn. Và khi có đủ thế và lực thì sử dụng kết hợp cả ba mũi tiến công: chính trị, vũ trang và binh vận cùng một lúc như ngay trong diễn tiến của phong trào Đồng Khởi những năm 1959 - 1960 ở Nam Bộ.

Tại một số địa phương Nam Bộ, cụ thể là ở miền Trung Nam Bộ, đây là nơi sản sinh và vận dụng hài hòa ba mũi giáp công: chính trị, vũ trang và binh vận trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi. Sự kết hợp chặt chẽ của ba mũi tiến công chính trị, vũ trang và binh vận diễn ra ngay từ năm 1957 ở vùng đồng bằng miền Trung Nam Bộ. Vì đây là nơi giàu truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm cũng như có sự lãnh đạo tài tình, sáng tạo, có tinh thần chủ động tiến công cách mạng của cả tập thể cán bộ lãnh đạo của Khu 8. Từ những

năm 1956 - 1958, những hoạt động vũ trang tăng cường của cách mạng nhằm trừ gian diệt tề, đập ác ôn cũng như những trận đánh tập kích tiêu diệt quân lính Sài Gòn đi càn quét góp phần quan trọng hỗ trợ tích cực cho phong trào ĐTCT phát triển, giữ được LLCM và hạn chế nhiều tổn thất trước các hành động khủng bố, đàn áp khốc liệt từ CQSG. Mặt khác, những hoạt động tiến công vũ trang được đẩy mạnh khiến cho QĐSG ở địa phương không dám manh động, khủng bố hoặc bắt bớ tùy tiện cán bộ, chiến sĩ cách mạng cùng quần chúng nhân dân. Đồng thời, việc quân và dân Trung Nam Bộ đẩy mạnh các phong trào ĐTCT, hòa bình kết hợp chặt chẽ với công tác binh vận cũng giúp cho lực lượng và cơ sở cách mạng bớt tổn thất, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tái xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng cũng như sự phát triển thành mạng lưới rộng lớn hơn trong toàn miền sau đó. Như vậy, với sự kết hợp nhuần nhuyễn, linh hoạt ba mũi tiến công: chính trị, quân sự, binh vận trong đấu tranh, quân và dân miền Trung Nam Bộ giành được những thắng lợi lớn trên địa bàn, tạo nên những hiệu ứng tích cực, có tác động lan tỏa mạnh mẽ và trở thành bài học kinh nghiệm đấu tranh không chỉ cho Nam Bộ mà còn được quân và dân miền Nam học tập và vận dụng vào trong thực tiễn đấu tranh trên toàn Miền.

Mặt khác, quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM của quân và dân Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1960 không chỉ diễn ra với nhiều hình thức phong phú, đa dạng từ đấu tranh chính trị, binh vận cho đến vũ trang mà còn diễn ra sôi nổi, quyết liệt trên mặt trận báo chí công khai. Báo chí trở thành mặt trận quan trọng có tác dụng mạnh trong việc tố cáo, lên án cũng như phơi bày các hành động phá hoại tiến trình thực thi Hiệp định Genève 1954 của CQSG, tố cáo tội ác của QĐSG thông qua các hành động đàn áp, khủng bố tàn bạo của họ. Ngay sau khi Hiệp định Genève có hiệu lực, phong trào bảo vệ hòa bình Sài Gòn - Chợ Lớn được thành lập mà phần lớn các lãnh tụ phong trào là những nhà trí thức có uy tín trong xã hội. Phong trào bảo vệ hòa bình tổ chức ở Sài Gòn là tiếng nói công khai của chính nghĩa, tiếng nói công khai bên vực Hiệp nghị Genève, bên vực đường lối thống nhất bằng hiệp thương, tổng tuyên cử. Sách báo được xuất bản tố cáo các hành

động vi phạm Hiệp định Genève của CQSG, ca ngợi các quyền tự do, dân chủ, hòa bình. Mặt trận báo chí góp tiếng nói mạnh mẽ giúp người dân thấy được bản chất độc tài, phát xít của chính quyền họ Ngô. Báo chí góp phần tham gia vào việc phơi bày sự gian lận trắng trợn trong cuộc “trung cầu dân ý” giả tạo của Ngô Đình Diệm nhằm phé truất Quốc trưởng Bảo Đại để thu tóm quyền lực về tay mình, đồng thời tố cáo các hành động đàn áp, khủng bố khốc liệt của QĐSG đến phong trào đấu tranh hòa bình đòi hiệp thương, tổng tuyển cử của nhân dân Nam Bộ. Báo chí còn vạch trần các hành động tàn bạo của CQSG cũng như các nhục hình mà chính quyền dùng để trấn áp, tra tấn tù nhân, nhân dân vô tội. Mặt trận báo chí là một mặt trận quan trọng, là thứ vũ khí có “sức mạnh” góp phần không nhỏ trong đấu tranh chống CQSG lúc bấy giờ. Cùng với các hình thức đấu tranh phong phú, đa dạng và sáng tạo từ ĐTCT, binh vận đến các hoạt động ĐTVT, đấu tranh bằng báo chí góp phần tích cực, có hiệu quả cao giúp cho quá trình đấu tranh giữ gìn, xây dựng và phát triển LLCM của quân và dân Nam Bộ những năm 1954 - 1960 thu được những thành quả lớn mà tiêu biểu nhất là phong trào Đồng Khởi nổ ra và giành thắng lợi trên toàn địa bàn những năm 1959 - 1960.

4.1.5. Đỉnh cao của quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng là phong trào Đồng Khởi, góp phần tạo ra bước chuyển lớn trên chiến trường miền Nam Việt Nam

Trong những năm 1954 - 1959, mặc dù đối mặt với bao gian nguy, thử thách nhưng quân và dân Nam Bộ đấu tranh quyết liệt cũng như ứng phó hiệu quả với các chiến dịch khủng bố, đàn áp, bình định khốc liệt từ CQSG. Dù chịu nhiều tổn thất, mất mát về lực lượng nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, với sự linh hoạt, sáng tạo, quân và dân Nam Bộ từng bước củng cố, xây dựng LLCM về mọi mặt. Từ những tổ, đội tự vệ mật ở các địa phương hay những đơn vị vũ trang có nhiệm vụ bảo vệ căn cứ, cơ quan lãnh đạo cách mạng dần dần được mở rộng và phát triển thành các đơn vị vũ trang hoạt động hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực tiễn cấp cách của cách mạng. Nhiều căn cứ địa được tái lập, xây dựng ở Nam Bộ những năm 1957 - 1959 bổ sung kịp thời và hoạt động có hiệu quả trong thực tiễn, góp phần

hạn chế tổn thất LLCM, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tái xây dựng LLCM ở địa phương, nhất là lực lượng vũ trang. Từ giữa năm 1959 khi CQSG lên đến đỉnh cao của sự tàn bạo, nhất là ban hành Luật 10/59 đã thúc đẩy cao trào đấu tranh cách mạng diễn ra mạnh mẽ trong nhiều địa phương ở Nam Bộ. Sau Hội nghị lần thứ 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng với sự ra đời của Nghị quyết 15 lịch sử đã mở đường cho phong trào đấu tranh cách mạng miền Nam nói chung và ở Nam Bộ nói riêng tiến lên một giai đoạn mới, cao và quyết liệt hơn. Đó chính là sự bùng nổ phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ. Phong trào Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ diễn ra với khí thế tiến công mạnh mẽ những năm 1959 - 1960 là hệ quả tất yếu của một quá trình đấu tranh kiên trì, bền bỉ của nhân dân địa phương mà ngọn lửa cách mạng vốn đã “âm ỉ” từ bên trong khá lâu, trực chờ bùng nổ khi thời cơ thuận lợi đến. Quân và dân Nam Bộ phải trải qua một quá trình “ném mật nài gai”, phải cam chịu, nhún nhường trước các hành động tàn bạo phát xít của CQSG những năm 1954 - 1959. Và phong trào Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ những năm 1959 - 1960 là sự phản ánh rõ nét nhất quá trình đấu tranh bền bỉ đó, là sự nổi dậy mạnh mẽ của quần chúng nhân dân quyết đập tan xiềng xích, gông cùm của CQSG.

Phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ được tiến hành bằng nhiều phương thức đấu tranh phong phú, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm, với thế và lực trong từng địa phương. Quân và dân Nam Bộ vận dụng đa dạng, linh hoạt và sáng tạo các phương thức tiến công: từ tiến công chính trị là chủ yếu kết hợp với tiến công binh vận; tiến công chính trị kết hợp vũ trang hỗ trợ để đưa phong trào phát triển tiến lên; tiến công quân sự là chủ đạo, làm “đòn xeo” hỗ trợ phong trào ĐTCT của quần chúng để giải phóng vùng nông thôn cho đến sự phối hợp hài hòa ba mũi giáp công: chính trị, quân sự và binh vận trên địa bàn.

Phong trào Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ những năm 1959 - 1960 diễn ra quyết liệt, sôi nổi với khí thế tiến công mạnh mẽ và giành được những thắng lợi lớn, góp phần tạo ra bước chuyển quan trọng có tính bước ngoặt trong tiến trình đấu tranh cách mạng miền Nam nói chung và ở Nam Bộ nói riêng. Trải qua các

đợt Đồng Khởi, quần chúng nông dân làm chủ phần lớn vùng nông thôn và ra sức xây dựng, phát triển lực lượng chính trị, vũ trang, binh vận hoàn chỉnh thêm một bước; các cơ sở Đảng và đoàn thể cách mạng được khôi phục, phát triển nhảy vọt. Trong Báo cáo của Cục Tình báo Trung ương Mỹ (CIA) gửi lên cho Tổng thống Mỹ J.F. Kennedy về tình hình miền Nam đã thừa nhận: “Một thời kì hết sức nghiêm trọng đối với Tổng thống Ngô Đình Diệm và VNCH hiện đã ở ngay trước mắt. Trong tình hình 6 tháng qua (cuối năm 1960) tình hình an ninh ở trong nước vẫn tiếp tục trở nên ngày càng xấu đi và nay đã lên tới mức nghiêm trọng. Trên một nửa toàn bộ vùng nông thôn nằm ở phía Nam và Tây Nam Sài Gòn cũng như một số vùng ở phía Bắc đã nằm dưới quyền kiểm soát lớn của Cộng sản” (Quỳnh Cư, 1985, tr.134).

Thắng lợi của phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ không chỉ thể hiện ở việc cách mạng giải phóng được nhiều xã, ấp, tiêu diệt nhiều đồn bót của CQSG ở các địa phương, không chỉ là sự hồi phục, củng cố và phát triển LLCM mà quan trọng hơn hết là thắng lợi của phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ có sức lan tỏa rộng lớn, có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ đến phong trào Đồng Khởi diễn ra trên toàn miền Nam Việt Nam. Phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ góp phần làm nảy sinh hiện tượng tan rã, đào ngũ ngày càng tăng nhanh trong quân đội của CQSG. Cuộc chiến tranh chính nghĩa của nhân dân Nam Bộ đối lập với sự khủng bố, đàn áp tàn bạo của chính quyền Mỹ - Diệm giúp cho nhiều binh lính Sài Gòn nhìn ra lẽ phải. Họ phần lớn đào ngũ trở về với nhân dân, với cách mạng và thậm chí một số còn đứng về phía nhân dân chống lại chính quyền Mỹ - Diệm. Số lính đào ngũ trong QĐSG ngày càng tăng lên. Trong năm 1960 ở miền Trung và miền Tây Nam Bộ đã “có 11.500 binh sĩ bỏ ngũ, đào ngũ trở về với nhân dân” (Cao Văn Lượng, Phạm Quang Toàn và Quỳnh Cư, 1981, tr.77).

Phong trào Đồng Khởi những năm 1959 - 1960 của quân và dân Nam Bộ góp phần làm tăng thêm mâu thuẫn, phân hóa trong hàng ngũ quân đội và CQSG, khiến cho Ngô Đình Diệm phải hốt hoảng, nhanh chóng tiến hành các cuộc khủng bố, thanh trừng lực lượng quân đội trong chính quyền của mình. Sự thanh trừng trong

nội bộ ngày càng làm cho các phe phái trong chính quyền chống đối thêm ác liệt và vượt ra ngoài vòng kiểm soát của Ngô Đình Diệm. Nếu như vào tháng 5 năm 1957 khi Ngô Đình Diệm sang thăm Mỹ, chính quyền Washington lúc đó đã tung hô tổng thống của VNCH như một người hùng vì đã khiến cho “Việt Cộng phải chạy trốn, các lãnh tụ giáo phái chống đối không thể làm gì hơn là sự ganh tức, và chính quyền Nam Việt Nam, nói chung được các quan chức Hoa Kỳ nhìn nhận ít khắt nghiệt hơn mức cần thiết, vì bây giờ (1957) đã mở rộng quyền kiểm soát được vào vùng nông thôn” (Thomas L.Ahern Jr, 2010, tr.29) cũng như các giới chức ở Mỹ mà nổi bật là Thượng nghị sĩ Mansfield đã dùng nhiều mỹ từ để ví von, ca ngợi Ngô Đình Diệm trong chuyến thăm năm đó là “Tổng thống Diệm không chỉ là vị cứu tinh của đất nước Ngài ấy, mà theo tôi, Ngài ấy còn là vị cứu tinh của cả Đông Nam Á... Ngài thực sự là một người đàn ông của nhân dân, một người đàn ông Việt Nam đáng ngưỡng mộ và tin tưởng, và một người mà Hoa Kỳ tin tưởng với niềm tin lớn không giới hạn” (Congressional Research Service Library of Congress, 1984, tr.332-333) thì sau phong trào Đồng Khởi năm 1960 thắng lợi của quân và dân miền Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng đã làm nảy sinh mâu thuẫn giữa chính quyền Mỹ với CQSG, gây ra sự ngờ vực và giảm hẳn sự ủng hộ của nhiều nghị sĩ trong Quốc hội Mỹ cũng như trong chính quyền Washington đã ưu ái dành cho Ngô Đình Diệm trước đó. Thậm chí một số thượng nghị sĩ Mỹ đặt ra vấn đề liệu có nên xem lại “sự ủng hộ Diệm có phục vụ lợi ích lâu dài của Mỹ không” (Cao Văn Lượng, Phạm Quang Toàn và Quỳnh Cư, 1981, tr.78). Năm 1960, Ngô Đình Diệm “phải cay đắng thừa nhận rằng, các chính sách và chiến lược an ninh nội bộ đã thất bại và đối thủ Cộng sản của ông đã phục hồi được vị thế sau những thiệt hại to lớn mà họ phải gánh chịu trong giai đoạn 1956 - 1958. Diệm sớm nhận thấy những thất bại này đã gây ra thái độ bất bình trong nội bộ chính phủ và trong hàng ngũ các lực lượng vũ trang miền Nam Việt Nam. Chúng cũng mang đến những khó khăn mới trong mối quan hệ của ông với nước Mỹ” (Edward Miller, 2016, tr.276). Và cuộc đảo chính vào tháng 11 năm 1960 do Phan Quang Đán cùng Nguyễn Chánh Thi tiến hành nhằm lật đổ Ngô Đình Diệm là biểu hiện rõ nhất của sự mâu thuẫn và phân hóa trong nội bộ của CQSG. Cuộc đảo chính tuy

thất bại nhưng nó cũng góp phần làm cho chính quyền Ngô Đình Diệm ngày càng suy yếu, khủng hoảng trầm trọng thêm. Đồng thời, kể từ sau phong trào Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ, mối “liên minh” Mỹ - Diệm đã “rung lắc”, xuất hiện những “rạn nứt” ngày càng lớn và cuối cùng dẫn đến tan rã không lâu sau đó.

Thắng lợi lớn của quân và dân Nam Bộ trong Đồng Khởi những năm 1959 - 1960 còn đưa đến sự ra đời của MTDTGPMNVN vào ngày 20/12/1960. Ngay sau khi MTDTGPMNVN ra đời thì không lâu sau đó Mặt trận Dân tộc giải phóng ở các tỉnh thuộc Nam Bộ cũng lần lượt được thành lập, để lãnh đạo tập hợp lực lượng cách mạng đấu tranh trong từng tỉnh. Mặt trận Dân tộc các tỉnh ra đời đánh dấu một giai đoạn mới trong phong trào đấu tranh cách mạng ở Nam Bộ. Cuộc đấu tranh chống chính quyền Mỹ - Diệm của quân và dân Nam Bộ thực sự bước sang một giai đoạn mới dưới sự lãnh đạo thống nhất của MTDTGPMNVN với niềm tin tất thắng.

Có thể khẳng định, đỉnh cao của quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM của quân và dân Nam Bộ những năm 1954 - 1960 là phong trào Đồng Khởi diễn ra trên toàn vùng những năm 1959 - 1960 với nhiều phương thức đấu tranh phong phú, sáng tạo. Và thắng lợi vang dội của phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ những năm 1959 - 1960 không chỉ mở ra bước ngoặt lớn trong phong trào đấu tranh cách mạng ở địa phương mà còn góp phần tạo ra bước chuyển quan trọng trên chiến trường miền Nam Việt Nam. Tình thế cách mạng ở miền Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng chuyển từ thế phòng ngự, giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công mạnh mẽ. Sau Đồng Khởi, lực lượng vũ trang với 3 thứ quân gồm bộ đội chủ lực; bộ đội địa phương; các đội dân quân tự vệ, du kích được hình thành và phát triển trong đấu tranh trên các địa bàn của Nam Bộ. Ở các tỉnh Nam Bộ phần lớn đều có lực lượng vũ trang tập trung, ở các thôn xã đều có đội tự vệ du kích. Đây là điều kiện quan trọng giúp cho quân và dân miền Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng có đủ sức mạnh để vùng lên tiến công đánh bại các chiến lược chiến tranh tăng cường của chính quyền Mỹ và CQSG sau đó. Mặt khác, phong trào Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ còn có những tác động sâu sắc đến các thành thị ở miền

Nam Việt Nam, tạo ra dư luận rộng rãi chống đối CQSG. Hiệu ứng của cuộc Đồng Khởi ở các tỉnh Nam Bộ lan nhanh, sâu rộng như những làn sóng cách mạng mạnh mẽ liên tiếp tấn công tới tập vào thành lũy thống trị của CQSG ở cơ sở và góp phần thổi bùng ngọn lửa đấu tranh cách mạng dâng cao trên toàn miền Nam Việt Nam, khiến cho chính quyền cai trị của họ Ngô vốn lung lay trước đó thêm suy yếu, khủng hoảng trầm trọng hơn và tất yếu dẫn đến sụp đổ không lâu sau đó.

4.2. Vai trò

4.2.1. Góp phần vạch trần bản chất, âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn, hạn chế tổn thất lực lượng cách mạng khi chính quyền Sài Gòn không thi hành Hiệp định Genève 1954

Quá trình đấu tranh mạnh mẽ của quân và dân Nam Bộ chống lại các hành động đàn áp, khủng bố tàn bạo từ CQSG kể từ sau Hiệp định Genève góp phần vạch trần rõ bản chất, âm mưu, thủ đoạn xâm lược của đế quốc Mỹ cũng như quyết tâm chia cắt vĩnh viễn Việt Nam của CQSG. Bản chất và âm mưu xâm lược của đế quốc Mỹ ở Nam Việt Nam bộc lộ rõ thông qua các hoạt động viện trợ ngày càng tăng về kinh tế, quân sự của họ cho CQSG kể từ sau năm 1954. Thẳng thừng chối từ những cái bắt tay thiện chí mong muốn hòa bình, thống nhất đất nước từ chính quyền VNDCCH và khi nhận được sự ủng hộ tuyệt đối từ chính quyền Mỹ, chính quyền họ Ngô bộc lộ bản chất tàn bạo của mình thông qua các chiến dịch khủng bố, đàn áp đẫm máu các phong trào cách mạng trong nhiều địa phương miền Nam mà Nam Bộ được coi là trọng điểm đánh phá của chính quyền. Có áp bức tất có đấu tranh phản kháng, quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM của quân và dân Nam Bộ những năm 1954 - 1960 là sự phản kháng mạnh mẽ, góp phần vạch trần bản chất xâm lược của chính quyền Mỹ ở Nam Việt Nam cũng như sự tàn bạo của CQSG. Quá trình đấu tranh mạnh mẽ của quân và dân Nam Bộ trong khoảng thời gian này là những phản ứng tự vệ tất yếu của quần chúng nhân dân yêu chuộng hòa bình, khát khao nhất thống đất nước. Khi Hiệp định Genève 1954 được ký kết, nhân dân Việt Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng mong muốn mãnh liệt về hòa bình, thống nhất hai miền Nam - Bắc. Nhưng những mong muốn thống nhất thiêng

liêng đó của nhân dân Nam Bộ bị dập tắt bởi sự hiện diện ngày càng tăng của chính quyền Mỹ và đi theo họ là lực lượng tay sai hiếu chiến (Ngô Đình Diệm cùng dòng họ Ngô), mang dã tâm chia cắt vĩnh viễn Việt Nam. Đến giữa năm 1956 khi không có hiệp thương, tổng tuyển cử thống nhất diễn ra theo quy định Hiệp Genève 1954 và CQSG đẩy mạnh các hoạt động đàn áp, khủng bố mạnh phong trào cách mạng và quần chúng nhân dân thì quân và dân Nam Bộ buộc phải đứng lên đấu tranh vừa tự bảo vệ mình vừa để vạch trần cho thế giới biết rõ những âm mưu, thủ đoạn xâm lược, chia cắt của chính quyền Washington ở tận bên kia Bắc Bán cầu cũng như “con đẻ” của họ - CQSG ở miền Nam Việt Nam.

Không chỉ vạch trần bản chất, âm mưu, thủ đoạn thâm độc cùng dã tâm xâm lược trắng trợn của chính quyền Mỹ, quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ những năm 1954 - 1960 còn góp phần hạn chế tổn thất của LLCM khi CQSG đẩy mạnh các chiến dịch khủng bố, đàn áp và đánh phá ác liệt phong trào cách mạng ở địa phương. Từ sau năm 1956, CQSG từ chối tổng tuyển cử thống nhất đất nước và gia tăng các hành động khủng bố, đánh phá khốc liệt vào phong trào cách mạng ở miền Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng đã đặt cách mạng ở Nam Bộ vào tình cảnh hiểm nguy. Trước thực tế đó buộc những người lãnh đạo cách mạng ở Nam Bộ phải xúc tiến quá trình đấu tranh với nhiều hình thức, phương cách linh hoạt, sáng tạo để giữ gìn LLCM. Những tổ, nhóm tự vệ mật được thành lập từ những năm 1955- 1956 đẩy mạnh các hoạt động vũ trang tuyên truyền ở địa phương hạn chế các hành động gây tội ác của QĐSG cũng như lực lượng tay sai địa chủ, tề xã, tề ấp, khiến họ không dám manh động gây thêm tội ác đối với nhân dân. Từ năm 1957 trở về sau, nhiều căn cứ địa cách mạng lần lượt được tái lập, xây dựng mới và tăng cường phát triển lực lượng vũ trang trong đều khắp các vùng Nam Bộ. Các đơn vị vũ trang này thường tiến hành các hoạt động trừ gian diệt ác và thậm chí còn thực hiện các trận đánh tập kích, các trận đánh công đồn ở nhiều địa phương khiến cho QĐSG ở cơ sở hoang mang, lo lắng không dám khủng bố, đàn áp mạnh phong trào cách mạng của

quần chúng nhân dân Nam Bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tái xây dựng và phát triển của LLCM ở các địa phương.

Những hoạt động đấu tranh mạnh mẽ của quân và dân Nam Bộ để giữ gìn và xây dựng LLCM giai đoạn 1954 - 1960, đặc biệt những năm 1957 - 1959 phát huy tác dụng, tạo ra những chuyển biến tích cực, khiến cho QĐSG không dám manh động, không còn trắng trợn, ngang nhiên khủng bố, đàn áp phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân như những năm đầu sau Hiệp định Genève. Như vậy, nhờ quân và dân Nam Bộ đẩy mạnh quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM bằng nhiều phương thức đấu tranh phong phú, sáng tạo khiến cho QĐSG đôi lúc phải chùn chân trong các chiến dịch khủng bố, đàn áp, bình định, đánh phá của họ ở các địa phương, đồng thời giúp cho các LLCM ở Nam Bộ được củng cố, giữ vững, giảm bớt tổn thất cũng như có điều kiện phát triển sau đó.

4.2.2. Tập hợp đông đảo các lực lượng gồm nông dân, công nhân, trí thức, binh lính các giáo phái... vào một mặt trận chung chống Mỹ - Diệm

Sức mạnh để đưa một cuộc cách mạng đi đến thành công không thể đến từ một giai cấp, tầng lớp riêng lẻ mà phải là sự tổng hợp sức mạnh của tất cả các giai tầng tồn tại trong xã hội. Quá trình đấu tranh mạnh mẽ của quân và dân Nam Bộ chống CQSG những năm 1954 - 1960 là sự tổng hợp sức mạnh lớn lao đó. Từ sau Hiệp định Genève 1954, với chủ trương đại đoàn kết toàn dân, Đảng giương cao ngọn cờ đại đoàn kết dân tộc, tập hợp và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân vào một mặt trận chung để chống lại chính quyền Mỹ - Diệm. Quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM của quân và dân Nam Bộ những năm 1954 - 1960 phát huy được sức mạnh tổng hợp của nhiều lực lượng tham gia trong xã hội từ nông dân, công nhân, trí thức cho đến binh lính của các giáo phái.

Trong những năm 1954 - 1960, đối lập với các hành động đàn áp, khủng bố khốc liệt của CQSG là quá trình đấu tranh cam go, quyết liệt để giữ gìn và xây dựng LLCM của quân và dân Nam Bộ. Từ cuối năm 1954, trong các phong trào ĐTCT của quần chúng nhân dân có sự phong phú, đa dạng thành phần tham gia từ nông dân, công nhân, trí thức cho đến cả học sinh, sinh viên. Phong trào ĐTCT

của quần chúng nhân dân Nam Bộ diễn ra sôi nổi, rầm rộ và rộng khắp kéo dài từ vùng nông thôn cho đến thành thị để mừng hòa bình lập lại, đòi CQSG thi hành Hiệp định Genève. Sự hình thành, hoạt động và phát triển của các “hội biến tướng” như hội đá banh, tổ y tế, tổ thuốc nam, hội phụ nữ, thanh niên, nhi đồng, hội phụ lão... đã tích cực góp phần giữ vững được phong trào cách mạng ở các địa phương Nam Bộ lúc bấy giờ. Mặt khác, các hội biến tướng này vừa là nơi tập hợp vừa là chỗ phát động đông đảo quần chúng nhân dân tiến hành các cuộc đấu tranh rộng lớn như tổ chức các buổi mít tinh, biểu tình, bãi khóa, bãi thị để phản đối các hành động đàn áp, khủng bố cùng các chính sách tàn bạo của CQSG.

Các “Đội dân canh chống cướp”, các “Đội phòng cháy chữa cháy” sớm ra đời ở nhiều địa phương Nam Bộ trong giai đoạn này cũng góp phần tích cực đấu tranh bảo vệ LLCM, hạn chế các hành động bất bớ, tù đày cán bộ, đảng viên cách mạng đang hoạt động trong vùng CQSG kiểm soát. Các “hội biến tướng” trên đã góp phần quan trọng giúp cho nhân dân Nam Bộ đấu tranh có hiệu quả chống khủng bố, đàn áp từ QĐSG cũng như đã hỗ trợ hoặc giải thoát cho nhiều cán bộ, đảng viên cách mạng chẳng may bị quân lính Sài Gòn phát hiện, bắt giữ. Sự hình thành và phát triển của nhiều tổ chức, “hội biến tướng” không những góp phần giữ vững an ninh trật tự tại địa phương mà còn hỗ trợ tích cực trong quá trình xây dựng và phát triển LLCM ở Nam Bộ. Sự hoạt động có hiệu quả của các tổ chức và các “hội biến tướng” còn góp phần chặn đứng hoặc hạn chế các hành động gây tội ác của QĐSG đến quần chúng nhân dân cùng các phong trào đấu tranh cách mạng ở địa phương.

Có thể nhận thấy, trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM của quân và dân Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1960 bên cạnh sự tham gia đông đảo của các lực lượng nông dân, công nhân, trí thức, học sinh, sinh viên còn tập hợp được sức mạnh của lực lượng vũ trang các giáo phái ly khai chống CQSG. Trong những năm 1955 - 1956, khi cuộc chiến sống còn tranh giành quyền lực và ảnh hưởng ở Nam Bộ giữa Ngô Đình Diệm với các lực lượng giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo và Bình Xuyên diễn ra gay gắt, quyết liệt thì lợi dụng tình thế đó, XUNB đẩy mạnh

công tác vận động, tranh thủ lực lượng các giáo phái ly khai chống CQSG nhằm tập hợp và phát triển LLCM ở các địa phương. Dưới sự khéo léo, mềm dẻo thông qua công tác binh vận, Đảng đã vận động, lôi kéo và giáo dục được một bộ phận đáng kể các lực lượng giáo phái ly khai chống Diệm lần lượt ngả về phía cách mạng, hoặc chí ít trung lập.

Lực lượng Bình Xuyên, giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo ngoài lực lượng đầu hàng còn một bộ phận khác đứng lên chống lại chính quyền họ Ngô mạnh mẽ và bộ phận này cũng được cách mạng vận động, tranh thủ và giáo dục họ đứng về phía cách mạng để cùng chiến đấu chống lại CQSG. Thắng lợi trong công tác binh vận với việc lôi kéo, tranh thủ được một bộ phận các lực lượng quân đội Bình Xuyên, quân lính của các giáo phái ly khai Cao Đài, Hòa Hảo những năm 1955 - 1956 cho thấy sự linh hoạt, sáng tạo không ngừng của quân và dân Nam Bộ dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng và XUNB trong quá trình đấu tranh để giữ gìn và xây dựng LLCM ở địa phương.

Như vậy, quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM ở Nam Bộ có được sự tham gia đông đảo, phong phú về các thành phần và lực lượng đấu tranh từ nông dân, công nhân, trí thức, học sinh, sinh viên cho đến sự tham gia của lực lượng vũ trang các giáo phái ly khai và hình thành một mặt trận chung cùng chĩa mũi nhọn đấu tranh vào CQSG. Sự tham gia, hưởng ứng đông đảo của các thành phần đó trong xã hội Nam Bộ tạo ra sức mạnh tổng hợp lớn giúp cho quân và dân Nam Bộ không những đấu tranh bảo tồn được lực lượng trước các hành động khủng bố, đánh phá khốc liệt của QĐSG mà còn thúc đẩy sự phát triển lớn mạnh của LLCM ở địa phương. Đồng thời, với sự tham gia của đông đảo các thành phần trong xã hội Nam Bộ vào một mặt trận chung còn góp phần quan trọng giúp cho quân và dân Nam Bộ hội đủ sức mạnh cần thiết và sẵn sàng đánh bại các chiến lược chiến tranh tăng cường của chính quyền Mỹ ở các giai đoạn đấu tranh tiếp sau trên toàn địa bàn.

4.2.3. Tạo ra được một hệ thống căn cứ địa làm nơi đứng chân để bảo vệ, phát triển lực lượng và là hậu phương cách mạng tại chỗ cho chiến tranh cách mạng ở Nam Bộ

Xuất phát từ những yêu cầu cấp thiết của cách mạng nên trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM những năm 1954 - 1960, quân và dân Nam Bộ đã xây dựng được một hệ thống các căn cứ địa cách mạng và hoạt động liên hoàn trải dài từ miền Tây cho đến miền Đông Nam Bộ (đến cuối năm 1960). Các căn cứ địa được tái xây dựng tạo ra nơi đứng chân để hoạt động, bảo vệ và phát triển LLCM. Đồng thời, các căn cứ địa cách mạng còn là hậu phương tại chỗ phục vụ kịp thời cho chiến tranh cách mạng ở Nam Bộ. Trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi (1954 - 1960), quân và dân Nam Bộ sử dụng nhiều hình thức đấu tranh phong phú, phù hợp với đặc điểm, với thế và lực ở từng địa phương. Ở miền Tây Nam Bộ, do hệ quả của các cuộc hành quân bình định, càn quét, các cuộc khủng bố đẫm máu từ QĐSG dẫn đến xuất hiện hiện tượng một bộ phận quần chúng nhân dân rũ nhau bỏ trốn vào các cánh rừng bạt ngàn ở U Minh Thượng và U Minh Hạ thành lập các làng, xã sinh sống và chiến đấu chống lại CQSG. Hàng loạt “làng rừng” mọc lên tồn tại len lỏi trong những cánh rừng nguyên sinh. Họ hàng đêm tập luyện, rèn đúc vũ khí chờ đợi thời cơ thuận lợi để hoạt động cách mạng. Các “làng rừng” ban đầu xuất hiện tự phát dần về sau những người lãnh đạo cách mạng ở địa phương nhận thấy đây cũng là một “giải pháp” hiệu quả nhằm “cứu nguy”, giúp cho LLCM bớt bị tổn thất và có điều kiện phát triển trong tình hình mới. Các Tỉnh ủy miền Tây Nam Bộ như Cà Mau, Kiên Giang, Bạc Liêu... đã chủ động hỗ trợ, chỉ huy thiết lập các làng xã chiến đấu. Các “làng rừng” được hình thành và phát triển ngày càng mạnh ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ và tồn tại như những căn cứ địa cách mạng hoạt động chống CQSG.

Nếu ở miền Tây Nam Bộ hình thành các “làng rừng” hoạt động như những căn cứ địa cách mạng nằm ẩn khuất sâu giữa những cánh rừng U Minh bạt ngàn thì ở miền Trung Nam Bộ cũng sớm thành lập “những túi bất hợp pháp” hoạt động giống như những căn cứ địa cách mạng tại những vùng xa xôi hẻo lánh, tận chốn bưng

biên của vùng Đồng Tháp Mười. Phong trào tản cư lên những vùng đất giáp ranh biên giới Campuchia phát triển mạnh nhằm tránh sự khủng bố, đánh phá khốc liệt của CQSG và cũng để xây dựng củng cố lại LLCM trước nguy cơ tan rã nhanh chóng. Phần lớn lực lượng tản cư là những cán bộ, chiến sĩ, đảng viên cách mạng bị lộ thân phận phải chuyển vùng, đổi vùng hoạt động để tránh tai mắt của CQSG. Những căn cứ cách mạng này được hình thành và phát triển mạnh tạo điều kiện thuận lợi cho việc sớm tái lập lực lượng vũ trang cách mạng ở các địa phương Nam Bộ sau đó.

Trong khi đó, với địa thế phần lớn là vùng đồi núi và rừng rậm, miền Đông Nam Bộ cũng là nơi thuận lợi cho việc thiết lập, xây dựng các căn cứ địa cách mạng để hoạt động và đấu tranh. Kể từ năm 1957, với chủ trương tiến hành khôi phục và xây dựng các căn cứ địa cách mạng của XUNB, nhiều căn cứ địa cách mạng được tái xây dựng, mở rộng và phát triển ở miền Đông Nam Bộ. Các căn cứ địa cách mạng được củng cố, xây dựng và phát triển lớn mạnh ở miền Đông Nam Bộ trong thời gian này cũng nhanh chóng trở thành “đại bản doanh”, nơi đặt các cơ quan quan trọng của XUNB để thuận tiện cho quá trình lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh cũng như tiếp nhận và phổ biến các chủ trương, đường lối đấu tranh của Trung ương Đảng trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược và CQSG.

Có thể nói, sự tái lập, mở rộng và xây dựng các căn cứ địa cách mạng ở Nam Bộ, trải dài từ miền Tây Nam Bộ cho đến miền Đông Nam Bộ những năm 1954 - 1960 là minh chứng sống động nhất cho tính linh hoạt, sáng tạo của quân và dân Nam Bộ trong quá trình đấu tranh để giữ gìn và xây dựng LLCM. Những căn cứ địa cách mạng, những “túi bất hợp pháp” tồn tại và hoạt động chống CQSG ở cơ sở là tiền đề quan trọng dẫn đến sự phục hồi nhanh chóng và phát triển của LLCM, nhất là lực lượng vũ trang ở các địa phương của Nam Bộ sau đó. Những hoạt động tích cực và hiệu quả của các căn cứ địa cách mạng ở Nam Bộ cũng góp phần lớn vào việc hạn chế các hành động khủng bố, đàn áp của CQSG ở địa phương, khiến cho QĐSG luôn trong tình trạng bất an và không dám manh động đẩy mạnh càn quét, đánh phá mạnh hơn nữa vào vùng căn cứ cách mạng lúc bấy giờ. Đồng thời,

các căn cứ địa cách mạng không chỉ tạo tiền đề thuận lợi cho phong trào Đồng Khởi của dân và dân Nam Bộ nổ ra thắng lợi vang dội trên toàn vùng những năm 1959 - 1960 mà còn chở thành hậu phương cách mạng tại chỗ trong các giai đoạn đấu tranh tiếp sau đánh bại các chiến lược chiến tranh tăng cường của chính quyền Mỹ và CQSG.

4.2.4. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, tạo điều kiện để phát triển lực lượng vũ trang 3 thứ quân, góp phần đưa cách mạng miền Nam chuyển từ khởi nghĩa sang chiến tranh cách mạng

Các chiến dịch đàn áp, khủng bố và đánh phá ác liệt của CQSG ở Nam Bộ những năm 1954 - 1960 là tác nhân chính dẫn đến yêu cầu cấp thiết phải tái xây dựng nhanh chóng lực lượng vũ trang cách mạng ở các địa phương. Đối diện với các hành động tàn bạo của CQSG, quân và dân miền Nam nói chung và ở Nam Bộ nói riêng tất yếu phải sử dụng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng. Quá trình đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng để ứng phó với các hành động khủng bố, đánh phá mạnh từ QĐSG được quân và dân Nam Bộ xúc tiến nhanh chóng và có hiệu quả. Để bảo tồn LLCM, các đơn vị vũ trang ở Nam Bộ được hình thành ban đầu với quy mô nhỏ và hoạt động rải rác trong nhiều địa phương dần dần được củng cố, đẩy mạnh xây dựng và phát triển. Từ các tổ, đội, nhóm tự vệ mật, các đội vũ trang tuyên truyền, các đơn vị vũ trang mang danh nghĩa giáo phái hình thành trong những năm 1954 - 1956 được sự chỉ đạo, lãnh đạo của XUNB cũng sớm phát triển trở thành những đơn vị vũ trang mạnh những năm 1957 - 1960 và thực hiện những trận đánh công đồn giành thắng lợi lớn ở nhiều địa phương của Nam Bộ mà đỉnh cao là phong trào Đồng Khởi giành được thắng lợi trên toàn vùng những năm 1959 - 1960. Quá trình đấu tranh sôi nổi, quyết liệt, mạnh mẽ để giữ gìn và xây dựng LLCM của quân và dân Nam Bộ trong những năm 1954 - 1960 còn góp phần dẫn đến sự hình thành và phát triển của lực lượng vũ trang 3 thứ quân trên địa bàn, gồm: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích sau đó. Sau Đồng Khởi thắng lợi ở Nam Bộ, lực lượng vũ trang cách mạng gồm 3 thứ quân tiếp tục được đẩy mạnh phát triển mạnh về số lượng lẫn chất

lượng ở các địa phương và đáp ứng được những yêu cầu thực tiễn đấu tranh cấp bách của cách mạng. Thắng lợi của phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ những năm 1959 - 1960 không chỉ tạo ra bước chuyển phong trào cách mạng ở địa phương từ thế bị động giữ gìn lực lượng sang thế tiến công mà còn góp phần quan trọng làm xoay chuyển hình thái cách mạng miền Nam Việt Nam từ khởi nghĩa sang chiến tranh cách mạng.

4.2.5. Đồng Khởi ở Nam Bộ góp phần tạo nên cao trào đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và binh vận kết hợp trên toàn miền Nam Việt Nam

Trong những năm 1959 - 1960, quân và dân Nam Bộ vừa phải tiến hành các phong trào ĐTCT chống các hoạt động đàn áp, khủng bố từ CQSG để hạn chế tổn thất, mất mát LLCM vừa tích cực đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang song song với việc mở rộng các căn cứ địa cách mạng ở các địa phương để làm nơi đứng chân, bảo vệ LLCM và phát động các đợt tiến công QĐSG. Nhờ sớm đẩy mạnh quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM ở địa phương, từ chính trị, binh vận từng bước tiến lên xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang cách mạng nên quân và dân Nam Bộ có thể tiến hành Đồng Khởi giành được thắng lợi vang dội những năm 1959 - 1960. Phong trào Đồng Khởi thắng lợi của quân và dân Nam Bộ không chỉ góp phần to lớn làm xoay chuyển tình thế cách mạng ở miền Nam từ bị động, giữ gìn lực lượng sang giai đoạn tiến công mà còn tạo ra cao trào ĐTCT với ĐTVT và binh vận kết hợp trên toàn miền Nam Việt Nam sau đó. ĐTCT với ĐTVT và binh vận kết hợp là một phương thức đấu tranh sáng tạo, độc đáo được quân và dân Nam Bộ sản sinh ra từ trong phong trào Đồng Khởi những năm 1959 - 1960.

Từ sau Đồng Khởi, cao trào tiến công bằng ĐTCT với ĐTVT và binh vận kết hợp trở thành phổ biến không chỉ ở Nam Bộ mà còn được phát huy trên toàn miền Nam Việt Nam. Cao trào ĐTCT với ĐTVT và binh vận kết hợp được quân và dân miền Nam vận dụng sáng tạo và tiến hành có hiệu quả trong thực tiễn đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và CQSG. Cao trào tiến công đánh địch bằng chính trị với vũ trang và binh vận kết hợp được quân và dân miền Nam Việt Nam tiến

hành trên cả ba vùng chiến lược (vùng đô thị, đồng bằng nông thôn và vùng rừng núi) và giành được những thắng lợi quan trọng. Nhờ vận dụng linh hoạt, sáng tạo hình thức ĐTCT với ĐTVT và binh vận kết hợp mà quân và dân miền Nam Việt Nam lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh tăng cường của chính quyền Mỹ và CQSG trong các giai đoạn tiếp sau. Có thể khẳng định, Đồng Khởi ở Nam Bộ những năm 1959 - 1960 góp phần tạo ra cao trào ĐTCT với ĐTVT và binh vận kết hợp trên toàn miền Nam Việt Nam. Chính sự phổ biến và phát triển mạnh mẽ của cao trào đấu tranh này mà quân và dân miền Nam từng bước đánh bại đội quân xâm lược hùng mạnh thế giới - quân đội Mỹ với quân đồng minh của họ và QĐSG, tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

4.3. Hạn chế của quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ (1954 - 1960)

Bên cạnh những vai trò và kết quả đạt được như phân tích trên, quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1960 còn tồn tại một số hạn chế sau:

4.3.1. Sau Hiệp định Genève 1954, một số địa phương Nam Bộ chưa nhận thức đầy đủ, kịp thời bản chất, âm mưu thủ đoạn của Mỹ và chính quyền Sài Gòn

Từ sau năm 1954, ở một số địa phương Nam Bộ, trong một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn còn có tâm lý chủ quan, quá tin tưởng vào khả năng sẽ có hiệp thương, tổng tuyển cử để thống nhất hai miền Nam - Bắc Việt Nam theo quy định của Hiệp định Genève, khiến cho họ có phần chủ quan, mất cảnh giác cách mạng. Một số cán bộ, đảng viên cũng chưa nhận thức đầy đủ, kịp thời bản chất, âm mưu, thủ đoạn xâm lược của chính quyền Mỹ và CQSG, hòng chia cắt Việt Nam vĩnh viễn cộng với sự chưa chuẩn bị tốt về công tác tư tưởng cho phần lớn cán bộ, đảng viên cũng như thiếu tuyên truyền, phổ biến, giải thích rõ cho quần chúng nhân dân hiểu đúng tình hình cách mạng lúc bấy giờ, về những chủ trương, đường lối, phương hướng đấu tranh của Trung ương Đảng và XUNB tại một số nơi ở Nam Bộ. Vì vậy, khi thực tế không có hiệp thương, tổng tuyển cử diễn ra và CQSG đẩy mạnh các hoạt động khủng bố, đàn áp, đánh phá khốc liệt vào các phong trào và

LLCM ở địa phương này đã khiến cho một bộ phận cán bộ, đảng viên bị bất ngờ và bị động, dẫn đến tổn thất lực lượng lớn, các phong trào đấu tranh phần lớn cũng nhanh chóng tan rã theo nhịp độ đánh phá ngày một gia tăng của CQSG.

4.3.2. Trong những năm 1954 - 1956, chú trọng đấu tranh chính trị mà thiếu chủ động xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa cách mạng

Trong những năm 1954 - 1956, việc đẩy mạnh các hoạt động ĐTCT, hợp pháp trong toàn vùng Nam Bộ đòi CQSG thi hành những nội dung quy định của Hiệp định Genève 1954, đòi hiệp thương, tổng tuyển cử là đúng đắn, phù hợp với đường lối đấu tranh chung của Trung ương Đảng. Nhưng trong đường lối tổ chức đấu tranh ở một số địa phương Nam Bộ lại quá “hữu khuynh”, cứng nhắc, đồng thời công tác xây dựng và giáo dục ý thức về khả năng sẽ có một cuộc đấu tranh lâu dài gian khổ chống chính quyền Mỹ - Diệm ở địa phương chưa được thực hiện đầy đủ, đúng mức. Trong thời gian Ngô Đình Diệm ra sức thiết lập chính quyền thống trị tại địa phương thì cách mạng chỉ tiến hành các phong trào ĐTCT hòa bình đơn thuần mà thiếu đi sự chuẩn bị, củng cố, tích trữ xây dựng LLCM cần thiết nhất là lực lượng vũ trang cũng như xây dựng các căn cứ địa cách mạng để hỗ trợ cho các phong trào đấu tranh chính trị giành được những thắng lợi lớn hơn. Trong thời gian này, “chính quyền Ngô Đình Diệm ngày càng phát triển mạnh trong khi triển vọng của Đảng lại quá ảm đạm” (Jeffrey Race, 1973, tr.74). Trong những năm này, nếu XUNB mạnh dạn, dám có những chỉ đạo “âm thầm”, bí mật sớm đẩy mạnh tái xây dựng lực lượng vũ trang và xây dựng các căn cứ địa cách mạng hoạt động để hỗ trợ tích cực hơn cho các phong trào ĐTCT ở các địa phương thì có thể phần nào bảo tồn được LLCM, hạn chế những tổn thất lớn. Do đó, đến khi bản chất phát xít tàn bạo của CQSG bộc lộ, đẩy mạnh các chiến dịch khủng bố, đàn áp, đánh phá khốc liệt từ sau năm 1956 thì cách mạng rơi vào thế bị động và bị tổn thất lớn LLCM, khiến cho các phong trào đấu tranh ở nhiều nơi phải lắng xuống hoặc tan vỡ. Mặt khác, trong thời gian này do chưa nhận thức rõ tương quan lực lượng giữa cách mạng và CQSG (do chính quyền Mỹ giúp sức dựng lên được trang bị tiềm lực về mọi mặt) nên trong cuộc đấu tranh có nhiều nơi chỉ đạo khi thì “tả” khi thì

“hữu”, thiếu thống nhất, đồng bộ; chưa biết giữ thế thủ một cách chủ động tích cực để ít bị tổn thất và có lợi nhất, đồng thời chưa biết tấn công QĐSG để giữ thế chủ động. Cụ thể, trong năm 1955, cách mạng chỉ tấn công CQSG bằng các khẩu hiệu chính trị có phần xem nhẹ tấn công bằng khẩu hiệu dân sinh dân chủ. Về tổ chức chưa thực hiện đúng mức việc che giấu bảo tồn lực lượng. Trong khi về tư tưởng bệnh chủ quan khinh địch còn phổ biến trong phần lớn cán bộ, đảng viên. Do đó đã hạn chế đi những thắng lợi lớn của phong trào cách mạng ở Nam Bộ.

4.3.3. Từ cuối năm 1956 trở về sau, Xứ ủy Nam Bộ chậm tham mưu, thiếu chủ động đề ra những nội dung đấu tranh cho phù hợp, còn bị động chờ đợi chủ trương của cấp trên

Nhà báo người Anh David Hotham trong bài viết: “South Vietnam, shaky bastion” (Nam Việt Nam: một pháo đài lung lay) đăng trên báo *New Republic* ngày 25/11/1957 viết là “Diệm giữ pháo đài (chính quyền) thông qua quân đội và lực lượng cảnh sát do Mỹ (tiền của Mỹ) cung cấp. Không phải những người Cộng sản không làm được gì vì Diệm mạnh mà đúng hơn Diệm vẫn còn mạnh được là vì những người Cộng sản không làm gì cả” (David Hotham, 1957). Từ giữa năm 1956 trở về sau, CQSG thẳng thừng cự tuyệt tổng tuyển cử thống nhất đất nước và đẩy mạnh các hoạt động đàn áp, khủng bố, đánh phá khốc liệt trên toàn Nam Bộ khiến cho các phong trào cách mạng bị chùng xuống, LLCM bị tan vỡ nhiều nơi, tiêu hao rất lớn. Cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nóng lòng Nam Bộ mong chờ Trung ương Đảng có những chủ trương chuyển hướng đấu tranh mới hoặc nâng lên những hình thức đấu tranh cho phù hợp trước những đòi hỏi cấp thiết của tình hình cách mạng lúc bấy giờ. Đối diện tình hình nguy cấp đó, XUNB là cơ quan chịu trách nhiệm trực tiếp về cách mạng ở miền Nam lẽ ra phải nhanh chóng tham mưu ngay cho Trung ương Đảng về những biến chuyển lớn của tình thế cách mạng cũng như đề xuất các hình thức đấu tranh mới phù hợp và hiệu quả hơn để giữ gìn LLCM ở các địa phương. Đến gần cuối năm 1957 khi nhận thấy những hoạt động khủng bố, đàn áp của CQSG ngày càng gia tăng, khốc liệt và LLCM chịu những tổn thất nghiêm trọng thì XUNB mới cử một số cán bộ ra Bắc cũng

như điệ n ra xin ý kiến chỉ đạo của Trung ương Đảng về chủ trương, đường lối đấu tranh ở miền Nam, xin cho nâng hình thức đấu tranh lên mức độ cao hơn (tức cho phép ĐTVT). Trong hơn một năm từ giữa năm 1956 đến cuối năm 1957, QĐSG dường như được “tự do” tung hoành, sát hại, bắt bớ cán bộ, đảng viên cách mạng và đàn áp, đánh phá ác liệt các phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân Nam Bộ mà gần như không gặp phải bất kỳ sự kháng cự mạnh nào của cách mạng. Tình trạng “án binh bất động” và kém năng động trong thời gian khá dài đó của XUNB và các Đảng bộ địa phương đã dẫn đến những tổn thất lớn cho LLCM ở Nam Bộ bởi sự khủng bố, đánh phá khốc liệt ngày một tăng cường của CQSG.

Mặt khác, trong lúc Trung ương Đảng tạm thời chưa có những chuyển hướng trong chỉ đạo đấu tranh cho cách mạng ở miền Nam nói chung và Nam Bộ nói riêng, chưa chấp thuận cho Nam Bộ cũng như các địa phương nâng lên hình thức ĐTVT thì đáng lẽ với vai trò, trách nhiệm lớn là cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp các hoạt động, các phong trào đấu tranh cách mạng ở miền Nam, XUNB phải sớm đề ra những chủ trương, đường lối đấu tranh kịp thời, chỉ đạo các địa phương vận dụng các hình thức đấu tranh sáng tạo, phù hợp với thực tiễn và thúc đẩy các hoạt động đấu tranh mạnh mẽ, quyết liệt hơn để tránh hoặc ít nhất cũng hạn chế những tổn thất lớn về LLCM cũng như bảo tồn được phần lớn các cơ sở, tổ chức cách mạng ở các địa phương nhằm đưa phong trào cách mạng phát triển tiến lên. Nhưng thay vì phải phát huy hơn nữa tinh thần chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm trước Trung ương Đảng, những nhà lãnh đạo cách mạng ở XUNB cũng như tại một số địa phương Nam Bộ còn thụ động trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh cách mạng, chỉ trông chờ chỉ đạo đấu tranh của Trung ương Đảng mà thiếu sự năng động, sáng tạo của riêng mình. Thực tế những tổn thất mất mát lực lượng, cơ sở cách mạng quá nhiều và kéo dài trong nhiều năm từ giữa năm 1956 đến giữa năm 1959 đã phản ánh rõ những hạn chế lớn đó cũng như sự chưa làm tròn trách nhiệm trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh của XUNB và Đảng bộ ở một số địa phương Nam Bộ.

Việc thụ động chỉ trông chờ chỉ đạo đấu tranh của cấp trên và chưa phát huy hết tinh thần chủ động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trước Trung ương Đảng ở xa dẫn đến những tổn thất lớn của cách mạng, là một hạn chế lớn trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM ở Nam Bộ những năm 1954 - 1960. Mặc dù không thể phủ nhận là XUNB cũng đã có những trăn trở, băn khoăn, đã “dám nghĩ” về sự cần thiết phải nâng lên các hình thức đấu tranh cao hơn ĐTCT đơn thuần và thậm chí còn có dự tính tiến hành những hoạt động ĐTVT song song hoặc kết hợp với ĐTCT ở địa phương để giữ vững phong trào và xây dựng LLCM. Nhưng trong thực tế XUNB đã chưa “dám làm” trong khi thực tiễn cách mạng đòi hỏi phải tiến hành đấu tranh mạnh mẽ, quyết liệt hơn nữa với những hình thức đấu tranh phù hợp nhất để ứng phó hiệu quả trước những hành động phản cách mạng của CQSG. Điều này thể hiện rõ trong những tháng năm dài mà Phan Văn Đáng và Phạm Văn Xô trải qua trên đất Bắc để xin chỉ thị, đường lối đấu tranh cho cách mạng ở miền Nam và mong chờ Trung ương Đảng họp để ra nghị quyết về hình thức đấu tranh của cách mạng ở địa phương. Chờ đợi gần hai năm nhưng những vị “sứ giả” của XUNB cử ra này vẫn chưa có được điều mình cần là những chỉ thị, chủ trương, đường lối hoặc nghị quyết cụ thể của Trung ương Đảng về hình thức đấu tranh cho cách mạng ở miền Nam lúc bấy giờ. Họ vẫn đợi chờ, trông ngóng trong khi tình hình cách mạng ở Nam Bộ ngày càng nguy cấp, các phong trào đấu tranh và LLCM tiếp tục chịu những tổn thất nghiêm trọng. Đến khi được Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Trung ương lập ra Xứ ủy để làm gì? Xứ ủy phải chịu trách nhiệm với ai? Nếu nói Xứ ủy phải chịu trách nhiệm với Trung ương thôi là chưa đủ. Trung ương ở xa, giao trách nhiệm cho Xứ ủy. Vậy thì Xứ ủy còn phải chịu trách nhiệm với nhân dân miền Nam nữa. Bất kỳ tình hình như thế nào cũng không được để địch tàn sát dân, tiêu diệt cơ sở cách mạng. Có Xứ ủy mà dân cứ bị tàn sát thì có Xứ ủy để làm gì?” (Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến, 2010, tập 2, tr.146) thì những người lãnh đạo cách mạng ở Nam Bộ mới nhận thức được những hạn chế, thiếu sót trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh của mình. Những sự việc này cho thấy XUNB đã chưa thực sự phát huy hết tinh thần chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách

nhệm trước Trung ương Đảng, trước cấp trên của mình trong những chủ trương, chỉ đạo trong đấu tranh. Như vậy, trong những năm 1956 - 1959, do chậm tham mưu, chỉ biết phục tùng cấp trên, chưa phát huy hết tinh thần chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm mà XUNB trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh chống CQSG đã khiến cho các phong trào và LLCM ở Nam Bộ chịu những tổn thất lớn và hạn chế phần nào sức mạnh của cách mạng tại địa phương.

4.3.4. Trong những năm 1957 - 1959, lúc chuyển lên kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang tự vệ chưa thực hiện đồng loạt trong toàn vùng

Trong những năm 1957 - 1959, CQSG tăng cường các chiến dịch đàn áp, khủng bố, đánh phá ác liệt vào các phong trào đấu tranh và LLCM trong toàn vùng Nam Bộ. Trước tình cảnh hiểm nguy đó, những người lãnh đạo cách mạng tại một số địa phương Nam Bộ buộc phải tiến hành các hoạt động vũ trang tự vệ để hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các phong trào ĐTCT phát triển. Chủ trương kết hợp ĐTCT với vũ trang tự vệ là đúng đắn, phù hợp với tình thế cách mạng ở các địa phương Nam Bộ. Chủ trương đấu tranh này kìm chế phần nào các hoạt động đàn áp, khủng bố khốc liệt từ QĐSG, góp phần hạn chế lớn sự tổn thất LLCM. Nhưng sự kết hợp các hình thức đấu tranh có hiệu quả này không được tiến hành đồng loạt trong toàn vùng. Khi chuyển lên kết hợp ĐTCT với ĐTVT tự vệ thì lúc đầu một số nơi ở Nam Bộ chưa dám mạnh dạn dùng vũ trang đối phó với QĐSG hoặc tiến hành lừng chừng, thiếu quyết liệt đến cùng nên làm cho nhiều đơn vị vũ trang tự vệ bị tan rã, phân tán. Phong trào đấu tranh ở cơ sở bị khủng bố nặng nề và các tổ chức tự vệ trong xã, ấp lần lượt tan biến dần. Trong tư tưởng của một bộ phận cán bộ, đảng viên nhất là trong lực lượng vũ trang xuất hiện những hoài nghi, không tin tưởng vào phương hướng, đường lối và phương châm đấu tranh lúc bấy giờ. Chính tư tưởng lừng chừng, không dám mạnh dạn kết hợp ĐTCT với vũ trang tự vệ và hoài nghi về chủ trương, đường lối đấu tranh của Trung ương Đảng, cộng với việc XUNB chưa cho chuyển hẳn sang hoạt động vũ trang mà chỉ cho hoạt động dưới hình thức vũ trang tuyên truyền hạn chế nên dẫn đến các đơn vị tập

trung không hoạt động được buộc phải phân tán, do đó có đơn vị bị QĐSG đánh thiệt hại nặng nề. Đến năm 1958, các đơn vị tập trung không hoạt động được như ngày mới thành lập, ở miền Tây Nam Bộ còn khoảng 5 - 6 đại đội phải phân tán hoạt động. Vùng căn cứ Đồng Tháp Mười bị uy hiếp mạnh, nhiều đơn vị phải giải tán, một số cán bộ kiên trung buộc phải chạy lên miền Đông Nam Bộ. Một tiểu đoàn tại An Giang ở trong tình trạng đánh không ra đánh, giấu không ra giấu, bị QĐSG bao vây tấn công, khiến cho Ban Chỉ huy tiểu đoàn bị bắt... Đó là những biểu hiện phổ biến của tình trạng hoạt động lừng chùng giữa ĐTCT với ĐTVT tự vệ không đến nơi trong một số địa phương Nam Bộ lúc bấy giờ và điều này khiến cho LLCM chịu nhiều tổn thất lớn không đáng. Mặt khác, những người lãnh đạo cách mạng ở Nam Bộ trong hoạt động đấu tranh lại thiếu sự chỉ đạo thống nhất và có hệ thống nên chưa tạo ra sự cộng hưởng rộng lớn trên toàn Nam Bộ. Mỗi địa phương tiến hành đấu tranh mỗi kiểu và chưa có sự phối hợp, đồng bộ giữa các địa phương cũng như trong từng địa phương lại thiếu đi sự chỉ đạo thống nhất, có hệ thống từ trên xuống dưới. Do đó dẫn đến xuất hiện những hoạt động đấu tranh lẻ tẻ, rời rạc trong từng địa phương Nam Bộ và dĩ nhiên hiệu quả đấu tranh không cao. Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến cho quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ những năm 1954 - 1960 chưa phát huy hết tiềm năng cách mạng vốn có của địa phương và đã hạn chế những thắng lợi lớn hơn của quân và dân Nam Bộ trong quá trình đấu tranh chống CQSG trong giai đoạn này.

4.3.5. Khi phát động Đồng Khởi chỉ tập trung chủ yếu ở địa bàn nông thôn mà chưa chú trọng địa bàn đô thị nhằm tạo ra sức mạnh cộng hưởng trên toàn Nam Bộ

Phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ những năm 1959 - 1960 chỉ diễn ra phần lớn ở vùng nông thôn và chưa có sự phối hợp nổi dậy đấu tranh đồng loạt giữa vùng nông thôn với các hoạt động ĐTCT ở đô thị nên hạn chế những thắng lợi lớn hơn của phong trào. Có thể thấy, vùng nông thôn Nam Bộ là nơi mà bộ máy cai trị của chính quyền họ Ngô còn yếu và lỏng lẻo nên phong trào Đồng Khởi của quân và

dân địa phương có điều kiện diễn ra và giành được thắng lợi nhất định trong những năm 1959 - 1960. Khi phát động Đồng Khởi, XUNB chủ yếu phát động quần chúng nhân dân nổi dậy ở vùng nông thôn mà chưa chú trọng, có phần xem nhẹ phong trào đấu tranh ở các đô thị nên chưa có sự kết hợp đấu tranh nổi dậy giữa nông thôn với thành thị. Các phong trào ĐTCT ở các đô thị tại các tỉnh của Nam Bộ trong những năm 1959 - 1960 cũng diễn ra mạnh mẽ không kém sự sôi nổi, rầm rộ với quy mô lớn và mật độ dày đặc chống CQSG. Trên địa bàn đô thị, đặc biệt tại các đô thị lớn ở Nam Bộ (Sài Gòn, Cần Thơ, Mỹ Tho...) luôn có các phong trào ĐTCT sôi động, rầm rộ của đông đảo lực lượng công nhân, học sinh, sinh viên, trí thức yêu nước... chống CQSG. Vì vậy, nếu được tập hợp và phát động họ đẩy mạnh các hoạt động ĐTCT tại địa bàn đô thị cùng lúc phát động nổi dậy đồng loạt ở vùng nông thôn sẽ góp phần không nhỏ làm căng dẫn lực lượng QĐSG, tấn công CQSG trên nhiều chiến trường, khiến cho chính quyền họ Ngô cùng lúc vừa phải đối phó với các phong trào đấu tranh, nổi dậy mạnh mẽ vùng nông thôn, vừa phải căng sức ứng phó với các phong trào đấu tranh quyết liệt tại đô thị, tạo điều kiện cho Đồng Khởi ở vùng nông thôn giành thắng lợi lớn hơn nữa. Sự thiếu kết hợp và phối hợp đấu tranh cùng lúc giữa vùng nông thôn với thành thị đã làm giảm bớt phần nào những thắng lợi trong phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ những năm 1959 - 1960.

Những hạn chế trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM ở Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1960 được XUNB cũng như Đảng bộ các địa phương cải thiện, khắc phục, tiến tới xây dựng và phát triển LLCM lớn mạnh trên toàn địa bàn sau đó.

4.4. Một số bài học kinh nghiệm

Trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ những năm 1954 - 1960 còn có nhiều bài học kinh nghiệm đấu tranh được quân và dân miền Nam Việt Nam học tập, vận dụng sáng tạo, có hiệu quả trong các giai đoạn đấu tranh tiếp sau chống chính quyền Mỹ và CQSG trên chiến trường. Sau đây là một số bài học tiêu biểu nhất:

4.4.1. Luôn đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, nhận thức chính xác bản chất, âm mưu của kẻ thù và đề ra đường lối đấu tranh kịp thời, phù hợp với thực tiễn

Sau Hiệp định Genève 1954, nhận thấy sự gia tăng những hoạt động viện trợ kinh tế, quân sự của chính quyền Mỹ cho Ngô Đình Diệm để xây dựng một chính quyền mới ở Nam Việt Nam sẽ cản trở quá trình hiệp thương, tổng tuyển cử thống nhất đất nước, nên hàng ngàn cán bộ, đảng viên được “cài lại” ở Nam Bộ cùng với việc chôn giấu hàng tấn vũ khí, đạn dược được cách mạng triển khai cho thấy sự cảnh giác cách mạng rất cao của Trung ương Đảng. Những cán bộ, đảng viên ở lại Nam Bộ sẽ tiến hành hoạt động cách mạng và lãnh đạo các phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân đề phòng chính quyền mới do Mỹ dựng lên không thi hành Hiệp định Genève 1954.

Khi thời hạn hiệp thương, tổng tuyển cử đến gần mà không nhận được bất kỳ tín hiệu nào từ CQSG, những người đứng đầu chính phủ VNDCCH lần lượt gửi thư cho CQSG để mong nhận được sự “hợp tác” nhưng đổi lại là sự cự tuyệt và chính quyền họ Ngô đẩy mạnh các hoạt động khủng bố, đàn áp khốc liệt vào các phong trào đấu tranh và LLCM các địa phương. Vì thế, các hoạt động đấu tranh nhằm giữ gìn và xây dựng LLCM được XUNB từng bước xúc tiến. Điều này chứng tỏ rõ ràng trong thực tiễn là, muốn tiến hành cách mạng thành công thì phải luôn chủ động đề cao cảnh giác cách mạng, không chủ quan, phải luôn giữ vững tinh thần cảnh giác và sẵn sàng chuẩn bị những đối sách cần thiết, phù hợp để ứng phó kịp thời đề phòng trường hợp đối phương “trở mặt”. Luôn đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, nhận thức chính xác bản chất, âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù và đề ra đường lối đấu tranh kịp thời, phù hợp với tình hình là một bài học kinh nghiệm lớn trong tiến trình đấu tranh cách mạng của quân và dân Nam Bộ những năm 1954 - 1960. Ngoài một số địa phương ở Nam Bộ các cấp ủy Đảng chưa nhận thức đầy đủ, kịp thời bản chất, âm mưu, thủ đoạn xâm lược của chính quyền Mỹ và CQSG, hòng chia cắt vĩnh viễn Việt Nam kể từ sau Hiệp định Genève 1954, có sự chủ quan, khinh địch thì trong phần lớn các địa phương Nam

Bộ đã nhận thức đầy đủ và quán triệt tốt điều này. XUNB có sự đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng và từng bước đề ra đường lối đấu tranh phù hợp nên cho dù QĐSG có tiến hành nhiều hoạt động đàn áp, khủng bố, đánh phá khốc liệt vẫn không thể dập tắt và tiêu diệt hoàn toàn được các phong trào đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng nhân dân Nam Bộ cũng như LLCM giai đoạn 1954 - 1960.

Trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ (1954 - 1960), vì nhận định đúng bản chất, âm mưu thủ đoạn xâm lược của chính quyền Mỹ cùng sự hiếu chiến của CQSG cũng như nhận thấy được các hành động khủng bố, đánh phá ác liệt của QĐSG có thể đe dọa nghiêm trọng đến sự tồn vong của các phong trào đấu tranh và LLCM nên một số nơi ở Nam Bộ đã đề ra các phương thức đấu tranh kịp thời, sáng tạo và phù hợp với tình hình cách mạng ở địa phương. Trong giai đoạn đấu tranh này, quân và dân Nam Bộ vận dụng sáng tạo, phong phú các hình thức đấu tranh và phù hợp với thực tiễn: từ ĐTCT, binh vận đến ĐTCT kết hợp với vũ trang tự vệ, vũ trang tuyên truyền diệt ác phá kìm kẹp, tiến hành song song các trận đánh tập kích, phục kích nhằm tiêu diệt quân lính, đồn bót của CQSG ở cơ sở. Trong từng đối tượng của cách mạng lại có sự vận dụng một cách linh hoạt các cách đánh khác nhau: đối với ác ôn thì chủ yếu là vũ trang tuyên truyền vạch tội ác, hạ uy thế, trấn áp đến tiêu diệt những người đứng đầu; đối với QĐSG cơ động (hành quân càn quét) thì đánh phục kích, đối với quân lính Sài Gòn trong đồn bót thì phổ biến là vận dụng lối đánh kết hợp với nội tuyến. Các trận đánh của quân và dân Nam Bộ luôn thể hiện được sự nhất quán và quyết tâm cao trong tư tưởng chỉ đạo: trận đầu phải giành thắng lợi giòn giã để tạo thế, gây tiếng vang lớn, uy hiếp tinh thần đối phương; đánh tiêu diệt gọn; bí mật bất ngờ; kết hợp tác chiến với binh vận... Với những phương thức đánh linh hoạt, sáng tạo đó, quân và dân Nam Bộ không những giữ gìn, bảo tồn được LLCM mà còn tiến tới xây dựng và phát triển LLCM ngày một lớn mạnh hơn, tạo nên phong trào Đồng Khởi thắng lợi ở địa phương những năm 1959 - 1960. Bài học kinh nghiệm này được quân và dân miền Nam vận dụng có hiệu quả vào thực tế chiến trường sau đó và lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh tăng cường của chính quyền Mỹ và CQSG, giải phóng miền Nam, thống

nhất đất nước.

4.4.2. Phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi lực lượng cách mạng, trong đó chú trọng vai trò của “đội quân tóc dài”

Trong thực tiễn đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ những năm 1954 - 1960 sức mạnh tổng hợp của mọi LLCM được phát huy mạnh mẽ, trong đó nổi bật lên vai trò và đóng góp lớn của “đội quân tóc dài” - lực lượng phụ nữ Nam Bộ. Vai trò cách mạng của phụ nữ Nam Bộ được phát huy mạnh mẽ trong giai đoạn này. Lực lượng phụ nữ Nam Bộ chứng tỏ được sức mạnh lớn trong cuộc đối đầu trực diện với quân đội và CQSG để bảo vệ, giữ gìn và xây dựng LLCM trên địa bàn. Trong những năm 1954 - 1960, ở Nam Bộ có đông đảo những người bà, người mẹ, người chị, người em dựng thành những “bức tường người” vững chắc, với sự gan dạ, dũng cảm đối diện với QĐSG đấu tranh kiên quyết bảo vệ cơ sở Đảng, cán bộ, chiến sĩ cách mạng. Họ sẵn sàng hy sinh bản thân để bảo vệ, che giấu cán bộ, đảng viên cách mạng trước các cuộc càn quét, bắt bớ của QĐSG. Những người phụ nữ Nam Bộ sẵn sàng cung cấp, tiếp tế lương thực thực phẩm giúp cho các bộ, đảng viên cách mạng vững tâm đấu tranh. Họ đào hầm nuôi giấu cán bộ, chiến sĩ cách mạng; vận chuyển, đưa quân tải đạn phục vụ các trận đánh công đồn, tiêu diệt quân lính Sài Gòn. Ở họ có một niềm tin mãnh liệt vào Đảng, vào cách mạng và họ sẵn sàng cống hiến hết sức mình cho cách mạng, cho đất nước không ngại hy sinh, gian khổ.

Trong giai đoạn này và suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, phụ nữ Nam Bộ giữ vai trò cách mạng to lớn. Lực lượng phụ nữ trong các nông hội, đoàn thể, hội phụ nữ và trong quần chúng nhân dân được XUNB chú trọng đẩy mạnh phát triển. XUNB cùng các địa phương tập hợp, lãnh đạo, chỉ đạo họ đấu tranh với những phương thức đấu tranh thích hợp và khôn léo trước QĐSG nhằm giữ thế đấu tranh hợp pháp cho quần chúng nhân dân. Lực lượng phụ nữ là đội quân chính trị mạnh hỗ trợ tích cực và có hiệu quả cho các hoạt động ĐTVT cách mạng thắng lợi ở Nam Bộ những năm 1954 - 1960.

Trong quá trình ĐTCT, hòa bình, vai trò quan trọng của phụ nữ Nam Bộ được

thể hiện nổi bật. Họ là lực lượng đông đảo nhất trong các phong trào đấu tranh đòi hiệp thương, tổng tuyển cử thống nhất, đòi dân sinh, dân chủ ở Nam Bộ. Khi CQSG đẩy mạnh các chiến dịch khủng bố, đàn áp LLCM và phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân thì phụ nữ luôn là lực lượng đi đầu cản trở những cuộc bao vây, bắt bớ, tù đày các cán bộ, đảng viên, chiến sĩ cách mạng từ QĐSG. Họ cũng góp phần làm giảm các hành động khủng bố tàn bạo từ CQSG đến LLCM thông qua các hình thức đấu tranh lúc mềm dẻo, khéo léo khi kiên cường, quyết liệt.

Trong công tác binh dịch vận, phụ nữ Nam Bộ cũng giữ một vai trò lớn. Những người mẹ, người vợ, người em mềm dẻo vận động con, chồng, anh, em họ đi theo cách mạng hoặc khuyên nhủ chồng, con, cháu họ quay về với cách mạng, không đi đầu quân cho CQSG. Lực lượng phụ nữ góp phần quan trọng vào thắng lợi của công tác binh dịch vận trên toàn Nam Bộ trong những năm 1954 - 1960. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh của XUNB, vai trò cách mạng của lực lượng phụ nữ Nam Bộ được phát huy sáng ngời trong phong trào Đồng Khởi những năm 1959 - 1960. Trong Đồng Khởi ở Nam Bộ mà tiêu biểu là ở tỉnh Bến Tre, một “đội quân” hàng vạn người phần lớn là phụ nữ, người già, một “đội quân tóc dài” dũng cảm, kiên cường đứng đối diện trước QĐSG được trang bị đầy đủ súng đạn và vô cùng tàn bạo vẫn không khiến họ khiếp sợ mà trái lại khí thế đấu tranh, nổi căm hờn của họ tăng lên trước các hành động phát xít của CQSG. Đội quân tóc dài gồm hàng vạn phụ nữ kéo nhau tiến công vào thị thành, thị xã, thị trấn của tỉnh Bến Tre đòi các quyền tự do, dân sinh và cũng để tìm “chôn nương thân” bởi CQSG đẩy mạnh các cuộc càn quét, khủng bố ác liệt vào LLCM và quần chúng nhân dân. Và cuộc ĐTCT “đòi lẽ phải” này của phụ nữ Bến Tre phát huy hiệu quả tích cực, khiến cho CQSG lúng túng đối phó. Đồng thời, cuộc đấu tranh của “đội quân tóc dài” ở Bến Tre cũng tạo điều kiện thuận lợi cho các cán bộ, đảng viên cách mạng được an toàn, các cơ sở cách mạng được giữ vững trước các cuộc truy quét, khủng bố, đánh phá ác liệt với mật độ dày đặc của QĐSG trên địa bàn. “Đội quân tóc dài” ở Bến Tre trở thành tấm gương chiến đấu oanh liệt, cổ vũ mạnh mẽ cho toàn thể phụ nữ Nam Bộ nhất tề nổi dậy đấu tranh chống đàn

áp, chống khủng bố từ CQSG sau đó. Sức mạnh của “đội quân tóc dài” ngày càng lớn và lan tỏa trên khắp miền Nam Việt Nam. “Đội quân tóc dài” chẳng khác một “binh chủng đặc biệt” ở Nam Bộ và họ đã vùng lên đấu tranh mạnh mẽ chống CQSG khi được Đảng tập hợp và chỉ đạo, lãnh đạo đấu tranh trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Từ sớm Đảng nhận thấy được vai trò và sức mạnh to lớn của lực lượng phụ nữ và đã phát huy được vai trò cách mạng của lực lượng phụ nữ trong thực tiễn đấu tranh cách mạng ở Nam Bộ cũng như ở miền Nam trong các giai đoạn tiếp sau và giành được những thắng lợi quan trọng.

4.4.3. Chủ động, linh hoạt, sáng tạo sử dụng kết hợp nhiều biện pháp đấu tranh để giữ gìn, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng

Sau năm 1954, dưới sự lãnh đạo của Đảng, XUNB chủ động nắm thời cơ xúc tiến các phong trào ĐTCT, hòa bình trong toàn vùng, tranh thủ thế hợp pháp cách mạng và những điều khoản pháp lý mà Hiệp định Genève quy định nhằm gây dựng thanh thế cách mạng trong các địa phương. Từ trong quá trình thực hiện tập kết, chuyển quân cho đến khi CQSG tiến hành phá hoại tiến trình thực thi Hiệp định Genève và ra sức tiêu diệt, loại trừ những “ảnh hưởng” còn lại của người Pháp ở Sài Gòn thì dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của XUNB, công tác “cài người” của cách mạng vào các cơ quan của CQSG được đẩy mạnh ở Nam Bộ. Từ Trung ương đến địa phương trong CQSG đều có người của cách mạng xâm nhập vào để chờ thời cơ hoạt động. XUNB tranh thủ quá trình tập kết chuyển quân tiến hành điều động và bố trí những hoạt động phù hợp cho một số lượng cán bộ, đảng viên bí mật ở lại Nam Bộ. Sự chủ động nắm bắt thời cơ cách mạng đó góp phần quan trọng giúp cho các phong trào đấu tranh ở Nam Bộ không thiếu vắng hoàn toàn những cán bộ, đảng viên trung kiên, cốt cán và sẵn sàng tiến hành lãnh đạo, chỉ đạo các phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân ở địa phương sau đó.

Sự chủ động nắm bắt thời cơ cách mạng cũng như vận dụng sáng tạo, linh hoạt, kết hợp nhiều biện pháp đấu tranh để giữ gìn, xây dựng và phát triển LLCM còn được quân và dân Nam Bộ phát huy trong quá trình Ngô Đình Diệm tiến hành diệt trừ các đảng phái, giáo phái chống đối ở Nam Bộ những năm 1954 - 1956.

Thông qua những hoạt động tranh thủ lôi kéo, phân hóa, vận động và giáo dục của cách mạng một bộ phận lực lượng lính Bình Xuyên, giáo phái Hòa Hảo, Cao Đài ly khai ngã về phía cách mạng và cùng đứng lên chống CQSG ở địa phương. Thậm chí XUNB còn cử người vào lực lượng các giáo phái chỉ huy, lãnh đạo họ đấu tranh, gây dựng lại LLCM. Hoạt động tranh thủ được một bộ phận các lực lượng giáo phái ly khai chống Diệm những năm 1954 - 1956 ở Nam Bộ không chỉ thể hiện được sự chủ động trong việc nắm bắt thời cơ cách mạng mà còn chứng tỏ được sự sáng tạo, linh hoạt của Xứ ủy và nhân dân Nam Bộ trước những biến chuyển lớn của tình thế cách mạng lúc bấy giờ.

Sự linh hoạt, sáng tạo và sử dụng kết hợp nhiều biện pháp đấu tranh trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM của quân và dân Nam Bộ còn thể hiện rõ hơn khi CQSG đẩy mạnh các chiến dịch đàn áp, khủng bố, đánh phá rộng khắp trên địa bàn những năm 1957 - 1959. Trong những năm đấu tranh khốc liệt này, quân và dân Nam Bộ linh hoạt, sáng tạo sử dụng kết hợp nhiều biện pháp đấu tranh để giữ gìn và xây dựng LLCM phù hợp với thế và lực trong từng địa phương. Trong thực tiễn đấu tranh cách mạng chống CQSG những năm 1954 - 1960, quân và dân Nam Bộ có sự tiến triển từng bước trong việc vận dụng mạnh dần lên các biện pháp đấu tranh: từ ĐTCT đơn thuần tiến lên sử dụng kết hợp ĐTCT với vũ trang tự vệ, tiến hành vũ trang tuyên truyền diệt ác phá kìm hỗ trợ các phong trào ĐTCT cho đến việc vận dụng kết hợp ĐTCT với ĐTVT và binh vận trên địa bàn... Những biện pháp đấu tranh phong phú, sáng tạo này của quân và dân Nam Bộ không chỉ góp phần quan trọng vào việc bảo vệ, giữ gìn và xây dựng LLCM phát triển ở địa phương mà còn đưa đến thắng lợi lớn của phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ những năm 1959 - 1960.

Nhờ chủ động, linh hoạt, sáng tạo, sử dụng kết hợp nhiều biện pháp đấu tranh để giữ gìn, xây dựng và phát triển LLCM những năm 1954 - 1960 nên quân và dân Nam Bộ giành được những thắng lợi lớn mà đỉnh cao và điển hình nhất là thắng lợi vang dội của phong trào Đồng Khởi những năm 1959 - 1960 trên toàn vùng. Sự chủ động, linh hoạt, sáng tạo, sử dụng kết hợp nhiều biện pháp đấu tranh để giữ gìn, xây dựng và phát triển LLCM không chỉ là bài học kinh nghiệm lớn

trong đấu tranh cách mạng của quân và dân Nam Bộ mà đó còn là của cả miền Nam. Bài học kinh nghiệm này được quân và dân miền Nam vận dụng sáng tạo và có hiệu quả vào quá trình đấu tranh đánh bại các chiến lược chiến tranh tăng cường của chính quyền Mỹ và CQSG triển khai trên toàn miền Nam Việt Nam sau đó.

4.4.4. Kết hợp xây dựng lực lượng vũ trang với xây dựng các căn cứ địa và xây dựng thế trận lòng dân

Trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM những năm 1954 - 1960, quân và dân Nam Bộ từng bước xúc tiến các hoạt động xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang song song với việc tái lập, mở rộng và xây dựng các căn cứ địa để đưa phong trào cách mạng phát triển tiến lên. Từ năm 1957 trở về sau, XUNB nhanh chóng đẩy mạnh các hoạt động, tổ chức các đơn vị vũ trang song song với xây dựng các căn cứ địa cách mạng và các hoạt động này diễn ra “âm thầm” trong nhiều địa phương. Ở miền Trung Nam Bộ, hàng loạt căn cứ cách mạng mọc lên ngay chôn bưng biển vùng Đồng Tháp Mười, những “túi bất hợp pháp” hình thành ở vùng biên giới Việt Nam - Campuchia và ngày đêm tích cực xây dựng lực lượng và phát triển lực lượng vũ trang chờ đợi thời cơ hoạt động. Ở miền Tây Nam Bộ, các “làng rừng” được hình thành và phát triển trong những cánh rừng nguyên sinh của vùng U Minh Thượng, U Minh Hạ. Hàng đêm quân chúng nhân dân tập luyện võ nghệ, rèn đúc vũ khí chờ thời cơ thuận lợi để tiến công đánh QĐSG. Trong khi đó, với địa thế hiểm trở, có rừng rậm rộng lớn, các căn cứ địa cách mạng được tái xây dựng và mở rộng ở miền Đông Nam Bộ trong giai đoạn này trở thành căn cứ chiến đấu chính, nơi đặt các cơ quan quan trọng của XUNB để lãnh đạo, chỉ đạo các phong trào đấu tranh của cách mạng miền Nam Việt Nam. Chủ trương tái lập, xây dựng lực lượng vũ trang với thành lập, mở rộng các căn cứ địa cách mạng ở Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1960 là đúng đắn, thể hiện tư duy sáng tạo không ngừng của những cán bộ chủ chốt lãnh đạo phong trào cách mạng ở các địa phương. Việc đẩy mạnh xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang cách mạng cũng như kết hợp với quá trình tái lập các căn cứ địa

làm hậu cứ, dùng cho các hoạt động tiến công chống CQSG của quân và dân Nam Bộ đáp ứng được yêu cầu cấp bách của thực tiễn đấu tranh cách mạng. Bởi từ sau năm 1956, khi CQSG trắng trợn dùng bạo lực phản cách mạng để tiêu diệt phong trào cách mạng ở địa phương thì quân và dân Nam Bộ chỉ duy nhất có một con đường là phải đứng lên tiến hành cuộc cách mạng để đánh đổ bạo tàn, giành quyền làm chủ.

Với sự chủ động, sáng tạo trong xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, kết hợp xây dựng các căn cứ địa và xây dựng thế trận lòng dân, quân và dân Nam Bộ đã giành được những thắng lợi lớn trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM những năm 1954 - 1960. Thắng lợi vang dội của phong trào Đồng Khởi những năm 1959 - 1960 ở Nam Bộ có nhiều nguyên do mà một trong số đó, rất quan trọng, quyết định đó là XUNB dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng từng bước xây dựng được vững chắc thế trận lòng dân. Đông đảo các tầng lớp nhân dân luôn tin tưởng, đi theo cách mạng và chính họ là lực lượng quan trọng quyết định đến mọi thắng lợi của các phong trào đấu tranh cách mạng ở Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1960 và cả sau đó.

Trong thực tiễn đấu tranh cách mạng giai đoạn 1954 - 1960, quân và dân Nam Bộ minh chứng một cách sống động chân lý là một khi đã xây dựng và phát huy được vững chắc thế trận lòng dân thì dù có phải đối mặt với bất kỳ kẻ thù hùng mạnh nào cũng sẽ có cách đánh bại và giành chiến thắng. Thông qua quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1960 cho thấy tầm quan trọng cũng như vai trò và ý nghĩa to lớn của việc xây dựng và phát huy vững chắc thế trận lòng dân trong chiến tranh cách mạng. Từ năm 1957 cho đến cuối năm 1959, LLCM ở Nam Bộ phần lớn bị QĐSG đánh tan rã tại nhiều địa phương từ thành thị cho đến vùng nông thôn. Nhưng tình trạng nguy cấp đó được nhân dân Nam Bộ hóa giải thành công. Nhân dân Nam Bộ luôn ra sức bảo vệ, che giấu và nuôi dưỡng các cán bộ, đảng viên, chiến sĩ cách mạng để có thể hoạt động và chiến đấu chống sự đàn áp, khủng bố khốc liệt của CQSG. Lòng dân Nam Bộ luôn luôn hướng về Đảng, về cách mạng và họ sẵn sàng hy sinh để cách mạng thành công.

Bên cạnh những căn cứ địa cách mạng được tái thành lập, xây dựng trong giai đoạn 1954 - 1960 ở Nam Bộ thì chính “căn cứ nhân tâm” - căn cứ lòng dân mới là căn cứ quan trọng, quyết định nhất đến sự thắng lợi của cách mạng. Thế trận lòng dân được cách mạng dựng xây và phát triển mạnh mẽ từ trong lòng CQSG ở cơ sở cũng như từ trong các cơ quan đầu não ở Sài Gòn. Quần chúng nhân dân là “những người lính” hàng ngày đối mặt với QĐSG và họ đã khéo léo, thông minh bảo vệ, che chở hoặc tiếp tế giúp cho cách mạng có thể đứng vững, tồn tại trước mũi lê, họng súng và máy chém của CQSG. Chính họ là nhân tố quan trọng nhất giúp cho cách mạng thành công. Sự kết hợp xây dựng lực lượng vũ trang với xây dựng căn cứ địa cách mạng và xây dựng vững chắc thế trận lòng dân là một trong những thắng lợi lớn của những người lãnh đạo cách mạng ở Nam Bộ những năm 1954 - 1960 và trở thành bài học kinh nghiệm đấu tranh cho toàn quân và dân miền Nam học tập, vận dụng sau đó trên toàn chiến trường và giành được những thắng lợi lớn.

4.4.5. Luôn giữ vững tinh thần tiến công cách mạng, không ngừng phát triển thế tiến công

Trong giai đoạn 1954 - 1960, mặc dù phải đối mặt với sự đàn áp, khủng bố đánh phá ác liệt từ CQSG nhưng quân và dân Nam Bộ vẫn giữ vững được tinh thần tiến công cách mạng và không ngừng phát triển thế tiến công khi có thời cơ thuận lợi. Trong những năm 1957 - 1959, mặc dù CQSG gia tăng các chiến dịch khủng bố, đánh phá khốc liệt vào lực lượng và phong trào cách mạng ở Nam Bộ nhưng quân và dân địa phương vẫn giữ tinh thần tiến công cách mạng không ngừng. Trước khi Đồng Khởi nổ ra đều khắp Nam Bộ trong năm 1960 đã có những hoạt động đấu tranh vũ trang mạnh ở nhiều nơi và những hoạt động tiến công liên tục này đã “kích hoạt” cao trào đồng loạt nổi dậy trong nhiều địa phương sau đó, cho thấy tinh thần tiến công cách mạng của quân dân rất mạnh mẽ. Quá trình đấu tranh quyết liệt, sôi nổi chống CQSG của quân và dân cả ba miền Đông, Trung và Tây Nam Bộ là những ví dụ điển hình. Trận tập kích thành công của lực lượng vũ trang cách mạng tại Trụ sở Phái bộ Cố vấn Quân sự Mỹ (MAAG) ở Tân

Mai, Biên Hòa (7/1959) thuộc miền Đông hay chiến công ở Gò Quản Cung - Giồng Thị Đam (9/1959) làm vang dậy đồng nước Tháp Mười của quân và dân Kiên Phong (miền Trung Nam Bộ) cùng với chiến thắng chi khu Xẻo Rô (10/1959) của đơn vị vũ trang cách mạng tỉnh Rạch Giá (miền Tây Nam Bộ) là những điểm sáng, minh chứng sống động nhất cho việc giữ vững tinh thần tiến công cách mạng và không ngừng phát triển thế tiến công khi có thời cơ thuận lợi.

Trong những năm 1959 - 1960 mặc dù CQSG không ngừng ra sức tấn công, đánh phá để tận diệt LLCM cùng các phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân ở các địa phương nhưng XUNB vẫn lãnh đạo, chỉ đạo và phát động được đông đảo quần chúng nhân dân đồng loạt nhất tề nổi dậy tiến hành Đồng Khởi thắng lợi. Ngay trong diễn tiến của phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ dù cho QĐSG có dập tắt được phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân ở một địa phương liền ngay lập tức tại địa phương khác quần chúng nhân dân lại đứng lên đấu tranh tấn công vào hệ thống đồn, bót, các cơ quan ở cơ sở của CQSG. Làn sóng cách mạng do quân và dân Nam Bộ tạo ra những năm 1959 - 1960 có sức lan tỏa rộng lớn, thắng lợi ở địa phương này là chất xúc tác, cổ vũ các địa phương ở miền Nam vùng dậy tấn công mạnh mẽ, tạo thành những dòng thác cách mạng với sức công phá mãnh liệt, làm lung lay và tan rã từng mảng lớn hệ thống thống trị của CQSG ở cơ sở. Bài học kinh nghiệm về việc luôn giữ vững tinh thần tiến công cách mạng, không ngừng phát triển thế tiến công và đẩy mạnh phát triển thế tiến công trên toàn chiến trường khi có thời cơ thuận lợi của quân và dân Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1960 được quân và dân miền Nam Việt Nam vận dụng sáng tạo vào trong quá trình đánh bại các chiến lược chiến tranh tăng cường của chính quyền Mỹ và chính quyền VNCH sau đó, tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất quốc gia.

Tiểu kết chương 4

Đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ (1954 - 1960) là một quá trình tất yếu trong lịch sử đấu tranh cách mạng của quân và dân nơi đây. Với tinh thần yêu nước, sự đoàn kết một lòng cùng khát khao hòa bình,

độc lập, tự do và thống nhất đất nước, quân và dân Nam Bộ ngay từ sau Hiệp định Genève 1954 từng bước xúc tiến quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM để đối phó hiệu quả với các chiến dịch đàn áp, khủng bố, đánh phá ác liệt từ CQSG. Quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ những năm 1954 - 1960 diễn ra mạnh mẽ, sôi nổi và quyết liệt. Từ trong quá trình đấu tranh đầy cam go, quyết liệt này nổi bật lên được bản lĩnh cách mạng cùng ý chí đấu tranh mạnh mẽ của quân và dân Nam Bộ dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh của Trung ương Đảng và những cán bộ cách mạng kiên trung, kiết xuất nơi đây.

Trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi (1954 - 1960), quân và dân Nam Bộ không chỉ góp phần làm vẻ vang thêm truyền thống đấu tranh anh dũng của dân tộc Việt Nam trong lịch sử mà còn thể hiện được sáng tạo trong đấu tranh cách mạng khi có những đóng góp lớn về nghệ thuật lãnh đạo, chỉ đạo và tiến công trong suốt cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược và CQSG ở miền Nam. Từ trong thực tiễn đấu tranh cách mạng những năm 1954 - 1960 của quân và dân Nam Bộ có nhiều bài học kinh nghiệm đấu tranh được cả miền Nam học tập và vận dụng vào thực tiễn chiến trường để sau đó đánh bại các chiến lược chiến tranh tăng cường của chính quyền Mỹ, giành thắng lợi cuối cùng, thống nhất đất nước. Những bài học kinh nghiệm đấu tranh đó của quân và dân Nam Bộ vẫn còn giữ nguyên giá trị to lớn trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay. Trong thời gian tới, toàn Đảng, toàn quân và dân Việt Nam cần phải tiếp tục phát huy hơn nữa những giá trị sáng ngời, những thắng lợi vẻ vang ấy cũng như vận dụng sáng tạo những bài học kinh nghiệm đấu tranh đó vào trong thực tiễn bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

KẾT LUẬN

Nam Bộ - vùng đất từ xa xưa nổi danh là địa linh nhân kiệt. Nhân dân Nam Bộ tự hào và vinh quang ghi tên mình cùng với miền Nam vào những trang sử vàng chói lọi trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp quay trở lại xâm lược vô cùng gian khổ, nhiều đau thương mất mát vừa kết thúc không lâu, quân và dân Nam Bộ lại tiếp tục bước vào cuộc đấu tranh mới chống đế quốc Mỹ xâm lược và CQSG ở miền Nam Việt Nam. Năm 1954, khi người Pháp đại bại trong trận Điện Biên Phủ và chấp nhận ký kết Hiệp định Genève về việc chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương, đánh dấu kết thúc những năm tháng chiến tranh xâm lược phi nghĩa thì cũng là lúc chính quyền Mỹ nhảy vào thay chân họ và tiến hành một cuộc chiến mới ở Nam Việt Nam. Từ sau Hiệp định Genève 1954, với tiềm lực về quân sự, kinh tế hùng mạnh, chính quyền Mỹ bằng mọi cách nhào nặn nhằm tạo ra một “quốc gia” hợp hiến, một chính quyền tay sai chống Cộng ở miền Nam Việt Nam. Sau những nỗ lực, cố gắng của chính quyền Washington cuối cùng một VNCH cũng thành hình và giới chức Mỹ cố khoác lên mình nó một vỏ bọc mới với những mỹ từ nào là “tự do”, nào là “dân chủ” nhưng thực chất quốc gia đó được sinh ra từ trên đầu ngọn súng, từ lưỡi lê, máy chém và nhà tù. VNCH - chính thể do chính quyền Mỹ dựng lên ở Nam Việt Nam là một quốc gia chống Cộng điên cuồng với những hành động phát xít tàn bạo. CQSG có những hoạt động đàn áp, khủng bố đối với LLCM và quần chúng nhân dân ở Nam Bộ rất tàn khốc và mức độ khủng khiếp của nó còn gấp nhiều lần chế độ phát xít từng khủng bố, tiến hành đối với người dân ở Âu châu.

Với những âm mưu, thủ đoạn và dã tâm xâm lược từ trước, chính quyền Mỹ bắt tay tiến hành ngay quá trình xây dựng quân đội và thiết lập CQSG. Chính quyền Mỹ không ngừng hỗ trợ, củng cố bộ máy cai trị của CQSG từ Trung ương đến địa phương. CQSG được sự hậu thuẫn của chính quyền Mỹ ngang nhiên phá hoại và cự tuyệt thi hành những nội dung của Hiệp định Genève 1954. CQSG không tiến

hành hiệp thương, tổng tuyển cử thống nhất đất nước và đi ngược lại nguyện vọng mong muốn hòa bình, thống nhất, độc lập của đại đa số nhân dân Việt Nam. Bên cạnh đó, Ngô Đình Diệm còn đẩy mạnh các hoạt động đàn áp, khủng bố, đánh phá khốc liệt vào LLCM và quần chúng nhân dân ở Nam Bộ. Trong giai đoạn 1954 - 1960, dưới sự thống trị của CQSG, nhân dân miền Nam nói chung và ở Nam Bộ nói riêng chịu nhiều cơ cực thống khổ, cảnh tang tóc chia lìa trở thành nỗi ám ảnh kinh hoàng mà nhân dân nơi đây phải đối mặt.

Như một quy luật tất yếu của lịch sử, nơi nào có áp bức ở đó sẽ có đấu tranh, phản kháng. Cùng với miền Nam, quân và dân Nam Bộ kiên cường đứng lên làm cuộc cách mạng. Quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ giai đoạn 1954 - 1960 là một quá trình tất yếu, phù hợp với quy luật khách quan của lịch sử và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn cấp cách của cách mạng địa phương. Trong những năm 1954 - 1960, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, XUNB, quân và dân Nam Bộ từng bước xúc tiến quá trình đấu tranh để giữ gìn và xây dựng LLCM và lần lượt đánh bại các chiến dịch, các hành động khủng bố, đàn áp, đánh phá mạnh của CQSG.

Quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ (1954 - 1960) được tiến hành khá sớm, mạnh mẽ, sôi nổi gồm nhiều thành phần tham gia đông đảo từ nông dân, công nhân, học sinh, sinh viên, trí thức cho đến binh lính của các đảng phái, giáo phái, kết thành sức mạnh lớn trong một mặt trận chung chống Mỹ - Diệm với nhiều hình thức đấu tranh phong phú, đa dạng, thể hiện sự mưu trí, sáng tạo cùng tinh thần chiến đấu anh dũng của quân và dân nơi đây. Trong những hoạt động ĐTCT mạnh mẽ đòi CQSG thi hành Hiệp định Genève những năm 1954 - 1956 cũng như những hoạt động đấu tranh phong phú, quyết liệt chống khủng bố, đàn áp từ CQSG để giữ gìn, bảo vệ và xây dựng LLCM những năm 1957 - 1959 và Đồng Khởi diễn ra trên toàn vùng trong những năm 1959 - 1960, quân và dân Nam Bộ không ngừng sáng tạo và vận dụng nhiều hình thức, phương cách đấu tranh độc đáo, có tính chất điển hình trong chiến tranh cách mạng. Hình thức đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM có sự đa dạng, phong phú,

từ ĐTCT, ĐTVT, binh vận kết hợp đến các cuộc đấu tranh của lực lượng báo chí công khai ở Sài Gòn. Đặc biệt, trong phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ đã sản sinh ra một hình thức đấu tranh cách mạng rất độc đáo, sáng tạo, đó là hình thức tấn công đánh địch bằng ba mũi giáp công: chính trị, quân sự và binh vận. Nhờ sáng tạo và vận dụng linh hoạt ba mũi giáp công trong tiến công, quân và dân Nam Bộ góp phần đánh bại và làm tan rã từng mảng lớn hệ thống cai trị, kìm kẹp nhân dân ở cơ sở của CQSG, củng cố và gây dựng lại được các cơ sở cách mạng, các tổ chức Đảng hoạt động trong nhiều địa phương Nam Bộ.

Quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ (1954 - 1960) giành được thắng lợi lớn là kết quả của một quá trình chuẩn bị lâu dài và sáng tạo của Đảng bộ, toàn quân và dân Nam Bộ. Các sách lược ứng phó sớm được hình thành từ những ngày đầu khi Mỹ - Diệm tiến hành xác lập một “quốc gia” trên toàn miền Nam cho đến khi bản chất độc tài, phát xít của “quốc gia” này được đẩy lên tới đỉnh điểm năm 1959, ngay sau đó phong trào Đồng Khởi nổ ra mạnh mẽ trong toàn vùng Nam Bộ. Nhờ đẩy mạnh quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM nên phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ diễn ra với khí thế đấu tranh mạnh mẽ, khiến cho quân đội và CQSG ở cơ sở lâm vào khủng hoảng, lung lay và suy yếu.

Hoạt động đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM ở Nam Bộ trong những năm 1954 - 1960 còn tạo ra một hệ thống các căn cứ địa hoạt động nối liền các địa phương thuộc Nam Bộ và từ Nam Bộ kết nối đến Tây Nguyên và Nam Trung Bộ ra đến Trung ương Đảng, có ý nghĩa chiến lược quan trọng trong lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân miền Nam sau đó. Đồng thời quá trình đấu tranh này của quân và dân Nam Bộ còn góp phần quan trọng thúc đẩy mạnh hoạt động tái xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của lực lượng vũ trang ba thứ quân ở địa phương, góp phần đưa cách mạng miền Nam chuyển từ khởi nghĩa sang chiến tranh cách mạng sau đó.

Đỉnh cao của quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM (1954 - 1960) là phong trào Đồng Khởi nổ ra mạnh mẽ và liên tục như những cơn triều dâng ập tới với sức công phá mãnh liệt, tạo ra hiệu ứng lan rộng toàn vùng, làm lung lay và tan rã từng mảng lớn hệ thống cai trị, kìm kẹp nhân dân của CQSG ở cơ sở. Bắt đầu từ những cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương với nhiều phương thức tiến công phong phú, sáng tạo, phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ góp phần tạo nên cao trào ĐTCT với ĐTVT và binh vận kết hợp trên toàn miền Nam Việt Nam sau đó. Thắng lợi trong phong trào Đồng Khởi ở Nam Bộ không chỉ giải phóng được nhiều xã, ấp, nhiều vùng bị CQSG khống chế kìm kẹp, giành được nhiều dân mà quan trọng hơn cả là tạo ra thế và lực mới cho cách mạng ở địa phương và trên toàn miền Nam Việt Nam.

Bên cạnh những thắng lợi, quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ (1954 - 1960) vẫn có những hạn chế nhất định. Đó là sự chủ quan, thiếu cảnh giác cách mạng của một số cán bộ, đảng viên tại một vài địa phương Nam Bộ; sự chậm tham mưu, thiếu chủ động đề ra những nội dung, phương thức đấu tranh phù hợp với thực tiễn, chưa phát huy hết sự năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm của XUNB và một số cấp Đảng ủy địa phương Nam Bộ trong lãnh đạo, chỉ đạo đấu tranh, còn thụ động, trông chờ chỉ đạo của cấp trên; trong những thời điểm quan trọng, tiến hành các hoạt động đấu tranh thiếu đồng loạt trong một số địa phương Nam Bộ... Những hạn chế này đã làm giảm bớt phần nào những thắng lợi lớn hơn trong quá trình đấu tranh của quân và dân Nam Bộ những năm 1954 - 1960.

Mặc dù còn có những hạn chế nhất định nhưng quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ (1954 - 1960) đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm đấu tranh quý báu không chỉ cho quân và dân địa phương mà còn là kim chỉ nam được quân và dân miền Nam Việt Nam vận dụng vào trong thực tiễn đấu tranh cách mạng trên chiến trường sau đó. Đó là những bài học kinh nghiệm về đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng; về phát huy sức mạnh của mọi lực lượng cách mạng ở địa phương; bài học về phát huy tính chủ động, linh hoạt,

sáng tạo sử dụng nhiều hình thức, phương pháp đấu tranh để mang lại hiệu quả; bài học kinh nghiệm về xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng căn cứ địa, xây dựng thế trận lòng dân và bài học về việc luôn giữ vững tinh thần tiến công cách mạng và không ngừng phát triển thế tiến công... Quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi của quân và dân Nam Bộ những năm 1954 - 1960 trở thành biểu tượng sáng ngời nhất của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, là ngọn đuốc sáng có sức lan tỏa mạnh mẽ, thổi bùng phong trào đấu tranh trên toàn miền Nam Việt Nam trong những giai đoạn tiếp sau.

Có thể khẳng định, quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi giai đoạn 1954 - 1960 của quân và dân Nam Bộ giành được những thắng lợi lớn, góp phần tạo ra bước ngoặt quan trọng làm xoay chuyển tình thế cách mạng ở miền Nam Việt Nam: chuyển từ bị động, giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, từ khởi nghĩa sang chiến tranh cách mạng và đẩy chế độ Mỹ - Diệm lâm vào tình trạng khủng hoảng triền miên. Đồng thời, thắng lợi của quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ những năm 1954 - 1960 còn là minh chứng sống động cho tinh thần tiến công cách mạng không ngừng, là hiện thân của sự mưu trí, sáng tạo của toàn thể quân và dân nơi đây. Trong gần 6 năm phải sống cam chịu, nhún nhường, nổi oán hờn của nhân dân đối với chế độ độc tài của họ Ngô lên tới đỉnh điểm và đã kết thành một làn sóng đấu tranh cách mạng dâng cao, tạo nên một Đồng Khởi thắng lợi vang dội trong toàn vùng những năm 1959 - 1960. Với những gì diễn ra trong những năm 1954 - 1960, Nam Bộ xứng đáng được xem là điển hình, là quê hương của phong trào Đồng Khởi ở miền Nam Việt Nam.

Quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng LLCM, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ trải qua sáu thập kỷ nhưng dư âm của khí thế đấu tranh long trời lở đất ngày nào của quân và dân Nam Bộ vẫn còn vang vọng đâu đây như muốn nhắc nhở nhân dân nơi đây tự hào về quá khứ hào hùng của cha ông và tiếp thêm sức mạnh cho các thế hệ hôm nay viết tiếp những trang sử vàng của dân tộc Việt Nam. Ngày này, để tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang cùng khí thế đấu tranh mạnh mẽ, hào

hùng ngày nào của ông cha, cùng với cả nước, quân và dân các tỉnh Nam Bộ cần phải tiến hành nhiều cuộc “Đồng Khởi” nữa, những phong trào Đồng Khởi có quy mô và tính chất sâu rộng hơn - “Đồng Khởi” trên tất cả các lĩnh vực trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam. “Đồng Khởi” để xây dựng một nước Việt Nam ngày càng giàu mạnh và có thể sánh vai với các cường quốc năm châu như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng mong đợi.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Thái Văn Thơ. (2013). “Quá trình đấu tranh giữ gìn lực lượng tiến tới Đồng Khởi ở Long An (1954 - 1960)”. Tạp chí *Lịch sử Quân sự*, số 262 (10/2013), trang 29 - 33.
2. Thái Văn Thơ. (2013). “Nét sáng tạo trong quá trình đấu tranh giữ gìn lực lượng và tiến tới Đồng Khởi ở Kiến Tường giai đoạn (1954 - 1960)”. Tạp chí *Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, số 52 (86), (11/2013), trang 180 - 189.
3. Thái Văn Thơ. (2014). “Quá trình giữ gìn, xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng ở tỉnh Kiến Phong giai đoạn (1954 - 1960)”. Tạp chí *Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, số 55(89), (2/2014), trang 146 - 154.
4. Thái Văn Thơ. (2017). “Phong trào Đồng Khởi ở Khu 8 - Trung Nam Bộ: Kết quả và bài học kinh nghiệm”. Tạp chí *Lịch sử Quân sự*, số 302, (2/2017), trang 41 - 45.
5. Thái Văn Thơ. (2017). “Quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng, tiến tới Đồng Khởi ở Cần Thơ (1954 - 1960)”. Tạp chí *Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, số 51C (2017), trang 107 - 115.
6. Thái Văn Thơ. (2017). “Quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng, tiến tới Đồng Khởi ở An Giang (1954 - 1960)”. *Hội thảo Khoa học cho Học viên Cao học và Nghiên cứu sinh năm học 2017 - 2018*, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh tổ chức, tháng 11 năm 2017, trang 162 - 172.
7. Thái Văn Thơ. (2017). “Quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng, tiến tới Đồng Khởi ở Cà Mau (1954 - 1960)”. Tạp chí *Khoa học Trường Đại học An Giang*, quyển 18 (6) - 2017, trang 79 - 87.
8. Thái Văn Thơ. (2018). “Xây dựng và phát triển lực lượng cách mạng, tiến tới Đồng Khởi ở Gia Định (1955 - 1960)”. Tạp chí *Khoa học Trường Đại học Sư phạm*

TP. Hồ Chí Minh, tập 15, số 2 (2018), trang 173 - 184.

9. Thái Văn Thơ. (2018). “Đấu tranh chính trị của phụ nữ Nam Bộ (1954 - 1960)”. Tạp chí *Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, tập 15, số 5 (2018), trang 121 - 132.

10. Thái Văn Thơ. (2018). “Vai trò của binh vận trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng ở Nam Bộ (1954 - 1960)”. Tạp chí *Lịch sử Quân sự*, (9/2018), trang 27 - 34.

11. Thái Văn Thơ. (2018). “Những đặc trưng, sáng tạo trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng của quân và dân Nam Bộ (1954 - 1960)”. *Hội thảo Khoa học cho Học viên Cao học và Nghiên cứu sinh năm học 2018 - 2019*, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh tổ chức, tháng 10 năm 2018, trang 14 - 23.

12. Thái Văn Thơ. (2018). “Vai trò của các căn cứ địa trong quá trình đấu tranh giữ gìn và xây dựng lực lượng cách mạng, tiến tới Đồng Khởi ở Nam Bộ (1954 - 1960)”. Tạp chí *Khoa học Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, tập 15, số 11 (2018), trang 154 - 165.

13. Thái Văn Thơ. (2019). “Đấu tranh vũ trang ở miền Đông Nam Bộ (1954 - 1960)”. *Hội thảo Khoa học cho Học viên Cao học và Nghiên cứu sinh năm học 2019 - 2020*, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh tổ chức, tháng 10 năm 2019, trang 170 - 183.

14. Thái Văn Thơ. (2020). “Chiến thắng Xẻo Rô và phong trào Đồng Khởi ở miền Tây Nam Bộ (1959 - 1960)”. Tạp chí *Lịch sử Quân sự*, số 337, (01/2020), trang 110 - 118.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Joseph A. Amter. (1985). *Lời phán quyết về Việt Nam*. NXB Quân đội Nhân dân.
2. Phùng Đình Âm (chủ biên). (2009). *Mở đường Hồ Chí Minh đoạn từ Nam Tây Nguyên đến miền Đông Nam Bộ*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
3. Pierre Asselin. (2013). *Hanoi's road to the Vietnam war, 1954 - 1965*, Berkeley: University of California Press.
4. Joseph Buttinger. (1967). *Vietnam: A dragon embattled*. New York: Frederick A. Praeger Pub.
5. Ban biên tập lịch sử Tây Nam Bộ kháng chiến. (2008). *Lịch sử Tây Nam Bộ kháng chiến*, tập 2, (1955 - 1969). NXB Chính trị quốc gia.
6. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang. (2007). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh An Giang 1954 - 1975*, tập 2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy An Giang xuất bản.
7. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu. (2002). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu (1927 - 1975)*, tập 1. Ban thường vụ Tỉnh ủy Bạc Liêu.
8. Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh Bến Tre. (2003). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bến Tre (1930 - 2000)*. NXB Chính trị quốc gia.
9. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (1995). *Lịch sử Bà Rịa - Vũng Tàu kháng chiến (1945 - 1975)*. NXB Quân đội Nhân dân.
10. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (2000). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*, tập 2 (1954 - 1975). NXB Chính trị quốc gia.
11. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương. (2003). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương (1930 - 1975)*, tập 1. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
12. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương. (2014). *Lịch sử chiến tranh nhân dân tỉnh Bình Dương (1945 - 1975)*. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật.
13. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Phước. (2002). *Lịch sử Bình Phước kháng chiến (1945 - 1975)*. NXB Chính trị quốc gia.
14. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cà Mau. (2004). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Cà Mau (1930 - 1975)*, tập 1. NXB Mũi Cà Mau.
15. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp. (1997). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (1954 - 1975)*, tập 3, Sơ thảo. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp và NXB Đồng Tháp.

16. Ban Chấp hành Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai. (2000). *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai (1954 - 1995)*, tập 2. NXB Tổng hợp Đồng Nai.
17. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hậu Giang. (1987). *Hậu Giang 21 năm kháng chiến chống Mỹ*. Hậu Giang: NXB Tổng hợp Hậu Giang.
18. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Long An. (2005). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Long An (1930 - 2000)*. NXB Chính trị quốc gia.
19. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mỏ Cày. (2009). *Lịch sử Đảng bộ huyện Mỏ Cày*. Ban Tuyên giáo Huyện ủy Mỏ Cày.
20. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tây Ninh. (2010). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tây Ninh (1930 - 2005)*. NXB Chính trị quốc gia.
21. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tiền Giang. (2011). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tiền Giang (1954 - 1975)*, tập 2. NXB Chính trị quốc gia.
22. Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh. (2014). *Lịch sử Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh (1930 - 1975)*. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật.
23. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Trà Vinh. (2005). *Lịch sử tỉnh Trà Vinh*. Trà Vinh.
24. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (1985). *Một số Văn kiện của Đảng về chống Mỹ cứu nước*, tập 1, (1954 - 1965). NXB Sự thật.
25. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long. (2013). *Lịch sử tỉnh Vĩnh Long (1732 - 2000)*. Vĩnh Long.
26. Ban Chỉ đạo Công trình Lịch sử Kháng chiến chống Mỹ Khu 8 - Trung Nam Bộ. (1997). *Đồng bằng khu Trung Nam Bộ chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1965)*, tập 1. Tiền Giang.
27. Ban Chỉ đạo và Ban Biên tập Truyền thống Tây Nam Bộ. (2000). *Tây Nam Bộ 30 năm kháng chiến (1945 - 1975)*. Ban Chỉ đạo Truyền thống Tây Nam Bộ xuất bản.
28. Ban Chỉ đạo Tổng kết Chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị. (1995). *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước - Thắng lợi và bài học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
29. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương. (1955). *Sơ kết phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam từ hòa bình lập lại từ tháng 8/1954 đến tháng 9 năm 1955, ngày 5/10/1955, tư liệu số 201C, tr.15. số 10b/1955-TWC*.

30. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương. (1956). *Tình hình và nhiệm vụ công tác miền Nam Nghị quyết Bộ Chính trị 8,9/6/1956*, tr.5-6. số 02b/1956 - TWC.
31. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương. (1959). *Báo cáo tình hình phong trào Nam Bộ (trong cuộc hội Trung ương lần thứ 15)*. Tài liệu lưu trữ phòng Khoa học Quân sự Quân khu 9, số SK/06/1959 - loại TWC.
32. Ban Lịch sử Quân sự tỉnh Tây Ninh. (1957). *Phúc trình của Tỉnh trưởng tỉnh Tây Ninh Nguyễn Văn Ngôn gửi Phó Tổng thống Việt Nam Cộng hòa (Nguyễn Ngọc Thơ), ngày 20/7/1957*. Tài liệu lưu trữ Ban Lịch sử Quân sự tỉnh Tây Ninh, bản số 43.
33. Ban Tổng kết chiến tranh B2. (1979a). *Đề cương tỉ mỉ Báo cáo tổng kết kinh nghiệm cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trên chiến trường Nam Bộ và Cục Nam Trung Bộ (B2)*, quyển 2. Tài liệu lưu trữ phòng Khoa học Quân sự Quân khu 7, ký hiệu VL 1232/2.
34. Ban Tổng kết chiến tranh B2. (1979b). *Đề cương tỉ mỉ Báo cáo tổng kết kinh nghiệm cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trên chiến trường Nam Bộ và Cục Nam Trung Bộ (B2)*, quyển 5. Tài liệu lưu trữ phòng Khoa học Quân sự Quân khu 7, ký hiệu VI 1235/2.
35. Ban Tổng kết chiến tranh B2. (1984). *Quá trình cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và quy luật hoạt động của Mỹ Ngụy trên chiến trường B2*, lưu hành nội bộ, Ban Tổng kết chiến tranh B2.
36. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Minh Hải. (1995). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Minh Hải (1930 - 1975)*, Sơ thảo. NXB Mũi Cà Mau.
37. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang. (2003). *Tuyên huấn Khu 8 - Trung Nam Bộ (1959 - 1975)*, tập 1, 2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang.
38. Phạm Thanh Biền và Nguyễn Hữu Nghĩa. (2004). *Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi*. NXB Quân đội Nhân dân
39. Bộ Chính trị. (1959). *Nghị quyết Trung ương lần thứ 15 tháng 1 năm 1959 về tăng cường đoàn kết, kiên quyết đấu tranh giữ gìn hòa bình, thực hiện thống nhất đất nước*, tr.13, 15. Tài liệu lưu trữ tại phòng Khoa học Quân sự Quân khu 9, số 08/1959 - TWC.
40. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh An Giang. (2001). *Lực lượng vũ trang nhân dân An Giang - 30 năm kháng chiến (1945 - 1975)*, tập 2, (1954 - 1975). NXB Quân đội Nhân dân.
41. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bến Tre. (1985). *Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ*

cứu nước của nhân dân Bến Tre, Lược sử. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bến Tre.

42. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bến Tre. (1990). *Bến Tre 30 năm kháng chiến chống Pháp, Mỹ (1945 - 1975)*. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bến Tre.

43. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Tháp. (1990). *Ba mươi năm kháng chiến của quân dân Đồng Tháp (1945 - 1975)*. Đồng Tháp.

44. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Sóc Trăng. (1993). *Ba mươi năm kháng chiến của lực lượng vũ trang Sóc Trăng*. Sóc Trăng.

45. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Tiền Giang. (1988). *Cuộc kháng chiến 30 năm của quân dân Tiền Giang*. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Tiền Giang.

46. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai. (1999). *Lịch sử lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai (1945 - 1995)*. Hà Nội: NXB Quân đội Nhân dân.

47. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Tây Ninh. (2001). *Lịch sử lực lượng vũ trang tỉnh Tây Ninh (1954 - 1975)*. Ban Khoa học Lịch sử Quân sự Tây Ninh.

48. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Dương. (2006). *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh Bình Dương (1945 - 2005)*. NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

49. Bộ Quốc phòng. (2015). *Bách khoa toàn thư quân sự Việt Nam*, quyển 1: Lịch sử quân sự. Hà Nội: NXB Quân đội Nhân dân.

50. Bộ Tư lệnh Quân khu 9. (2011). *Lịch sử căn cứ U Minh - 30 năm kháng chiến (1945 - 1975)*. NXB Quân đội Nhân dân.

51. Bộ Tư lệnh Quân khu 7. (2012). *Lịch sử miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung Bộ kháng chiến (1945 - 1975)*. NXB Chính trị quốc gia.

52. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Vĩnh Long. (1999). *Lực lượng vũ trang tỉnh Vĩnh Long 30 năm kháng chiến (1945 - 1975)*. NXB Quân đội Nhân dân.

53. Bộ Tư lệnh Quân khu 7. (2002). *Căn cứ địa cách mạng ở Tây Ninh trong chiến tranh giải phóng (1945 - 1975)*. NXB Quân đội Nhân dân.

54. Bộ Tư lệnh Quân khu 7. (1999). *Chiến thắng Tua Hai và phong trào Đồng Khởi ở miền Đông Nam Bộ*. NXB Quân đội Nhân dân.

55. Bộ Tư lệnh Quân khu 7 và Cục Hậu cần. (2011). *Lịch sử công tác Đảng công tác chính trị Cục Hậu cần Quân khu 7 (1945 - 2010)*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia - Sự thật.

56. Bộ Tổng tham mưu Quân đội Sài Gòn. (1959). *Tóm tắt tình hình Quân khu IV trong tháng 12 năm 1959 của Bộ Tổng tham mưu Quân đội Sài Gòn*. Tài liệu lưu

trữ Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam.

57. Bộ Tư lệnh Quân khu 7. (1974). *Tài liệu tổng kết bình định của địch từ năm 1954 đến nay*. Tài liệu lưu trữ phòng Lịch sử Quân sự, ký hiệu hồ sơ số TL78.

58. Bộ Tư lệnh Quân khu 9. (1996). *Quân khu 9 ba mươi năm kháng chiến (1945 - 1975)*. NXB Quân đội Nhân dân.

59. Bộ Tư lệnh Quân khu 9. (1998). *Quân khu 8 ba mươi năm kháng chiến (1945 - 1975)*. NXB Quân đội Nhân dân.

60. Jessica M. Chapman. (2013). *Cauldron of Resistance: Ngo Dinh Diem, the United States, and 1950s Southern Vietnam*. Ithaca and London: Cornell University Press.

61. Quỳnh Cư. (1985). *Đông Khởi ở Bến Tre*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

62. Cục Tổ chức Tổng cục Chính trị. (1954). *Báo cáo tình hình cán bộ Phân liên khu miền Đông Nam Bộ ngày 29/10/1954*. Tài liệu lưu trữ Bộ Quốc phòng, Nam Bộ, tờ 158.

63. Lê Duẩn. (1970). *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*. Hà Nội: NXB Sự thật.

64. Lê Duẩn. (1987). *Tuyển tập*, tập 1, (1950 - 1975). Hà Nội: NXB Sự thật.

65. Lê Duẩn. (1993a). *Cách mạng giải phóng miền Nam và chiến tranh nhân dân*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.

66. Lê Duẩn. (1993b). *Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*. Hà Nội: NXB Sự thật.

67. Lê Duẩn. (2005). *Thư vào Nam*. NXB Quân đội Nhân dân.

68. Văn Tiến Dũng. (1996). *Về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.

69. Phan Văn Đáng. (1984). *Tình hình Nam Bộ (1954 - 1960)* - Ghi theo lời kể của Phan Văn Đáng (Hai Văn), Phó Ban Tổ chức Trung ương, TL: 15761/2, tài liệu lưu trữ tại phòng Khoa học Quân sự Quân khu 7.

70. Hồ Sơn Đài và Hồ Sơn Diệp. (2016). *Lịch sử quân Giải phóng miền Nam Việt Nam trên chiến trường B2 (1961 - 1976)*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.

71. Hồ Sơn Đài. (2008). *Cuộc kháng chiến (1945 - 1975) - nhìn từ Nam Bộ*. NXB Chính trị quốc gia.

72. Hồ Sơn Đài. (2011). *Miền Đông Nam Bộ và Cục Nam Trung Trung Bộ trong*

kháng chiến (1945 - 1975). Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia - Sự thật.

73. Hồ Sơn Đài. (2013). “Mấy đặc điểm về tổ chức chiến trường ở Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước”. Tạp chí *Lịch sử Quân sự*, số 6 (258).

74. Hồ Sơn Đài. (2014). “Lực lượng vũ trang Nam Bộ trong 30 năm chiến tranh giải phóng”. Tạp chí *Lịch sử Quân sự*, số 12 (276).

75. Đảng bộ tỉnh Minh Hải. (1980). *Minh Hải ba mươi năm chiến tranh giải phóng (1945 - 1975)*. Minh Hải.

76. Đảng Cộng sản Việt Nam. (1978). *Trích văn kiện Đảng*, tập 2. Hà Nội: NXB Sách Giáo khoa Mác - Lênin.

77. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2000a). *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 2. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.

78. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2000b). *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 5. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.

79. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2001). *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 15. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.

80. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2002a). *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 16. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.

81. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2002b). *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 17. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.

82. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2002c). *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 18. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.

83. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2002d). *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 19. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.

84. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2002e). *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 20. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.

85. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2002f). *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 21. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.

86. Trần Bạch Đằng (chủ biên). (1993). *Chung một bóng cờ (Về Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam)*. NXB Chính trị quốc gia.

87. Lê Minh Đào. (1998). *Trên thế trận đồng bằng*. Bến Tre.

88. Nguyễn Thị Định. (1969). *Không còn đường nào khác* (hồi kí). NXB Phụ nữ.

89. Nguyễn Thị Định. (1974). *Phong trào Đồng Khởi của Bến Tre năm 1960* (Bài nói chuyện tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, ngày 6/9/1974), tài liệu đánh máy lưu tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu H3/6/10-12.
90. Nguyễn Thị Định. (1985). “Đấu tranh chính trị - 1 hình thức đấu tranh cơ bản, 1 mũi tiến công sắc bén của cách mạng và chiến tranh cách mạng miền Nam”. Tạp chí *Thông tin Khoa học Xã hội*, số 29.
91. Nguyễn Phú Đức. (2009). *Tại sao Mỹ thua ở Việt Nam?*. Nguyễn Mạnh Hùng dịch. NXB Lao động.
92. Nguyễn Tư Đương. (2001). “Lực lượng vũ trang “Giáo phái” miền Tây Nam Bộ thời kỳ đầu kháng chiến chống Mỹ”. Tạp chí *Lịch sử Quân sự*, số 5/2001.
93. Nguyễn Minh Đường. (2000). *Cuối đời nhìn lại* (hồi kí). Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang.
94. D.D.Eisenhower. (1965). *Mandate for change*, New York: The New American Library.
95. Bernard Fall. (1966). *Vietnam Witness*. New York: Praeger.
96. Bernard Fall. (1984). *The two Viet-Nams: a political and military analysis*. Westview Press.
97. Frances Fitzgerald. (2004). *Lửa trong lòng hồ*, Lê Sỹ Giảng và Nguyễn Nam Sơn dịch. NXB Công an Nhân dân.
98. Võ Nguyên Giáp. (1967). *Vai trò chiến lược của dân quân tự vệ trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước vĩ đại của nhân dân ta*. NXB Quân đội Nhân dân.
99. Võ Nguyên Giáp. (1970). *Mấy vấn đề về đường lối quân sự của Đảng ta*. Hà Nội: NXB Sự thật.
100. Võ Nguyên Giáp. (1973). *Vị trí chiến lược của chiến tranh nhân dân ở địa phương và của các lực lượng vũ trang địa phương*. Hà Nội: NXB Quân đội Nhân dân.
101. Trần Văn Giàu. (1964). *Miền Nam giữ vững thành đồng*, tập 1. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
102. Trần Văn Giàu. (1968). “Chính sách bình định của Mỹ - nguy ở miền Nam Việt Nam giai đoạn “Chiến tranh một phía””. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 107.
103. Trịnh Thị Hồng Hạnh. (2010). “Đấu tranh chính trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước”. Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 6.

104. George C. Herring. (1986). *America's longest war (Cuộc chiến tranh dài nhất của nước Mỹ)*. New York: Mc.Graw-Hill, Inc.
105. George C. Herring. (2004). *Cuộc chiến dài ngày giữa nước Mỹ và Việt Nam 1950 - 1975*. NXB Công an Nhân dân.
106. David Hotham, "South Vietnam - Shaky Bastion", New Republic, November 25, 1957.
107. Hội đồng biên soạn lịch sử miền Đông Nam Bộ. (2003). *Lịch sử Đảng bộ miền Đông Nam Bộ lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975)*. NXB Chính trị quốc gia.
108. Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến. (2010). *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến (1954 - 1975)*, tập 2. NXB Chính trị quốc gia.
109. Hội đồng chỉ đạo biên soạn lịch sử Nam Bộ kháng chiến. (2011). *Biên niên sự kiện lịch sử Nam Bộ kháng chiến (1954 - 1975)*. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật.
110. Hội đồng Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh. (1996). *Địa chí Đồng Tháp Mười*. NXB Chính trị quốc gia.
111. Việt Hồng. (1974). "Vài nét về đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ trang ở Nam Bộ trước cuộc Đồng Khởi 1959 - 1960". Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 155.
112. Hà Minh Hồng. (2008). *Nam Bộ 1945 - 1975: Những góc nhìn từ lịch sử chiến tranh cách mạng Việt Nam*. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
113. Hà Minh Hồng. (2010). "Bàn thêm về hình thái khởi nghĩa từng phần ở miền Nam Việt Nam giai đoạn 1959 - 1960". Tạp chí *Văn thư Lưu trữ Việt Nam*, số 1.
114. Hà Minh Hồng và Trần Nam Tiến. (2010). *Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (1960 - 1977)*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
115. Lê Đình Hùng. (2016). *Quá trình xây dựng và hoạt động của lực lượng vũ trang cách mạng ở miền Nam từ 1954 đến 1965*. Luận án Tiến sĩ bảo vệ tại Học viện Khoa học Xã hội.
116. Thomas L. Ahern Jr. (2010). *Vietnam declassified: The CIA and Counterinsurgency*, University of Kentucky Pub.
117. Stanley Karnow. (1997). *Vietnam, a history*. New York: Penguin Books.
118. Gabriel Kolko. (2003). *Giải phẫu một cuộc chiến tranh*. NXB Quân đội Nhân dân.

119. Edward G. Lansdale. (1972). *In the midst of wars*. New York: Harper & Row.
120. Lâm Quang Láng. (2012). *Phong trào Đồng Khởi ở An Giang*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia - Sự thật.
121. Dương Kiều Linh. (2017). *Báo chí Sài Gòn (1954 - 1963)*. NXB Văn hóa - Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
122. Tạ Xuân Linh. (1975). “Cuộc Đồng Khởi Bến Tre”. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 161.
123. Lê Hồng Lĩnh. (2006). *Cuộc Đồng Khởi kỳ diệu ở miền Nam Việt Nam*. NXB Đà Nẵng.
124. Cao Văn Lượng, Phạm Quang Toàn và Quỳnh Cư. (1981). *Tìm hiểu phong trào Đồng Khởi ở miền Nam Việt Nam*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
125. Cao Văn Lượng. (1991). *Lịch sử cách mạng miền Nam giai đoạn 1954 - 1960*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.
126. Michael Maclear. (1990). *Việt Nam cuộc chiến tranh mười nghìn ngày*. Hà Nội: NXB Sự thật.
127. Avro Manhattan. (1984). *Vietnam - Why did we go?*. California: Chino Pub.
128. Hoàn Linh Đỗ Mậu. (1991). *Tâm sự tướng lưu vong: Việt Nam máu lửa quê hương tôi*. NXB Công an Nhân dân.
129. Edward Miller. (2016). *Liên minh sai lầm: Ngô Đình Diệm, Mỹ và số phận Nam Việt Nam*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia - Sự thật.
130. Hồ Chí Minh. (1970a). *Vì độc lập tự do - vì chủ nghĩa xã hội*. Hà Nội: NXB Sự thật.
131. Hồ Chí Minh. (1970b). *Về đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ trang nhân dân*. Hà Nội: NXB Quân đội Nhân dân.
132. Hồ Chí Minh. (2000a). *Toàn tập*, tập 2. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
133. Hồ Chí Minh. (2000b). *Toàn tập*, tập 5. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
134. Hồ Chí Minh. (2000c). *Toàn tập*, tập 7. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
135. Hồ Chí Minh. (2000d). *Toàn tập*, tập 8. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
136. Hồ Chí Minh. (2000e). *Toàn tập*, tập 9. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
137. Cao Minh. (1993). *Kiến Tường lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954*

- 1975). NXB Quân đội Nhân dân.

138. Robert S. Mc NaMaRa. (1995). *Nhìn lại quá khứ - Tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.

139. Võ Trần Nhã (chủ biên). (1993). *Lịch sử Đồng Tháp Mười*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

140. *Nhật ký Lầu Năm Góc*, tập 1, quyển 2. Bản dịch của Việt Nam Thông tấn xã, tập đánh máy.

141. M.N. (1966). ““Ba mũi giáp công” trong cuộc chiến tranh nhân dân chống Mỹ và tay sai ở miền Nam”. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 86.

142. Nhiều tác giả. (2010a). *Bến Tre Đồng Khởi và đội quân tóc dài*. NXB Phụ nữ.

143. Nhiều tác giả. (2010b). *Phong trào Đồng Khởi: 50 năm nhìn lại*. NXB Chính trị quốc gia.

144. Nhiều tác giả. (2010c). *Miền Nam 21 năm kháng chiến chống Mỹ (Hồ sơ về cuộc kháng chiến của quân dân miền Nam)*. NXB Chính trị - Hành chính.

145. Nhiều tác giả. (2010d). *Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước - những mốc son lịch sử*. NXB Chính trị quốc gia.

146. Dave Richard Palmer. (1987). *Tiến kèn gọi quân (bản dịch)*. Hà Nội: NXB Thông tin Lý luận.

147. Douglas Eugene Pike. (1966). *Viet Cong, The organization and techniques of the National Liberation Front of South Vietnam*. Massachusetts Institute of Technology.

148. Aachimdes L.A.Patti. (2008). *Tại sao Việt Nam?*. NXB Đà Nẵng.

149. John Prados. (2009). *Vietnam: The History of an Unwinnable War, 1945 - 1975*. Lawrence: University Press of Kansas.

150. Peter A. Poole. (1986). *Nước Mỹ và Đông Dương từ Roosevelt đến Nixon*. Hà Nội: NXB Thông tin Lý luận.

151. Đặng Phong. (1991). *21 năm viện trợ Mỹ ở Việt Nam*. Hà Nội: NXB Thông tin.

152. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Chương trình bình trị miền Tây Nam Việt*. Hồ sơ số: 4004. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

153. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *CV, Công điện của VP Bộ trưởng PTT về tình hình an ninh, chính trị, quân sự tại tỉnh Kiến Phong năm 1957*. Hồ sơ số: 4537. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

154. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *CV, Công điện của TMBB về tình hình an ninh, quân sự tại tỉnh Kiến Phong năm 1958*. Hồ sơ số: 5047. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

155. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tập tờ trình, CV, Công điện tỉnh Kiến Phong về tình hình an ninh, quân sự tại tỉnh năm 1959*. Hồ sơ số: 5614. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

156. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Hồ sơ về việc Việt Cộng phục kích đơn vị hành quân vùng Đông Nam quận Hồng Ngự tỉnh Kiến Phong năm 1959*. Hồ sơ số: 5745. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

157. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tập CV của Bộ Tài chính, Phủ Tổng ủy Dinh điền, tỉnh Kiến Phong về tình hình an ninh, quân sự tại tỉnh năm 1960*. Hồ sơ số: 6135. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

158. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tập Công điện của TMBB, tỉnh Kiến Phong về tình hình an ninh, quân sự tại tỉnh năm 1960*. Hồ sơ số: 6136. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

159. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Hồ sơ về tình hình các địa điểm dinh điền ở Kiến Phong, Kiến Tường năm 1957 - 1959*. Hồ sơ số: 12664. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

160. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tập Phiếu trình, bảng nghiên cứu của Bộ TTM QĐVNCH về hoạt động của Việt Cộng tại tỉnh Kiến Tường năm 1960*. Hồ sơ số: 6137. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

161. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tập CV, Công điện của các cơ quan TW về tình hình an ninh, quân sự, chính trị tại tỉnh Long An năm 1957*. Hồ sơ số: 4527. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

162. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Phiếu khẩn báo hàng tuần của tỉnh Long An về tình hình an ninh, chính trị tại tỉnh năm 1958*. Hồ sơ số: 5029. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

163. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *CV, Công điện của TTP, Bộ Nội vụ về tình hình an ninh, quân sự, chính trị tại tỉnh Long An năm 1958*. Hồ sơ số: 5030. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

164. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *CV, Công điện của tỉnh*

Long An về tình hình an ninh, quân sự tỉnh năm 1959. Hồ sơ số: 5595. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

165. Phủ Tổng thống Đế nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tập CV, Công điện của Nha Tổng Giám đốc CSCA tỉnh Long An về tình hình an ninh, quân sự tỉnh năm 1960.* Hồ sơ số: 6099. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

166. Phủ Tổng thống Đế nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tập tài liệu của VP Bộ trưởng PTT, Nha Tổng Giám đốc CSCA về tình hình an ninh, chính trị tại tỉnh Bến Tre năm 1956.* Hồ sơ số: 4062. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

167. Phủ Tổng thống Đế nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Hồ sơ về công tác Tổ Cộng tại tỉnh Bến Tre năm 1956.* Hồ sơ số: 4300. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

168. Phủ Tổng thống Đế nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tập CV, Công điện của VP Bộ trưởng PTT, Bộ Nội vụ về tình hình an ninh, quân sự tại tỉnh Định Tường năm 1957.* Hồ sơ số: 4533. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

169. Phủ Tổng thống Đế nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tập kế hoạch báo cáo hàng tuần của tỉnh Định Tường, Kiến Hòa, Kiến Tường về tình hình an ninh năm 1957.* Hồ sơ số: 4774. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

170. Phủ Tổng thống Đế nhất Cộng hòa. (1954-1963). *CV, Công điện của Bộ Nội vụ, Nha Tổng Giám đốc Bảo an về tình hình an ninh, chính trị tại tỉnh Định Tường năm 1958.* Hồ sơ số: 5042. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

171. Phủ Tổng thống Đế nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tập Công điện của Bộ Quốc phòng, tỉnh Định Tường về tình hình an ninh, quân sự tại tỉnh năm 1960.* Hồ sơ số: 6126. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

172. Phủ Tổng thống Đế nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tập CV, Công điện của TTP, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ về tình hình an ninh, quân sự tại tỉnh An Giang năm 1957.* Hồ sơ số: 4530. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

173. Phủ Tổng thống Đế nhất Cộng hòa. (1954-1963). *CV, Công điện của TTP, Bộ Nội vụ về tình hình an ninh, chính trị tại tỉnh An Giang năm 1958.* Hồ sơ số: 5034. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

174. Phủ Tổng thống Đế nhất Cộng hòa. (1954-1963). *CV, Công điện của tỉnh An Giang về tình hình an ninh, quân sự tại tỉnh năm 1959.* Hồ sơ số: 5599. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

175. Phủ Tổng thống Đế nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tập CV, Công điện của Bộ Nội vụ, tỉnh An Giang về tình hình an ninh, quân sự tại tỉnh năm 1960.* Hồ sơ số:

6109. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

176. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tập CV, Bản tin của Bộ Quốc phòng về tình hình an ninh, quân sự tại tỉnh An Giang năm 1961*. Hồ sơ số: 6674. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

177. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tập bản tin của Việt Tân xã đưa tin việc thực hiện chủ trương của Tổng thống về quốc sách cải tiến dân sinh, thiết lập các khu trù mật năm 1959 - 1960*. Hồ sơ số: 18909. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

178. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Báo cáo của phủ Đặc ủy Công dân vụ về tình hình hoạt động của đối phương năm 1957*. Hồ sơ số: 16296. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

179. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tài liệu của Bộ ngoại giao, Tòa Đại sứ Việt Nam tại Hòa Kỳ về chính sách và chương trình viện trợ Mỹ năm 1960*. Hồ sơ số: 12904. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

180. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tài liệu của Thanh tra TW Dân vệ đoàn, Nha Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động Dân vệ năm 1956 - 1957*. Hồ sơ số: 4817. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

181. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tập tài liệu Bộ trưởng PTT, phái đoàn giao dịch của UHQT về biện pháp để đối phó với các hoạt động của Việt Cộng đòi tổng tuyển cử vào tháng 7 năm 1957*. Hồ sơ số: 4851. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

182. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tập tài liệu của VP Bộ trưởng PTT v/v Việt Cộng đấu tranh hợp pháp và đề phòng âm mưu khủng bố của Việt Cộng năm 1959*. Hồ sơ số: 5975. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

183. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Hồ sơ án định Luật trừng phạt sự phá hoại, xâm phạm an ninh Quốc gia, xâm phạm sinh mạng hay tài sản của nhân dân và thiết lập Tòa án Quân sự Đặc biệt năm 1956 - 1959*. Hồ sơ số: 6024. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

184. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Báo cáo tình hình chính trị tại các tỉnh và các nông trường ở Nam Phần, Trung phần năm 1957*. Hồ sơ số: 4848. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

185. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Hồ sơ về hoạt động “Tranh thủ nhân tâm” tại các thôn xã năm 1956*. Hồ sơ số: 4302. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

186. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tập tài liệu của Bộ Nội vụ, Tổng thống phủ về hoạt động kinh tài và các chủ trương của Việt Cộng năm 1956*. Hồ sơ số: 4254. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.
187. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Hồ sơ v/v Việt Cộng và phiến loạn gây trở ngại trong việc thi hành chương trình Cải cách điền địa tại 2 tỉnh An Xuyên và Kiên Giang năm 1958*. Hồ sơ số: 5388. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.
188. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Hồ sơ thành lập và hoạt động của các tổ chức Bình định hương thôn tại các tỉnh năm 1956 - 1958*. Hồ sơ số: 5191. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.
189. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Hồ sơ về hoạt động của Việt Cộng tại các tỉnh năm 1958*. Hồ sơ số: 5391. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.
190. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tài liệu khai cung, khai thác của Phòng II Bộ TTM về tổ chức và hoạt động binh vận của Việt Cộng năm 1959*, Hồ sơ số: 5709. Đề mục: *Kế hoạch binh vận Việt Cộng và phương pháp chống binh vận của ta*” ngày 20/3/1959. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.
191. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tập tài liệu của Phòng II Bộ TTM về hoạt động của Việt Cộng năm 1959*. Hồ sơ số: 5712, *Bảng nhận xét về hoạt động quân sự của Việt Cộng tại Việt Nam Cộng hòa, ngày 12/11/1959*. số 1264/TTM/2/5. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.
192. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Phúc trình, Công văn của Nha TGD Thông tin về các hoạt động của Việt Cộng năm 1960*. Hồ sơ số: 6524. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.
193. Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tập bản tin của VTX về thành tích hai năm chấp hành của Ngô tổng thống (1955 - 1956)*. Hồ sơ số: 13. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.
194. Trần Hải Phụng và Lưu Phương Thanh. (1994). *Lịch sử Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định kháng chiến (1945 - 1975)*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
195. Quân khu 7. (2004). *Lịch sử Bộ Chỉ huy Miền (1961 - 1976)*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
196. Quân khu 7. (2005). *60 năm lực lượng vũ trang Quân khu 7 (1945 - 2005)*. NXB Quân đội Nhân dân.
197. Quân khu 7. (2010). *Lịch sử lực lượng vũ trang Quân khu 7 (1945 - 2010)*.

Hà Nội: NXB Quân đội Nhân dân.

198. Jeffrey Race. (1973). *War comes to Long An*. University of California Press.

199. Ronald H. Spector. (1985). *Advice and Support: The early years 1941 - 1960*. New York: The Free Press Pub.

200. Lê Quốc Sản. (1991). *Cuộc đọ sức thần kì*. Hà Nội: NXB Quân đội Nhân dân.

201. Bùi Đình Thanh. (1964). “Cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam với sự kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang”. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 64.

202. *The Pentagon Papers*. (1971). New York: Bantam Books Pub.

203. Congressional Research Service Library of Congress. (1984). *The U.S. government and the Vietnam war (Executive and Legislative Roles and Relationship, part I: 1945 - 1961)*. Washington: U.S. Government printing office.

204. Đỗ Thiện và Đinh Kim Khánh. (1984). *Tiếng sấm Điện Biên Phủ*. NXB Quân đội Nhân dân.

205. Mai Chí Thọ. (2001). *Hồi ức Mai Chí Thọ*, tập 2. NXB Trẻ.

206. Thường vụ Tỉnh ủy Long An. (1993). *Long An lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*. NXB Quân đội Nhân dân.

207. Tỉnh ủy Bến Tre. (2010). *Bến Tre Đồng Khởi anh hùng*. NXB Quân đội Nhân dân.

208. Tòa Đại biểu Chính phủ Nam Phần. (1945-1954). *Tình hình quân sự tỉnh Bến Tre năm 1954 - 1955*. Hồ sơ số: D7-440. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM.

209. Tổng cục Chính trị. (2002). *Tổng kết công tác binh - dịch vận trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*. Hà Nội: NXB Quân đội Nhân dân.

210. Trần Văn Trà. (2005). *Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm*. NXB Quân đội Nhân dân.

211. Tô Minh Trung. (1969). “Ngọn cờ đầu của phong trào “Đồng Khởi” toàn miền Nam Việt Nam”. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 118.

212. Trần Trọng Trung. (2005). *Nhà Trắng với cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.

213. Trung ương Cục miền Nam. (1961). *Báo cáo tình hình Nam Bộ từ sau hòa bình lập lại đến nay, 10 - 1961*. Tài liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu: X

3/32.1.

214. Trung ương Cục miền Nam. (1966). *Tình hình phát triển của phong trào cách mạng Nam Bộ từ hòa bình lập lại đến nay (tháng 7/1954 - tháng 6/1966)*. Tài liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng, tr.20-21, ký hiệu: II 3/6/16/21.

215. Việt Nam Thông tấn xã. (1973). *Tư liệu về miền Nam Việt Nam chiến đấu và chiến thắng*. Tài liệu lưu trữ tại Thư viện Quốc gia Việt Nam.

216. V.I. Lênin. (1973). *Bệnh áu trĩ tả khuynh trong phong trào cộng sản*. Mátxcova: NXB Tiến bộ.

217. Viện Lịch sử Công an. (2010). *Lịch sử An ninh Trung Nam Bộ - Khu 8 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*. NXB Công an Nhân dân.

218. Viện Lịch sử Đảng Trung ương. *Báo cáo một số kinh nghiệm của Nam Bộ về công tác đấu tranh chống khủng bố, xây dựng lực lượng võ trang tuyên truyền, xây dựng Đảng*. Hồ sơ số II/6/9.9.

219. Viện Lịch sử Đảng. (1985). *Những sự kiện lịch sử Đảng, tập 3, về kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*. Hà Nội: NXB Thông tin Lý luận.

220. Viện Lịch sử Đảng. (2008). *Lịch sử biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.

221. Viện Lịch sử Đảng. (2015). *Lịch sử Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia - Sự thật.

222. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam. (1994). *Lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam, tập 2*. Hà Nội: NXB Quân đội Nhân dân.

223. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam. (2002). *Tư tưởng quân sự Hồ Chí Minh*. Hà Nội: NXB Quân đội Nhân dân.

224. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam. (2005). *Lịch sử quân sự Việt Nam, tập 11*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.

225. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam. (2013). *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954 - 1975, tập 1*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia - Sự thật.

226. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam. (2015). *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), tập 2*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia - Sự thật.

227. James E. Westheider. (2007). *The Vietnam War*. London: Greenwood press.

228. Nguyễn Hữu Xuyên. (1984). *Tình hình Nam Bộ (1954 - 1960)* - Bài nói của Nguyễn Hữu Xuyên, TL: 15759/2, tài liệu lưu trữ tại phòng Khoa học Quân sự

Quân khu 7.

229. Xứ ủy Nam Bộ. (1957a). *Báo cáo tình hình miền Nam năm 1957*. Tài liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng, ký hiệu II 3/6/7.7.

230. Xứ ủy Nam Bộ. (1957b). *Đề án hoạt động vũ trang tuyên truyền* (tài liệu lưu trữ K4/VP-BQP, Hồ sơ 74, tờ 265-269, tr.2, số 5/57 - TWC).

231. Xứ ủy Nam Bộ. (1957c). *Đường lối công tác binh vận*, Hồ sơ 74, tờ 253-260, tài liệu lưu trữ tại phòng Khoa học Quân sự Quân khu 9, số 03b/1957 loại TW.

232. Xứ ủy Nam Bộ. (1957d). *Tình hình quân đội miền Nam năm 1957*. Tài liệu lưu trữ tại phòng Khoa học Quân sự Quân khu 9, số 02a/1957, loại TW.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Nghị quyết của Bộ Chính trị về tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới của Đảng, từ ngày 5 đến 7 tháng 9 năm 1954 (trích).

Phụ lục 2: Đề cương cách mạng miền Nam, tháng 8/1956 (trích mục II, IV).

Phụ lục 3: Một số hình ảnh tư liệu về hoạt động tập kết chuyển quân của lực lượng cách mạng ở Nam Bộ trong những năm 1954 - 1956.

Phụ lục 4: Đề án Hoạt động vũ trang tuyên truyền.

Phụ lục 5: Tư liệu về chính sách khủng bố của Mỹ - Diệm trong những năm 1955 - 1960.

Phụ lục 6: Một số hình ảnh, tư liệu về các hành động tàn bạo của chính quyền Ngô Đình Diệm và những hoạt động đấu tranh của quân và dân Nam Bộ trong những năm 1957 - 1959.

Phụ lục 7: Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (mở rộng) về tăng cường đoàn kết, kiên quyết đấu tranh giữ vững hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà (trích mục II).

Phụ lục 8: Luật 10/59 của Việt Nam Cộng hòa.

Phụ lục 9: Các hoạt động tiến công của lực lượng cách mạng ở Nam Bộ theo mô tả của chính quyền Sài Gòn miền Đông Nam phần và miền Tây Nam phần.

Phụ lục 10: Hoạt động của Việt Cộng trong những năm 1957 - 1959 (theo mô tả của các nhà nghiên cứu nước ngoài).

Phụ lục 11: Những hoạt động chống đối chính quyền Ngô Đình Diệm từ tháng 4/1957 đến tháng 4/1958 và từ tháng 4/1959 đến tháng 4/1960 ở Nam Bộ (theo mô tả của các nhà nghiên cứu nước ngoài).

Phụ lục 12: Sơ đồ tổ chức hoạt động binh vận của cách mạng theo mô tả của chính quyền Sài Gòn.

Phụ lục 13: Một số hình ảnh tư liệu về hoạt động đấu tranh cách mạng ở một số địa phương tiêu biểu của Nam Bộ trong những năm 1959 - 1960.

Phụ lục 14: Hình thái chiến trường Nam Bộ sau Đồng Khởi 1960.

Phụ lục 15: Lược đồ các tỉnh Nam Bộ hiện nay.

**Phụ lục 1: Nghị quyết của Bộ Chính trị về tình hình mới, nhiệm vụ mới
và chính sách mới của Đảng¹**

(Trích)

TÌNH HÌNH MỚI VÀ NHIỆM VỤ MỚI

Hội nghị Giơnevơ đã đi đến sự thỏa thuận lập lại hòa bình ở Đông Dương, đã ký kết Hiệp định đình chiến ở Việt Nam, Lào và Cao Miên. Đó là một thắng lợi của nhân dân Việt Nam, nhân dân Lào và nhân dân Khome. Đó là kết quả của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc chống đế quốc gần một thế kỷ nay của nhân dân Đông Dương, đặc biệt đó là kết quả cuộc đấu tranh vũ trang anh dũng của nhân dân Việt Nam trong tám, chín năm nay dưới sự lãnh đạo của Đảng và của Hồ Chủ tịch.

Lực lượng của ta ngày càng lớn mạnh khiến cho Pháp không còn đủ sức tiếp tục chiến tranh như trước, mâu thuẫn giữa các đế quốc sâu sắc, lực lượng hòa bình của Liên Xô, Trung Quốc, của nhân dân Pháp và nhân dân toàn thế giới lớn mạnh, đó là những nhân tố quyết định sự thỏa thuận lập lại hòa bình ở Đông Dương. Thắng lợi to lớn của lực lượng hòa bình ở Đông Dương, đã đập tan âm mưu của đế quốc Mỹ và thực dân hiếu chiến Pháp hòng mở rộng chiến tranh, dùng vũ lực để chinh phục nước ta một lần nữa. Thắng lợi to lớn đó khiến cho nhân dân ta tránh khỏi tai họa chiến tranh to lớn hơn và làm cho tình hình thế giới bớt căng thẳng. Thắng lợi to lớn đó đã kết thúc ách thống trị của thực dân Pháp ở miền Bắc, làm cho nhân dân miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tạo nên những điều kiện thuận lợi cho công cuộc hòa bình kiến thiết nước Việt Nam sau này. Đồng thời cũng đặt được cơ sở để tiến lên một bước nữa thực hiện thống nhất và độc lập, dân chủ trong toàn quốc.

Cuộc đấu tranh của nhân dân ta đã bước vào một giai đoạn mới.

- Đặc điểm thứ nhất của giai đoạn mới là từ chiến tranh chuyển sang hòa bình. Tám năm nay hết thảy sự hy sinh, cố gắng của nhân dân Việt Nam đều nhằm giành thắng lợi cho cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc. Hết thảy phục

1. Đây là Nghị quyết của Bộ Chính trị họp từ ngày 5 đến ngày 7 tháng 9 năm 1954.

tùng chiến tranh. Toàn bộ đấu tranh và toàn bộ công tác của ta đều tiến hành trong hoàn cảnh chiến tranh. Nay đã đình chiến, chúng ta công tác và phấn đấu trong hòa bình. Đó là một sự biến đổi rất lớn, ảnh hưởng tới toàn bộ công tác của chúng ta, ảnh hưởng tới chính sách, nhiệm vụ, tổ chức và lề lối làm việc của chúng ta. Chúng ta phải thích ứng với tình hình mới một cách có nền nếp, quy củ.

- Đặc điểm thứ hai của giai đoạn mới là Nam - Bắc tạm thời phân thành hai vùng. Hiệp định đình chiến đã vạch giới tuyến quân sự tạm thời, miền Bắc giới tuyến thuộc về ta, miền Nam giới tuyến tạm thời do đối phương kiểm soát. Trước đây vùng địch và vùng ta ở trong tình trạng chiến tranh, hoàn toàn đối chọi nhau, hai bên đều nhằm làm cho đối phương tan rã và bị tiêu diệt. Nhưng từ nay hai bên cần phải chung sống trong hòa bình. Vùng ta vừa phải ra sức củng cố và kiến thiết, vừa phải chiếu cố tới sự phân chia tạm thời của nước nhà, hết sức tránh gây nên sự đối lập gay go giữa hai bên, để lợi cho việc tranh thủ thực hiện thống nhất sau này. Đó là một sự biến đổi rất lớn và rất phức tạp, đòi hỏi chúng ta vừa phải giữ vững nguyên tắc, vừa phải mềm dẻo đến cao độ.

- Đặc điểm thứ ba của giai đoạn mới là từ nông thôn chuyển đến vào thành thị. Trước đây vì chiến tranh, khu tự do của ta phần lớn là ở nông thôn, thành thị bị địch thống trị. Ngày nay đình chiến, chúng ta không những có khu tự do vùng nông thôn cũ, không những chỉ tiếp thu vùng nông thôn mới ở đồng bằng Bắc Bộ chúng ta còn tiếp quản những thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, v.v... Miền Bắc ranh giới quân sự tạm thời có đủ những điều kiện cần thiết để kiến quốc, nó không những có nông thôn, có thành thị, đường sắt, cửa bể và những vùng mỏ, vùng công nghiệp, v.v... Đó cũng là một biến đổi lớn, đòi hỏi chúng ta không những phải quản lý nông thôn, còn phải quản lý thành thị, quản lý công nghiệp.

- Đặc điểm thứ tư của giai đoạn mới là từ phân tán chuyển đến tập trung. Trước đây do đặc điểm của chiến tranh du kích, do thành phố và mạch máu giao thông còn ở trong tay địch, các địa phương, các ngành có tính chất phân tán tới một trình độ nhất định. Việc tập trung lãnh đạo và thống nhất lãnh đạo bị hạn chế

trong phạm vi nhất định. Lúc đó như thế là đúng và cần thiết. Nhưng hiện nay tình hình đã biến đổi, miền Bắc giới tuyến gồm cả thành thị và đường giao thông sẽ do chúng ta nắm, chúng ta đã có đủ điều kiện cần thiết để thực hiện tập trung và thống nhất lãnh đạo. Và lại việc thi hành Hiệp định đình chiến và sự chỉ đạo công tác ở miền Nam, cũng như việc đối ngoại, v.v... đều đòi hỏi chúng ta thực hiện tập trung lãnh đạo và thống nhất lãnh đạo. Từ phân tán đến tập trung, thống nhất từ du kích đến chính quy, đó là một biến đổi lớn, đồng thời cũng là một cuộc đấu tranh gian khổ.

- Đặc điểm thứ năm của giai đoạn mới là mối quan hệ giữa ba nước Việt Nam, Lào, Cao Miên đã thay đổi. Trước đây lúc chiến tranh ta và địch đều không phân biệt ranh giới giữa ba nước trong hành động quân sự. Ngày nay trong hoàn cảnh hòa bình, mối quan hệ giữa ta và hai nước Lào, Cao Miên cần đặt trên cơ sở mới.

Tình hình sau khi đình chiến điều kiện trong nước cũng như điều kiện ngoài nước đều có lợi cho ta, khiến cho ta có thể củng cố hòa bình, kiến thiết miền Bắc, tiến tới thực hiện thống nhất, độc lập, dân chủ trong toàn quốc. So với Triều Tiên và Đức thì chúng ta có những điều kiện thuận lợi để tranh thủ thống nhất nước nhà.

...

... nhiệm vụ chung của Đảng ta là: đoàn kết và lãnh đạo nhân dân đấu tranh thực hiện Hiệp định đình chiến, đề phòng và khắc phục mọi âm mưu phá hoại Hiệp định đình chiến để củng cố hòa bình, ra sức hoàn thành cải cách ruộng đất, phục hồi và nâng cao sản xuất, tăng cường xây dựng quân đội nhân dân để củng cố miền Bắc, giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân miền Nam, đặng củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong toàn quốc.

Tuy tình hình phức tạp, nhiệm vụ của chúng ta gian lao, công tác của chúng ta nặng nề, nhưng nếu toàn Đảng, toàn quân và toàn dân một lòng, một dạ kiên quyết phấn đấu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, hết sức vận dụng những điều kiện thuận lợi ở trong và ngoài nước, tiếp tục đấu tranh gian khổ, thì thắng lợi

của chúng ta chắc chắn sẽ được đảm bảo.

...

... nhiệm vụ của Đảng ở miền Nam trong giai đoạn hiện tại là: lãnh đạo nhân dân miền Nam đấu tranh thực hiện Hiệp định đình chiến, củng cố hòa bình, thực hiện tự do dân chủ (tự do ngôn luận, tự hội họp, tự do tổ chức, tự do đi lại.v.v.), cải thiện dân sinh, thực hiện thống nhất và tranh thủ độc lập. Đồng thời phải lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống những hành động khủng bố, đàn áp, phá cơ sở của ta, bắt bớ cán bộ ta và quần chúng cách mạng, chống những hành động tiến công của địch, nguy, giữ lấy quyền lợi quần chúng đã giành được trong kháng chiến, nhất là ở những vùng căn cứ địa và vùng du kích cũ của ta.

Tình hình rất phức tạp, nhiệm vụ nặng nề và khó khăn, nhưng thuận lợi cũng có nhiều. Song không được chủ quan, khinh địch, không được vội vàng, hấp tấp. Những khẩu hiệu đấu tranh nêu lên lúc này phải dựa vào những nhiệm vụ trên và tùy nơi, tùy lúc mà nêu cho thích hợp. Những khẩu hiệu trước đây như: đánh đổ bù nhìn Bảo Đại, tiêu diệt thực dân Pháp, v.v., không thích hợp nữa. Khẩu hiệu chung của miền Nam lúc này là: Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ.

Đối tượng phản đối của chúng ta lúc này không phải là toàn bộ nguy quyền, mà là phe thân Mỹ, phe chia rẽ và ngoan cố thuộc số ít trong chính quyền đó. Chúng ta phải biết cô lập số ít đó. Mặt trận dân tộc thống nhất của ta lúc này phải thật rộng rãi, tranh thủ đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, tập hợp mọi lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình chống đế quốc Mỹ, bọn thực dân Pháp phá hoại Hiệp định đình chiến và tay sai của chúng. Chúng ta không những phải tiến hành công tác trong quần chúng công nông, tiểu tư sản và trong phần tử trí thức cách mạng, mà còn phải tiến hành công tác mặt trận trong các tầng lớp trên như tư sản, nhân sĩ dân chủ và thân sĩ yêu nước. Chúng ta phải liên hợp với tất cả những người nào tán thành hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ.

Tán thành hòa bình tức là đôi bên tuân theo và thi hành đúng Hiệp định đình chiến, chống hành vi gây hấn của đế quốc Mỹ và phe thân Mỹ.

Thực hiện thống nhất tức là do đôi bên thỏa thuận tiến hành tổng tuyển cử,

bầu ra chính phủ liên hợp thống nhất, chứ không phải do bên này ép buộc, thôn tính bên kia.

Đảm bảo độc lập dân tộc tức là cùng nước Pháp điều chỉnh quan hệ, bảo hộ lợi ích dân tộc Việt Nam, chống lấy danh nghĩa độc lập dân tộc cấu kết với đế quốc Mỹ, bán lợi ích của nhân dân Việt Nam.

Thực hiện dân chủ tức là đảm bảo quyền tự do dân chủ của nhân dân, không khủng bố và bắt bớ cán bộ và những người kháng chiến hay cảm tình ủng hộ ta trước đây, cho các đảng phái, các đoàn thể quần chúng được hợp pháp tồn tại và hoạt động.

Đối với nguy quyền trong Nam, vận động lập nên một chính phủ tán thành đình chiến, củng cố hòa bình, thừa nhận quyền tự do dân chủ của nhân dân, cải thiện dân sinh, tán thành thống nhất bằng tổng tuyển cử tự do, tán thành thương lượng với Chính phủ ta.

Đối với yêu cầu quần chúng công nông không nên nâng lên quá cao, không thể theo quyền lợi và địa vị của công nông ở miền Bắc. Trong cuộc vận động quần chúng nên lợi dụng pháp luật và lời hứa (như Sắc lệnh giảm tô, Cải cách điền địa, Luật lao động, v.v.) do Chính phủ Bảo Đại ban bố để tranh thủ hoạt động hợp pháp đòi những quyền lợi hằng ngày cho quần chúng.

Đối với những quyền lợi về ruộng đất mà nông dân đã được hưởng từ sau Cách mạng Tháng Tám đến giờ thì phải lãnh đạo nông dân đấu tranh cố giữ lấy. Nhưng phải hết sức khôn khéo, mềm dẻo, cần dựa vào khả năng hợp pháp mà đấu tranh.

Phương châm của ta lúc này là tranh thủ hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp, kết hợp công tác hợp pháp với công tác không hợp pháp. Đối với các tổ chức quần chúng và tổ chức Đảng thì cố tranh thủ cho được tồn tại hợp pháp và hoạt động hợp pháp. Hình thức đấu tranh kịch liệt (như khởi nghĩa và chiến tranh du kích) cần đình chỉ ngay; những hình thức như biểu tình, đình công, bãi công, bãi khóa, bãi thị, v.v. cũng cần sử dụng một cách thận trọng và phải tiến hành trên nguyên tắc có lý, có lợi, có mức, đừng để bọn phản động khiêu khích và tạo cơ hội cho bọn thực dân Pháp phá hoại đình chiến và nguy quyền khủng bố.

Đối với công tác ở thành thị phải coi trọng, vì thành thị là nơi trung tâm chính trị, kinh tế của đối phương ở miền Nam. Nhưng cũng không thể coi nhẹ công tác nông thôn, vì nông thôn trước đây phần nhiều là vùng du kích, căn cứ du kích của ta, cơ sở quần chúng của ta tương đối mạnh, nó đã và vẫn là chỗ dựa vững chắc của ta. Cho nên ta nên áp dụng phương châm thành thị và nông thôn đều được chiếu cố, cụ thể là: mở rộng công tác thành thị, giữ vững và phát triển cơ sở nông thôn, đặc biệt là cơ sở ở vùng căn cứ du kích và du kích.

Phương châm công tác vận động binh lính đối phương lúc này là: kêu gọi họ đấu tranh cho hòa bình, không đánh nhau nữa, người Việt Nam không đánh người Việt Nam. Đối với lính Âu Phi nên nêu khẩu hiệu đòi về nước, kết hợp với khẩu hiệu đòi cải thiện sinh hoạt.

Đối với những căn cứ địa và vùng du kích trước đây, nay ta rút đi thì trước khi rút nên bố trí công tác cho được ôn và tăng cường công tác giáo dục, đánh thông tư tưởng cho toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân về tình hình mới, nhiệm vụ mới và phương châm chính sách mới.

Đối với đồng bào Bắc “di cư” vào Nam cần liên lạc giúp đỡ để tuyên truyền vận động họ đòi cải thiện sinh hoạt, phản đối bị bắt vào Nam và đòi Pháp phải trả về Bắc, vận động họ biên thư tố cáo hành động của Pháp và ngụy bắt ép họ di cư và đày đọa họ. Gửi những thư đó cho Chính phủ ta, cho Ủy ban kiểm soát quốc tế và cho đại biểu ta trong Ủy ban liên hợp để đấu tranh với Pháp, ngụy. Dùng báo và truyền đơn công bố những lời tuyên bố và phản kháng của đồng bào, đồng thời gửi cho đài phát thanh của ta. Gây dư luận phản đối rầm rộ bọn thực dân Pháp phá hoại đình chiến và bọn Ngô Đình Diệm bắt ép đồng bào ta vào Nam.

Đối với quan hệ kinh tế về mậu dịch giữa miền Bắc và miền Nam, cần duy trì như cũ và phát triển.

Tóm lại, nhiệm vụ công tác ở miền Nam nên dựa trên khẩu hiệu hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và trên chính sách mặt trận thống nhất rộng rãi, để tranh thủ ảnh hưởng và đồng tình rộng lớn, buộc ngụy quyền phải tuân theo Hiệp định đình chiến, phải thừa nhận quyền tự do dân chủ của nhân dân trong một hạn độ nào đó, phải tán thành tổng tuyển cử để thống nhất nước nhà. Đồng

thời làm cho nhiều người trong nguy quyền sẽ thấy trong quá trình và sau khi thống nhất họ vẫn có đường thoát và có thể giữ được địa vị nhất định của họ. Làm được như thế thì chúng ta sẽ thắng lợi. Nếu ta đưa ra yêu cầu quá cao, dùng thái độ đối lập, gay gắt và phương thức đấu tranh kịch liệt, muốn nhanh chóng biến miền Nam thành vùng tự do, thì kết quả sẽ khiến cho phe thân Mỹ, phe ngoan cố có thể thừa cơ gây nên thế Nam Bắc đối lập gay go, chính quyền phản động do đó lại được củng cố. Đó là điều ta cần tránh trong công tác của ta ở miền Nam.

...

(Nguồn: Đảng Cộng sản Việt Nam. (2002). *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.15. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia, tr.283-312)

Phụ lục 2: Đề cương cách mạng miền Nam

(Tháng 8 năm 1956)

(Trích mục II và mục IV)

II- Mục đích, nhiệm vụ và đối tượng của cách mạng miền Nam.

IV- Hình thức đấu tranh và khả năng phát triển của phong trào cách mạng miền Nam.

II

MỤC ĐÍCH, NHIỆM VỤ VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA

CÁCH MẠNG MIỀN NAM

Phong trào cách mạng miền Nam là một bộ phận của phong trào cách mạng cả nước. Đẩy mạnh cách mạng miền Nam là thực hiện một trong ba nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cả nước. Cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam và công cuộc cách mạng ở miền Bắc cùng nhằm *mục đích chung là giữ gìn hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong cả nước.*

Nhân dân miền Nam hiện nay không những chỉ sống trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt, bị chiến tranh đe dọa, mà hằng ngày đang bị Mỹ - Diệm áp bức, bóc lột, khủng bố, trả thù. Thợ thuyền đói khổ và nạn thất nghiệp ngày càng tăng. Dân

cày bị cướp đất, bị tô cao, thuế nặng. Công thương nghiệp bị phá sản, v.v.. Những cảnh vây lùng, bắt lính, chém giết, tù đầy lan tràn khắp nông thôn, thành thị. Các quyền tự do, dân chủ đều bị bóp nghẹt.

Tình hình đó nhất định sẽ đẩy nhân dân ta ở miền Nam đứng lên đập tan chế độ độc tài, phát xít của Mỹ - Diệm để tự cứu mình.

Nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là trực tiếp đánh đổ chính quyền độc tài, phát xít Ngô Đình Diệm, tay sai của Mỹ, giải phóng nhân dân miền Nam khỏi ách đế quốc, phong kiến, thiết lập ở miền Nam một chính quyền liên hiệp có tính chất dân tộc, dân chủ để cùng với miền Bắc thực hiện một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ nhân dân.

Như vậy, trong khi cùng đồng bào miền Bắc thực hiện mục đích chung là hòa bình thống nhất Tổ quốc, hoàn thành độc lập, dân chủ nhân dân trong cả nước, nhân dân ta ở miền Nam còn theo đuổi mục tiêu riêng là đấu tranh để tự giải phóng khỏi ách thực dân phong kiến.

Hai mục tiêu nói trên gắn chặt với nhau. Phong trào cách mạng của cả nước đấu tranh chống Mỹ - Diệm nhằm thực hiện hòa bình thống nhất Tổ quốc tạo thuận lợi rất lớn cho nhân dân miền Nam đứng lên đấu tranh chống ách độc tài phát xít của Mỹ - Diệm. Ngược lại, chính trong quá trình đấu tranh chống Mỹ - Diệm để tự giải phóng, nhân dân miền Nam góp phần rất tích cực vào sự nghiệp hòa bình, thống nhất nước nhà.

Để làm tròn nhiệm vụ lịch sử đó, cần nhận rõ *đối tượng của cách mạng miền Nam và bản chất của chính quyền độc tài phát xít Ngô Đình Diệm.*

Chính quyền miền Nam hiện nay không chỉ là chính quyền do bọn thực dân cũ và phong kiến bị bại trận để lại, mà còn là con đẻ của chủ nghĩa thực dân mới, của tên đế quốc đầu sỏ rất hiếu chiến đang có mưu đồ xâm lược nước ta là đế quốc Mỹ. Mặc dù đã thất bại liên tiếp ở nhiều nơi và hiện đang bị suy yếu, cô lập trước sức đấu tranh của các lực lượng cách mạng trên thế giới, đặc biệt là trước sự lớn mạnh vượt bậc của phe xã hội chủ nghĩa và việc Liên Xô sản xuất thành công vũ khí nguyên tử để bảo vệ hòa bình, bọn tài phiệt và các giới hiếu chiến Mỹ vẫn theo

đuổi chính sách chiến tranh hòng thoát khỏi khủng hoảng và thực hiện giấc mộng làm bá chủ toàn cầu.

Bè lũ Ngô Đình Diệm là thế lực phản động nhất đại biểu cho giai cấp phong kiến đã từng bị đánh đổ cùng với bọn phát xít, thực dân trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và trong kháng chiến chống Pháp, nay ôm chân đế quốc Mỹ hòng khôi phục lại địa vị thống trị của chúng. Đây là bọn phong kiến suy tàn đang giãy chết nhưng mang nặng đầu óc phục thù giai cấp, nên rất hung hăng, độc ác.

Chế độ độc tài phát xít ở miền Nam là sản phẩm của sự câu kết giữa đế quốc Mỹ, kẻ đang làm le gậy ra một cuộc chiến tranh mới chống nhân dân ta, với tập đoàn Ngô Đình Diệm, kẻ đang cố sống cố chết phản kích lại các lực lượng cách mạng nhằm mục đích trả thù và áp bức, bóc lột nhân dân.

Đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm là kẻ thù nguy hiểm của cách mạng nước ta. Chế độ cai trị của chúng hết sức tàn bạo nhưng chứa đựng nhiều mâu thuẫn. Nhân dân ta có sức mạnh, có chính nghĩa, nhất định sẽ vùng lên đập tan chế độ phản dân hại nước đó.

IV

HÌNH THỨC ĐẤU TRANH VÀ KHẢ NĂNG

PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO CÁCH MẠNG MIỀN NAM

Trên cơ sở nhận rõ đối tượng, mục đích, yêu cầu của cách mạng miền Nam, cần định ra đường lối, phương pháp đấu tranh thích hợp để phát triển lực lượng, đẩy mạnh phong trào, đưa sự nghiệp cách mạng từng bước tiến lên.

Để có đường lối, phương pháp đấu tranh đúng, chúng ta phải phân tích cụ thể, dự đoán những khả năng phát triển của tình hình thế giới và trong nước; phải đánh giá đúng tương quan lực lượng hiện nay giữa cách mạng và phản cách mạng cũng như sự biến chuyển của tương quan đó trong quá trình vận động.

Tình hình thế giới hiện nay như thế nào?

Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới đã lớn mạnh, bao gồm gần một nghìn triệu người từ Âu sang Á với những nước rộng lớn nhất và đông dân nhất như Liên Xô, Trung Quốc. Thế giới ngày nay không còn là một tổng thể thuần nhất dưới ách

thống trị của chủ nghĩa tư bản nữa mà đã chia thành hai hệ thống đối lập song song tồn tại.

Phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa đã hơn hẳn phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Bằng chứng là Liên Xô trước kia là một nước tương đối lạc hậu về kinh tế mà nay đã đứng vào hàng các nước có kinh tế phát triển bậc nhất ở châu Âu.

Với mục đích thỏa mãn nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân, kinh tế xã hội chủ nghĩa mang tính chất hòa bình, dân chủ, tiến bộ, tương trợ lẫn nhau. Tính chất hòa bình, dân chủ và tiến bộ của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa phù hợp với yêu cầu tiến hóa của nhân loại. Do đó, quan hệ của hệ thống xã hội chủ nghĩa với các nước khác nhất là các nước chậm phát triển về kinh tế, ngày càng mở rộng đã tạo ra một khu vực hòa bình rộng lớn bao gồm đại đa số các nước, trong đó quan hệ với Ấn Độ, Nam Dương, Miến Điện, Ai Cập, v.v. là rất quan trọng.

Trái lại, chủ nghĩa tư bản theo đuổi mục đích bóc lột nhân dân lao động trong nước, chiếm đoạt quyền lợi của các nước nhỏ yếu, làm cho các nước này lâm vào tình trạng đói nghèo, lạc hậu, phải lệ thuộc vào các nước tư bản phát triển, và bằng cách đó bảo đảm cho các nhóm tư bản tài phiệt thu được những món lợi kếp xù. Với bản chất là những tên bóc lột quốc tế hung hãn, các đế quốc Anh, Pháp, Mỹ, nhất là Mỹ, đang tìm cách thôn tính các nước nhỏ yếu, gây chiến tranh thế giới mới và tranh giành quyền lợi lẫn nhau.

Tuy nhiên, ngày nay thế lực của chủ nghĩa đế quốc đã suy yếu, phạm vi ảnh hưởng của chúng đã bị thu hẹp. Chúng lại phải đương đầu với những lực lượng chính trị bao gồm hàng nghìn triệu người đang đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ trên khắp thế giới. Từ khi Liên Xô, người chiến sĩ hòa bình tiêu biểu, sản xuất thành công vũ khí nguyên tử làm cho bọn đế quốc hiêu chiến mất độc quyền về loại vũ khí giết người hàng loạt này thì phong trào hòa bình trên thế giới càng phát triển mạnh hơn bao giờ hết.

Trước tình hình đó, bọn đế quốc Mỹ, Anh thấy rằng nếu chúng mạo hiểm gây ra một cuộc chiến tranh thế giới mới thì chính chúng sẽ bị tiêu diệt trước; ngược lại, phong trào hòa bình trong các nước đế quốc có điều kiện để phát triển thuận

lợi. Gần đây, trong cuộc tranh cử tổng thống, Đảng Cộng hòa hiện đương cầm quyền ở Mỹ nêu khẩu hiệu “hòa bình và thịnh vượng”. Mục đích của chúng là lừa bịp cử tri, song điều đó còn chứng tỏ chính nhân dân của một nước hiếu chiến nhất cũng mong muốn hòa bình.

Chúng ta có thể nhận định rằng lực lượng so sánh trên thế giới đã nghiêng hẳn về phía hòa bình và ngày nay có khả năng duy trì hòa bình lâu dài trên trái đất.

Nhưng mặt khác, chúng ta không bao giờ được quên rằng còn chủ nghĩa đế quốc thì luôn luôn còn âm mưu gây chiến tranh, còn nguy cơ chiến tranh thế giới mới.

Trên cơ sở phân tích tình hình chung trên thế giới, Đại hội lần thứ XX Đảng Cộng sản Liên Xô đã đưa ra hai luận điểm quan trọng:

1. Các cuộc xung đột hiện nay trên thế giới có thể giải quyết thông qua thương lượng hòa bình.

2. Cách mạng trong nhiều nước hiện nay có thể tiến lên bằng phương pháp hòa bình. (Cố nhiên, đây chỉ là một khả năng. Trong những nước mà giai cấp thống trị có một bộ máy cảnh sát mạnh và đang dùng chính sách phát xít để đàn áp phong trào cách mạng thì đảng lãnh đạo trong các nước ấy cần phải phân tích rõ tình hình cụ thể nước mình để đề ra phương pháp đấu tranh thích hợp).

Căn cứ vào những nhận định trên, chúng ta có thể kết luận rằng nếu các cuộc xung đột trên thế giới có thể giải quyết thông qua thương lượng hòa bình thì việc thống nhất nước Việt Nam ta cũng có thể thực hiện bằng được phương pháp hòa bình.

Vì hòa bình thống nhất nước nhà là lợi ích và nguyện vọng chung của hết thảy nhân dân ta ở miền Bắc cũng như ở miền Nam; đồng bào ở hai miền không có lý do gì để gây chiến tranh với nhau, không có lý do gì để kéo dài cảnh đất nước bị chia cắt. Tình trạng này là do Mỹ - Diệm độc đoán gây ra. Cho nên vấn đề căn bản là làm thế nào đập tan âm mưu của Mỹ - Diệm kéo dài việc chia cắt đất nước và chuẩn bị chiến tranh, tạo thuận lợi để đi đến hiệp thương giữa hai miền, hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Như trên kia đã khẳng định, muốn chống Mỹ - Diệm, ngoài con đường cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác. Vậy cách mạng miền Nam sẽ phát triển theo đường lối, phương pháp nào?

Nếu như trên thế giới, do tương quan lực lượng đã thay đổi có lợi cho cách mạng mà có khả năng giữ gìn hòa bình lâu dài và phong trào cách mạng ở nhiều nước có khả năng phát triển một cách hòa bình, thì ở miền Nam, phong trào cách mạng cũng có thể tiến lên theo đường lối hòa bình.

Để hiểu vấn đề này một cách chính xác trước hết cần thống nhất nhận định thế nào là đấu tranh cách mạng theo đường lối hòa bình.

Đấu tranh cách mạng theo đường lối hòa bình có nghĩa là lấy lực lượng chính trị của nhân dân làm chỗ dựa căn bản chứ không phải lấy lực lượng vũ trang của nhân dân để đấu tranh với chính quyền hiện hữu nhằm đạt mục đích của cách mạng. Đấu tranh cách mạng theo đường lối hòa bình cũng khác với chủ nghĩa cải lương. Nếu như chủ nghĩa cải lương về căn bản dựa vào pháp luật, vào hiến pháp để đấu tranh thì đấu tranh cách mạng theo đường lối hòa bình coi chỗ dựa chủ yếu là bạo lực cách mạng của quần chúng. Tất nhiên có sử dụng các biện pháp đấu tranh khác, kể cả lợi dụng pháp luật và hiến pháp của địch, nhưng bạo lực của quần chúng đóng vai trò quyết định. Và một mặt khác, phải thấy sự khác nhau về mục đích mới là điều quan trọng nhất. Đấu tranh cách mạng nhằm mục đích cách mạng tức là đánh đổ ách thống trị của địch, dựng lên chế độ mới thực hiện lợi ích của nhân dân. Còn chủ nghĩa cải lương thì chỉ đòi thực hiện những cải cách nhất định mà không động đến chế độ của bọn thống trị.

Chống lại một chính quyền độc tài, phát xít như chính quyền Mỹ - Diệm thì đấu tranh theo đường lối hòa bình có khả năng đạt được mục đích cách mạng hay không?

Chúng ta phải nhận rõ rằng toàn bộ tiến trình cũng như mỗi bước phát triển của cách mạng về căn bản phải do nhân dân làm lấy; đó là một vấn đề có tính quy luật, không thể làm khác được. Cho nên đường lối, phương pháp nhất thiết phải đi đúng nguyện vọng của nhân dân thì cách mạng mới phát triển và đi đến thành công được.

Nguyện vọng tha thiết của nhân dân miền Nam là giữ gìn hòa bình, thống nhất đất nước. Phong trào cách mạng miền Nam bước đầu giữ vững được và có thể phát động lên, căn bản là nhờ đã nắm chặt ngọn cờ hòa bình hợp với lòng dân. Ngược lại, bọn Mỹ - Diệm đang dùng chế độ phát xít, dùng bạo lực phản cách mạng để tiêu diệt phong trào yêu nước là trái với lòng dân nên chúng nhất định sẽ thất bại.

Với chính sách bạo lực, độc tài, phát xít, Mỹ - Diệm có thể tạo ra một lực lượng phản cách mạng đủ sức chống lại và dập tắt được phong trào cách mạng hay không?

Nhất định không. Vì chế độ Mỹ - Diệm không có một lực lượng chính trị nào đáng kể trong nước để làm chỗ dựa. Hầu hết các tầng lớp nhân dân đều chống lại chúng. Vì vậy, chính quyền của chúng không mạnh. Nó là một chính quyền hèn yếu và hung bạo. Nó không những không được quần chúng trong nước ủng hộ mà còn bị cô lập trên trường quốc tế. Do đó nó không lay chuyển được phong trào cách mạng, và nhất định nó không tồn tại được lâu dài.

Bằng chứng là trong hai năm nay, ở khắp nông thôn miền Nam không lúc nào ngớt tiếng súng đàn áp của Mỹ - Diệm, không ngày nào những người yêu nước không bị tàn sát; nhưng tinh thần cách mạng của nhân dân vẫn vững vàng, quyết tâm của quần chúng bảo vệ cách mạng vẫn không lay chuyển.

Vậy thì tại sao phong trào cách mạng hiện nay chưa phát triển mạnh lên được? Ở đây có cả những nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Về mặt khách quan, sau một thời kỳ đấu tranh vũ trang quyết liệt và lâu dài, phong trào cách mạng hiện nay nhìn chung đang tạm thời yên lặng; đó là trạng thái tất nhiên khi chuyển từ chiến tranh sang hòa bình. Có thể coi đó là một bước dừng lại để tiến lên. Do sự đàn áp, bóc lột tàn nhẫn của Mỹ - Diệm, quần chúng nhân dân nhất định sẽ chống lại, phong trào cách mạng sẽ bùng lên. Được tôi luyện trong khói lửa của 9 năm kháng chiến, nhân dân ta ở miền Nam nhất định không bao giờ chịu khuất phục dưới ách bạo tàn của Mỹ - Diệm.

Về mặt chủ quan, một số đông cán bộ có trách nhiệm hướng dẫn phong trào cách mạng chưa kịp chuyển phương thức hoạt động từ công khai sang bí mật, từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh hòa bình, chưa nắm vững phương pháp đấu tranh

chính trị, chưa đi đúng đường lối, nên đã hạn chế khả năng phát triển của phong trào. Một nguyên nhân nữa làm cho phong trào đấu tranh chính trị chưa phát triển đồng đều là do một số cán bộ chưa tin rằng lực lượng chính trị của quần chúng có khả năng đánh lùi những hành động bạo lực của Mỹ - Diệm, do đó còn có thái độ lùng chùng không dám phát động quần chúng đứng lên đấu tranh chống địch.

Bất cứ phong trào cách mạng nào cũng có lúc lên, lúc xuống, lúc thì tiến tuân tự, lúc thì tiến bột phát. Điều quan trọng là cán bộ phải hiểu sự phát triển có tính quy luật đó để lãnh đạo cho vững, làm thế nào nuôi dưỡng được quyết tâm cách mạng của quần chúng, thu hút được đông đảo quần chúng tham gia đấu tranh chống địch từ thấp đến cao. Phong trào đấu tranh chính trị trong hai năm qua ở nông thôn cũng như ở thành thị chứng tỏ rằng quần chúng có rất nhiều khả năng cách mạng và đã sáng tạo ra nhiều hình thức đấu tranh rất phong phú chống Mỹ - Diệm. Nếu chúng ta nắm vững đường lối và vận dụng phương pháp đấu tranh một cách linh hoạt thì phong trào cách mạng còn có thể phát triển mạnh hơn nữa, Mỹ - Diệm dù tàn bạo và xảo quyệt đến đâu cũng không dập tắt được.

Có người cho rằng Mỹ - Diệm dùng bạo lực chủ yếu là để tiêu diệt những người cộng sản, tàn sát những người lãnh đạo phong trào cách mạng đến khi Đảng Cộng sản bị hao mòn, không còn lực lượng để lãnh đạo cách mạng nữa thì phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng sẽ không phát triển được và sẽ lui dần.

Nhận định như vậy là không đúng. Những người cộng sản lãnh đạo phong trào cách mạng, hòa mình trong quần chúng, bảo vệ và phục vụ lợi ích quần chúng, nên được quần chúng che chở, đùm bọc, Mỹ - Diệm dù tàn ác đến đâu cũng không diệt hết được quần chúng thì làm sao chúng có thể diệt hết những người cộng sản, xóa bỏ được sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào cách mạng?

Hơn 30 năm nay, đế quốc Pháp quyết tâm tiêu diệt Đảng Cộng sản Việt Nam để dập tắt phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, nhưng cách mạng đã chiến thắng. Kẻ bị tiêu diệt không phải là những người cộng sản Việt Nam mà chính là bọn thực dân Pháp. Đó là một sự thật lịch sử.

Một sự thật khác là hai năm qua, Mỹ - Diệm đã dùng nhiều thủ đoạn rất dã man hòng tiêu diệt những người cộng sản ở miền Nam, nhưng những người cộng

sản vẫn quyết tâm thực hiện vai trò tiên phong của mình và phong trào cách mạng vẫn giữ vững và tiến lên. Chúng ta tin rằng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nhân dân miền Nam ngày càng tăng cường ý chí và lực lượng đấu tranh vì hòa bình, độc lập, dân chủ, nhất định sẽ đánh lùi từng bước, tiến tới đập tan chế độ độc tài phát xít Mỹ - Diệm. Và kẻ bị tiêu diệt chắc chắn sẽ không phải là những người cộng sản mà chính là chủ nghĩa đế quốc và bè lũ tay sai.

Hòa bình là nguyện vọng chung của nhân dân thế giới cũng như của nhân dân ta. Đẩy mạnh cách mạng bằng đường lối hòa bình là phù hợp với nguyện vọng đó, đồng thời thể hiện truyền thống “lấy nhân nghĩa để thắng cường bạo” của dân tộc Việt Nam ta.

Bằng đường lối đấu tranh đó, Đảng dựa chắc vào năng lực và sức mạnh của nhân dân; Đảng tin rằng với sức chiến đấu của quần chúng, nhất định sẽ tạo ra một lực lượng chính trị mạnh để đánh bại chính sách bạo lực và âm mưu gây chiến tranh của Mỹ - Diệm.

Thực hiện đường lối đó, phương pháp đó là quá trình tập hợp quần chúng, đưa họ ra đấu tranh dưới các khẩu hiệu: “hòa bình, thống nhất đất nước”, “tự do, dân chủ”, “cải thiện đời sống”, đòi các quyền lợi về chính trị, kinh tế, văn hóa. Đó là quá trình *xây dựng lực lượng chính trị từ ít đến nhiều, củng cố và phát triển phong trào đấu tranh của quần chúng từ thấp đến cao, từ những bước tuần tự đến những bước nhảy vọt để làm lay chuyển bộ máy cai trị của Mỹ - Diệm.*

Chính quyền Mỹ - Diệm bị lung lay từng phần hay toàn bộ là tùy ở lực lượng so sánh giữa ta và địch, tùy ở sự phát triển cụ thể của phong trào cách mạng trong nước và tác động của cuộc đấu tranh cách mạng trên phạm vi thế giới...

Chúng ta tin và sự thật cũng cho phép chúng ta tin rằng cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài của nhân dân ta cuối cùng sẽ làm lay chuyển tận gốc chế độ Mỹ - Diệm, rằng ý chí hòa bình nhất định sẽ thắng âm mưu gây chiến tranh, rằng dân chủ nhất định sẽ thắng phát xít.

Có ý kiến cho rằng dưới sự cai trị phát xít và trước âm mưu gây chiến tranh của Mỹ - Diệm mà dùng lực lượng chính trị của nhân dân để đấu tranh đòi tự do, dân chủ, giữ gìn và củng cố hòa bình thì không thể nào thực hiện được.

Nhận định đó không có cơ sở. Đương nhiên không thể giành được các quyền tự do dân chủ một cách dễ dàng. Chúng ta đều biết trong lịch sử phong trào công nhân và công đoàn, thợ thuyền trong các nước tư bản chủ nghĩa đã đấu tranh gay go, gian khổ như thế nào mới tranh thủ được một số quyền tự do, dân chủ. Thí dụ để có ngày lao động Quốc tế 1 tháng Năm, giai cấp thợ thuyền trên thế giới đã đổ biết bao mồ hôi và xương máu mới giành được. Thế thì khó khăn, gian khổ, thậm chí tổn thất, hy sinh, trong đấu tranh cách mạng là một điều tất nhiên. Nhưng khó khăn, gian khổ không phải là không vượt qua được.

Bọn Mỹ - Diệm đã từng hô hào “Bắc tiến, lấp sông Bến Hải”, nhưng nay chúng phải nói đến hòa bình (mặc dù là dối trá), đó là một bước lùi của chúng. Chúng đã từng tuyên bố “đạp lên oán thù mà đi” nhưng chúng cũng buộc phải nói đến tự do, dân chủ (mặc dù là dối trá). Như vậy không phải là Mỹ - Diệm không sợ lòng căm hờn và sức mạnh của quần chúng nhân dân.

Muốn đánh đổ Mỹ - Diệm, phải tạo phương tiện có hiệu lực để quần chúng làm việc đó. Lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi thực hiện ba yêu cầu nói trên chính là nhằm tạo ra những lực lượng cần thiết để đánh đổ Mỹ - Diệm.

Đấu tranh làm sụp đổ một chính quyền phản động là một quá trình lâu dài trải qua nhiều giai đoạn và có thể thực hiện bằng nhiều cách khác nhau, tùy theo tình hình cụ thể của mỗi nước, tùy theo sự tiến triển cụ thể của cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân chống lại chính quyền ấy.

Có trường hợp do sức ép của phong trào đấu tranh của quần chúng mà bọn thống trị buộc phải cải tổ bộ máy cai trị, để một số phần tử tiến bộ, dân chủ tham gia chính quyền, do đó làm cho chính quyền của chúng thay đổi từng phần.

Cũng có thể quần chúng đấu tranh buộc bọn cầm quyền phải bầu lại quốc hội, lập ra chính phủ mới.

Cũng có thể có những cuộc nổi dậy của một bộ phận chính quyền địa phương, phối hợp với sức đấu tranh của quần chúng nhân dân để chống lại chính quyền trung ương.

Cũng có thể có cơ hội thuận lợi cho một cuộc nổi dậy quy mô lớn, như cuộc Tổng khởi nghĩa trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 của ta.v.v..

Tóm lại, có nhiều hình thức khác nhau để đánh đổ một chính quyền phản động. Nhưng mọi chính quyền thù địch với nhân dân sụp đổ đều theo một quy luật chung. Một chính quyền phản động nhất định sẽ sụp đổ khi đa số nhân dân không thể sống một cách bình thường dưới chính quyền ấy được nữa; khi mà đội tiên phong và đông đảo quần chúng cách mạng biểu thị quyết tâm vùng lên đánh đổ; khi mà bản thân bọn cầm quyền cũng không cai trị một cách bình thường được nữa. Tức là khi chính quyền của chúng bị suy yếu đến mức trở nên bất lực do sự xung đột giữa nhân dân với chúng ngày càng gay gắt; do sự khủng hoảng của chúng ngày càng nghiêm trọng, nhất là về chính trị; do mâu thuẫn trong nội bộ bọn cầm quyền ngày càng sâu sắc và do tình hình thế giới phát triển không có lợi cho chúng.

Chúng ta hãy quyết tâm thực hiện đường lối đã vạch ra; *sự phát triển của phong trào cách mạng sẽ cho phép chúng ta hiểu rõ và làm đúng hơn nữa.*

Chủ nghĩa đế quốc và bọn phong kiến ở nước ta đã thất bại nặng nề, song chúng còn rất hung hăng, ngoan cố. Sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta tuy đã giành được thắng lợi vẻ vang, vẫn còn nhiều gay go, gian khổ, nhưng sức mạnh của dân tộc ta, của thời đại chúng ta là vô địch. Chúng ta tin chắc thắng lợi cuối cùng nhất định thuộc về nhân dân ta.

(Nguồn: Đảng Cộng sản Việt Nam. (2002). *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 17. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia, tr.783 - 825)

**Phụ lục 3: Một số hình ảnh tư liệu về hoạt động tập kết chuyển quân của
lực lượng cách mạng ở Nam Bộ trong những năm 1954 - 1956**



Nhân dân tiến bộ đội đi tập kết (1954)



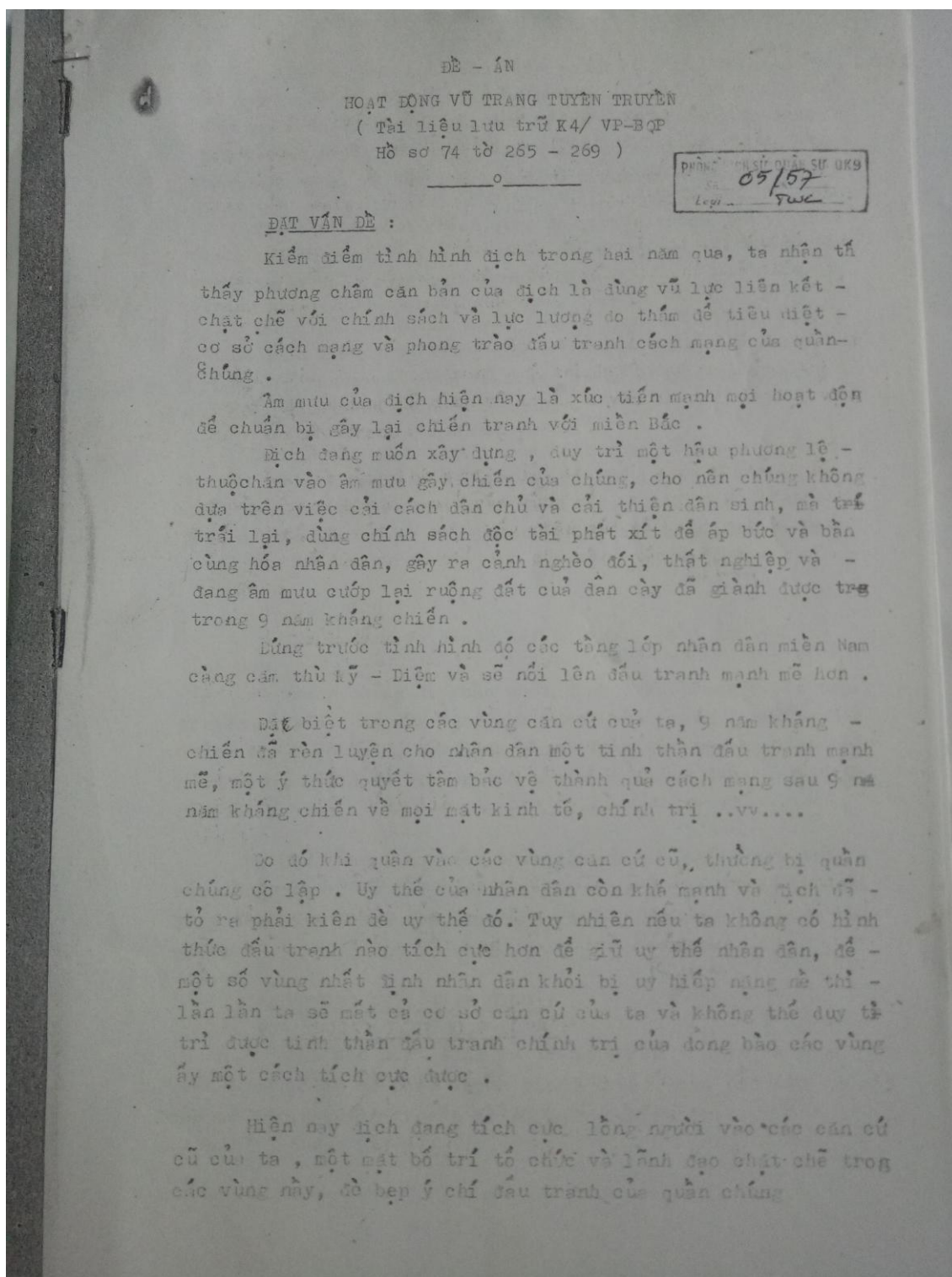
Đồng bào lưu luyến tiễn đưa bộ đội tập kết tại bến Bắc Cao Lãnh
ngày 29/10/1954



Đài liệt sĩ (ảnh trên) và mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc do bộ đội và nhân dân xây dựng ở quận lỵ Cao Lãnh trong thời gian 100 ngày tập kết chuyên quân (1954)

(Nguồn: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp. (1997). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (1954 - 1975)*, tập 3, Sơ thảo, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp và NXB Đồng Tháp, tr.15-16)

Phụ lục 4: Đề án Hoạt động vũ trang tuyên truyền



(2)

để thực hiện âm mưu thủ tiêu các căn cứ đó, làm cho ta mất bàn đạp khi chúng gây lại chiến tranh. Mặt khác tình hình hiện nay ở thôn quê vẫn còn nằm trong tình hình chiến tranh địch vẫn mở nhiều đợt hoạt động quân sự khủng bố đàn áp phong trào cách mạng, và các lực lượng vũ trang giáo phái vẫn còn.

Trước tình hình khách quan đó, việc tranh đấu vũ trang tuyên truyền để đẩy mạnh công tác chính trị có thể thích hợp trong nhiều hoàn cảnh cụ thể nhất định.

Hình thức vũ trang tuyên truyền thực hiện là do kinh nghiệm tròn 2 năm qua trong quá trình đấu tranh chính trị - một số địa phương đã dùng vũ trang tuyên truyền để phục vụ cho cuộc đấu tranh chính trị chung.

Căn cứ vào kinh nghiệm của hoạt động vũ trang tuyên truyền trong 2 năm qua ở các vùng có lực lượng vũ trang của giáo phái, ta rút ra được mấy nhận xét và kinh nghiệm sau đây, có thể làm cơ sở chỉ đạo cho công tác ~~kiểm tra~~ tuyên truyền:

1)- MỤC ĐÍCH :

Hoạt động vũ trang tuyên truyền nhằm hai mục đích sau.

a- Trong những địa bàn nhất định, vũ trang tuyên truyền có tác dụng xây dựng lực lượng cách mạng, giữ uy thế chính trị hiện tại, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị nhân dân. Lật đổ y Diệm giành hòa bình thống nhất, độc lập dân tộc.

b- Giữ vững tinh thần nhân dân và thế chính trị trên các vùng căn cứ cũ của ta, làm cho dự trữ lực lượng lâu dài đồng thời tạo thành một căn cứ dự trữ (Réserve) cho ta sau này.

2)- PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG :

Yêu cầu hoạt động vũ trang tuyên truyền là phục vụ việc củng cố cơ sở phát triển phong trào, cho nên căn bản của vũ trang tuyên truyền là nhiệm vụ chính trị.

(3)

Cụ thể là phải tuyên truyền, giáo dục quần chúng gây dựng ở cơ sở.

Vì vậy hoạt động vũ trang tuyên truyền phải ~~không~~ không làm trở ngại việc đấu tranh chính trị hợp pháp của quần chúng và trái lại nó phải có tác dụng thúc đẩy cuộc đấu tranh chính trị vì hòa bình, thống nhất dân sinh, dân chủ của nhân dân.

Hoạt động vũ trang tuyên truyền phải được nhân dân đồng tình ủng hộ, đồng tình nuôi dưỡng, đùm bọc, che giấu .vv..

Một mặt khác, bộ đội vũ trang tuyên truyền ~~phải~~ phải phải cố tác phong an ở đi lại bí mật, khéo nghi trang, nghi binh, khéo che giấu, hoạt động để bảo tồn lực lượng, không bị làm lộ lộ lực lượng, đặt địch, làm cho địch không thấy rõ được mình.

Bộ đội vũ trang tuyên truyền chỉ dùng vũ trang tự vệ - trong những trường hợp cần thiết chống lại địch để mình khỏi bị tiêu diệt.

Đối với các đồn bốt và hành chính sở tại, phải khéo tránh tranh thủ vận động họ về trung lập và cô lập họ, giữ thế không căng thẳng giữa hai bên. Tranh thủ giữ bầu không khí êm dịu có lợi cho việc an ở, đi lại và hoạt động của ta, có lợi cho việc tuyên truyền lực lượng và giữ được bản đạp hoạt động.

Hoạt động vũ trang tuyên truyền phải nhắm đường và trở những địa bàn nhất định có lợi cho phong trào cách mạng - chung và có lợi cho bản thân của nó.

3)- TỔ CHỨC :

Phải dựa vào các phương châm sau đây:

a.- Cán bộ, đội viên, phải thông suốt đầy đủ mục đích và phương châm hoạt động của đội vũ trang tuyên truyền.

b.- Tổ chức phải bao gồm những đảng viên, toàn viên - thanh niên lao động và các thanh niên có tổ chức, có chất lượng cách mạng cao, có tinh thần quyết chiến quyết thắng - và trường kỳ gian khổ.

(4)

c)- Tổ chức phải nhẹ nhàng gọn gàng, linh hoạt bí mật
Tổ chức từng đơn vị nhỏ cấu kết với nhau thật chặt chẽ.

Tổ chức lấy đơn vị đại đội làm cơ sở, hoạt động từng
bản tiểu đến một trung đội.

d)- Xây dựng củng cố phải lấy học tập chính trị là căn
bản dựa trên hai ý thức:

- Phục vụ quyền lợi nhân dân lao động và quyền lợi tối
cao của tổ quốc.

- Đồng thời phải tìm hoàn cảnh mà học tập kỹ thuật qua
quân sự.

e)- Tổ chức phải có danh nghĩa nghi trang để che dấu +
dịch và tạo lý lẽ thuận tiện cho quần chúng đấu tranh công -
khai hợp pháp với địch, không để địch dồn quần chúng vào thế
bất hợp pháp với địch mà bị khủng bố.

f)- Trong tổ chức cần có người địa phương tham gia để
hiểu được tình hình địa phương về mọi mặt làm cho đội võ tra
trưng tuyên truyền có quan hệ tốt với nhân dân.

g)- Về phát triển tổ chức, phải căn cứ vào nhu cầu -
công tác và thích hợp với sức chứa đựng của địa bàn.

4/- Hệ thống tổ chức và lãnh đạo đơn vị.

Cần đặt lại cho rõ ràng: VTTT là một tổ chức của
Đảng ta, có chất lượng đảng và mang võ nghi trang để đi l-
àm nhiệm vụ tuyên truyền.

ĐO đó TV tỉnh phải trực tiếp lãnh đạo và chỉ huy nó -
hàng ngày và có lđ/c TV phụ-trách VTTT.

Tỉnh phải xoa cấp liên chi C như cấp huyện do tỉnh -
trực tiếp chỉ đạo công tác và khi cần thiết thì giới thiệu
với huyện để tìm liên lạc giúp đỡ nhau trong công tác.

Về tổ chức đảng trong đơn vị thì:

(5)

- Cấp c có liên chi ủy c (có chất lượng HV) cấp B có của bộ, ban chỉ huy B nên là chỉ huy luôn.

Mỗi tiểu đội có tổ đảng (ít nhất là 2A/c)

Về biên chế tổ chức hiện nay, phải thích hợp với nhu cầu và cho đúng mỗi bảo đảm được việc chấp hành đúng mục đích và phương châm đã đề ra.

Cần làm cho ban chấp hành không quan liêu mà trở thành 1 đơn vị hoạt động. Vì vậy nên bố trí sự lãnh đạo BCH C như sau:

- Mỗi C nên có 1 B. BCH C không nhất thiết dính hết với B mà phải lo các việc chuyên môn khác như cấp dưỡng, y tế - giáo liên... v.v... Nhưng BCH C phải nắm chắc 1b trưởng ~~xxxx~~ do BCH C trực tiếp chỉ huy để có phương tiện lo các mặt: Trinh sát, hiểu địch, thông tin liên lạc.

- Trung đội do BCH C trực tiếp chỉ huy, hàng ngày cũng phải làm nhiệm vụ võ tra ng tuyến. truyền.

- Về hoạt động hiện nay chỉ cần tập trung đến mức trung đội và cần có cán bộ đủ số c cho trung đội. Nên mỗi B cần có một B trưởng và 2 b phó, 1 chính trị viên b.

Về sinh hoạt đơn vị: trong trung đội phải nhận chúng là có lý tưởng, mục đích và nhiệm vụ công tác chung vì vậy hàng ngày có sinh hoạt chung của đơn vị, ngoài ra về mặt đảng có sinh hoạt riêng và đoàn thanh niên lao động có sinh hoạt riêng của nó.

Cần tích cực giáo giục để đưa hết chiến sĩ thanh niên vào đoàn thanh niên LĐ. Trừ các bộ phận có người giáo phải phức tạp thì phải có cách sinh hoạt cho hợp theo lối mặt trận.

Các cấp đội bộ đều nên có cho anh em bầu ra dựa trên 2 tiêu chuẩn:

- Trình độ giác ngộ tăng.
- Trình độ và khả năng chỉ huy.

Trong các đơn vị có anh em giáo phải thì phải thường -

(6)

lượng mặt trận để cử người cho hợp lý .

Đối với anh em Cao Đài , Hoà hảo hiện đang còn chỉ huy trong đơn vị phải tùy thực tế nhu cầu công tác mà đặt người - thể nào cho có lợi chung .

Đối với các đơn vị bộ đội đối giáo phái có người của - ta và của họ thì phải nói rõ một cách thành thật cho nó biết để nó không hiểu lầm ta khi có sinh hoạt riêng . Không nói rõ ràng minh bạch thì sẽ mất đoàn kết lâu dài .

Trên đây ta cùng họ bàn bạc theo lối mặt trận để qui - định cụ thể về tổ chức và căn cứ theo tình hình và nhu cầu - chính trị địa phương của ta và của họ mà rõ nhiệm vụ công tác cho đơn vị .

Đối với 1 vài cá nhân chỉ huy tiến bộ hiện còn ở trong đơn vị ta mà trong đơn vị không còn người của họ nữa - nếu họ tiến bộ muốn xin vào đảng ta cũng có thể cho vào hoặc xem họ như hội viên, tăng cường giáo giục họ để họ cùng ta ph - phục vụ nhiệm vụ chung .

5)- Vấn đề cấp dưỡng :

Việc cấp dưỡng dựa trên hai hướng chính :

- a)- Bộ đội tự lực tự túc sản xuất .
- b)- Vận động nhân dân ủng hộ .

Cần lấy đơn vị C làm cơ bản - sở để kế hoạch sản xuất - tự túc để giải quyết 1 phần cung cấp cho toàn đơn vị . Ngoài ra ban chỉ huy C liên lạc cùng địa phương bàn bạc kế hoạch quản chúng nuôi dưỡng.

Đại đội nào nuôi đại đội địa phương đó .

Ta không nên ^{đặt} hình thức thụ thuế, mà tất cả mọi sự thụ góp trong nhân dân đều đúng hình thức vận động ủng hộ .

Ngoài ra để điều hòa việc cung cấp cho hợp lý, tỉnh cần cần có sự vận động ủng hộ chung của nhân dân các vùng bằng - hình thức UBND vận động ủng hộ giáo phái .

6)- Sự liên hệ của đội vũ trang tuyên truyền với nhân-

dân, Đảng bộ địa phương và chính quyền, quân đội đối phương.

a)- Đối với nhân dân:

-Cần phải giữ vững vị trí đấu tranh hợp pháp của quần chúng. Luôn luôn phải giáo dục người dân về các bản lập trường hết sức căm thù địch và có tinh thần đấu tranh với địch. Nhưng về phương pháp đấu tranh thì người dân phải bám chặt vào luật pháp chính quyền quốc gia.

Biết mình nhận chính quyền nó và bám vào đó để tranh thủ thể hợp pháp của mình, có lý lẽ hợp pháp để nuôi dưỡng quần bọn, che chở cho bộ đội vũ trang tuyên truyền.

Mặt khác bộ đội vũ trang tuyên truyền phải có danh nghĩa nghi trang khéo để quần chúng có lý vững vàng và không bị kẹt trong đấu tranh hợp pháp.

Phải nói cho đồng bào hiểu mục đích chính sách trị của đội vũ trang tuyên truyền là vì dân, vì Tổ quốc, chống Mỹ-Diệm giữ đất ruộng cho dân cày, lật đổ Mỹ-Diệm để giành hòa bình thống nhất, độc lập dân tộc V.V...

b)- Đối với Đảng bộ địa phương:

Hoạt động vũ trang tuyên truyền phải khéo léo để không làm bộc lộ cơ sở bí mật. Nguyên tắc sinh hoạt liên hệ với địa phương là tuyệt đối không tìm biết cơ sở cơ hại cho việc bảo mật cơ sở bí mật của Đảng.

Các đồng chí phụ trách VTTT chỉ biết 1 đồng chí chịu trách nhiệm liên hệ với mình.

Khi đơn vị đến hoạt động và an ở nơi nào thì huyện ủy - thông báo cho chi bộ biết cứ người trực tiếp bàn bạc nói việc để công tác được ăn khớp với nhau.

Chi bộ địa phương không được chạy theo công tác VTTT mà làm bộc lộ cơ sở bí mật mình. Khi muốn góp ý kiến và kiến thảo với đội VTTT thì chỉ đưa đồng chí có trách nhiệm liên lạc đến thảo luận với bộ phận trên.

Về việc hoạt động ra các vùng khác ngoài địa bàn thì phải

(7)

do thường vụ tỉnh có kế hoạch chỉ đạo, đội VTTT không nên hoạt động lung tung không có sự liên lạc với Đảng.

Kế hoạch của thường vụ tỉnh phải liên kết công tác giữa đội VTTT và công tác địa phương để có lợi cho việc cung cấp - củng cố cơ sở và không làm cho cán bộ địa phương bị học lõ.

c)- Đối với chính quyền tự vệ, đồn bắt dịch.

Đối với chính quyền, kể cả tự vệ xã của quốc gia - đội VTTT tự coi mình là bất hợp pháp, coi các tổ chức đó đều là của địch để có kế hoạch tự vệ cho mình và có cảnh giác đối với bọn đó. Nhưng phải tích cực tranh thủ đồng tình của họ - để giúp ta giữ được địa bàn hoạt động.

Đối với bộ đội địa phương, đồn bắt quốc gia lại còn cảnh giác cao độ hơn, nhưng cũng phải tìm mọi cách tranh thủ kêu gọi họ.

7)- CÁCH MỞ RỘNG ĐỊA BÀN:

Kuốn mở thêm địa bàn, tỉnh phải nghiên cứu tình hình cụ thể về mọi mặt để cân nhắc lợi hại và quyết định.

Ta có thể nhằm các căn cứ và vùng du kích cũ mà mở rộng địa bàn để đội VTTT có thể luôn phá, luôn vào được nhưng không nên đi xa quá không có cơ sở bị tiêu diệt.

8)- ĐỐI VỚI CÁC BỘ ĐỘI BẠN: (giáo phái vũ trang)

Cần có sự liên minh chặt chẽ với các bộ đội bạn.

Phải chia rõ phạm vi hoạt động của nhau, không để đụng chạm lẫn nhau.

9)- VỀ DANH NGHĨA:

Cần có danh nghĩa để nghi trang, việc này tùy địa phương xem xét nên dùng danh nghĩa cho có lợi.

(HẾT)

(Nguồn: Xứ ủy Nam Bộ. (1957b). *Đề án Hoạt động vũ trang tuyên truyền, số 5/57 loại TWC*, tài liệu lưu trữ tại phòng Khoa học Quân sự Quân khu 9)

**Phụ lục 5: Tư liệu về chính sách khủng bố của Mỹ - Diệt
trong những năm 1955 - 1960**

... “theo thống kê, dù là chưa đầy đủ, theo xác định cụ thể gần với thực tế của giới chức trách, thì trong khoảng thời gian khủng bố đó - tức từ năm 1955 đến năm 1960 - có ít nhất 24.000 người bị thương, 80.000 người bị hành quyết hoặc bị ám sát bằng cách khác, 275.000 người bị giam cầm, thẩm vấn với nhục hình, và khoảng 500.000 người bị tập trung trong những trại giam giữ. Đó là những con số được ước lượng một cách thận trọng”.

(It has been reckoned, and the figures although lacking any official confirmation are considered to be concretely reliable, that during this period of terror - that is from 1955 to 1960 - at least 24,000 were wounded, 80,000 people were executed or otherwise murdered, 275,000 had been detained, interrogated with or without physical torture, and about 500,000 were sent to concentration or detention camps. This is a conservative estimate).

(Nguồn: Avro Manhattan. (1984). *Vietnam - Why did we go?* (Việt Nam - Tại sao chúng ta đến đó), NXB. Chino, California, tr.89). Avro Manhattan là một nhà nghiên cứu người Mỹ (1914-1990).

Phụ lục 6: Một số hình ảnh, tư liệu về các hành động tàn bạo của chính quyền Ngô Đình Diệm và những hoạt động đấu tranh của quân và dân

Nam Bộ trong những năm 1957 - 1959



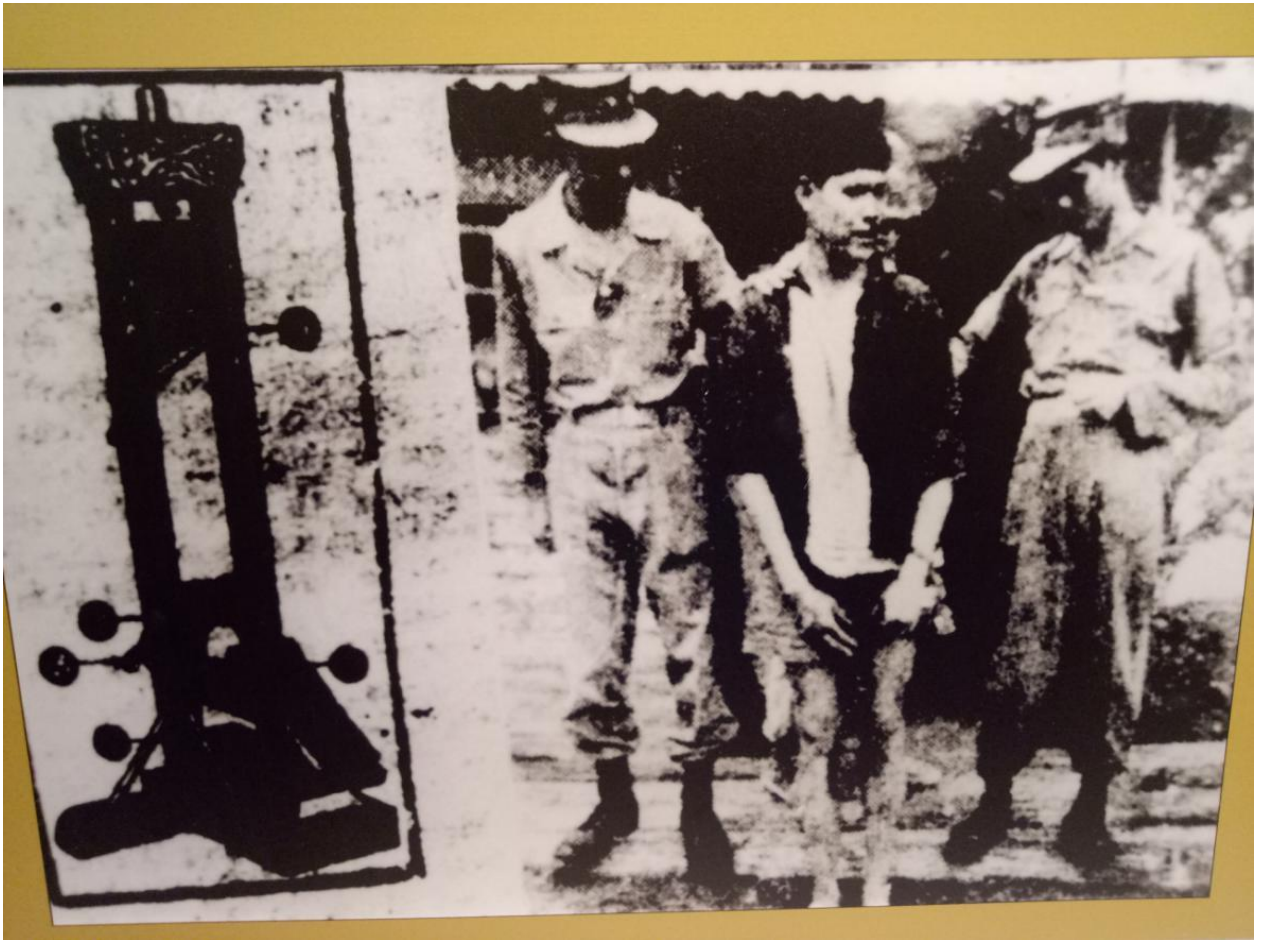
Bảng cổ động Luật 10/59 của chính quyền Ngô Đình Diệm

(Nguồn: Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh (TP. Hồ Chí Minh))



Máy chém (Guillotine) được chính quyền Ngô Đình Diệm sử dụng tại miền Nam để chém đầu nhân dân yêu nước

(Nguồn: Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh (TP. Hồ Chí Minh))



Anh Võ Song Nhơn, một chiến sĩ yêu nước trước lúc bị đưa lên máy chém

(Nguồn: Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh (TP. Hồ Chí Minh))



Lễ “Huyết thè của cán bộ sát Công”, một phần trong chiến dịch “tố Cộng” của chính quyền Ngô Đình Diệm nhằm đàn áp, khủng bố những người Việt Nam yêu nước

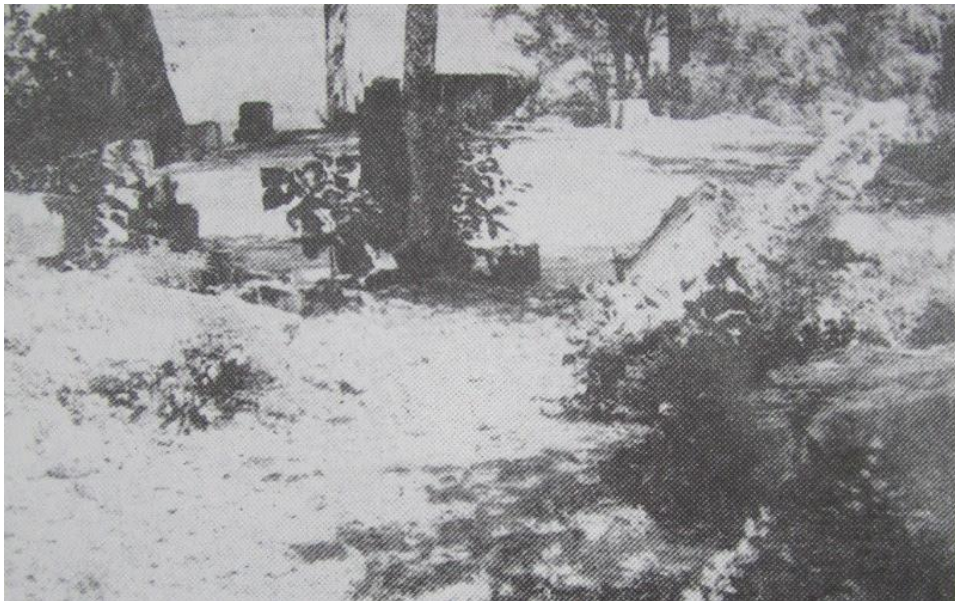
(Nguồn: Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh (TP. Hồ Chí Minh))



Các hành động tàn bạo của quân đội Sài

Gòn đối với nhân dân, cán bộ, chiến sĩ cách mạng: trấn nước, đánh đập, đốt nhà,
bắn người...

Hình cắt từ video: “Làng rừng - biểu tượng sức mạnh của quân dân Cà Mau
(Nguồn dẫn: <http://www.qpvn.vn/tin-video/lang-rung-bieu-tuong-suc-manh-cua-quan-dan-ca-mau.html>)



Năm 1957, Mỹ - Diệm xây dựng tháp Mười Tầng ở Gò Tháp, xã Mỹ Hòa, làm đài quan sát trung tâm Đồng Tháp Mười (ảnh trên) và phế tích tháp Mười Tầng bị phân đội đặc công tỉnh Kiến Phong đánh sập tháng 1 năm 1960



Quân lính Sài Gòn đàn áp, cướp bóc đã bị sức chống trả quyết liệt của nhân dân
(Bến Tre - 1959)



Đả đảo Luật 10/59 của nhân dân tỉnh Long An



Lực lượng vũ trang tỉnh Kiến Phong những ngày mới thành lập
với một số ít súng trường và mã tấu

(Nguồn: Nguyễn Minh Đường. (2001). *Khu VIII - Trung Nam Bộ kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*, NXB Chính trị quốc gia)



Bức tranh làng rừng (tranh sơn dầu) - Tác giả Thái Hà

(Nguồn dẫn: <http://www.camau.gov.vn/wps/portal/>)

Phụ lục 7: Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (mở rộng) về tăng cường đoàn kết, kiên quyết đấu tranh giữ vững hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà

(Trích mục II)

II. Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam ở miền Nam

Căn cứ vào các đặc điểm tình hình hiện nay và thái độ chính trị của các giai cấp ở miền Nam, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 đề ra nhiệm vụ cách mạng Việt Nam ở miền Nam như sau:

1. Nhiệm vụ cơ bản là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

2. Nhiệm vụ trước mắt là đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc và các quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống của nhân dân, giữ vững hoà bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, tích cực góp phần bảo vệ hoà bình ở Đông Nam Á và thế giới.

3. Phương hướng phát triển của cách mạng ở miền Nam

Vì chế độ miền Nam là một chế độ thực dân và nửa phong kiến cực kỳ phản động và tàn bạo, vì chính quyền miền Nam là chính quyền đế quốc và phong kiến độc tài, hiếu chiến, cho nên ngoài con đường cách mạng, nhân dân miền Nam không có con đường nào khác để tự giải phóng khỏi xiềng xích nô lệ. Chỉ có sự thắng lợi của cách mạng mới chấm dứt cảnh cùng khổ của nhân dân miền Nam, mới triệt để đánh bại mọi chính sách nô dịch, chia cắt và gây chiến của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ở miền Nam. Cách mạng Việt Nam ở miền Nam nói chung không thể đi ra ngoài quy luật chung của cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa

thuộc địa từ trước đến nay, cho nên con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Theo tình hình cụ thể và yêu cầu hiện nay của cách mạng thì con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền cách mạng của nhân dân. Đó là mục tiêu phấn đấu của nhân dân miền Nam hiện nay. Vì chế độ thống trị của Mỹ - Diệm dựa vào vũ lực để tồn tại, mà chúng ta thì phải dựa vào lực lượng quần chúng, lấy lực lượng quần chúng đánh đổ chúng, cho nên muốn đạt được mục tiêu đó, cần phải có một quá trình đấu tranh lâu dài và gian khổ, phải tích cực xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng cách mạng, thì mới có thể có điều kiện nắm lấy thời cơ thuận lợi và giành lấy thắng lợi cuối cùng.

Tuy vậy, cần thấy rằng cách mạng ở miền Nam vẫn có khả năng hoà bình phát triển, tức là khả năng dần dần cải biến tình thế, dần dần thay đổi cục diện chính trị ở miền Nam có lợi cho cách mạng. Khả năng đó hiện nay rất ít, song Đảng ta không gạt bỏ khả năng đó, mà cần ra sức tranh thủ khả năng đó. Nhưng đồng thời, vì Mỹ - Diệm quyết tâm bám lấy miền Nam, chúng không thể tự nguyện từ bỏ chính quyền, từ bỏ hành động bạo lực nhằm tiêu diệt cách mạng ở miền Nam và xâm lược miền Bắc, cho nên Đảng ta vẫn phải tích cực chuẩn bị về mọi mặt theo phương hướng căn bản là khởi nghĩa đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm.

Quá trình cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam hiện nay là quá trình xây dựng, củng cố và phát triển phong trào quần chúng đấu tranh về chính trị, kinh tế, văn hoá và bảo đảm cho phong trào đi đúng đường lối của Đảng, tiến từ những hình thức thấp, từ đẩy lùi chính quyền địch từng bước đến những hình thức cao với những chuyển biến làm lay chuyển tận gốc chính quyền đó, và cuối cùng phát động quần chúng khởi nghĩa đánh đổ chế độ Mỹ - Diệm, khi có thời cơ thuận lợi ở trong nước và trên thế giới. Cuộc khởi nghĩa ấy đổ máu nhiều hay ít là tùy ở mức độ chống trả của địch đối với cách mạng, tùy ở lực lượng so sánh giữa ta và địch. Quá trình đó là quá trình đấu tranh gay go, gian khổ, phức tạp giữa ta

và dịch để thực hiện những nguyện vọng hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và cải thiện đời sống của nhân dân miền Nam. Trong quá trình đó, cần kết hợp sử dụng những hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và không hợp pháp, cần phối hợp chặt chẽ phong trào ở đô thị với phong trào ở nông thôn và vùng căn cứ.

Trong quá trình đấu tranh lâu dài, gay go, gian khổ, phức tạp đó, hình thức đấu tranh chính trị là chủ yếu. Song do quân thù quyết định cách mạng trong máu lửa, do nhu cầu của phong trào cách mạng ở miền Nam, cho nên trong một chừng mực nhất định và ở những địa bàn nhất định, đã xuất hiện những lực lượng vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền để trợ lực cho đấu tranh chính trị. Đó là một điều cần thiết. Tuy nhiên, khi sử dụng lực lượng vũ trang tự vệ và vũ trang tuyên truyền, cần phải thấu suốt nguyên tắc phục vụ cho đấu tranh chính trị, và phục tùng lợi ích của đấu tranh chính trị, phải làm cho cán bộ và nhân dân nắm vững khẩu hiệu chính trị, nắm vững công tác động viên và tổ chức lực lượng chính trị của quần chúng làm cơ bản. Trừ gian phải phục vụ lợi ích của đấu tranh chính trị, và phải phục tùng lợi ích của phong trào, phải làm có trọng điểm và hết sức thận trọng, phải hết sức che giấu lực lượng và giữ gìn cơ sở. Phải kiên quyết khắc phục thiên hướng lấy khủng bố cá nhân thay cho đấu tranh của quần chúng.

Trong quá trình tiến hành đấu tranh cách mạng chống Mỹ - Diệm, cũng có thể nảy ra những hình thức quá độ nhằm phục vụ cho đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, như đặt quan hệ kinh tế, văn hoá, đi lại, v.v. giữa hai miền Nam - Bắc mà Cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã đề ra. Chúng ta cần tranh thủ và triệt để sử dụng các hình thức ấy để đưa cách mạng tiến lên, thực hiện thống nhất trên cơ sở độc lập và dân chủ. Tình hình cũng có thể diễn biến phức tạp khi phong trào cách mạng đã đánh đổ chính quyền Mỹ - Diệm. Để tránh bớt những khó khăn không cần thiết cho cách mạng, triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong phe đế quốc, phân hoá hàng ngũ kẻ thù và cô lập cao độ đế quốc Mỹ, thì trên bước đường tiến lên của cách mạng việc thành lập một chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ rộng rãi bao gồm đại biểu các giai cấp và tầng lớp chống Mỹ - Diệm là cần thiết. Nhưng điều căn bản là Đảng phải giữ vững vai trò lãnh đạo và nắm chặt cơ sở quần chúng.

Các chính sách nội trị và ngoại giao của chính quyền đó cần một mặt nhằm đưa cách mạng tiến lên, mặt khác phải nhằm triệt để cô lập đế quốc Mỹ và tay sai.

Nhưng đế quốc Mỹ là đế quốc hiếu chiến nhất, cho nên trong những điều kiện nào đó, cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ. Trong tình hình đó, cuộc đấu tranh sẽ chuyển sang một cục diện mới: đó là chiến tranh trường kỳ giữa ta và địch, và thắng lợi cuối cùng nhất định về ta. Trong khi lãnh đạo, Đảng ta phải thấy trước khả năng ấy để chuẩn bị chu đáo và chủ động đối phó trong mọi tình thế.

Để đảm bảo cho cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam thành công, sự lãnh đạo của một đảng Mác-Lênin vững mạnh là một nhân tố quyết định. Không ngừng củng cố và phát triển Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường mối quan hệ khăng khít giữa Đảng và quần chúng, đó là vấn đề chủ yếu có tính chất quyết định cho sự thắng lợi của cách mạng. Đảng phải đẩy mạnh công tác dân vận, tiến tới thành lập một Mặt trận dân tộc thống nhất chống Mỹ - Diệm thật rộng rãi lấy liên minh công nông làm cơ sở, bao gồm tất cả những lực lượng yêu nước ở miền Nam, tranh thủ mọi người có thể tranh thủ được, ngay cả những phần tử có khuynh hướng chống Mỹ - Diệm trong chính quyền của đối phương. Đảng phải xúc tiến đặc biệt công tác binh vận, kiên trì, bí mật và khéo léo đi sâu tranh thủ cho được đa số binh lính đồng tình với cách mạng, tiến tới xây dựng khối công nông binh liên hiệp.

Về mặt sách lược, trong tình hình phức tạp của cách mạng ở miền Nam, Đảng phải theo dõi sát phong trào, nắm vững tình hình, đánh giá đúng lực lượng so sánh giữa ta và địch, dự đoán đúng chuyển biến của phong trào, để định hình thức đấu tranh và hình thức tổ chức cho thích hợp và kịp thời. Phải biết triệt để lợi dụng mâu thuẫn nội bộ của chế độ Mỹ - Diệm, luôn luôn chủ động và tranh thủ thêm bạn, bớt thù, làm cho hàng ngũ cách mạng ngày càng lớn mạnh, thế lực của địch ngày càng suy yếu và bị động.

Trong công tác, phải làm cho tổ chức của Đảng không ngừng ăn sâu trong quần chúng, bám chặt vào quảng đại quần chúng; nắm vững các phương châm khéo công tác, khéo che giấu lực lượng, bảo tồn cơ sở và tích trữ lực lượng để có thể đấu tranh lâu dài và giành thắng lợi cuối cùng, càng đấu tranh càng mở rộng cơ sở và mở rộng phong trào, chứ không thể làm tiêu hao lực lượng và bó hẹp phong trào, phải khéo kết hợp các hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và không hợp pháp; tùy nơi tùy lúc phải biết khéo kết hợp các khẩu hiệu kinh tế, văn hoá với khẩu hiệu chính trị; khéo kết hợp các hình thức đấu tranh chính trị với vũ trang tuyên truyền, vũ trang tự vệ; phải phối hợp chặt chẽ phong trào ở thành thị, ở nông thôn và vùng căn cứ, phong trào ở miền Nam và ở miền Bắc, phong trào trong nước với phong trào cách mạng thế giới. Việc nắm lấy thời cơ cách mạng là vấn đề rất quan trọng cho sự thành công của cách mạng, nắm không kịp thời cơ hoặc đi quá sớm cũng đều đưa đến tổn thất cho cách mạng. Để có thể sử dụng được thời cơ, vấn đề căn bản là phải tích cực xây dựng cơ sở, bảo tồn cơ sở, tích trữ lực lượng, phát triển phong trào và cô lập kẻ địch.

Trong các công tác và phương châm nói trên, cần phải nắm vững mấy công tác chính là: không ngừng củng cố và phát triển Đảng, đẩy mạnh công tác dân vận, không ngừng củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, xúc tiến đặc biệt công tác binh vận.

(Nguồn: Đảng Cộng sản Việt Nam. (2002). *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 20. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia, tr.57-92)

Phụ lục 8: Luật 10/59 của Việt Nam Cộng hòa

Luật số 10/59 ngày mồng 6 tháng năm năm 1959 “Trừng phạt sự phá hoại, sự xâm phạm an ninh quốc gia, sự xâm phạm sanh mạng hay tài sản của nhân dân và thiết lập Tòa án quân sự đặc biệt”.

Quốc hội đã thảo luận và biểu quyết.

Tổng thống ban hành Luật số 10/59 ngày mồng 6 tháng năm năm 1959, trừng phạt sự phá hoại, sự xâm phạm an ninh quốc gia, sự xâm phạm sanh mạng hay tài sản của nhân dân và thiết lập tòa án quân sự đặc biệt, nguyên văn như sau:

LUẬT AN NINH

Phần thứ nhất

Những tội phạm phá hoại, xâm phạm an ninh Quốc gia, xâm phạm sanh mạng hay tài sản nhân dân

Điều 1. - Sẽ bị phạt tử hình và tịch thu toàn thể hay một phần tài sản, và nếu là quân nhân thì còn bị tước binh quyền, kẻ nào đã hoặc toan phạm các tội sau đây với mục đích phá hoại, hoặc xâm phạm an ninh quốc gia, hoặc xâm phạm sanh mạng hay tài sản nhân dân:

1. Cố sát, đầu độc, hay bắt cóc,
2. Phá hủy hay làm cho vô dụng toàn thể hoặc một phần bằng chất nổ bằng cách đốt cháy hay bằng mọi cách nào khác:
 - a. những nhà ở hay dùng để ở, dù có người ở hay không, nhà thờ, đền chùa, miếu vũ, những kho, xưởng, trại, và mọi kiến trúc phụ thuộc của tư nhân;
 - b. những công ốc, công thự, công sở, công xưởng, kho chứa và nói chung tất cả các kiến trúc các loại thuộc về của công nhà nước và những tài sản, động sản, hay bất động sản nào khác thuộc về của công nhà nước hay do nhà nước kiểm soát, hay đặt dưới chế độ đặc nhượng hay công quản;

- c. những thứ tàu đi trên không, trên bộ, dưới nước, các thứ xe;
- d. các hầm mỏ, máy móc, dụng cụ đặt nơi hầm mỏ;
- e. các khí giới, dụng cụ, vật liệu quân sự, các đồn bót, nha, sở, kho xưởng và kiến trúc đủ các loại thuộc về quốc phòng hay cảnh bị;
- g. những mùa màng, hoa màu, những nông súc và nông cơ, những rừng rú đủ các loại;
- h. những hệ thống viễn thông, bưu điện, đài phát thanh, những hệ thống sản xuất và phân phối điện nước, và những nhà hoặc kiến trúc hay dụng cụ thuộc về việc khai thác các hệ thống kể trên;
- i. những đê điều, đập nước, đường giao thông, đường sắt, phi trường, hải cảng, cầu cống hay kiến trúc kỹ thuật về cầu cống hay các đường nói trên;
- k. các sông lớn, sông con mà thuyền bè đi lại được, sông đào.

Điều 2. - Sẽ bị phạt khổ sai chung thân và tịch thu toàn thể hay một phần tài sản, và nếu là quân nhân còn bị tước binh quyền, kẻ nào với mục đích phá hoại, hoặc xâm phạm an ninh quốc gia, hoặc xâm phạm sanh mạng hay tài sản nhân dân, đã hay toan phạm những tội sau đây:

1. cướp, hoặc có khí giới, hoặc từ 2 người trở lên;
2. làm gián đoạn sự giao thông trên đường bộ, hay đường thủy bằng cách khủng bố, hăm dọa bằng vũ khí, hay bằng mọi cách khác;
3. hăm dọa trực tiếp hay gián tiếp về các vụ việc sau đây: ám sát, đốt nhà cửa mùa màng, bắt cóc;
4. phá phiên chợ hay ngăn cản không cho nhóm chợ;
5. phá hủy hay có hành vi phá hoại không được ghi ở những điều khoản trên.

Điều 3. - Sẽ bị những hình phạt dự liệu trong Điều 1 hay Điều 2 kể trên, những kẻ nào gia nhập một tổ chức hoặc giao kết với nhau, để giúp đỡ sự chuẩn bị hoặc

sự thực hành những tội phạm được quy định ở 2 điều này.

Điều 4. - Các chánh phạm, đồng phạm và chủ mưu thuộc thẩm quyền Tòa án Quân sự Đặc biệt như sẽ quy định ở phần thứ hai luật này không được hưởng trường hợp giảm khinh.

Điều 5. - Sẽ được miễn những hình phạt, hay được giảm khinh về những tội thuộc thẩm quyền Tòa án Quân sự Đặc biệt, kẻ nào mà trước khi các tội ấy được thực hành hay toan thực hành và khi chưa có sự truy tố nào, đã báo tin đầu tiên cho Chánh phủ hay nhà chức trách quân sự, hành chánh, hay tư pháp biết, hoặc là khi đã có sự truy tố rồi mà giúp đỡ cho bắt được những kẻ phạm tội hay tòng phạm.

Tuy nhiên, những can phạm được miễn hình phạt có thể bị xử phạt quản thúc hay biệt xứ trong một thời gian do Tòa định.

Phần thứ hai

Tổ chức các Tòa án Quân sự Đặc biệt

Điều 6. - Nay thiết lập ba Tòa án Quân sự Đặc biệt đặt trụ sở ở Sài Gòn, Ban Mê Thuột, và Huế.

Quản hạt Tòa án Quân sự Đặc biệt Sài Gòn là các tỉnh Nam phần. Quản hạt Tòa án Quân sự Đặc biệt Ban Mê Thuột là các tỉnh Cao nguyên Trung phần. Quản hạt Tòa án Quân sự Đặc biệt Huế là các tỉnh Trung nguyên Trung phần.

Tùy theo nhu cầu có thể thiết lập thêm những Tòa án Quân sự Đặc biệt khác do Sắc lệnh và sự phân chia quản hạt giữa những Tòa án mới và Tòa án cũ cũng sẽ do Sắc lệnh ấn định.

Sự sửa đổi quản hạt sau này sẽ do Sắc lệnh ấn định.

Các Tòa án Quân sự Đặc biệt sẽ đặt trụ sở tại trụ sở Tòa Thượng thẩm, Sơ thẩm hay Hòa giải Rộng quyền nếu không có trụ sở riêng biệt, và sẽ xét xử tại đó hay xét xử lưu động ngoài trụ sở nếu cần.

Điều 7. - Thành phần của mỗi Tòa án Quân sự Đặc biệt gồm có:

- Một sĩ quan từ cấp tá trở lên, có bằng luật khoa cử nhân, *Chánh thẩm*.

- Đô trưởng, Thị trưởng, hay Tỉnh trưởng nơi Tòa nhóm họp hoặc đại diện, *Phụ thẩm*.

- Một sĩ quan từ cấp tá trở lên, *Phụ thẩm*.

Chánh thẩm hay Phụ thẩm sẽ do nghị định của Bộ trưởng Quốc phòng hay Bộ trưởng Phụ tá Quốc phòng bổ nhiệm.

Điều 8. - Một sĩ quan từ cấp tá trở lên giữ chức vụ Ủy viên Chánh phủ và một hay nhiều Phó Ủy viên Chánh phủ là sĩ quan cấp tá.

Các nhân viên sĩ quan trên đây đều do nghị định của Bộ trưởng Quốc phòng hay Bộ trưởng Phụ tá Quốc phòng cử ra mỗi sáu tháng. Khi thiếu cấp tá thì sẽ lấy xuống cấp úy nếu không có điều chi ngăn trở.

Mỗi khi cần thì cũng có thể cử ngay những sĩ quan thay thế theo thể thức trên.

Điều 9. - Phòng Lục sự sẽ do một Lục sự trưởng điều khiển với sự giúp việc của một số Lục sự, Thư ký Lục sự, và thư ký đánh máy.

Các nhân viên này sẽ được bổ nhiệm do nghị định của Bộ trưởng Quốc phòng hay Bộ trưởng Phụ tá Quốc phòng.

Điều 10. - Tất cả các nhân viên đều phải tuyên thệ trước Tòa Phá Án trước khi nhận việc. Sự tuyên thệ này là tuyên thệ viết.

Điều 11. - Thuộc thẩm quyền Tòa án Quân sự Đặc biệt:

1. Các vi phạm dự liệu trong các Điều 1, 2, và 3 Luật này bất luận bị can là thường nhân hay quân nhân.

2. Các tội gián điệp và phản nghịch ấn định bởi Dự số 47 ngày 21-8-1956.

3. Các tội lũng đoạn và phá hoại nền kinh tế và tài chánh quốc gia dự liệu bởi Dự số 61 ngày 3-10-1955.

4. Những tội có điều luật minh định thuộc thẩm quyền Tòa án Quân sự Đặc

biệt.

Điều 12. - Khi một việc thuộc thẩm quyền Tòa án Quân sự Đặc biệt thì Bộ trưởng Quốc phòng hay Bộ trưởng Phụ tá Quốc phòng ra lệnh có viện dẫn lý do để truyền đưa thẳng bị can ra xét xử, không cần mở cuộc thẩm cứu.

Điều 13. - Ủy viên Chánh phủ đọc bản cáo trạng về thẩm quyền của Tòa án và mọi chi tiết của tội trạng.

Điều 14. - Ủy viên Chánh phủ Tòa án Quân sự Đặc biệt trong công việc truy tầm các vụ phạm pháp thuộc thẩm quyền Tòa án này, được quyền sử dụng tất cả các nhân viên công lực.

Điều 15. - Tòa án Quân sự Đặc biệt sẽ nhóm họp để xét xử trong thời hạn là ba ngày sau khi nhận được lệnh của Bộ trưởng Quốc phòng hay Bộ trưởng Phụ tá Quốc phòng nói ở Điều 12. Trát trực tố ra hầu phiên Tòa của Ủy viên Chánh phủ sẽ tổng đạt cho bị can 24 giờ trước phiên xử.

Điều 16. - Bị can có quyền nhờ luật sư biện hộ. Nếu bị can không có luật sư, Ủy viên Chánh phủ hay Chánh thẩm phải triệu dụng một luật sư biện hộ cho bị can.

Điều 17. - Tòa án Quân sự Đặc biệt xử chung thẩm và án vẫn không được thượng tố lên Tòa Phá Án.

Điều 18. - Án vẫn do Tòa án Quân sự Đặc biệt tuyên xử sẽ đem thi hành theo thể thức được ấn định trong các Điều 93 đến 98 Bộ Quân luật.

Điều 19. - Trong trường hợp xử tử hình, án vẫn chỉ được thi hành sau khi đơn xin ân xá bị bác bỏ.

Điều 20. - Nếu cần, một sắc lệnh sẽ ấn định thể thức thi hành Luật này.

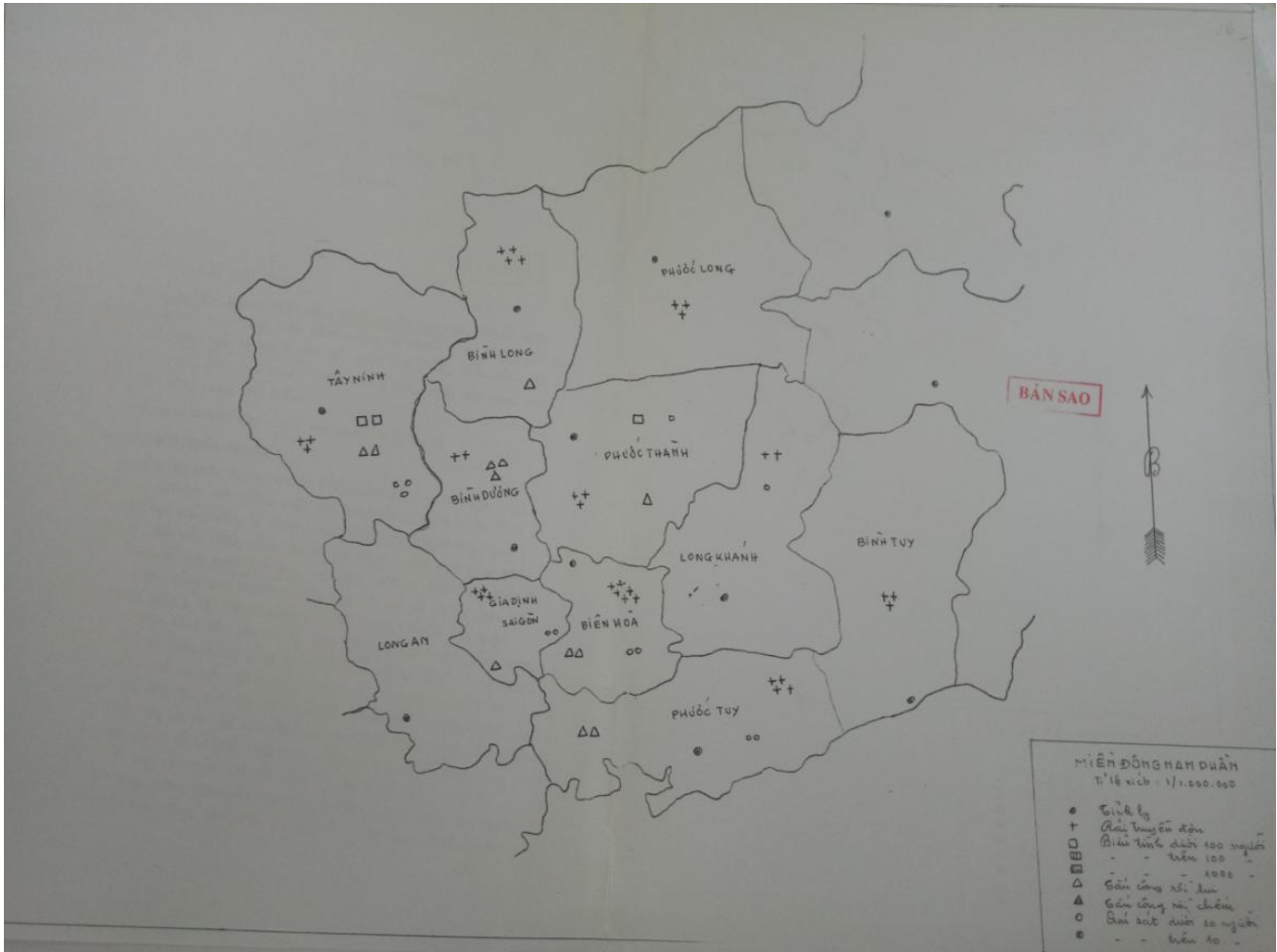
Điều 21. - Các điều khoản trái với Luật này đều bị bãi bỏ. Luật này sẽ đăng vào Công báo Việt Nam Cộng hòa.

Sài Gòn ngày 6-5-1959

Ký tên: Ngô Đình Diệm

(Nguồn: Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Hồ sơ ấn định Luật trừng phạt sự phá hoại, xâm phạm an ninh Quốc gia, xâm phạm sinh mạng hay tài sản của nhân dân và thiết lập Tòa án Quân sự Đặc biệt năm 1956 - 1959*. Hồ sơ số: 6024. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM)

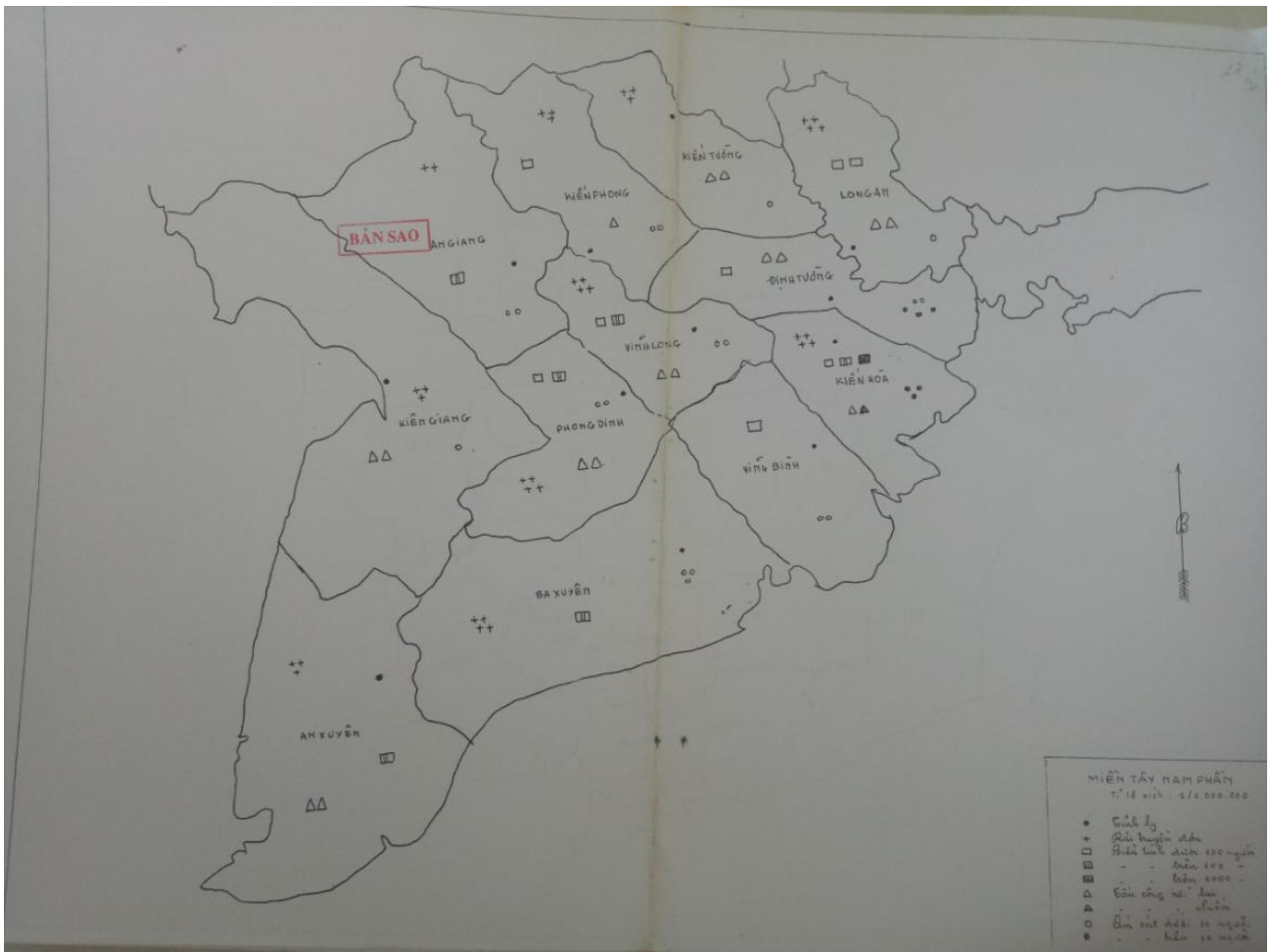
**Phụ lục 9: Các hoạt động tiến công của lực lượng cách mạng ở Nam Bộ
theo mô tả của chính quyền Sài Gòn ở miền Đông Nam Bộ, Trung Nam Bộ
và Tây Nam Bộ**



Sơ đồ hoạt động của Việt Cộng tại miền Đông Nam phần

(Nguồn: Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954 - 1963). *Phúc trình, Công văn của Nha TGD Thông tin về các hoạt động của Việt Cộng năm 1960*. Hồ sơ số:

6524. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM)



Sơ đồ hoạt động của Việt Cộng tại miền Tây Nam phần

(Nguồn: Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954 - 1963). *Phúc trình, Công văn của Nha TGD Thông tin về các hoạt động của Việt Cộng năm 1960*. Hồ sơ số:

6524. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP. HCM)

Phụ lục 10: Hoạt động của Việt Cộng trong những năm 1957 - 1959

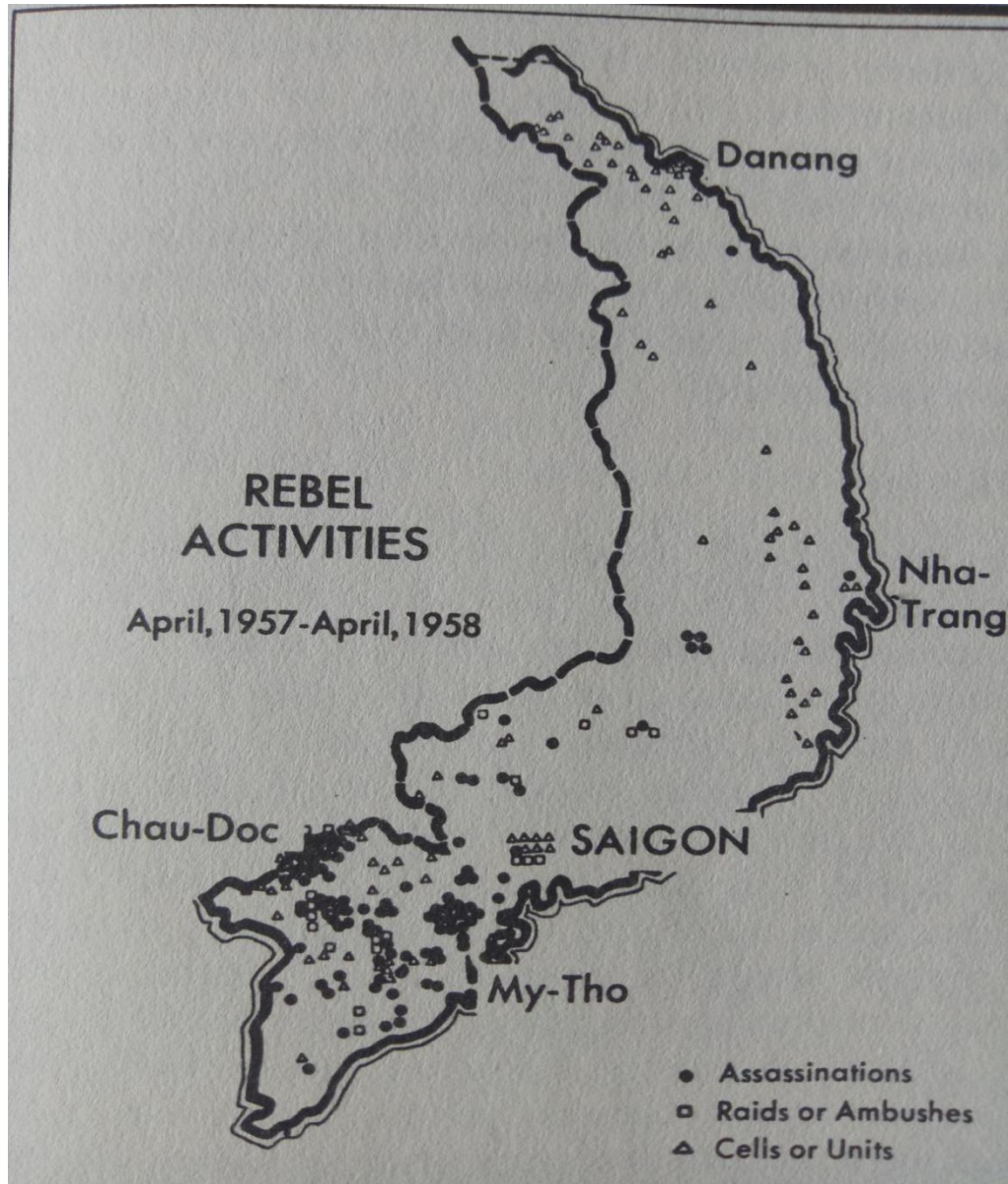
(Theo mô tả của các nhà nghiên cứu nước ngoài)



Hoạt động của Việt Cộng trong những năm 1957 - 1959

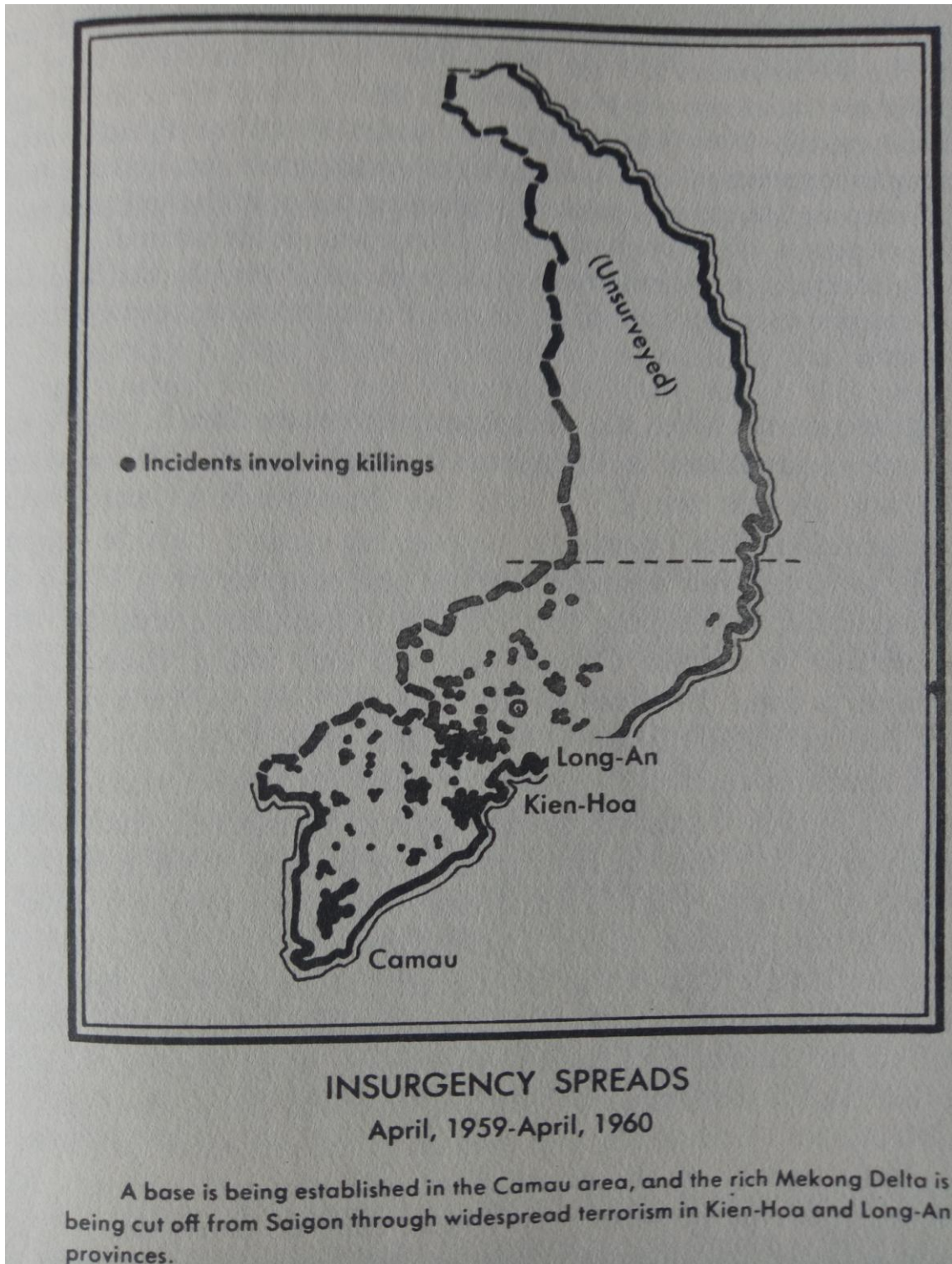
(Nguồn: Ronald H. Spector. (1985). *Advice and Support*, The Free Press Pub, New York, pp. 314)

**Phụ lục 11: Những hoạt động chống đối chính quyền Ngô Đình Diệm
từ tháng 4/1957 đến tháng 4/1958 và từ tháng 4/1959 đến tháng 4/1960
ở Nam Bộ**



Những hoạt động chống đối chính quyền Ngô Đình Diệm
từ tháng 4/1957 đến tháng 4/1958 ở Nam Bộ

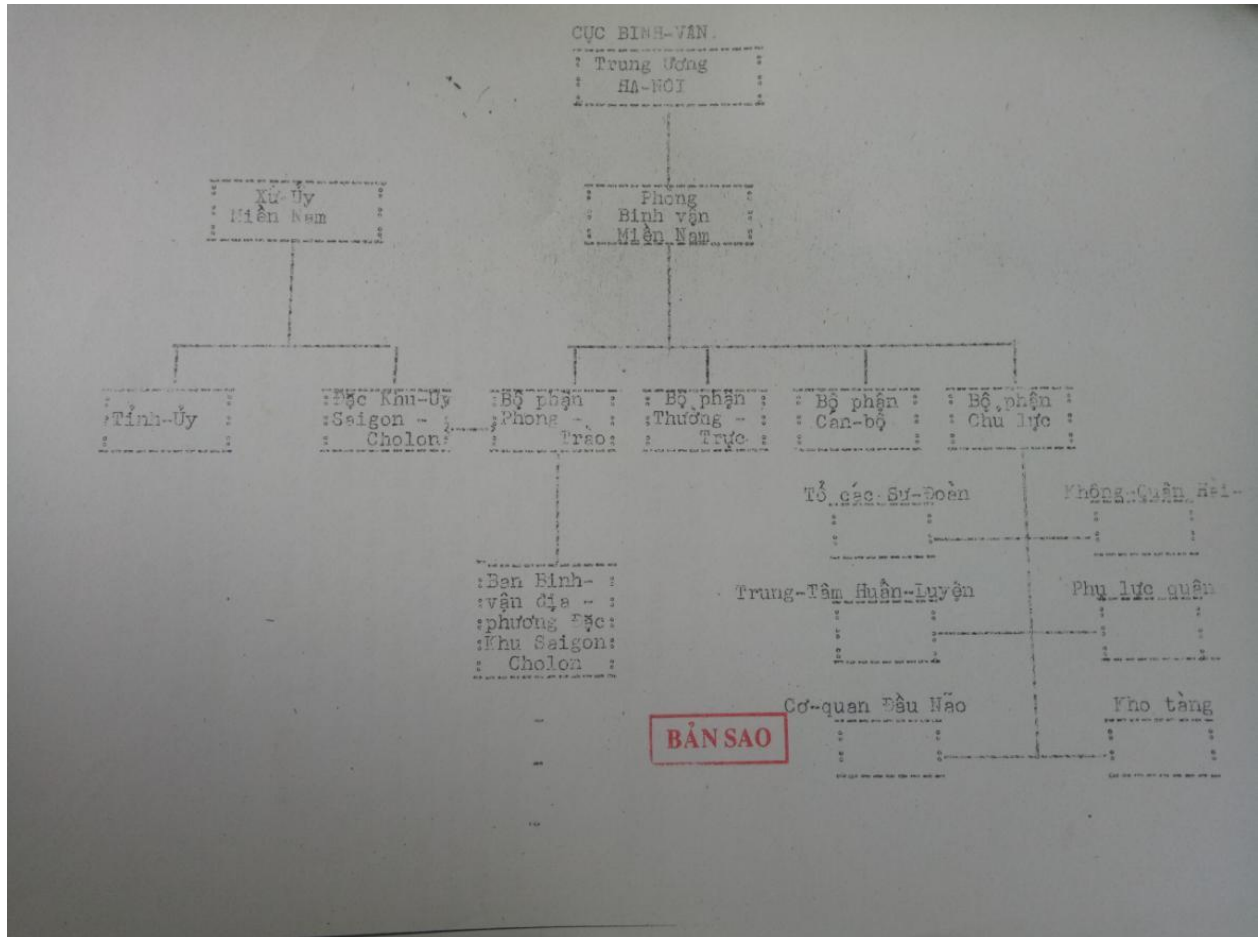
(Nguồn: Bernard B. Fall. (1984). *The Two Viet-Nams: A Political and Military Analysis*, Westview Press. pp.317)



Sự nổi dậy lan rộng từ tháng 4/1959 đến tháng 4/1960

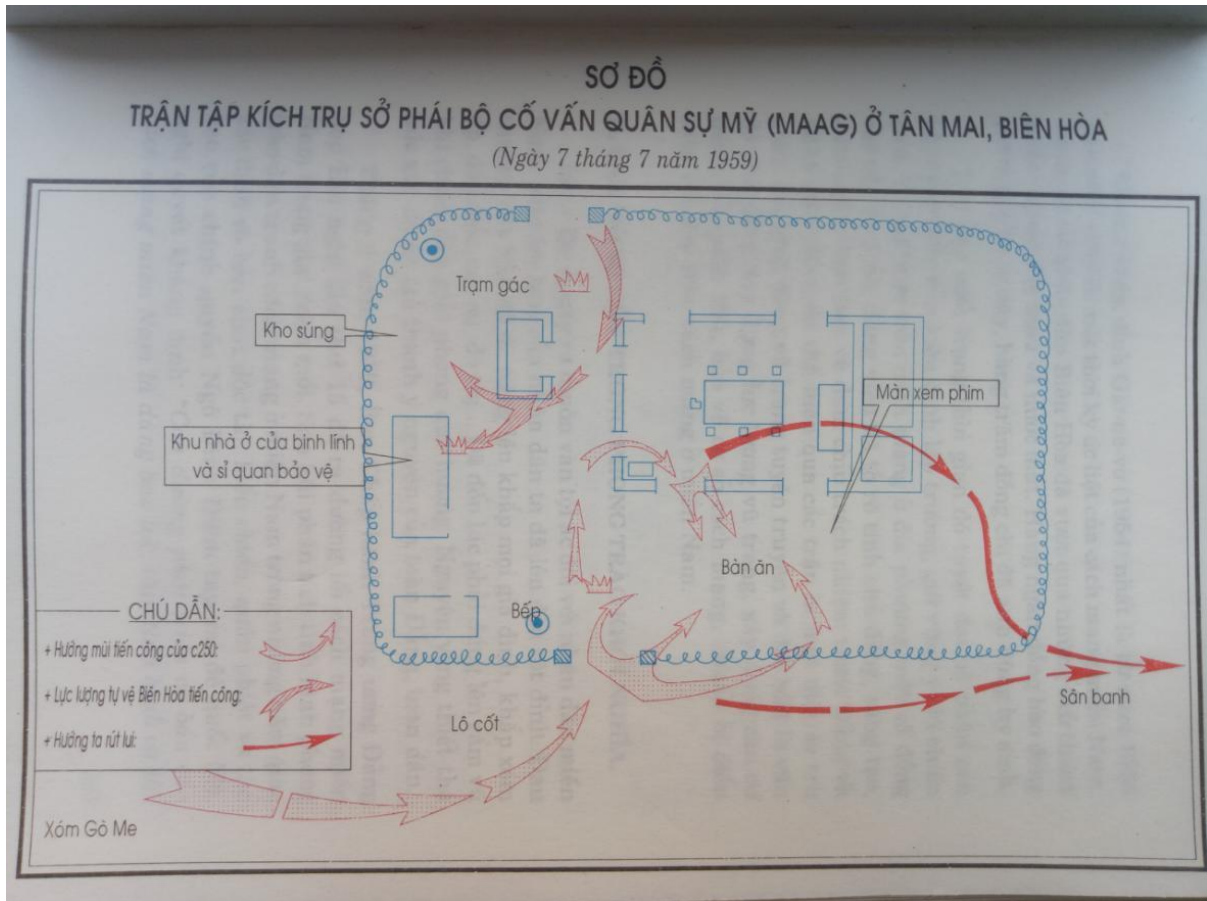
(Nguồn: Bernard B. Fall. (1984). *The Two Viet-Nams: A Political and Military Analysis*, Westview Press. pp.341)

Phụ lục 12: Sơ đồ tổ chức hoạt động binh vận của cách mạng theo mô tả của chính quyền Sài Gòn



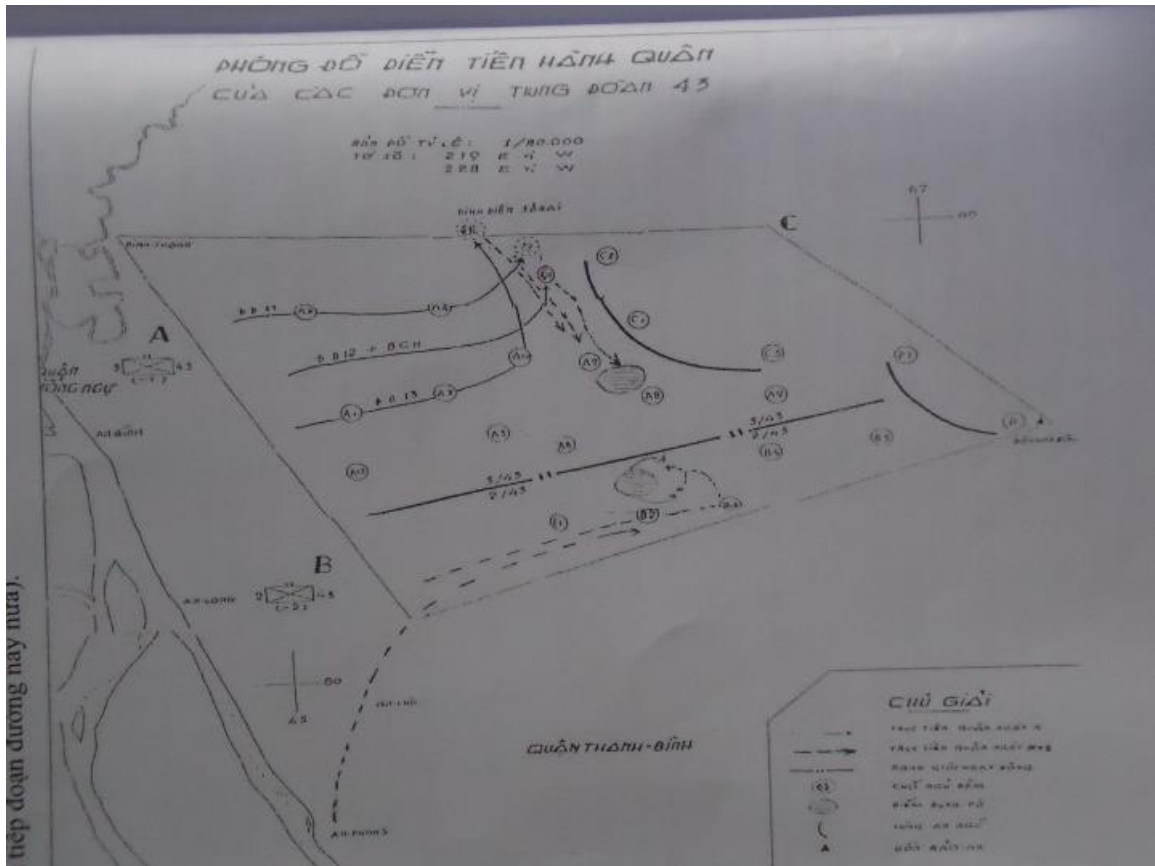
(Nguồn: Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tài liệu khai cung, khai thác của Phòng II Bộ TTM về tổ chức và hoạt động binh vận của Việt Cộng năm 1959*, Hồ sơ số: 5709. Đề mục: *Kế hoạch binh vận Việt Cộng và phương pháp chống binh vận của ta*” ngày 20/3/1959. Tài liệu lưu trữ tại TTLTQG II TP.HCM)

Phụ lục 13: Một số hình ảnh tư liệu về hoạt động đấu tranh cách mạng ở một số địa phương tiêu biểu của Nam Bộ trong những năm 1959 - 1960



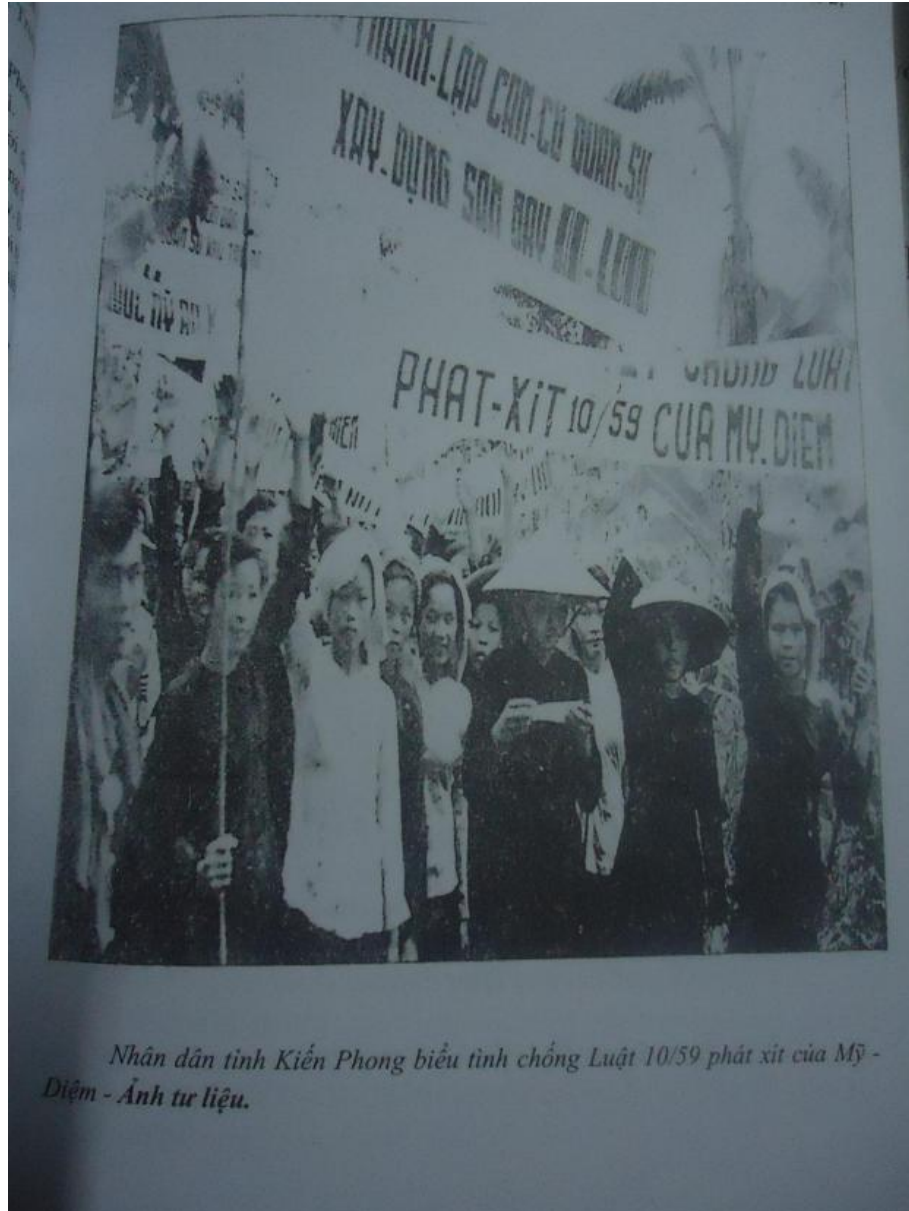
Sơ đồ trận tập kích trụ sở Phái bộ Cố vấn Quân sự Mỹ (MAAG) ở Tân Mai, Biên Hòa, ngày 7/7/1959

(Nguồn: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Nai. (1999). *Lịch sử lực lượng vũ trang tỉnh Đồng Nai (1945 - 1995)*. Hà Nội: NXB Quân đội Nhân dân, tr.152)



Sơ đồ diễn tiến cuộc hành quân của quân đội Sài Gòn ở Giồng Thị Đam - Gò
Quản Cung ngày 25-26/9/1959 (theo tài liệu của chính quyền Sài Gòn)

(Nguồn: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp. (1997). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (1954 - 1975)*, tập 3, Sơ thảo, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp và NXB Đồng Tháp, tr.44)



Nhân dân tỉnh Kiến Phong biểu tình chống Luật 10/59 phát xít của Mỹ - Diệm - Ảnh tư liệu.

Nhân dân tỉnh Kiến Phong biểu tình chống Luật 10/59 phát xít của Mỹ - Diệm

(Nguồn: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp. (1997). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (1954 - 1975)*, tập 3, Sơ thảo, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp và NXB Đồng Tháp, tr.53)



Khu trù mật Mỹ Phước Tây 1959 (Định Tường – Tiền Giang)



Phong trào đấu tranh chính trị đòi Ngô Đình Diệm từ chức

(Định Tường - Tiền Giang)

(Nguồn: *Địa chí Tiền Giang*. (2005). Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xuất bản)



Đả đảo luật 10/59 ở Long An

(Nguồn: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Long An. (2005). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Long An (1930 - 2000)*. NXB Chính trị quốc gia, tr.576)



Đội

quân tóc dài ở Bến Tre chống Mỹ - Diệm

(Nguồn dẫn: Trâm Hương: *Huyền thoại Nữ tướng Nguyễn Thị Định*, <http://www.hoilhpn.org.vn/NewsDetail.asp?Catid=56&NewsId=6192&lang=VN>; truy cập ngày 15/7/2017)

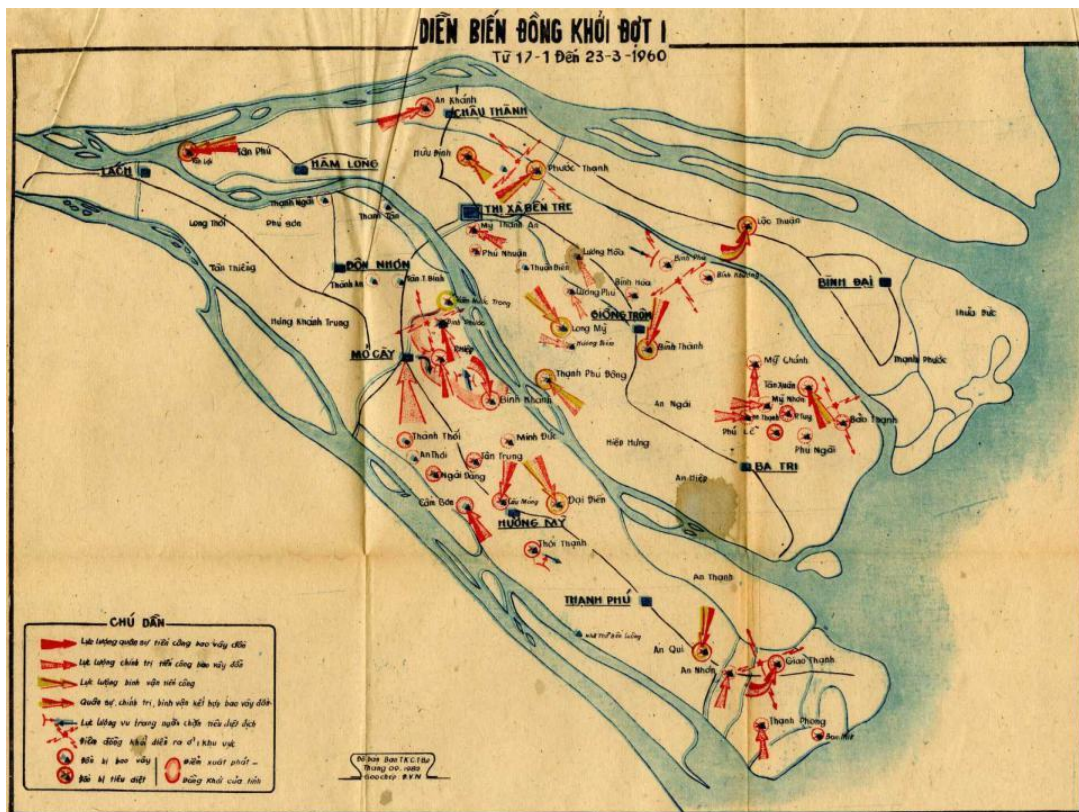


Nhân dân Bến Tre biểu tình chống chế độ Mỹ - Diệm

(Nguồn: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bến Tre. (1985). *Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Bến Tre*, lược sử, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bến Tre, tr.67)

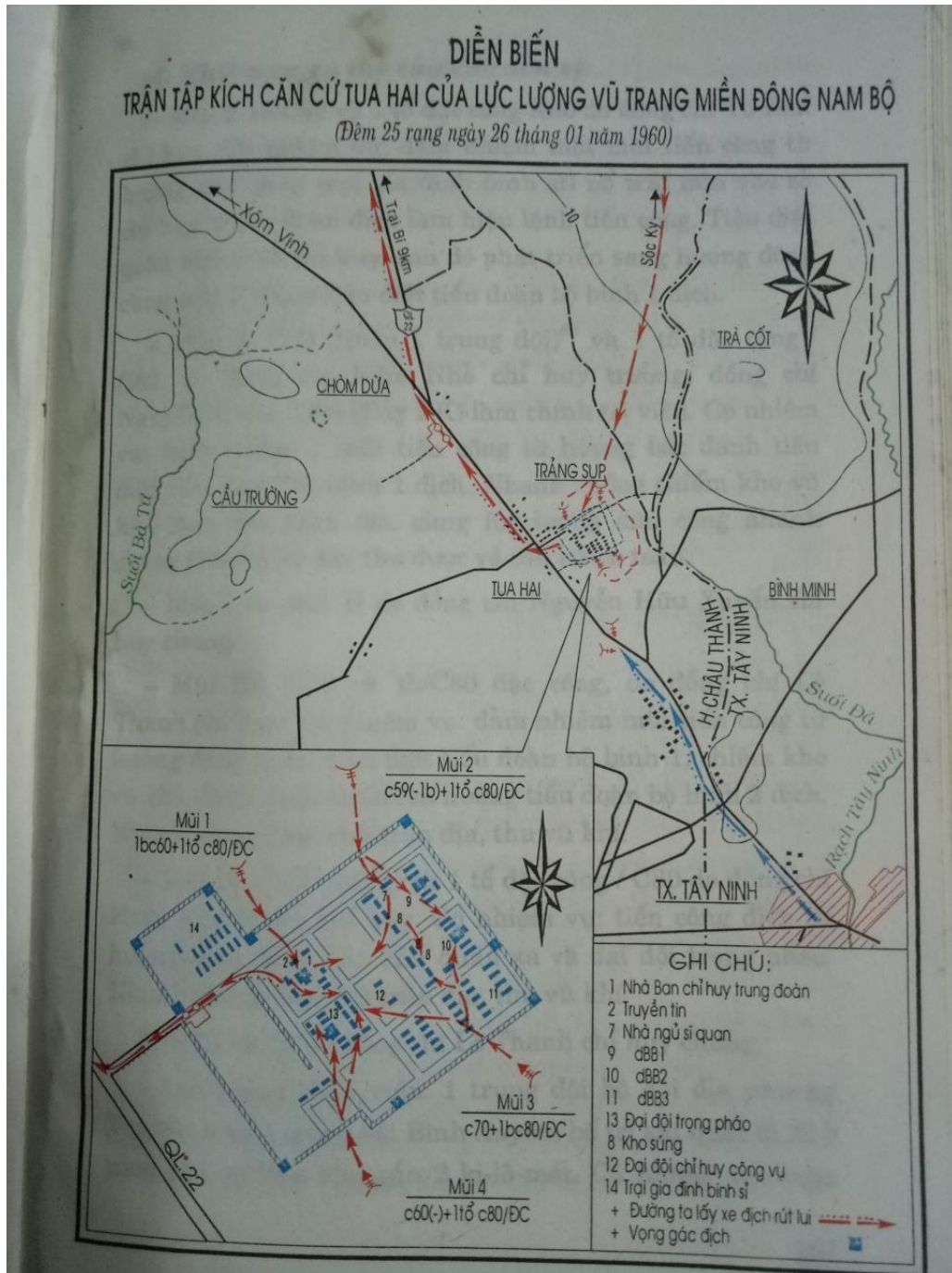


Quang cảnh Đồng Khởi Bến Tre ngày 17/1/1960



Diễn biến Đồng Khởi đợt 1 từ ngày 17/1 đến 23/3/1960 tại Bến Tre

(Nguồn: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bến Tre. (1985). *Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Bến Tre*, lược sử, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bến Tre, tr.68, 80)



Diễn biến trận tập kích Tua Hai của lực lượng vũ trang miền Đông Nam Bộ

(Nguồn: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tây Ninh & Bộ Tư lệnh Quân khu 7. (1999). *Chiến thắng Tua Hai và phong trào Đồng Khởi ở miền Đông Nam Bộ*, tài liệu hội thảo khoa học. Hà Nội: NXB Quân đội Nhân dân, tr.160)



Phong trào Đồng Khởi ở miền Nam (1959 - 1960)

(Nguồn: Bộ Tư lệnh Quân khu 9. (1998). *Quân khu 8 ba mươi năm kháng chiến (1945 - 1975)*. NXB Quân đội Nhân dân, tr.288)



Lễ thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam

(Nguồn: Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh (TP. Hồ Chí Minh))



Mít tinh mừng Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam ra đời

(Nguồn: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tiền Giang. (2011). *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tiền Giang (1954 - 1975)*, tập 2. NXB Chính trị quốc gia, tr.81)

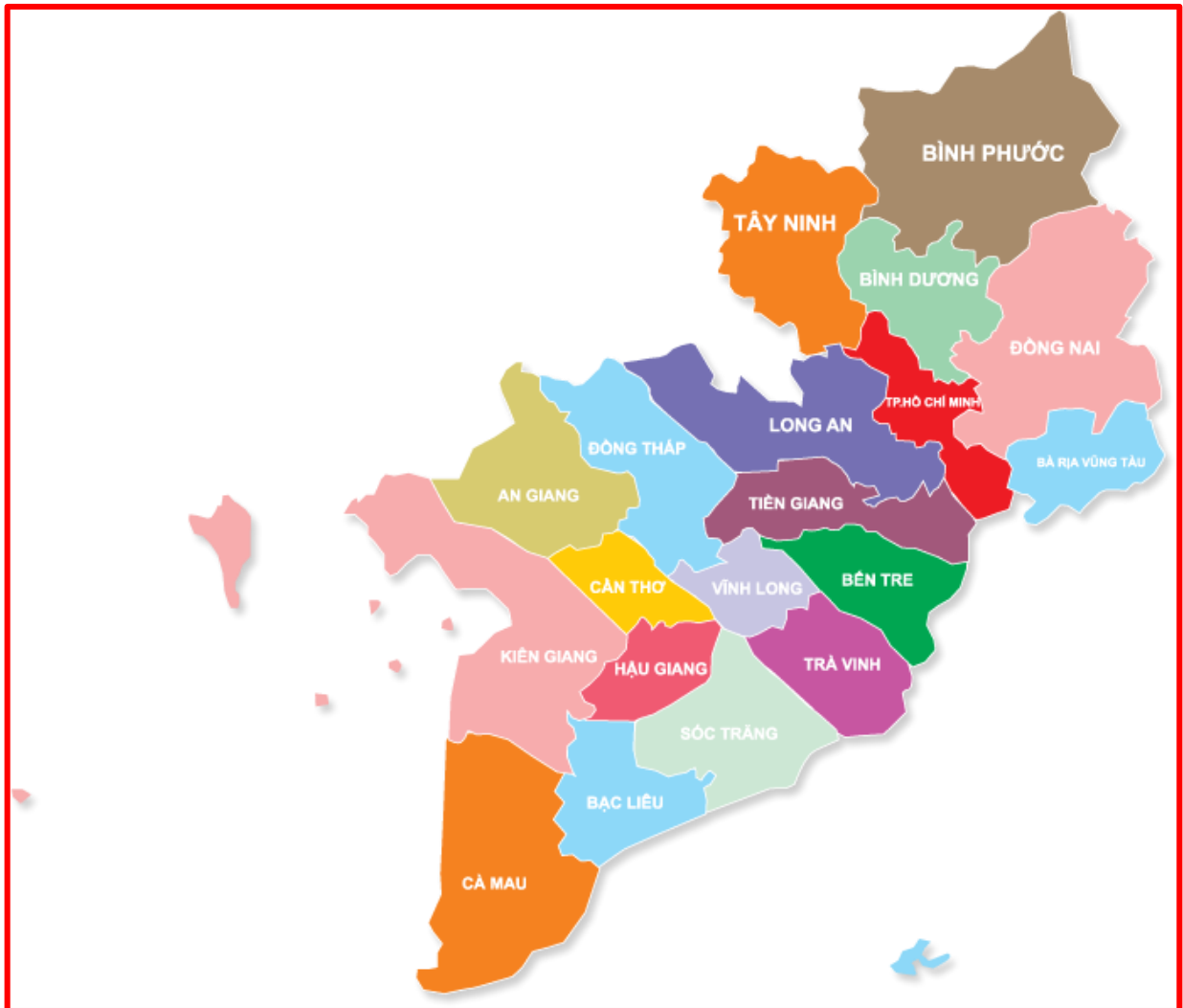
Phụ lục 14: Hình thái chiến trường Nam Bộ sau Đồng Khởi 1960



Hình thái chiến trường Nam Bộ sau Đồng Khởi 1960

(Nguồn: Quân khu 7. (2004). *Lịch sử Bộ Chỉ huy Miền (1961 - 1976)*.

Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia, tr.692)

Phụ lục 15: Lược đồ các tỉnh Nam Bộ hiện nay

(Nguồn dẫn: http://vnwin.vn/bandovietnam_nambo.html)